**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TOÁN 7 ( ĐẠI SỐ ) - THÁNG 9**

Tuần 1

Ngày soạn: 2/9/2024

Ngày dạy:

**Tiết 1+2 - BÀI 1: TẬP HỢP CÁC SỐ HỮU TỈ**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- HS nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.

- HS nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.

- HS nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.

- HS nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. So sánh được hai số hữu tỉ.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được khái niệm số hữu tỉ, biết biểu diễn số hữu tỉ trên trục số, so sánh được hai số hữu tỉ.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, con số có gắn nam châm lá, bìa cứng có các số.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS ôn lại các tập hợp số đã học.

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: GV chiếu silde hoặc viết lên bảng ba bài tập và yêu cầu học sinh thực hiện phép tính sau:

a) https://lh7-us.googleusercontent.com/h-lUs9Kv9BWGpbwr7Cct6SpU58SFaSgSohHIlFsmQMrqAn7Vdishd5DRGpZF6kRDmMq6as_QvYghZ4W8IVVbCuohXBOuq6S7PAROPxo2fQqLB2wSflaTxLfdDdhKfhC8H_BW3WwPkVe5o3kpJcCbLA b) https://lh7-us.googleusercontent.com/Rqi_XCQkEAnRjvFuX0gGON3yVn8wzP4kqkgSbl7IQsh0r5qx576YjpuxTpnGpx-ZFdguJDzCQ8mbyCN3TOXDN7bPveUrzJw76JKxnJ45M8V_pHVJ7IFighsRhMvpmvvaXzOPN0Zk6CYJJf0fG9WCnw c) https://lh7-us.googleusercontent.com/-yAGWYcpQeH8wxnDTGSo_JCuhZhN-JAkAV1T8PWR1mSGFMsD8F9W_FQcW1yHghVH_TJOs-VBUw9rHGIABPTlV9eRQy065yDFdhYzXjkfU9Ti_cIZtZGcqGgpV77GjQywPVCMshWErLgC7MDFz3U0dw

Lời giải

a) https://lh7-us.googleusercontent.com/3mEaarjOvbCgEjrEujxoUJtv2uUI1WDPlRF20fKpJSdseRyxlDcgmRh_SpEmaKOCCizLfiROyJoVUYpbviXscAeYBDh7xAgey9fvfVSP4HD-iT-pewQrAJFKq0CYeuwk6AooAqSswf5GC_s9ivmVgA b) https://lh7-us.googleusercontent.com/3ARsYeT7EHrzevwk1o-vS_yg1DndCq8pFOz6CIvhyPexx3t5hppnWLjXW7QDmHCLgL6dAuaPRjBRClEe2To7rRffp_sPBSRjjY45Ihuz_JxzO0DID324HT7LNAzRjYiPnTUEMJHVTr9ZkotaiRc_0w c) https://lh7-us.googleusercontent.com/QZGi8BwqNuBAzhbOCWScTHksYfuLdUx-msySOIPyv6GErOucRWlllhnp_XzgFXqOsE6oK7_quWh1Xx7l7-jvWFhoBqKNywDW336fcj7Bhrl35DR3O-qb68Ct3bH5zCUbkkQNp_XiMkdwHObo0AXBFA

- Từ kết quả bài làm của học sinh GV đặt vấn đề “Phép cộng, phép trừ, phép nhân hai số nguyên có kết quả là một số nguyên. Vậy nếu thực hiện phép chia số nguyên https://lh7-us.googleusercontent.com/d6NBbpDyfdKh7embTkGVNF1dwxwM6kSISA6YIQZlZrCwvGiAD1rS6R6Y1NyPSs_VFphoXEMR0Ohj4XKClNq0J_9ySOfeRrL53TsjtoHvwKAj8yWPYYDHPqE8E2VI-s9B65RMUTKmfrVitNzhkt3Fjgcho số nguyên https://lh7-us.googleusercontent.com/b3ZepcAPYqiUkFo4fE6_tdp7KdkmRo9tJBH9hj4YJEAfItCUkl-NoqzrnC1RBJqd92uyPoJg6I_d7Juvykp5cnFro-KUzBcJoUvBDUFrHDkGY4XJaqiog4n-dxnSupG6n9l4iwMhGNxWOqphDzgRPg thì kết quả có là số nguyên không ? Để trả lời cho câu hỏi trên thì chúng ta vào nội dung bài học hôm nay.

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm số hữu tỉ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| GV chiếu silde hoặc viết lên bảng ba bài tập và yêu cầu học sinh thực hiện phép tính sau:  a) https://lh7-us.googleusercontent.com/h-lUs9Kv9BWGpbwr7Cct6SpU58SFaSgSohHIlFsmQMrqAn7Vdishd5DRGpZF6kRDmMq6as_QvYghZ4W8IVVbCuohXBOuq6S7PAROPxo2fQqLB2wSflaTxLfdDdhKfhC8H_BW3WwPkVe5o3kpJcCbLA  b) https://lh7-us.googleusercontent.com/Rqi_XCQkEAnRjvFuX0gGON3yVn8wzP4kqkgSbl7IQsh0r5qx576YjpuxTpnGpx-ZFdguJDzCQ8mbyCN3TOXDN7bPveUrzJw76JKxnJ45M8V_pHVJ7IFighsRhMvpmvvaXzOPN0Zk6CYJJf0fG9WCnw  c) https://lh7-us.googleusercontent.com/-yAGWYcpQeH8wxnDTGSo_JCuhZhN-JAkAV1T8PWR1mSGFMsD8F9W_FQcW1yHghVH_TJOs-VBUw9rHGIABPTlV9eRQy065yDFdhYzXjkfU9Ti_cIZtZGcqGgpV77GjQywPVCMshWErLgC7MDFz3U0dw  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi 3 học sinh lên bảng thực hiện  - HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đội hoàn thành yêu cầu.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới:“Để trả lời được câu hỏi trên, cũng như hiểu rõ hơn về tập hợp các số hữu tỉ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay”. | Lời giải  a) https://lh7-us.googleusercontent.com/3mEaarjOvbCgEjrEujxoUJtv2uUI1WDPlRF20fKpJSdseRyxlDcgmRh_SpEmaKOCCizLfiROyJoVUYpbviXscAeYBDh7xAgey9fvfVSP4HD-iT-pewQrAJFKq0CYeuwk6AooAqSswf5GC_s9ivmVgA  b) https://lh7-us.googleusercontent.com/3ARsYeT7EHrzevwk1o-vS_yg1DndCq8pFOz6CIvhyPexx3t5hppnWLjXW7QDmHCLgL6dAuaPRjBRClEe2To7rRffp_sPBSRjjY45Ihuz_JxzO0DID324HT7LNAzRjYiPnTUEMJHVTr9ZkotaiRc_0w  c) https://lh7-us.googleusercontent.com/QZGi8BwqNuBAzhbOCWScTHksYfuLdUx-msySOIPyv6GErOucRWlllhnp_XzgFXqOsE6oK7_quWh1Xx7l7-jvWFhoBqKNywDW336fcj7Bhrl35DR3O-qb68Ct3bH5zCUbkkQNp_XiMkdwHObo0AXBFA  Dự đoán của học sinh về bài học mới |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Tiết 1**

**Hoạt động 2.1: Số hữu tỉ (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ

- Giúp HS có cơ hội trải nghiệm,thảo luận về số hữu tỉ thông qua việc viết các số đã cho dưới dạng một phân số.

**b) Nội dung:**

-  Hs đọc SGK thực hiện HĐKPI và yêu cầu học sinh phát biểu khái niệm số hữu tỉ, thực hiện nội dung thực hành 1 (SGK trang 6).

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm về số hữu tỉ, kí hiệu tập hợp số hữu tỉ.

- Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV yêu cầu HS thảo luận, thực hiện HĐKPI viết các số vào vở.https://lh7-us.googleusercontent.com/z5CtrYnwYV8tYtlymkvVJlMwdo4ih2_F3PXr236T-aiW5uQHHwSvP0X5kiF9McfSMiplaQNlo402_KekadWyYtMXzPyM10SzhKTLxMY5-PvdIUe7l_qGlP3STtQa12RypsIpdbGGBqe_DqfZgejtwA  Cho các số https://lh7-us.googleusercontent.com/0XF9PvnUAKkXpfBHNTIB6NBf0kPLDGdgGWECT_AMMjkSEwKyldI9uSQ2x1cQrQyNXxlgrhhob5wJhh7SrrXZkMH-x3LUNwoSMnqQklKNxb_CWMWt1wfSm7W7lUboD5OaOMzcHvFQuFnp9wGBt0AysA. Với mỗi số, hãy viết một phân số bằng phân số đã cho.  - HS trả lời, cả lớp nhận xét, GV đánh giá, dẫn dắt, chốt lại kiến thức khái niệm số hữu tỉ.  →l-2HS đọc phần kiến thức trọng tâm.  - GV yêu cầu đọc **Ví dụ 1**, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Có thể viết bao nhiêu phân số bằng các số đã cho?  - GV dẫn dắt để HS rút ra nhận xét:  + Có vô số phân số bằng các phân số đã cho.  + Các phân số bằng nhau là các cách viết khác nhau của cùng một số hữu tỉ.  - GV lưu ý HS kí hiệu tập hợp số hữu tỉ là Q.  - GV đặt vấn đề:  **Vậy số nguyên có phải là một số hữu tỉ không ?**  → HS trao đổi và rút ra nhận xét như trong SGK.  - GV cho HS hoạt động cặp đôi hỏi đáp **Thực hành 1.**  (HS viết được các số đã cho dưới dạng phân số và giải thích được vì sao các số đó là các số hữu tỉ)  **Thực hành 1:** Vì sao các số https://lh7-us.googleusercontent.com/r3I9U8fKRYqFIOy08RYj3YpRF9jCPhEKTOgdgHyJik_qBR0l8K65p-fX2MfMreEPScCrXBb3U7_2oK5dvSeG7g9x77c0_OysZ--ypeA1s1H-1K_hAUF1IrIPPA3tkiTADZFOv-cEhQa6ZP_uNCuqXw  https://lh7-us.googleusercontent.com/-CWDGbCVxHv4uTzLozFgLgLikUh389enqJ5QxaT6WSHuGaaN_GPxIHZWagMsJcBKmk421Mn-zqL1_HJKoc3zz92qJM5HCaOUDcmY4mZ0G5w1kOYXZ5xfvHCsj0syK02XSheunyA4aul8p7y2Zii5kAlà các số hữu tỉ   → HS nhận xét, GV đánh giá  - GV hướng dẫn HS tự vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn thông qua việc viết số đo các đại lượng đã cho dưới dạng https://lh7-us.googleusercontent.com/e8b41I80dYXUwRnmNqLEgextQyvRUhgybL1lOK1WeGGdTn6VeqYBWARhZemCw5Irt3TpYPRstNPMD0QAEwH7wK-uNBalop2FnVEysAfG9Blp4JgomGU5qvSti5m_091ydhdiugpx8cTuU5TMXfow7w với https://lh7-us.googleusercontent.com/RnokPFFH1Ke8sZQQoLuvjhyuGSAIrdTAhtKo62qBFG8ZlVRbPbRQyTZdSx4f4g5zme0WNXTELP04VDAwJsadtL6q53fTbAUbzP8CfRZAEDJ95_ymgOHO_eX-B3mcp3cBI5bSyYoXma92LMYNXveKQgđể hoàn thành.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận,trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV:quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hoạt động nhóm đôi: Hai bạn cùng bạn giơ tay phát biểu, trình bày miệng. Các nhóm khác chúý nghe, nhận xét, bổ sung.  - Cá nhân: giơ tay phát biểu trình bày bảng.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại các khái niệm số hữu tỉ, kí hiệu và lưuý. | **1. Số hữu tỉ**  https://lh7-us.googleusercontent.com/bGtSnKe7DdulC-gdFNTLb1XPGtgSMn49szhBnStCv0Nlt1F-nzw9kmNhjDAqZslYGCVldEOACQhXJb-II1hd51qYoa8fEPZCWyoqqpsHqcP7z1nAzkA6Bxxqm6NIUu_Pt5vhllFZWvMhROyvaYSE1ghttps://lh7-us.googleusercontent.com/z5CtrYnwYV8tYtlymkvVJlMwdo4ih2_F3PXr236T-aiW5uQHHwSvP0X5kiF9McfSMiplaQNlo402_KekadWyYtMXzPyM10SzhKTLxMY5-PvdIUe7l_qGlP3STtQa12RypsIpdbGGBqe_DqfZgejtwA  https://lh7-us.googleusercontent.com/0etcohIgm4Qh_ukp862V8ksgF039t-pFVphgNwmKum59JBt-LvFjUTWkaWl5SRMY1TVjWMqZ1dDpZu8kAn_2UO7H9T4dvDtcCcO2xdBGYjhZ7rbj6xYxL89KyE6OU6-mtdMUiuxML79rmFvQbw5aHg  https://lh7-us.googleusercontent.com/gxdBr9GspgzDZ-oWb-JGtEoqU6mFUCwvTjlyTGWbYJeaZ8A1IqBeh2SHcjjCGmOIsbX1MgdfF-MQQHU-59nGmLYVnJf3HixC6l5pOTaOBI9LmFtPCnCxvTSCS4uZ_sPHLdZuAsRNlZ2WNrWTGgjM1w **Kiến thức trọng tâm**  - Số hữu tỉ là số được viết dưới dạng phân số https://lh7-us.googleusercontent.com/SDKe0uCAExix5fhCwg8snHTNg9XMIhfFWW5ncQqhZ-Fq78yfQZNcN_5QmDk__njLIBJVJg3T9418e9LaaLQtfURrYh4Gd0cOGpIrQ92koE0wgG_fHcVOtd9oSbLuehfzCjUslw6uN86k0qviaiZeRw với https://lh7-us.googleusercontent.com/RMGCctcObL3P8Yn-r3Hl_rR9S5KQcX3xQ7tC-mdbNrqk2OaQQmReG0svAEHXdDl8yrjPtHwYAf9SuxnyYCk63oyDO4_249ov2CfKoiK_0CvL_jnv0WNPC7wEPUPaCa-auRiZutClt4F8fdmCOSKiEw,https://lh7-us.googleusercontent.com/YXcLstgfl08BMueJnSG-qXzwfNJf6_hJ2oKKtcHF5wqxYDwyYSmPsLM5p5g_B0OYP9bJNdoF5AN0z1tJRRwIBPgV-r3-nw2Jz1b16d3uw6WyB6vKazbJEYZAhWHGOo4-W03fXWJGsVe4Dd694v9iKg. Các phân số bằng nhau là các cách viết khác nhau của cùng một số hữu tỉ.  - Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là https://lh7-us.googleusercontent.com/fC3lbkk28AnaTcwmFsXtVzseH2nltOkeUGscSAnFuvAT0HhRS5gLYMxnuZ-sqnaGrGatzJkZmaJwAEf_e5cuYoTmY7Y1a8p0BqN6siK5SqCAXym-NnkS-LeCOTMWZ8FwgHoshadQn0ypFCpyfcmhkw    Nhận xét:  - Mỗi số nguyên là một số hữu tỉ    **Thực hành 1**  https://lh7-us.googleusercontent.com/eRS-0DIU-snCgQoGiq1Ia0MPJdPDF4hhjgPublD5MC1hiUWCWMBHDPbAm3O0z9T4PY_H0l0g2Vh-7Sf0_mKbvP_O_waDUsXN1JuFRkgZwfrB4DcIt_5afZdvew7NfJ91-c5KMCdlaRCpnJqgXoNW9Q  https://lh7-us.googleusercontent.com/U_QJWmdZLSwdiDeBeFKSu-2_Zjy-s7ecibW1SXbcX8VMUcQUef-zTBWyHk3anvqYZV5utx2jzl7yErG8GhZyhXhNj1947vjk6sb7gAoQnvL50Pc0zNKS-x-xb276-5ORhqIVH_9ej5vVAzV48j0fZA  Vậy: các số https://lh7-us.googleusercontent.com/PSWU3nqmZdM1oHsURwFqm-xOXWOtnkJYnbPHEwAYSXgrGkq3CMAIW-q0jn2b49kUud4Y0Jvf5VIAzdDyyIspidKPtuJRCKvKhfL7b4FQhuBWaZOAGRKms_UKMQIloUvDjIVur5f-Xd2IC143L4yZUglà các số hữu tỉ. |

**Hoạt động 2.2: Thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ (28 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS so sánh được hai số hữu tỉ.

- HS biết sử dụng phân số để so sánh hai số hữu tỉ.

**b) Nội dung:**

-  Hs đọc SGK và thực hiện bài tập HĐKP 2.

- GV yêu cầu HS phát biểu nội dung kiến thức trọng tâm sgk trang 7.

- Thực hiện bài tập thực hành 2 sgk trang 7.

**c) Sản phẩm:**

- So sánh được hai số hữu tỉ, so sánh với với số 0.

- Định nghĩa được số hữu tỉ dương, số hữu tỉ âm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV yêu cầu HS thảo luận, hoàn thành HĐKP2.https://lh7-us.googleusercontent.com/wTXhrucUeodkbdU0Ehgs80m3yorRrkYagF6Xp1vg8-cAfboNhLLxuCEHV1egBkBB1fuNjB0R0XWOG0H3IIfAtVUOFDvEQKTHE6TYxaVcDCbTHXBEO-rVLdplgYyDTOHgiFZ9rWPqHSYHN3YM13tPpw  a) So sánh hai phân số https://lh7-us.googleusercontent.com/SBswB30r8QY4tZL-oTXH3A9_G93ljkxXMX_l7Iy3_icWOoAxLERRZ2SrtJQkku7dTKYGYgxRUy8qXc9hMUKXYIr-jtFCdvR8dPIm9O-f3YQKt1u7ks6VB0niS6bBcD1WtYblLxr_YDL_o7lyckkPvw và https://lh7-us.googleusercontent.com/rq4mupm_168Rvj6D8kgTMR4bfu5lltqFCdhhHPrjqi37dduO793rQBsokfTkaLXzRNTAj4MblUKKcPIYP7oxbWNpsrw9hUhlmvihEyJEsqlUZDW9xIS0A5GFXClzr3IzfZj5GCKNcI9FeQAe1AUqaQ    b) Trong mỗi trường hợp sau, nhiệt độ nào cao hơn ?  i) https://lh7-us.googleusercontent.com/oXO9J4Kjd9dqm6GM7mZw9aWB9GtiRfUHG0w9WFUqqBcAODy0Snf66ugAtKe6_Jdv6lxXU0I4Ma37ACyZDjpVTe6v3V8-tYKhGvI3nSlHT-3bsUHFegDhvGvXT3kudZH6zKh4wC7jMDhAAkDTBVAdpQvà https://lh7-us.googleusercontent.com/cmrZSu4KIp9ll_wgrKGp-ctbB58-o2C7PGwyc1hck8hmYM-S6Hsh0_VUj-ruYcgPT5YyDrqOBNbPQEQ_0uAMZOsJJDC_XtzHeBRw5tsFsI7_InBtNijv9Wug8wU4J6jl-4Syg0HQB6qVsdQwKYkfSA  ii) https://lh7-us.googleusercontent.com/TxvuR20uY-5jGwjC2Wvp3fPDAGbxHTvP8owpa-g0SbBp0mqGyPx8drzW21_e1-3DtCnomXi-WpzSYTZfPdEMf7fSmaCAxL6lSO0wAiodJiVomRmjFQB_gAdHC319p4w71lev4nQobNNdDuItHa876w và https://lh7-us.googleusercontent.com/qKrWnuZcWedlqGrKnFYpBR2LwFshCnI4uxs-d1J3qrfAI2lhFR0uyD8AUS_CZ_notmsSJ50_dppke8uYInjFQvTRNvgOU3cWUfaToq0wQzBl-IKbImLmmEIyf3SexrYUvZZDBSynl3ulM7O0Yv5dpw  - GV gợi ý cho học sinh: Khi so sánh hai phân số có cùng mẫu số dương thì phân số nào có tử lớn hơn thì lớn hơn.  → HS trả lời, GV đặt câu hỏi dẫn dắt, sau đó chốt kiến thức:  Trong các số hữu tỉ đã cho  + Số nào là số hữu tỉ dương ?  + Số nào là số hữu tỉ âm ?  + Số nào không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm ?  - GV cho 1-2 HS đọc, phát biểu khung kiến  thức trọng tâm.  - GV yêu cầu HS đọc, thảo luận, trao đổi hỏi đáp cặp đôi Ví dụ 2 để hiểu kiến thức.  - HS thực hành nhận biết số hữu tỉ dương, số hữu tỉ âm, số không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm và dùng phân số  để so sánh hai số hữu tỉ thông qua đọc, hoàn  thành **Thực hành 2.**  **Thực hành 2:** Cho các số hữu tỉ: https://lh7-us.googleusercontent.com/8U36PXuR4ZefySZQ8myAUB1_2i9rGk4nLSAkHtSTzhG2C9_zjyFrDN3FpK_tk3UqoPMZyeFhgShgIO2xQCHrBexhqreOWND8SkgxSEGRi7fzThVyA6lr_fVpGkIRaz6IxMW_VgX61SJtBsokgkvJLAhttps://lh7-us.googleusercontent.com/Gm80H1FGJCcESWh_aV5lltSP5WcDdxzvwa2DgfbgOcB4fPW520RK0sQqMEBnhc4My9T8gR9Jzn8Jq0CfcXhBiVfqWMCLPlJxkK9Y9fxkEsIlLR6M2psEPDJqQJDUz5nQB373on9-y-wN9RSmqGqoTQ  a) So sánh https://lh7-us.googleusercontent.com/7ryPonoJ3YXX4-ZZ8zgr2-R1r4xK_gVxS_rmU3XP8XtOgPMbVscb8p77v32HaZ6ZeevhFEWGZPQjFGIsCgdlRexvMoTuuMO8mt2JOyGWxocUcfpGgM8oTu3j2sMVQ9w6kbYPCInK6zpSeiMJiM0unQvới https://lh7-us.googleusercontent.com/Ra0IVy4hZPE7bRXq0FODVSBQp3ZFpgFDR_VWXISv85KPY5NWon4Jex--WbG9LbUcHzg-wQM0oOm0S6RG1dEYIGiz7IrMgtFop1-fpQxnb2r-t3VjQyJ4-7d8W9YFWUlq4WNTj0S2jsZffwzVe2a3rQ https://lh7-us.googleusercontent.com/B6GT7ANDittnjLSEvnI8uzRUUbTB-CeG9pxXVF15o1HJOT-RvP-uMFSkfJlcDN9Ey-JOcWmCQ3w31-3uqIL0hCQuaD-gtSKZ_gV0VpZzrIrAGm3NAEba6jZCC1Wcd_z47gFJxCpNub8kqcorSorLyg với https://lh7-us.googleusercontent.com/k_gCHoZ5Z9clWq7rvzhUpNyxNSf70qL2OiJOPfnhgP1_W-hMVKmyX8PZRrD6AxEAW6cE4c0w5HSYHgBEv5Dte6B7K_o5ahxXri0sRuURUCZDmSTwF_NEtoKGnTkxiCWUcayY-pb9S7pTLNq9fs2reQ  b) Trong các số hữu tỉ đã cho, số nào là số hữu tỉ dương, số nào là số hữu tỉ âm, số nào không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  -HS theo dõi SGK,chúýnghe,tiếp nhận  kiến thức,hoàn thành các yêu cầu, hoạt  động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  -GV:quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho  bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | **2. Thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ**https://lh7-us.googleusercontent.com/wTXhrucUeodkbdU0Ehgs80m3yorRrkYagF6Xp1vg8-cAfboNhLLxuCEHV1egBkBB1fuNjB0R0XWOG0H3IIfAtVUOFDvEQKTHE6TYxaVcDCbTHXBEO-rVLdplgYyDTOHgiFZ9rWPqHSYHN3YM13tPpw    a) Ta có https://lh7-us.googleusercontent.com/k7wYU2CQtXf4I154lvSnr0GUZ5jYJ9Tipzk-SGUuriIeYEBRfdBLHQg3w427D8UQk7j0NWlSZw4SZ6XTUDZM40uJAno_prK4fUzOpAp9H-SLvO9yK8Mwkck0iXamCAD7_sQHaMUVFvX6U11AdIG4Fgnên https://lh7-us.googleusercontent.com/PWt6LyFjUW9ABg6Ko0YNWCqO-hXkm9YmDt9psKEKKAHcG4YVm5Pf3c-DFgNW_EZR8HUDWH-JBzfhPiquZ2c3MyYvR9q35bovD4F7_Xy0xqpK3z9YHILu2KqLmWwGPevnvOkIR2SkvUzlzJKTBWCFQQ  b)  i) Ta có: https://lh7-us.googleusercontent.com/_Hm7oawdUIAwBoLLHAunYQv81Y8SjfKiRVGpx_MyIQd5yW5Qp_gxAK9osvPBUPLsFXcPaQYCGZ6Kk3h2l2YBfL1OL3rzSqFC5VNAeo0_CZuAjV4h5gXKLyX4-58I-L8v5wK41JUu_HkTQTNMRjZ7Aw. Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/sohWIRP3m-4pqeq0N9muvuZhd7f2ytzCtRv1sEFyzX-UpiwJRB2430Nr8MZlqX9yCDlTU66FAI9zSVaaKpSSjYYjB2JdlstroXvJiaXgjZymrwLjgWjKekztWK6vWRpTeIi9WmFoN4KhShslSzwvwAnên https://lh7-us.googleusercontent.com/eNCV3gXV835rw0IpQS6FJ73Y9YfMqGJdNUuG19hEqwQm8akVqTw2Co7KuThILQP88B74eAVthGN-TnpjDLBYG0lzqD_5KYWnizxh3jxCP4368sJCFP7_UfwNhxAAd36c-BmLF-41pEHcUlmgo7-8fw. Vậy https://lh7-us.googleusercontent.com/oXO9J4Kjd9dqm6GM7mZw9aWB9GtiRfUHG0w9WFUqqBcAODy0Snf66ugAtKe6_Jdv6lxXU0I4Ma37ACyZDjpVTe6v3V8-tYKhGvI3nSlHT-3bsUHFegDhvGvXT3kudZH6zKh4wC7jMDhAAkDTBVAdpQhttps://lh7-us.googleusercontent.com/1_7TYWLsqWrHGBId54AJ-asS6CjdcB9Xf8G1hPdpV2Jhq303m6SzSRnjILjsfj50M3Oi3RC_k3yhfQU4gli6_LDewWooTw0_LN6r04JqO5AQ4vkocQ9mk1DOuaaX2uC76LxjLw8JjAW5CN4MJHKqZAhttps://lh7-us.googleusercontent.com/cmrZSu4KIp9ll_wgrKGp-ctbB58-o2C7PGwyc1hck8hmYM-S6Hsh0_VUj-ruYcgPT5YyDrqOBNbPQEQ_0uAMZOsJJDC_XtzHeBRw5tsFsI7_InBtNijv9Wug8wU4J6jl-4Syg0HQB6qVsdQwKYkfSA  ii) Vìhttps://lh7-us.googleusercontent.com/1wV5PWtucmaN3ptmNaUphk7z7dYqcIR3I5U91rlPML75nRWMqCMYDckjg4BX44w_GO_IhrqbMkaJWpCPrnOGg_8lNYeQecWDoBveDqhHnfIUZYxWGaqAkzyffIXguv40rAM2AHtsT5hg4cCHB10ZoQ. Vậy https://lh7-us.googleusercontent.com/TxvuR20uY-5jGwjC2Wvp3fPDAGbxHTvP8owpa-g0SbBp0mqGyPx8drzW21_e1-3DtCnomXi-WpzSYTZfPdEMf7fSmaCAxL6lSO0wAiodJiVomRmjFQB_gAdHC319p4w71lev4nQobNNdDuItHa876whttps://lh7-us.googleusercontent.com/wIyqerACTMbYPU2HgjZ7rsBZwS73X_zJyF8FZLGXyCjBOlTv-dtTopErDIPwxwjkACz4YY_AY4pViGWOcG7F6xk8Tyd0eMZ3oJObCkuLSafq3HmuMwbVxeBXLHUTYsM3oPbJV0ZLRGVSKjEIISIUtwhttps://lh7-us.googleusercontent.com/qKrWnuZcWedlqGrKnFYpBR2LwFshCnI4uxs-d1J3qrfAI2lhFR0uyD8AUS_CZ_notmsSJ50_dppke8uYInjFQvTRNvgOU3cWUfaToq0wQzBl-IKbImLmmEIyf3SexrYUvZZDBSynl3ulM7O0Yv5dpw  https://lh7-us.googleusercontent.com/gxdBr9GspgzDZ-oWb-JGtEoqU6mFUCwvTjlyTGWbYJeaZ8A1IqBeh2SHcjjCGmOIsbX1MgdfF-MQQHU-59nGmLYVnJf3HixC6l5pOTaOBI9LmFtPCnCxvTSCS4uZ_sPHLdZuAsRNlZ2WNrWTGgjM1w **Kiến thức trọng tâm**  - Với hai số hữu tỉ bất kì https://lh7-us.googleusercontent.com/eXkUdJE9ZgQuRFq76UmrQvoW8kohbKhiAvRaX0pW9BpOhGv6cZr7UAZM26tl4ulK3lWJ-EsIx2cO70HPUN572dbgjvXLMGZ_fsM9DsneI4LDs_wBA5VEhZl56vERf4NlndsCrLiKHUXhZs1M-tx-iQ ta luôn có : hoặc https://lh7-us.googleusercontent.com/ujypgx-q1qzuT4MxkatE7XtvP0tsGlIkT-RaSGzivfo3szbf880SM-IRS_xOp3ntYLqOlcvRRkY5_-NB0eh1OBl3DPZdLOdj8tlx-tGYzgibdi0esIV6toHTDessj1E0jZ-y6wyk95pUpbahfeBEMghoặc https://lh7-us.googleusercontent.com/GYyDaK3i3o23NP-77yXrRRYMsJCOnE85mBN5C8E243eIYdIvhERxqMqnipfKG8PgndJzYFU4wD2upZVTy3bTnm0Uija0NL0ToWw_qzqTXd35U0UEkORrX7_Nc7LvmZmnIlhrXY-Nc1QrhJFFciioMw |hoặc https://lh7-us.googleusercontent.com/BJ8ar6sZ-afttnkdbe9ilGjnsRhJ8C7kMYEcpr4tpi0O-Iw6jzTDhnkLXaal67wKChHv9XkILiIjbMk4PdE1Or6Q8k2VJLJZgm0vvbHwMRnWyvBCA9fmfAI5YAoed76hbRMNBVjODodjaNRr_EOWnw  - Số hữu tỉ lớn hơn 0 gọi là *số hữu tỉ dương*.  - Số hữu tỉ nhỏ hơn 0 gọi là *số hữu tỉ âm*.  - Số hữu tỉ 0 không là số hữu tỉ dương cũng không là số hữu tỉ âm.  \* Nhận xét: Số hữu tỉ dương luôn luôn lớn hơn số hữu tỉ âm.    **Thực hành 2:**  a)  \* Ta có  https://lh7-us.googleusercontent.com/Ha1rSOcvWS5OAfeUcCZJbHErpiTQhm46Ol3BgADtBwOOCX49HboCwVIhXMK6oNknuW40nRIj0F223gvz22bPRrCJO9jZPPVOGk2bAhJxqqJTZLHK7_9bY6vAfch_aup2pFiStA9H107TiBYhC3pvfw  Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/B9HIYYqkcjXdPoPU9Mnj4qHRW6GQ89OV-qDKEbUVqZychK6Xm8TiDg9J_qUJ_VJxFbA_GQlgXl0bWcO0Z5sApHpBLiha_lRsU1OVCH0TFeOAesTs4e69YvY6Od2cHufZHpdpvExEzMX5f9KU3aJRFg nên https://lh7-us.googleusercontent.com/jq-rWCHuFIUtHwnB6v8QFeKNB9is0OgjSahFCPx1BoWxovN_23Y3CXxu_Tv9YxTSflBVU2jW3Rtz3hn3-7Jtl8PmI7EijxyfewWCD60_zE77jb8OPbOE3aaNfmKQL7VsgUbf2n2yT_Lumnr7bybciA.  Hay https://lh7-us.googleusercontent.com/poy1xkWGyYUaq2IQC7KaUCC_l2Dn3PGLMgyQOANpxU7kgVuoB0aJuTaob1Y1c5rWm_v3j0tAFJN1eDVYnwI69uzjQxcwEsOQ7M0qQ9eu1OOboPr32xbZ9gpv-3uMxXcF01X_4WJ3PNuoUCnWHoYMAw. **Vậy:** https://lh7-us.googleusercontent.com/0OjfSIwuusq-5Trb9R9SZDRwWGuNsjjeKUdIHbHPepcD5N1ho5mTsw3Ya27XeG0go0ZyXt8uukupQpmigSbF4JJ-tb73TyTBSZk2CF2yaYNjWrLs1-cSxtq1IQTRkuD9FHNzljz1Hph8ZgtTOIr8MA  \* Ta có https://lh7-us.googleusercontent.com/z1HDdJAvQtBadKsj550fWP-l61XOQr18HLnIobbCcUgSM0m7zqjsqs-J-Vj5T6zplG5amPlrTmiw248BgrEB3HFUG6s8RqLlXFE84t8ircbA1RzhTe4vNKk9pzmG9ZVxwqwVScY6iH6ug-chbeKADw. Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/4DAA1rpFmMbNCisxXjYa4T27zVC4LiU0rZ14_PCKiqCXskdVwJP-nVVpwLEaEcNOMlr9ZGLg5me9y4FtoGtkUN_mtOcLPu4HSyCrZ1HQfS0mHdz4XGoQPtgZjGmww-zwKb-OBXfi0XpWjRet36umYQ nên https://lh7-us.googleusercontent.com/fyVbvMNqpSI_5aXxoinYqJwtoS2rJ_cYya_vl-HuSVHgPaOJ9cJREAe6KzfJW41nl9OqaqYPMkLc-RmM_ozn1STqgfB3TXDoq9Q3tGo992uGHx9wglWQ8RpqRZsfYENQWpsdqt2hJPtoVbKEkwYeiQ. Hay https://lh7-us.googleusercontent.com/_dRC_XtgvwEex80fjjqf_JBq8dWDHZ6FKYdau5Z2FPU6vP92Eniq979PgQdIxbyZYA-xP_mPKYIhifUOC8JHBycoSf3ARBAt61fRYWycMrCITTcEPZlB_Xk_CPz-2qAYZk4epwM7b2suBaVLcGP5Mg. **Vậy:** https://lh7-us.googleusercontent.com/boW418Fgphl2aEENRS8-tZz4J6s3RFrQGLcfTr9Q7HpSI2rYcmg_kApj_kIIwyMBBBop05b0sDfjfkrxmoGWQhzpM-12PJE12joSNaHP6qhoJ2YTTuIvVTMTnNeuFay_CkT6OgGLd0g06kVxqocO3g  b) Ta có https://lh7-us.googleusercontent.com/2SOW5gV4HOh-NyywxE6Hi42-L1xZ3PWNBzF-HWdsLTqJMd4rr8JI50_3uV7EtMfNCxUjqonj3GNrk4mMM1vzNmWxumBlSftEeKIVYhYBLBiHepDBBg6cU0YQt_w68OaVhiowJzd_unRh4NElPWWelg  https://lh7-us.googleusercontent.com/AgaygkuXdcC_IJXrzFSB07QkqJ_Z_qcU4Sqsl_O9YcDQS6DrB5vmPxXx2DD_R2K4sDk4Bm7U1UsvjvaG0OTyZ2Qs0jCFfkTzb7FzVGBti4UIBrUPnmQMaxovNeury8u5MZ7mE9W2tVSN_Vo0vhDBow  Vậy số hữu tỉ dương là https://lh7-us.googleusercontent.com/jKqR7XYy6hcAis4ZtnkVTb6NHw7EYG19rjhFCPaO5HYRgTtzZ3Ayls8vSjv6dN9wfPl9MVTPgfA10CZ1hfR6ANnL7h4Y7z_kCm4_WBQllSdPZpDfkZpVuSXEevZ9806ZlwHtFQCIh9oh5EDtJ9Ms7Q và https://lh7-us.googleusercontent.com/rUIOAwXU77o0exfg14HDF3_phA9w7MqvuiYilXL0qlDKv_OC4cbh-GSGIl_GQR0w0NM0l7Oe36kmJO4BTWZFrbhZ_NVCmkdLMPKZtDd7oHc4XX8PpuVWCjoUW7z3kxMfbW3lweAQL5gztY6XFElDdg ; số hữu tỉ âm là https://lh7-us.googleusercontent.com/ZAmljoPp48dLFEyALHLhL_ZOwaYfBZIhrKwt_zCSpdtzzjfq8lqBqVBeoMBfSajWCBJiCQykcF_3XhpjmJ5E04ax6L5N_72sBC09_JBUWl4WDLOwzLhXBpJSa5kxd76NqU-4GAYXKIysYNnG0lAXCw; https://lh7-us.googleusercontent.com/RxAjpjVGRW81zDNlr0glqEj6h4EKXRuLd92nfH3i2h2bWFHzHxzjJd7endal-B7waJETFrOpDnNZ6NkAdJzCXpxERMpYrG8UtET6xvSHgLQ9mJAf3qao5dUVV_pV0mzoGddweOiRA1dDGhQCvLAWqQ và https://lh7-us.googleusercontent.com/N5vuTIo-dnGxPHfibcIxfT9Ei6wd6lDcYbXmzFLMOWC47tGUbxGfT1Po2v3ew9drH3DhsHQJReTNmsN0L8IoZKeH_BbaGMCokFSTemNI5XgWwpf12JwKHMDr_Mju4r5kUjXSP21yYGdfjFGzLzCdUg; số hữu tỉ không âm và cũng không là số hữu tỉ dương là https://lh7-us.googleusercontent.com/qA1FFMjecjhV3YVWC8V8JjhCznHJ0uOMo0zRKWxdrlQs2T5lxOlfznGb8Rwl_mG-UhxqphZfIm7zAZq7FS7B94spRK6j-57-X-XmQCcr83LX99CcE0hYCdR1mbq53oRG6-LizSmtG3KQOOjREY4cDg |

**Hướng dẫn tự học (1 phút)**

- Xem lại khái niệm số hữu tỉ, kí hiệu tập hợp số hữu tỉ.

- So sánh được hai số hữu tỉ, định nghĩa số hữu tỉ âm, số hữu dương.

- Làm bài tập 1 ; bài 4 SGK/trang 9, 10.

- Xem trước phần 3: Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số.

**Tiết 2**

**2. Hoạt động 2.3: Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hs biết biểu diễn số hữu tỉ trên trục số.

**b) Nội dung:**

- GV cho hs thực hiện HĐKP 3, yêu cầu học sinh phát biểu nội dung kiến thức trọng tâm.

- Hs thực hiện thực hành 3.

**c) Sản phẩm:**

- Biểu diễn được một số hữu tỉ bất kì trên trục số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**  - GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành HĐKP3.https://lh7-us.googleusercontent.com/5xwgyynEbAMduIEZMtzah758lh8PlgyV6dBXI3Thc7jaDpyQTmxsSiELAoEjmEnLOdiv2FoLdLZr_KA7CPM9K7Xvl6HtpNB6xJ8EgiLwQ360NMSTsxaEG2khSyJWmLGXDJ8xzlKBDsMxsaFEhhsFFw  a) Biểu diễn các số nguyên https://lh7-us.googleusercontent.com/nwHq3hkGsMIQp7iOo7E-lVQPDrOnvSWdEzhjGha2sSd3TIfue37Hh-8ccg4Hnp3erHOjR1hRZ_lmUEpbNz_kqPV_AAfqeeMls06RqbuNZ7OX0r0fMQMLM_duxnq9R_gAa6t8IRen_iTY1FvfMFjh-w trên trục số  b) Quan sát hình 2 (bên dưới). Hãy dự đoán điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào ?  https://lh7-us.googleusercontent.com/LiK-tPs41WO2He7_ljl2ymVxgczgrUD0EkkLCMWWfwuit3NJYXMfiQ0mIBziGN_Cs8sQ-DvGHhuTR9jtB4lfa3T8r1OoR7jid6WdSodSUsxg4r4fGSwReM7if9U37qXPOz2yPm5Ks4KvpdmLKmowMg  (Hình 2)  →HS trả lời, GV chốt kiến thức: Tương tự như đối với số nguyên, ta có thể biểu diễn mọi số hữu tỉ trên trục số.  - GV cho 1-2 HS đọc, phát biểu khung kiến  thức trọng tâm.    - GV yêu cầu HS đọc, thảo luận, trao đổi hỏi đáp, Ví dụ 3,Ví dụ 4,Ví dụ 5 để hiểu kiến thức.  - HS trao đổi nhóm thực hành nhận biết các điểm đã cho trên trục số biểu diễn các số hữu tỉ nào và mỗi HS tự thực hiện việc biểu diễn các số hữu tỉ trên trục số thông qua việc hoàn thành **Thực hành 3**.  **Thực hành 3:**  a) Các điểm M, N, P trong Hình 6 biểu diễn các số hữu tỉ nào ?https://lh7-us.googleusercontent.com/sMR3WQfMDqDq_FgClz1Nc8iktRttYUCFcu7FWazWhSzgz1FH-27eSCeNV8z2eRySgJLmZvGvZHXyPqxSBlAOoAcBNYaRHbV44wI-ZL9fNFUsMSWRsjWl_XgMhJbTqKpIgOKcNFK-cT6P6syRS9iksg  (Hình 6)  b) Biểu diễn các số hữu tỉ sau trên trục số: https://lh7-us.googleusercontent.com/mkq_K5misezBnDe_AZmLA3UIl5SLNsgqN39GxXPaXBLu6YjFgc5I2tkj7zSfmZEFo4JKQe38ys_RvgqH60VdyCCMOPeujLOMmeJDGvN9D3_FAT3GeiMtyA9usvQzwBUGqsp4tK3N2hFQSRgQkQyIpw  - GV yêu cầu học sinh phát biểu các điểm đã cho trên trục số biểu diễn các số hữu tỉ nào ?  - GV gợi ý cho HS: Ta thấy từ điểm 0 đến điểm 1 và từ điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/o-p-NRgM6Yi9rUGz-C87LYxUuGLQHQbFRkTYdjBXPUQU3CIzoz_8a7BLiQxABBGadwGFJ6Bb1L6xgxS-cMbYtwQ_9qxVOdzpTDo2VIYRBZLkjrh816aXEfEyRUsJ_SWN5hshJsDrs8jOukbTRVbdrA đến điểm 0 đều chia thành 3 đoạn bằng nhau, nên đoạn đơn vị mới bằng https://lh7-us.googleusercontent.com/iX7qeMCWSuPXYoedK3RKhpzUJJP2DegC6A8ONMadds6WsBag_KVyS-9OV_Jf3M9bVNmXv34ION9iEJBQtnsZvpdc0M_T6VxI2HxoW0T_Fp3AAfivE8Q8VJCnJRvGTSQXrxTfR92PhwBbIqFlqqdelQ đoạn đơn vị cũ.  - GV yêu cầu HS thực hiện việc biểu diễn các số hữu tỉ trên trục số.  - GV đánh giá mức độ hiểu bài của HS.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hs giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **\* Kết luận, nhận định**   - GV kết luận vấn đề: Để biểu diễn số hữu tỉ trên trục số thì lưu ý:  + Chia khoảng cách đều trên trục số  + Xác định điểm số 0  + Xác định điểm biểu diễn là số âm hay dương, chọn vị trí điểm biểu diễn thích hợp | **3. Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số:**  a) Biểu diễn các số nguyên –1; 1; –2 trên trục số:https://lh7-us.googleusercontent.com/_PFjwr27s7zCR0JWWFbQVwWH4Tqncr5ZxFScLQW_Auq6wehjGJf9tPXxvJCqYtbuQ9MaOuksOK7-TGW3yt0ODN-0zkPu4mzwqRuj0cf1rmfqua19sgADO0upZ9VYL4xj-fv2D-fT5b02-K4NwM0Lng  b)  Trong Hình 2, đoạn thẳng đơn vị được chia thành 3 đoạn bằng nhau, chọn 1 đoạn làm đơn vị mới, đơn vị mới bằng https://lh7-us.googleusercontent.com/BdgHvVnbWJD_aoCxA-QqOppL0H5Ze-SnS_UbT5oFcQ9ShlvQTTNuFMhX9-oUSvk8nlI43cYzxBDOosGRxF7W8chMBTa2GMLKnqB4-KrC1BqnRlSQ4R7bVQQceXWK6PN7JIoEBn5t2H0oNU46hp0y8w đơn vị cũ.  Điểm A nằm bên phải điểm 0 và cách 0 một khoảng bằng 1 lần đơn vị mới nên điểm A biểu diễn số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/rtMOWs1ko8kapCXU2aEDexU9EtpIIBtiLi4yICYuCzeq_WSCPpxDUs3xRnoY8vigKglSSgmCsluMAZnSpTYDE7zz8t8i0VkVUmXYZljaeAPp6t7g2qN8kjS4WBvjyWbBrsqEKK6hAZxZWNQqOcudkg.  https://lh7-us.googleusercontent.com/gxdBr9GspgzDZ-oWb-JGtEoqU6mFUCwvTjlyTGWbYJeaZ8A1IqBeh2SHcjjCGmOIsbX1MgdfF-MQQHU-59nGmLYVnJf3HixC6l5pOTaOBI9LmFtPCnCxvTSCS4uZ_sPHLdZuAsRNlZ2WNrWTGgjM1w **Kiến thức trọng tâm**  - Trên trục số, mỗi số hữu tỉ được biểu diễn bởi một điểm. Điểm biểu diễn số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/HaxJIpBIxKZKv5H90S3XXwcwsOxik2TcGbRqg8qud9BVu0VYkyZ4_GRnd0ZqksZX0bbAwoAHRJCxWfu0JHeqAdBV16AdbMnReRPOMUaLV37I3FgZBpiboyZ2ybRSsLm7dMI0VOl5Rvmg7DCkT02oCw được gọi là điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/gmNXUrk4QCnvL8L1zUsfkRkLbh_rEARHCO4BcuDD1E4SQHHDE7Xv2OxER-3zeODd2wGw3iH0NsZgP-uMx2AxR0BlCYvW2EvUwDxlh3-_YvgUEYVj6fScmDdpJMbvN-Gz4M9gbCpcWPP4pL9arwifQA.  - Với hai số hữu tỉ bất kì https://lh7-us.googleusercontent.com/WgMOCjRHmt6R6T5HlUROrQ9jnzmxcieTzPIyDECwrJ1yDM7HinJtS53smUKFPpwYEQ5Am8frzDA989c912RZJNQ0QpQpl8sRSrhZcU_BuNQJfdgr2GDRgsypZQlLsfDOZhPUf1xooFQQccJr-mWxFw, nếu https://lh7-us.googleusercontent.com/xTa7hj9DA14CIBejCUcpyQKLdU6By2uUIO__EOHp3-gxJuBL9swYwWhcGU6l2jrMMQOV_J1yEHt3PitTd29qVL23aEXJ_O3GryHHjjIUP19EHdAZF_48albc2h3pQx_Aa1DFdC6wsUbe13aUrDr6dAthì trên trục số nằm ngang, điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/StctzstnKKuedqmOLLoXZCxNFJD_ICOIaNNTq0IZlBryUtwrOyC2tOuN4rZbIacErVzWFcZRkGYUPAeBsGg7NQaFuf2n6sYivaAEDHPK-wXWisINBjhU32j5K_nz0_J56QsxRyMcdVjiwMqTwF-xDw ở bên trái điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/RlfnSfqKIxBipxm_Y69KdCYhtZyzVpVXcCL2xVWgnqpNR9KZIKqgPo3wuxSTz7cxy4MuwWCs8ImzSARB76OpZiqCyVR_cnSGF9TqGObPGwWQZVnRW67_ZL5JyYNe3vrarVqpEuAvAMdnyL6Y1UYCBA.    **Thực hành 3:**  **a)** Điểm N nằm bên trái điểm 0 một đoạn bằng 1 đơn vị mới nên điểm N biển diễn điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/aOhWg_HIn3lQPG2NxZWTGiypGQCkCM7iPw4vO72wfK6IUb-z1Sh7xysH2UShiv8pKGSyXi_c4ZbBtHT-QxWwDkGpneHdMHbOZjUPKXa-626oqU8MJ9Pg9CLMnshxYA9TFogPfJl61yAzmFk5Ei6shA.  - Điểm M nằm bên phải điểm 0 một đoạn bằng 5 đơn vị mới nên điểm M biểu diễn điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/FOGLkPVyXgsV2-sQ8ruYtg6qSV8kPR5CGkvCwWllnvpgB2kX_5c2_Hp1LoDVS3LKuzhfJvvlsZWtw4AQPR-0nvxgGA7W_Ge_m3i47nxtTeWi3Z9fO3XF1bqln0Vo9eJTxHqMFbzOWELGX8wc3kTK7A.  - Điểm P nằm bên trái điểm 0 một đoạn bằng 4 đơn vị mới nên điểm P biểu diễn điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/5PPNDKlLrSGrtDk6K9QaTnqptyr-MoDT7fcUJBkjj-8DUNdA2wvUqaotX9CDdaiSUcM2PHLyjEueInXEytZXPJCNtPerrkUfS5F63Z1SwP5b-olvB_QjfUWTbX8LiiNURgHG7jRIMz4hvtBfXM_JzQ.  **b)**  \* Biểu diễn số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/DJEohzxTcHOCjzeRoxJT3nEQNGt9x_mYPQfWpAY3cKMzyCn6Cg2mDUM5kB4LvyiqdoL1KY-SurFCWNuluzOggSTfaYKA6R9D8Qn8aD8I-cFE4_2uP9fQP0g6nbmR1pAx215OSP7dsYROy8OCzTubgg  - Ta có https://lh7-us.googleusercontent.com/4D3KFbfReOUIiUg0R4Tzm7TLcziBi71EthjFFLDKubwlFOBka535paBUGisdxNW1mhOc1DpZLGaNpoHy8LP8jszLTru_U9vRoIOpEMcTiuqx0ajyfxamN8o86JH3jEqcyQnxo_lfWvZmYXnpIeyF4w  - Chia đoạn thẳng đơn vị thành bốn phần bằng nhau, ta được đoạn đơn vị mới bằng https://lh7-us.googleusercontent.com/6IotG9Lc32uat5nsrYrn_6BmkCT9itMBaNxphcq1ahxrjwnjcfQ8_7rNuOBED7TlJmNY1ezKRHVokFVioSkXX4meW4YZG3u_62JYaAWghtDI49BhF6MLMbm2bKrlcgXHWBlmHmu220g0WCgDfkGWJQ đơn vị cũ.  - Số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/-Sb7pc3sAW_Q_KIqWVZu_0dlzs4Aw8Cv5Z8EqlP1xBOt2PbuooIRlL1CUdLMRS335aykiysn_Don6GDSLy4UNAVsIonGwIvI7lzJyVMLiHGU0HK4PBCcy-3scziYcGrTjpY_GpnVzBACEKhSGAoi0Q được biểu diễn bởi điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/5an9o6GvBLHcrPHHZVDDLV1nTTWyj8X_3fCdhq6zYhbAdVzia7GigAa9engFDUvXs9iO9x8VzwoQVDYsRU5R9xR-m2S43R4gEXDIHFKHGHDCbmf-3cEKpfPonD2E2CZsAAnZXwGJKzig5XmxolJMJg nằm bên trái điểm 0 và cách điểm 0 một đoạn bằng 3 đơn vị mới.  \* Biểu diễn số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/o8FpyT4YC54qrrvzr4bgipYWJNt3cyPjNvGXUuviBZ2R5bvaZWik71ky89A55dBjU0VX8e4RJt5I-OyGJFqYresTQFvJsBCfw1RKhfWiQaHNalja6kNZnKm-Oy3dszvW4DnSrfj4aPpLFy2WApNsxA  - Ta có https://lh7-us.googleusercontent.com/xaXBvVh9KbmQTlVu00wkOGn21NdJIp1HNQVvCHqxj6d_uemcPF2EuDfFyJOSw_rPKtQYf8HfQLXtrW3yHScIbBQn9iAnmjkxl5HkULrZHUjR7WhHFDUtMHDNM2rt6wqHtRSbSztB86OR7S6faDDEvA  - Số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/htpXVLDe2Qav8_mz5lyvIeFUYJ410HCmMMPsRMkWIJ5Md636rIC7iXY12R9I9VW98MOmS64vKl09z_vc1v4_BHEdsZB8qYvGc1SSSM92QAocdSH1JHCfDECfd851AoOKWgTEVmEo8GMWBSiytLimdQ được biểu diễn bởi điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/B9THQ_t4HzGt9y5QJJP0VplpXJaJGqrJ8rDKbbUihGQTQEn_NXcqxdDz3JkEKiOjHufVH-U2b_Yp7yPB4Mb7-it6w64RKDV5yOPJJtXYyGjLf_o173gTBbegsmRWMdRqISG--A3xEH5AvsJb_iIgEw nằm bên trái điểm 0 và cách điểm 0 một đoạn bằng 1 đơn vị mới.  \* Biểu diễn số https://lh7-us.googleusercontent.com/AK0OZRAprar-TUDM-ZH1zk4MXOaJi5BIJauuh15RBhKcmfa5a1z8IdD_-lj4OCXEHXiKM1E22E0Hdj8jfPKsExHYdMXxwWQw1qHZXUI7h5zQa_bjh5ETdfZwvOCw87_IDpUBsIdGLWZm1VbUH-kQeg  - Ta có https://lh7-us.googleusercontent.com/fIkalwnkFqxHeHJ5rHWUV2E2F8APDIx_CCNdHd4tGAtTHYy4d3J_pvLGHN_RVmloWbgWWtKl9qgVLX4NLfs3-vR-hAAYM0rFR6XMqLYlXGk2p1k4Q27Nv0jg_onVCRGPtDz_tBhlA5nECXNpHDCQlQ  - Số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/wV56tfCxiAlmM-plCSJKn5VnyJsk1kUBdHagAmTSyovYn1mLBSGlpNAFCE7qQG2DVtLsTV61pbpI1ZJh000mP_6ZV9_t_QjxV4wYE_2xA5PZ6awqBECfpYx3SdIt6YUf1MfK7riQoLcAaOepu2-vAA được biểu diễn bởi điểm C nằm bên phải điểm 0 và cách điểm 0 một đoạn bằng 5 đơn vị mới.  https://lh7-us.googleusercontent.com/HmhH0KNizYOreoNuZQPNjSEKKMlBgBWheH84XmwXRSb3lTRPeISzSYiqLdcLRMJVpLCFp02OD-tYGKZVTcx9nGmMtmGC3Y-jsXacT5Mak1p6Zk0wr2FuFueIcCJuWf4dP9o0uRqWDQht2stt7DxqlA |

**2. Hoạt động 2.4: Số đối của một số hữu tỉ (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hs biết được số đối của một số hữu tỉ.

- Viết được kí hiệu số đối của một số hữu tỉ.

**b) Nội dung:**

- GV cho hs thực hiện HĐKP 4, yêu cầu học sinh phát biểu nội dung kiến thức trọng tâm, nhận xét, lưu ý

- Hs thực hiện thực hành 4.

**c) Sản phẩm:**

- Biểu diễn được một số hữu tỉ bất kì trên trục số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**  - GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành HĐKP4. https://lh7-us.googleusercontent.com/YdLCrP2kHPHo0jITgDqDqNZCsqpydtVe7rlgmKLxxRZ4z_BlKKLhKUey7PnciwY-XqK_u8f4Mp8SCo1El2-cEJVy-lA32gdLI9AYvVyrzqZRM_-A1mjlTTUJvz9I6A1XiQaSVw_R4NWBbwS_t4sKDQ  Em có nhận xét gì về vị trí các điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/Ufnut7LAaK2q5Es4JicDbmOWFt9TJI75sdUf-xR0UA7yvUJ9WpROFHstalupBRhk916vFFCviLJIn9I3qEI0Wme0zAclu9Cd6_7n9wEOAR6yZHOa82IuYTL9Zva-0tiJDQ-XJ4Yxv6hvhoyN8S3w0Qvà https://lh7-us.googleusercontent.com/pqVw4xIPYG63zT8OpQyedIpf6uB8V359KxQ58uSaamgsy051JgayfkkLHXoEbap2H5qAbQPuvxJs7mqtCNpPWZNEwAUd38jzsTLPkcTuHdtzI3EEp9yaDTZE5-cBdA6SYogO2ErYgyvVgaYJruO1nQtrên trục số (hình 7) so với điểm 0 ?  (Hình 7)https://lh7-us.googleusercontent.com/QUIi7zabgHUUVl2owr5Gp_QOwzMSkzQvQ611bDJEIlXyd5al2HMaStmk11-Uy414InEW2ejn7bTOFqoPlzKadK5GotG0I2zbK8UKIJXmckWktWsXSEXkeMk2rkooBMx1LleCggmm5AUK3X93Dcewpg  - GV gợi ý học sinh: Khoảng cách từ điểm 0 đến https://lh7-us.googleusercontent.com/adCm9kstPx2SvamGfehDBTsoccPXZtIL95VuRVBRDl6GSFg547FXzKTVyVwqLOQjMCyBUB2EObNYfHFajg6vPg_OihJMX78JxFHu-sC14aL1YbPSQ_A1JSVUiDDcaRmyEl-aXuEaBzvt0ji5ymyIGw và khoảng cách từ điểm 0 đến https://lh7-us.googleusercontent.com/Ys6hRYSsNM41hBexozD59-he4_e_a_IBgoeGbBfn6vEw4NaVKAV_H8qoSTxkI_-xqOdWuSAliYZtmeJ9IRoHV6QkNTPZ2PCkbULkkwiayMgd3nMH5tGDOkIEgvED3ZkaEc5vWyKD-WTkUffGyzf2Iw có gì đặc biệt ?  ? Vị trí hai điểm đó nằm như thế nào so với điểm 0  - GV yêu cầu 2 học sinh phát biểu.  - GV đánh giá mức độ hiểu bài của HS.  - GV yêu cầu hs đọc ví dụ 6  - GV cho học sinh đọc phần nhận xét, phần chú ý.  - GV cho học sinh thực hiện **thực hành 4**  **Thực hành 4:**  Tìm số đối của của mỗi số sau:  https://lh7-us.googleusercontent.com/2KqwGQLOVP4OY1KCf4rpw_ug8FZFi-L8-tyvm3OuXP9hAvtOnrSOOY-kfDIOwb_L5ipvWet6VkH-SS-DL-Y3IMkaCGZKb8rqiTEt-7MBOku4Nm6MaO_vkbJ3IGS93oVQU8ydcMnX0wRragygJEq7FQ  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hs giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  **-** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm, phần nhận xét, chú ý và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.  - GV kết luận vấn đề: Để hai số hữu tỉ là số đối của nhau thì thỏa các điều kiện  + Cách đều nhau trên trục số  + Nằm về hai phía điểm gốc  - GV lưu ý hs: Số đối của số 0 là số 0 | **4. Số đối của một số hữu tỉ:**https://lh7-us.googleusercontent.com/3bAM61Satx_xFD9nHZ6n7q9PsO-K2pnY6t_NjM2Bd92QEcYaESb1zfsycjxD_fWC1HwbYQvbLp3rojNOpxyYTloLxltqkMVjiTcoAIU-z8IY-NlfToHgKClpcrfXVyr2O1-83Vf24FzUtMY8sPgBVA  Ta thấy khoảng cách từ điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/_BJeWLUi1_bwaOlXP0X0HAW1GOd9hG6nSKi7AUoxJ7LrrgCWTIu_q4LfWmm8mjDLKjaINuO_Ig6pnCHl0hUIW6hQJYs6_2X47gEZE2LqCFH1Gz_Ss1kvHg6ya78m7SDFVFnqV-mDKomRAqUtr8P0TQ đến điểm 0 bằng khoảng cách từ điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/NOu3etOeJ8GynnrAevJHy3vcIqinUsw72TXFLPg4JEUQyCSXIzjVRAEX1FyfV-FyYj6Qf8U1U7kShT_wzEcuGrOSg_HNcrIGS4QKzTFQS6AAKWG6SfDkCQY5GULZfjPKKWWjZK1MSqJM0qGHV2atBQ đến điểm 0.  Như vậy điểm https://lh7-us.googleusercontent.com/AFsXO6CQwdiYiBhhBOve98TxAZBgYg0YhyU3nLc9s-yEAmBZnMp5NQGswjhzLvKcx-bBv741IwasUg_Y0nLmBOAz74JDcCVBeD7EPu4shuCgXY-pOJC7dRvo6rB5uk9SP4jTNF8bd7ub6lw5-8oVtg và https://lh7-us.googleusercontent.com/WDRzSpAUfrwv8Z-crcbIgS136kRvQT6FBBrmCu45pxPX8F65GseENOpf36dPHNxhXFxH-LcztcmdMN7o94pP9Lip5DHElge5qEOdobK6aBjdMKSZ77SwWROcKS37dISaLp00f8-InfqHa3x5od4j9A cách đều và nằm về hai phía điểm 0  https://lh7-us.googleusercontent.com/gxdBr9GspgzDZ-oWb-JGtEoqU6mFUCwvTjlyTGWbYJeaZ8A1IqBeh2SHcjjCGmOIsbX1MgdfF-MQQHU-59nGmLYVnJf3HixC6l5pOTaOBI9LmFtPCnCxvTSCS4uZ_sPHLdZuAsRNlZ2WNrWTGgjM1w **Kiến thức trọng tâm**  **-** Hai số hữu tỉ có điểm biểu diễn trên trục số cách đều và nằm về hai phía điểm gốc O là *hai số đối nhau*, số này gọi là *số đối* của số kia.  - Số đối của số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/Uz23zeKM_U6-Xc1Yklun0gh7iP6tudLRgEfOaf0RReXDUTtm3SmMOQ1CdwS4bCApHFcV27DI6srvT5syl8vXV4UcaHc1ycFrQ2tCrhLisKQhTqmvqB0f3g_XO5Z-_luuLbW9TIh4d3_6lxtfivQilg kí hiệu là https://lh7-us.googleusercontent.com/dZBgXAqMOu745HM2M4nxhUK_apv6EEGbfxNhkOKJgxPAXfbD6Ow5orcYtXr8vPlxPahLhLG-2y13E4CfzHZNMFGXnddTq3gJjW1ApMByatrEil-dMU-CrPq2nJ_FN4SNeTkHViFhjOyVddbCnR8IyA.  \* Nhận xét:  a) Mọi số hữu tỉ đều có một số đối.  b) Số đối của số 0 là số 0.  c) Với hai số hữu tỉ âm, số nào có số đối lớn hơn thì lớn hơn.  *Chú ý:* Số đối của https://lh7-us.googleusercontent.com/W7Mayv76CvODv2R3NHeH2y0qYXvGQHwZAjFIQTpH59Z4Y1nka0y9VgDaZTNopV8IiGel-o6iaUmnwD2z-NhrtI9_3wYbpl9KByLtgOceZFHOrdT5W8RL-pV8-1wEO9twr2gptWa8lOczlllcvqftLA là https://lh7-us.googleusercontent.com/mAcYUAFMfX409fJYQiItg6h4LyG9sWARU4tBd53yr5hqwewqaissqUC0YI-LPj0skKF5TNxnABOOIqC8IfvsCQzJLcSZxsyezvUBavr6Aibl2V0OhUdjsaxkjQruXGrgNUmkv_RsWS6CxfFF3ljMTQ và ta viết là: https://lh7-us.googleusercontent.com/8JodPi2eleeotp9R_i1lv1v3qz2iHj8gkTTSzXLlyLckzoqMIxS03PA5e706mb7ptOzgiRTObdhZ6pbU_BnjAsimHXdfQbGyo-6NIcClO7ZvzmmGyTcyUHWfivky74EH5ogibTljIL-MHtOTsNMUKw.  **Thực hành 4:**  Ta có:  ✶ https://lh7-us.googleusercontent.com/7nqPOLRwgdonKB0LIXD_VMC8qRx0UHHJqsnaf7QC-TmSylbu2za6oWD6gMSFUd0bQzJ24eIQghughjrqJYJxks082MwstYSXeHooyagzYVFSKNO8_Evusgz6OYN7IIPDmzKKjbRknsqk7LTUlUgp0Q là số đối của 7 vì cả hai số này cách đều số 0 trên trục số.  ✶ https://lh7-us.googleusercontent.com/dOFlTbhFLUge8CDRj8QVSAwCQJM5CiWsoQXN5tpsZ9EnfI5x-CKka6P1MCJ8MDEDv3IDCL_NIQoLDHx9TjP_Gno0Vyo5uZIaSW2vfE8GxP11XOYPlVqsaRpSz-2BST6VOJU_0kXbJku7R09kay-eqg là số đối của https://lh7-us.googleusercontent.com/zpqXqP6v4M6tgiQAkSRKOvZpWZiosyaLF3a6oP41RYyVL21LLvSlawOK9rlJSTstNDqEunzq7CoB-aWJMqZaw4iUPZKHtRKpCJPlb3JIQ7-GzhBZ8lEt4EEFXywvtxz9phjyOYqddRM5B09_jbIUnQ vì cả hai số này cách đều số 0 trên trục số.  ✶https://lh7-us.googleusercontent.com/uzZRh_4TxXJk6aJhNcMppInFuog68hMlrm7hu-QAOy8Act_OAnBMvbBMz-GjWodT1B8OS1Sq93aFC0ptsBspk5ZqVnzoJ6kcbYdfoKEyi6SHbHD8mjhfsPwh5UUKW7tE1DgncchaADuAtWqgOWfIdw là số đối của https://lh7-us.googleusercontent.com/s4A2-eEpYt-uVdLKsZfIOohEc8oi6pPgah7kmlT3DBov7QY7ZxVBhWSgPmRf7MyFh8wWmHePpFr3PAqpAK2OZpJftB6oPzyiUjsEx7HqZscueU0VxhXIjnwwJjqZ2DLXz1guHm78YuyC9JsQfIadpQ vì cả hai số này cách đều số 0 trên trục số.  ✶ 0 là số đối của 0 vì cả hai số này cách đều số 0 trên trục số.  ✶ https://lh7-us.googleusercontent.com/vCrnKonfYit1xZ8O-oqEbY9MGwrjVUMqHB9Bawv9MibXOGI6iePyTPCBeOtiPFihq_W-3lDq_ElDGfsAQrjsxPxu8mdHaRcbT-QJQBUBfeUdMeSYn7PO06BG6d70neTjTrOHZQ6D5mK-G0UPqDGgIg là số đối của https://lh7-us.googleusercontent.com/kcyXYmG-kE7wdb4OhCnxb2ZN6DdW0X_4GyAozAWQOaJhdP290MRmLGCfvnvsep828q8Y-BtY3lhHdo6QbtRsFPKvkiopIwhhXUJMZLZh-W3jaUbC8kMbKanMsiIYhZLoTITx8YzB_eA5oV0aOID5kA vì cả hai số này cách đều số 0 trên trục số. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS áp dụng khái niệm, thứ tự trong tập hợp, số đối của số hữu tỉ vào giải các bài tập.

- Giải được các bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập 1, bài 2 sgk trang 9, bài 4, bài 5, bài 6 sgk trang 10

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 1, bài 2 sgk trang 9, bài 4, bài 5, bài 6 sgk trang 10

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện nhóm bài 1 sgk trang 9  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài 1  Nhóm 1, 3 thực hiện câu  https://lh7-us.googleusercontent.com/fZtKOB-HOWmWuTPszPbOUx84UWxRCR6XmqjfH0eQZ_sGDdZZCSJi14_ewGiLL1ybciHGBnY-xCQTKWIFToXJew_J6DKINAeKP5tGw5Bjnvl-HXnbRvoULFXq1RdB5L3EorkkuAAFGh3vs-bJNaN8Dg;   https://lh7-us.googleusercontent.com/KTQqfv4sDWHFZI7TSKyyehN8aQ4bbrU1BSPVFur8HwP1ekwqj9RUORPqBSYTTCthIz_SGQHaR0n_TfQUeK0cBgcZ7deg31kzJGJNAlAFwGhoe2Gy6b3dH9L6xUid2jDAPRm6DHGsgSu-HY-g0rtRhw;  https://lh7-us.googleusercontent.com/dZmHFmL9V5ZJqcP6wCSMlxJpXF9i7xk4CVSNmYHL7LtQYQajRFppXx560-pt-1WxXr98ssEUCwJCF3TCjroD9wS9kv5Fn5NWt6pMzHlzWMLdb88vO0zinieNrkNrlKNXa6A2tpWxTbX4nruvWR6s5A  Nhóm 2, 4 thực hiện câu  https://lh7-us.googleusercontent.com/XryY8UNxHZ675JzqmRhFp-9zHqsZXNk2uEXKxjpS4D5Goeqbrb-H8NIzr1H3fzoo_MCldtfMKbkna53TfVqLs33zEdzNl9VJB4sebxhUkY0A2A0gvebsVYaeA1gmWxDIjTXc91bFVeK9I8WxZ3TsBw;   https://lh7-us.googleusercontent.com/s3JIpYmcUdgg-XwDSKNNFXCKHixYNVr70ulU3bjL3Rei3c_8HSZZaPGaiXi_OM3TgUCMmlKZqfQPdBCK1bxd59AOcKEAxsKaSfyOBJ9OxFrlqaaWps74H6Khlgwkh7oWFKdzr-GNwMYFyV_-GbXaUg;  https://lh7-us.googleusercontent.com/ka7Y6eR94HP33u_pRpGAroZDsn7lWxJ2gM6DGvdP_P39zUogWxkzq_xGQ0fZ7Ax_oBCzjslpq6OyweuCs1q5U7s82f29LkLA5_6HMbBKgSsgVCGpuDS4TAjLWlqW4c2lwibAouMX1ZZiiwnW7652LQ  - GV làm mẫu câu https://lh7-us.googleusercontent.com/8Or8_UKmhsekD4Zg8xUkakOd_HJfClQ4xOaB3FDX-Oxg-KpYY8A_56HQg7ldEfY27Pcill_ImpzcUNtIug5FOiYd5Efi0dW1PzG2mGgmliuIfiwuDwar-L3exs5YCYIjyp9_TIj3Ylr8wFvUTgEImQ  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **3. Luyện tập**  Bài 1 sgk trang 9: Thay https://lh7-us.googleusercontent.com/Pm7n-2b75_ll_sKQsQrQEjmJcveBcyqA0oPllnKGDXwulMcWIyYWSiodoOvvNOIAwSRvSTGP7_rBx9O6Hy9QyEoKSZKBQT9QJTTaOEAuorm__ctYHcFEzO2pvUSmP5b0BmZy9BlZ1wlIpZlLWEZWSA bằng kí hiệu https://lh7-us.googleusercontent.com/Jt93Um5sRJzD7iVsw7I4HXpvg9pBAK7Bg_PaZdk7TIty8gA3e3-zlk8PtW7nm9yxH2-PcnrD1AZfeily-dqSLLi8hQPT7nHCqw-CZGRe9HsnsruVkNNX0wLTYDLmQLiiVR-3gzonPRWVFQtxBMsgkQ thích hợp  Lời giải  https://lh7-us.googleusercontent.com/V2gVRCbbi4Gare1kVaKHCiqHwBL68t64o5NE91Hc2uy4k7PPNZ0_fqUvaeM4Res9eL_xP8nCtpff-jTo3TmzKzkpxzqKvXeMGGahaef-GiqI63FxsbBL1nvbZPQjIG_zBM8Lhibrx1tJWbGrTB_e0w; https://lh7-us.googleusercontent.com/3pX9VJRHkYis88TDzfXxZyfoFHkspwFzT1VPYp5qSJWrPLV-9WmS5A_6G45Jhv1FLl9gQDakzPDsQyXDPQeTz4PxVgXdFET9MKQDtdOEf9sLaYTnflT2WzRk4rhwAbAJcWQqUt3W06Q4fyWUiIsUKA; https://lh7-us.googleusercontent.com/qcmgaqWah2lS81Z0__eIHmgk4Eltk417ScmWuygUCNrxxdIdy6fOLPEtgEI3e0LmFnpBLRjV1pMMh7UevATnU0uiVqw7ugl_cT9yd-nL3Bo9s5dxGJuSgy7Z4o__h_793zQ9HfkF-qcuYTPajVXGhA;  https://lh7-us.googleusercontent.com/3DR2vGI7x3VqLuzS5DrnYyTN0Pnc3o2KUkv9UIu-F8KKV8-t8gJxGRFlXDpc1ryTjInhxvS4NMMFmPqSpzZySl8echvbwJnQXk0OtAfUCaMtcaK4KF00bEZ3-FVU-iAwAzONL5L-nzt7I5zydEfM0g; https://lh7-us.googleusercontent.com/IDzxzaO_veihKTxyj6_qaARCX1hPud6laNOP-C7z-otsGFSgweCpAu9KmLN2ZM-q4M1L_twAe9HMVBcJrxfLje68JSy8IwbJkz3CKdx2GPM08pNXI5-DvbdCTj-gSyW4zbrIjfLLNC7PBjoeEyLPrA;   https://lh7-us.googleusercontent.com/wawXza0O_yqdgshW3a02UQPkONV9ARool9zjp_iQgNyv9bnG3C9bb4BPsHciGa1bl44mJwZo0Kxyvck0kmnWeFJ3Dw8xZ_WnkJBz76G3dqRktkMzVFubZVa6-cg2Ju1t8EYz5CAok8dwadGmY9Y7fQhttps://lh7-us.googleusercontent.com/e43JiAn1yJrEiD-FLn20O_XZkaKmaYNu7ObGAU4OFs0ZchH-Qc-NY6ap4pjyuqEomuepiAve91JNCNGK7OIf7yzbKIOFIcoyZzA4FqqJdFdr4dOLx443Cw2e49it0Vfsqr6wckOe7fs19bBzV-d5nw |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện nhóm đôi bài 2 sgk trang 9   Yêu cầu hs đọc đề và làm bài 2  a) Trong các phân số sau, những phân số nào biểu diễn số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/D7cYAWJWHXDb_9qHUigNXWW3XDFctwNlWWUq5m9xE2urafvnyWQkLFEWnY0sKH-kIpCHh3z9CjpxVb8R-Bm1l66tFzL6FBI_yLdKwhO2O-fqcXvBUYb-rEkzVELYybvrw3w-D8eKNrTpSu0ik1TKuw  https://lh7-us.googleusercontent.com/udKMGYJ4E7d3Xqa8b17c2htMFxPxxMdIjHlQ2hOlps2UvCvXt5KuL_mx7PsdUgivZo9cWXYfQYa1W0vJF6bHDA3dxOt5Sxukz4Frp25DJuixYPjDhQUn5mrY3guDi3l11r-gm5OdKTgQ8FPp97cQYQ  b) Tìm số đối của mỗi số sau: https://lh7-us.googleusercontent.com/KDKgqeBDlaAPBKPsdikagvB4Xd_Uu-lH3QMWy3Pxs0Zlqlqu59VN_zlDgOYDr5f_fJi0eYbhxWTK98BCHNx8R9N-WgoCiLtgkjUoq_IAG87nIVabjJmpKhWtKAAVzUOmDC_gKVEoLpRep2zyh2ETyQ  https://lh7-us.googleusercontent.com/8a7rIDCQn4rJPVlm3Y3HHN7guoGOAkFlxMDd3m_A3PF4lMzokRloqVuFWrmduoE9oJ8bwjnSUuDnf1-pZfNl_9lWP-RIjblIeR5-XR4SECuEuk9taPO5ImJ9wQaui5so-j79Voq0vBtKuOewmbgBFw  - GV yêu cầu 2 học sinh ngồi kế nhau hoạt động nhóm đôi.  - GV gọi 2 học sinh lên thực hiện yêu cầu bài 2  +  HS 1: ý a  +  HS 2: ý b  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm đôi  - HS 1: ý a;  - HS 2: ý b.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Bài 2 sgk trang 9:  a) Trong các phân số sau, những phân số nào biểu diễn số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/L7C1Y_1Ot4jEHDqjZDZ0EH6r5mPF9BPERMgd2b5AzIz8K9zwQc8cIVR0Y1KOkDo1EHQlieU7V6kakDrgPcQ77HGQxkcQYMG1jF63cz5ulQ39aqdMheco8a5m240wkSQq1K4dStoSNBnlXuAy-zvu4w  https://lh7-us.googleusercontent.com/5AGHSDKF6gsMy-1WYBQgXFt5hv9nMw_mbz8rUvfEadkRf5KUhwhcy4uO9O9nsRzOKEgwAFgHhJbfjEXpv6PUjLirXk1VapbsP4O5qUk8v10zc2J1pahKUMVt9bKdy5INsVAxKtY1E6go7Pc8DW7Y8A  b) Tìm số đối của mỗi số sau: https://lh7-us.googleusercontent.com/EqN-zipCfyKb_076pWLVbQ1UNOBR7gjbFRpmk5hCa7-NUJ3VuQ8ywa6QYuFDksGNt68jr1DwKs3UZXHYcfPltuSSiP9OQBcatFAKChJx3oRiL9skNQdE9qFuQT9584AifkZ4SCqG8jmXg2DY5HKgNg  https://lh7-us.googleusercontent.com/34H1Z8RZthwcbNN5tfDHlZPvOGTVAe4Jy_8qjJnHsTGJKwzi2Y6FQY_32dw2_76Mgfd1DQxyFJfqrbQYJS585fVV2y0STpixbkWmaOF5mPcAoCkNuUxVobufUEw9vyzMAIwxfHbg1yMF1eFyYdGv7Q  Lời giải  **a)** Ta có  https://lh7-us.googleusercontent.com/LvnnKwwqN54ekScAkphUGJ_CBI4fv-gv6rK97RgAFA7XLrt7cN-1YliENbqI2Iw-GZMq2sIESlgkno4NV4NF89VIAJ6-krD8GXLrFzgotx-WCufnBMWLsfONp6GYXBdocJ0BJZ3MI-ZBGy6aJXvo_A  Vậy những phân số biểu diến số hữu tỉ https://lh7-us.googleusercontent.com/Jq52P92CRrM4OCsb0f9HGbCx1Yt7fpb6QcHG3_WKCWBbUKdwnQ7Xgw8LdQte6F_Hf5BQuzR0FximpfuwfAAeTqxeWprcdzJ2vmbCZZNwTasutfkDCnE5Ao4ryNqpeOW_UwdpCeHhVOOULmjyecCEOA là: https://lh7-us.googleusercontent.com/c7ruo0TW1qK4bhDcAZskB5YZ34w8fhmPSExyQNjIVu8_WPpJZD4BElgedRoV8-5VgI2v-2jW-rWjtXa8qGwdPmgsYO8gAMnPkJ-gzZK2BzpbNhhOE-yGihzzpF-VlR2_QdIxfYXlMWU-Z8joGHCq8A  **b)** Ta có:  ✶ https://lh7-us.googleusercontent.com/oN7lckQnfbpulTO7o6XhGH4E436JegUp6DRq9y-JgqSEpN092nah0OHiABC94Lt4EonFzVXEvRat_R0lW9fYhTArLH6xygeXneIwW5RheQ81HaKtLzfGPoqd7nEB2GfIOsuXK75-HVwOiflJsXFvxg là số đối của 12  ✶ https://lh7-us.googleusercontent.com/nDpBrhWoXQb-W6eYiKZhACP72ucZjd7VGB6Ht66pUTibZOQfPNoDUSJcxtUXP_uh04LXgaaL2GlpOoBEdbPJSrPQrOm9WfowEvE0-wF5Rn185MkD3PV5JDHmBiuC0y1OCD8-gCoR1p3QVAnbYusmcw là số đối của https://lh7-us.googleusercontent.com/CWPh-ThmX2SftatHy9gSCDFbLH2FmQ8Mq0dqZkfa9jY52CqhpIewIrFLGBIsORVxDgMOnp9NYABaJxMFsNIzE1dc_DBDaV2Sg2vBoki3IynIoL70CIZB4WJvzeEpqI5ybffWOymjKN7QqgiZx6nzVg  ✶ https://lh7-us.googleusercontent.com/OXCZAajc53o7RIAeQon93USzBds6jcxES3RPVEOD1cfPX8gsdTMkhk-hmC5AK1YHChQWuN1qTQh8jdGjEmODiKBBBazh-fI6ukscrRJ3OeuqMQs3a32blp4ERe6wLBdD-vl-_2520sEg9o39JEb5gw là số đối của 0,375  ✶ 0 là số đối của 0  ✶ https://lh7-us.googleusercontent.com/QJ7YT_9h-SqJAMWINMaGdsCsuoKZsikOr5xEmgIVa5SpR_QijhaAG9ylwBUgr020mljYnxNbUW3uQNYOr12WlyfcdXIvwVAulUBfR_HYQ17z9DKroHfmLW24ITv-KRFZxxf3kUgCVAz5P9Yaz1HWuA là số đối của https://lh7-us.googleusercontent.com/cm2FuETNiEuHdOeML9Jq6AWY6UpqHsuu_W9jbN17JIrZW-sTeBBPxuFBeY6awHusiE7fcGz4l3g6OPVqbB5-XXifM9JBEdYq5ATJ-GOsGthXyA0rWDp1tBTn-bh-k6uKdZZ6j7qvIfrZyXfUSQkXiA |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Gv treo bảng phụ bài tập 4 SGK trang 10  - Yêu cầu hs hoạt động cá nhân trong thời gian 3 phút.  a) Trong các số hữu tỉ sau, số nào là số hữu tỉ dương, số nào là số hữu tỉ âm, số nào không là số hữu tî dương cũng không là số hữu tỉ âm?  https://lh7-us.googleusercontent.com/MamxfeBq64EfMqNfsA0YAd-n_xWvAIYoWVnfgnnL6DBNIHX74hnajOG1wff3T3yRJssxTZgqtZoMGI_uEWeK7KxisE3aCjE527dkzaWFuQt4ZEaVjFEFTi9q8S30RpITgkN08bxCioQZSaPVHMlSMw  b) Hãy sắp xếp các số trên theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.  - GV gọi học sinh đứng tại chỗ nhắc lại: Số hữu tỉ dương là số hữu tỉ như thế nào ?, tương tự với số hữu âm và số hữu tỉ không âm và không dương  - GV gọi 2 học sinh thực hiện.  - Cả lớp chú ý, nhận xét  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Hs trình bày bài làm của mình.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Bài 4 sgk trang 10:  a) Trong các số hữu tỉ sau, số nào là số hữu tỉ dương, số nào là số hữu tỉ âm, số nào không là số hữu tî dương cũng không là số hữu tỉ âm?  https://lh7-us.googleusercontent.com/pQh32z56lG5Dsf_e75E5Ygfj33LIJT2ROU_G8QA4y275Vk2XlRLESvMOK_M-no4sFa4lUfFoNO36_IFlHXEr9gm-TH43uwgbNCDoj8IHto-oMFe8juf_dv3riPTbr8UwuaEWui6HzwZhEiK7KMkhKQ  b) Hãy sắp xếp các số trên theo thứ tự từ nhỏ đến lớn  Lời giải:  a) Ta có:  https://lh7-us.googleusercontent.com/O37yrlsMQK6XceeaBX2ryshdQ9v3XQaCrM0Wsk1UTmoXhJMj7xmcmRxMjE0PKj-4zOfmF_jfZuZooqObsI8Sbm40GqeBZd6ZtUxgTojAzGMcYDNi0O_ZG1BzjlyCEzmCP66zcUbOZZhkOjtlSeL30w  **Vậy**  - Số hữu tỉ dương là https://lh7-us.googleusercontent.com/iCSMl5-jr5gkvWfLrqp-eokTgb2IeRZx0grNRt40j8zGJiHtnNGf16rcQs4Ll0eNK_5mOhH0eR5QB7jaWDOb2ySfFqX5-4yQp4uepO1kaSRUL9g7kcn5hpfjzuxSYg9dBCQXZbxYnxulriSdXChXyQ và https://lh7-us.googleusercontent.com/44KHQMGtwohNrZbdkeOy3p56L98Ba5H6aiF4hM2pUhIXOxU1Ni7RmYpSvE3HFARbuJPX9_pq3NPpPr7BZINBoDHYLYzh467v_S-BAwsXCpROtlh6o1gDPdLMqIxeYjKEinCR59dOI0TVyuVdx5n0pQ;  - Số hữu tỉ âm là https://lh7-us.googleusercontent.com/iK_FRLKqh2GdFH7glaGcg1CjDXMrsGvpA8w2ZVYuBtWywYcd7W0gMSxknoruEQ3gud9bPkAsjKzJaEq0Su2u4Xy0sU1qna4FqwhBBdNHdUgv5s7nc1DbDW_fKeRSEWDeJW6_IBBLG30FOJQHLG2osw và https://lh7-us.googleusercontent.com/CRzi093Jqwtbh8ovxcpoZEMl0frpdMMI6fFMIYg2GrLzg_mh63ySAn8CL-uxbSqX---EZNRZTGpfO8OtSeVmxTRKTk-AcYzcwVdTZMGjj3ajXo9vtvz_Um3hnU_AW3f4oGHNq50dqfORMHZzBB_fLA;  - Số không phải là hữu tỉ dương cũng không phải là hữu tỉ âm là https://lh7-us.googleusercontent.com/kE5qE30Te2nBzjig2D2uVfL-k9LtYV40RoTGUqabQezw-cXrQmNlEAzBmJo97D_px9l9W8lYCaZ_C6Ee1xg6a41BIE2LUbimtznl6tHE_zkDX55N_QVHjbZHdckvrNEZZqn1He33gvWR4ZeEdFyxeg.  b) Ta chia các số hữu tỉ đã cho thành ba nhóm:  Nhóm 1: Gồm các số hữu tỉ âm: https://lh7-us.googleusercontent.com/AcyRdKl5lo2jmMzC5BcNUtDi7YHvquyUbAK6uLcHMra1p0PA6vFw5bnmYe1VdImMGr_YvMyVfskK3eMRfs0Ed8rqgswNgg3fs4zcaSOPYmsUUZwppN4NG3v_7v5bC7qPyCu49u0Q68w2zSI1MqIZFQ.  Nhóm 2: Gồm các số hữu tỉ dương https://lh7-us.googleusercontent.com/va6Z6dV9_FLzKdNzLDJKra-tJQrzwDEed6V_xIJTdowU4jwn6OXqqUnWqCz7FDn1BjzRAA4IjfHrSLFdQo1gl-f44bJVWQ3n4ZE_6U7LbHoEcWL5i09qVgoAs-3aDMNW2P71EeqDzQBiPA2bWtzaPQ và https://lh7-us.googleusercontent.com/-8jz9245BaE4lXilTeraR_URUkO_tXN066IBj9RSjza2NYNpnAsOZcq9CyvSThm0ieW79aZiWiH3HNoh2jTfG8OZaiNh8XKb6XJqaM1PguPyrDwagxZWKfL-XPA9LiSyXsTVDhv2fyQNuQ5eAwmDZA.  Nhóm 3: Các số hữu tỉ không âm không dương https://lh7-us.googleusercontent.com/OV8vdZ6mrYv9WWKywo3HC4AOV9XHmL9IB20S8ximFBUmgLR2RDIoAiz_MbZCZc0lGFA0GGANIgL-2bwMQjELmionCfoThIbvBaF5WbDjsWywvF-qK3ML_aFBGPRNk0DR03ISPZ20F6WtU-mC9_dN7g.  So sánh nhóm 1:  Ta có  https://lh7-us.googleusercontent.com/zgARggIuRU0NfJ1Zww9McuNKuRqTIJPMzswBYWmwdlA26-kRlnj_Yk_HyMhUrdIWsf8njePrZfb1YINPXp3xUze4W3h0b0RXsdxC8FXg-pOX1jBYZafOnLBGhpk4XPsvt_iE3j64-X5u_npmPqvbQw  Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/dfWjKy7WwACVXbo71XDTanYPmYWVt3qXhKagOei81oUsdXClT1DFoShNT4161_Il_5TQ-8OgZqCQPkdTQBkC2V175e6nAi7WTukYERJltMYVc8QTq-tVXPEhFM23opWpYEa2lE9ksE-9R1sAOrvEGA nên  https://lh7-us.googleusercontent.com/TfiiLRyeMsmEIY2Mdo-o7URViBTNFWAsJ3uI4Ay15hVBNSRmOhkdNkVGqtOd_3XJgeJioLaib17rTnOXQqLFuFGdvO_YD7mPM72QZxCYaTQJ948YEwutcanPwelbV_Cf1DKn6J0rvdHtN3l_av-tbA.  So sánh nhóm 2  Ta có: https://lh7-us.googleusercontent.com/B05S1HSmTVZi10I9aX2jnYsi4mu5EKR-lnSBt79Oghc2jTpc15INa1tGSJM8x9AwznSke9AMHHKFmeNTQ1MxNmZhuUDcrVQWmds4HtO1XhOJ7G7zHcctf223qKoiB6v3gdht5-nLch9IBNBe-O4g1A  Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/j2pjYWnRbQXGgR9ymKRw4rdlgTE6PaX1WvY4CTyADbNXmctEl6x2FDzlr2epJrt7axlsBKe2i6P5uktkzBhr0nC2795tHhLt3L8SJSKuRNhJy7uYpJDeGZtn9Oz_23qGr8JV4Was_4_LLchFtlvAEA nên https://lh7-us.googleusercontent.com/8H0ddNv7dgjJEpc8fXlbaeVsMDSHBsK7B0TJmrS0sYlzR0ec2ugVqs8Is1YOdHWbkNhXmLfvnbrDER19_hYvATvJV6NVU-JcJTeSMCj8qpmFnndiLZ-Wfj863IAwhrwElrkSWbcRDt43cbX2PEYrrw.  Vì số hữu tỉ âm luôn bé hơn 0 và bé hơn số hữu tỉ âm nên ta có:  **Vậy** https://lh7-us.googleusercontent.com/omu2M9qiwm5jsYgOC8ZRSh0qCpckI6Gep_jb3j0qahztsjGCibS41uBa3CPTKp-PF0g8hn0xqh95Tg3sgp0ZsvmOyIhfGvm2SRqTSQhrpYPqr9dw-VjZDpikvF_9xGr0IhiOwlY12fq2K5DdGf1Msw |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Gv treo bảng phụ bài tập 5 SGK trang 10  - Yêu cầu hs hoạt động nhóm trong thời gian 5 phút.  - Nhóm 1, 2  a) https://lh7-us.googleusercontent.com/63J7twDuoeT9-5sejnU4RgBF6xklQIOmfVkwIen32O2cMBGx6ANFu-5YtYrZaylNCo4MBuGZxIAe2AKqjpoUTzC2KR0AeXbc8hP-YOKzcjgFGxac3CtIE6NJ-lICBIFxnAQ8VqvvF8yN5rK6s1pLeA và https://lh7-us.googleusercontent.com/DN71ggSGatUPK11YomNIPasHk1f8H8kdysv_ILoSwFh6Lltq-w1uuGzTr4GoYzP_QWB-DHvUQqUg3u0gLauKkFdrPo4i4OyOTtPXCeROuG8FvxzkN7-vcgcFT97g2fas2qG5rTQqoGPKmIK4Ib1Jog b) https://lh7-us.googleusercontent.com/ELAVIXJxV5bbVL1r0MbJpFeUJu1rCDkKKBUCY12QfD3sMg4CrK2VfrNC7wTkbLlUcuWMvTqNq4DXOyjfYLBiUR9x-zb6SqAagH8qUUSw5R5tBfIaXxJZcOuwWvtJ9lmXAOH4GEvWnu2rB45Zr06Lew và https://lh7-us.googleusercontent.com/B_ir6CPhZ3O1eh34g8Xs92j9TNNgcMOQOajouBvBFDgn8TlZKsXSDNXoCvLMOT5L_jBvTt2I2V4tL6-WNrJWfMpqzediEI6xwp58PUxsU-8L-yjUubpjVh-bGJgo57tonpBjtNV-foBMpd7RHaerJw  - Nhóm 3, 4  c) https://lh7-us.googleusercontent.com/merb09nFfKrf_R5oxm9qkss9oRxbtgM1TCZR08ZCSS-ISXjgQ8kKLugzCWRRucSOuSb0svSjUeOGhtJtBN57tw7Z8iTbfgsIEGMRsMFd6Ky4i2HflkGf7N2SYTqy7FwpuYQooirSvk5NqXcDffm-BA và https://lh7-us.googleusercontent.com/EfLY8KWxkF-9cOfVUEotWT_29hS-3TXYY871MQYRus8igY68sw5iXT0TQR0nMbmh9CaK_fb5lpS-YIv6c-KJruzYZiE8JA-q07qCCkL4le02rdnJoD7vgddiHtoTP2EINfbnMCC5xOsMRCVLKScK1Q d) https://lh7-us.googleusercontent.com/s5H1UIazlXSqcbzwXr3vgoGRozutKlSeMOtgAh39dag0VuP9nJF8g8R4EcCvq4Giaaa_USmclBSPV2RXsTOHwLsAyXQfamiAhifYEDI9cJSL6OSbhRjc6IHWtTKgv_XJvUO0TpKU71IQaSn60NB1XA và https://lh7-us.googleusercontent.com/9wrkbhIfyL_gNBXFwSs-dS-Q6kveeAHNVSHhUXN_nK80k4t4hz3RqOqubWGZH5vNk_EMf816B8jrX_sgA10PT99rJ_Ylc_Xo31owXpK6AvkrkgZLliKxe9wlBN-yPRkSwvKvALIX53kAd8aCEzDNUw  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Bài 5 sgk trang 10:  So sánh các cặp số hữu tỉ sau  a) https://lh7-us.googleusercontent.com/jGDT3TFWDfuC3MpF6dWJgC0_ohz_bHojf1jaC5fcyRn28qcb0j2ZlN2MV8kkQhN5MDnnlNZGtusIzd7teq0BMdmq1RTH53h7AvFomco5t4vR9xbSK7iEhJnJikvXEB5HZfNjQFkZhPtUb9LvkF2RwA và https://lh7-us.googleusercontent.com/8YvlvJnzH413OVpN3IZMurblq-hOYzM9fP0qrb0uKbK5jQ4sITNYSA16-NEeVcMQVlYVF8GpndNdBv9K302sQZIG7etQ-BsyE0OgW21wL1Rte7T_8NyVjcU7YABxMT0ceZPVduetc1ehn_xjMaGDJg b) https://lh7-us.googleusercontent.com/fUh9edLyxuWIz_h-7SF14Qv7o7qP01BNhUGC6gSG6qDg85MThN6PvmzcFdqApZQBKcwuEWeT4kh_QIH_KiUWk7_HYV3NrJQmsb_DNgpS2O8jin0AvFEDhaSOmLx1lGpxqfnSjDCwX_ALSiiaoEnHdw và https://lh7-us.googleusercontent.com/grCqG8ehUtQmcDi_ERZ-HzE7D5JKu3zU6y8KeN-1XHFL_5f2P-ijqA4YHhkkDpMDb0b4pW1gna6TkEKPpE89NkAImjC0HUM98cj_xby11wfcPPGRtjbfcfsf-r67g90K2hJiJzH9fi_vg2v7_7rwOQ  c) https://lh7-us.googleusercontent.com/qVR_BHuOaBtzjKYUWAP66-KUoLaN0qPHPdkuHHdJmu5w13Uq5WooTEZ7eKkjRqCjk36JXjf0ev2NTmpQWCvJt4iHOGWB9Ce2xJPck_9CZj4ZR0ala82Qqj51g8qwMR8cjncOxTXnzBfcC4cdMG-xeg và https://lh7-us.googleusercontent.com/axEi-XlRhu0IkUOtg11PNOJEGSrpvEyKua2PnqJOLlREcgDRLj2PqPwIpIm8rB675K-IVVkwfkUcl915wk1t3d6x5vcod78e_sMke9q_eHw_4Kf87TIS4EKzEyzZp-3Acc4HqPVNhr3EBwv7z2w2-w d) https://lh7-us.googleusercontent.com/i02DOe_EPWjZB76u8UjQc1UwuHGq71xsBwsuPhgvH_p6FmdQaniFMqKXfJgmClvSow4Nx7a9iOGtWbGPUQjtRWeszSlFkZdrK6mg7PKtL1Gu8ygIuZHT1_-SJQOabmX_Fz3qjP50McnUv2OFNEavQA và https://lh7-us.googleusercontent.com/-46YBH0W4eJAXd32-YwfOPEcn1drbr3mnnZZbvXd6seK7EeEQgjgDMpgW87oZMJDeJPuaQsYx4zdLFhBiDdB5IX7ZyaORy7ae4FhQRlN67cBcEeQJaaPLioxaewRhdGdGVb71zzs6bwsDQTgR5d1OA  Lời giải:  a) Ta có  https://lh7-us.googleusercontent.com/VhcKPespFjBX2LSewtozOh2QCBfMlBBWOCR7LV2EqhdnWYe8q-5YoIIHCKDWdAtfC7rFzUuJdee64_00En3HG0dkRAYBQE273QMG67W55-MiiUOf77hjPg3CZh_olCzu-7wUMfAkzp2Dh39rN_fRww  Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/RWS5mX0h5Jcg5oYLOTmlEPUyxPMaFZtFA1BW2WALlvKHleazETzDYZ8aDJaG6CCXblPgCFnJlqy9j23wR8jVt2QeRsqBLWpwKA_zGlDRQtu7DM-y27Sk1gouI3WpWREpN8TxYzyCWoN5Ldlqne7JtQ nên https://lh7-us.googleusercontent.com/2QTQEwcavhBpoTh3wKAz-RtluN1_fdc0yZ-cPLYy3aBTj0W4dUwxjlp32Af8WpTsDtGiG0qCQ48MJYKSx3NkWSOzXs3Luvl-vPvScStkocLVBWwuw72weJ3qxWj8HNX7Xyf8ry75DCJiXZxsW63rIQ  hay https://lh7-us.googleusercontent.com/zOMWGr766uHdP-dsmd2ZFfp7kv3Z09MPl0pv0QEFz-jk4KzTc-J2W-lRnmkL5-kYM5y4JgSHADXPLiNs1g6kHmX1AQeOH5VZCF-IQV_wmW5g9yzjrT20mGwYBNDquQK_Ko3WI3DjWYp0h9TPagATeA.  b) Ta có  https://lh7-us.googleusercontent.com/8x3LQdOwqQMooUQzJHnmWHbO2QwtpwT4ZQqgCfr7JFhJJt0g8QLWjQ_5_hZKdDTaw03JbGrKFtyVtg7aiJ_Yu2rlx23J4lbayMqyOuyTMYPQkrzr_V0PCyOjYwsgGE_pUO352lTPdgwJY45Sr-B5ow  c) Ta có: https://lh7-us.googleusercontent.com/ODy2--XpiqjRd109dCDEYnHnDX9ujhpBq0Q-72cKrwjKDvJx3Y2gfzNn4lFLLAfT8Q-L78-WA0KkfDmOce3yOGO3Ly8yZyqKdFbi-MkGpAOV31Jj6tR1mOEhsmNKlEQCWVbGHbCHcVkvXqVavwslGA  Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/rfSvBQ_giEuESxjpvc3buaAENC8zu8KJmLCYJjcifhgMmTCeGSBSMstOzI33nlj-ITFWj9HGFxpouYxnJrF5D05SxxKdqL_6eLOgqSiVAGp4-hPUDtwksewoxiZCxmJAyeGZXJAZ0F-1bXHEwLGvFw nên https://lh7-us.googleusercontent.com/xAKoIwD3ywxomBHESJSdYI26qRbeZJkHA4BqZd1za4GE4d8RqwwYdjujGsFaP0v1yVNgWmPudzL2sR9B6iEeZei6RbBI8RXpcdy3T-pfR6nsqsNHrW-LkrIXnoWP6WnQaywND5MVTuqp0tbKQWkYbQ  Hay https://lh7-us.googleusercontent.com/rmMjPR2ZUjWTfapdq3UbL_Za9RZOTqjjT3IQOB-F_KwvfMrduI2nLTMIRaELye4a51J4kJA-IoChPK813xPJskN9mpoj4TUNEocrdiZtAW0yJ8a8or2LeoqWWPuMkzf_26XgZDuBFJ2I49FH90cPNw  d) Ta có  https://lh7-us.googleusercontent.com/7uIPCx13lYdB73_uIQQHUTqzBcFOokke0roZuN8oM2PlilmQUvvA5USGWbMbpTZlT4q7gZ5kb0dJUXqnUAwo78XVXJoc0MH8ZmYK_TEkhI1TbR23QGCw49ZCQDKh8FLVVCvelxZml7RNOW9xh9MDag  https://lh7-us.googleusercontent.com/20f8D2ChEADWjvG21Zc1iJ5Y76nDjzdTxm0VRTU4fiDS8C93xAJjCSAAQMj0q8fhWyR8ygiBUfrcxAv1SHHokodW2SjTMtFSyXx2epeOHPr7l3qHkW3VP8qBuTXyailL3Aic9LOuD0h0EAEP1rvVYQ  Hay https://lh7-us.googleusercontent.com/Pq48t2oEVoXTnXCmtGa0UbDvcCdW9lPNlnA7RbMKjGNF5KX69JWYofVDmGJPIBESzdbgS1WhEtgkhLqjlFeYXWlHN-gukJVYLdousmVQkYuBcctR573MJOMaQsiFaGCC0tvFavw4GDRjWVRgbcDTUw |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 5:**  - GV chiếu slide hoặc viết bảng bài 6 sgk trang 10  a) https://lh7-us.googleusercontent.com/xARYIyASXF9uH1FX9Sl6ovUYWelLDMM-V-uQl8woOIHPdvW_s71_X4COpWe6RsJEDOFS0_JiVUoQgFOQa-yiBbiHl59F9BU7QwqCCrc4ODiwLTu7--ec2AxYfiXEC3TixeixQqYnKf4fw1u__damZA và https://lh7-us.googleusercontent.com/l7wrBrGHcuvZSfASn4tzPAhC_1NI0sp04KJsL5SD2bxHMyIzKYmgTCFUkWfc5KHhkjZVEaX7RdxkEvd8T2nXstAnUqd23EsP06nPFvST7-OTt1YZG2N66tdwHiNxCRZqDdgjx1xZbb2pOYJgNYp8uQ  b) https://lh7-us.googleusercontent.com/J0W_sk2UQYl_uGCygGI_dOXr_HgIFkiKrzvHgim0xjqMriTndsFPTSfAR3xc5BREqYF5tWiHr93gS6rIlLwZTUKCwwipDUoukbl9c_fu7zfTBqVpPRzrq1lCaOeSrzyffeN2QTu0MvvxdGqrpm_V2w và https://lh7-us.googleusercontent.com/FKsQFJs716ZvV1lwnX7QuRhXJBdyoqr_YV5g-vJ5Yo-hZMmUCMb4unx3XcMDi1hqhXeUm8b10Hw0DUj3rAE6zHarE5bLSJGDFmHZyxLMhxhO9FgHijgs4F0tK4nzTfnr4_-GAII8FMcBqpOpdUFjbQ  c) https://lh7-us.googleusercontent.com/k5zvRqmlvCCVvqstlN-BZWpv3DGhcHD5ieliD7BLRp5H2oPcYNFa3FrDVpEo8Qvc69QxhVZugVHMuxHOThrvNcKEn7Eh2P86sFuUEg0tkoU4xl47m-UcQA4Pufl830pZbC8S7wtL2CjK9JLJ1a4cZA và https://lh7-us.googleusercontent.com/XElYdb8E-8HclmyxRbPfXfO_vFQZTBoZ8aB-6ZsrDo2zjyx92yaYt9j9N8CPMttV0abSI-nR6t7-A2ctMEPDAlJqmlzBEcqgE7iM9wWKYDZNPuFGVrhOlA8ufQYMiV41iYZPm6JaU2i1rTCcxiLDLA  - Yêu cầu hs hoạt động cặp đôi trong thời gian 5 phút.  - GV gợi ý cho hs ý a: Áp dụng tính chất bắc cầu so sánh thông qua số 0  -  GV gợi ý cho hs ý b: Áp dụng tính chất bắc cầu so sánh thông qua số 1 hoặc quy đồng với mẫu số chung 94944 rồi so sánh hai tử số.  -  GV gợi ý cho hs ý c: Quy đồng mẫu số với mẫu chung là 2508 rồi so sánh các tử với nhau hoặc rút gọn phân số https://lh7-us.googleusercontent.com/3wdKhKlX9czBXDqi3YkM4UoHl8wY_MLdDdsBKuDY9kAD-SyufgTC679yR9YPmgZRt7_R3irhFhqsXtY5xpFDUS0TP0O818HUQO_cAUwI0G_nR1vfjbJo5O6_FfVNQzCfgZmVDIH7SsX_dhAPjAitlw rồi áp dụng tính chất cơ bản phân số để được phân số mới  https://lh7-us.googleusercontent.com/5dsO8eBgon-VoJ2lL_fT32CQyPC0zMlUGgcxi7DJVaUtuf8arU29YmA9HObWuz9_TflJOt2GYLbmugLJXh65aXUvRqLKBJ69wJ3JZi7l6TUZL6vxNygjblsO5waADqLKiw8PVIEqumyaUAowl-O9qw sau đó so sánh với https://lh7-us.googleusercontent.com/LUiqCwXe5smr4GFJSZRcl_Zc3qfcabpW0L2sEbOguY0q6z3cQCN5n5GgCI44jXHjX-VCTIj7ECv5VFVUv03LJrOUfKJuyl9RjXfktjubXfCVk4LQvyFXUPrI1UiPv_cdIetStKUyqKTPbPlc39c4kg.  - GV gọi một cặp đôi lên thực hiện 2 trong 3 ý, ý còn lại yêu cầu học sinh về nhà thực hiện.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  - Cả lớp chú ý theo dõi, nhận xét  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Bài 6 sgk trang 10:  So sánh các cặp số hữu tỉ sau  a) https://lh7-us.googleusercontent.com/y6PSQcqTZS72g3c22ufbKmgIcYjUr69xuHgztvze0ya3QKyiYmx5wUBipGPoA0I_k-2zN6PCybsZ3ZvnUehgs3dqbWF5cIm8Cd_dC_mLNmHBJH8fHtyDYOrLpR1D8RUkt0N7RjSa7HPwbeXjm83wFg và https://lh7-us.googleusercontent.com/SyCpkTvVPTiG43aWTMKChs_zOtO06TO0zYJfS_kF96jO3LUkeKNwynoPdcXinhq3CI_XvmWGmWWxihrYOw1BcNOj41VzCW1aHCPHKNEBj-1kSlv-jyaOhwzN7y09-hGKCnUsGzo6o7qs7PfR5noiAA  b) https://lh7-us.googleusercontent.com/XXcHYA_ID8XCuZU_rxYsnVnJUOXocD-AvDvu5bT0U9u338RoXPi4iOCSuhl-n1dFAqG_hQo8fIhqJMkc-VlS9kOPaQu8fxb3GIhCSnXyxallJWy_uRfTmHI-yCJ7qb8OXQnCFBcqRUUyqyqcRqITGg và https://lh7-us.googleusercontent.com/y6mjD38qGZJ2lRANelSDoqQR_n7jwDmBn2oZb92QH9jacxCwlw2aE99dwf955lCjXVH5CrkrRbpyjmBIq--T3_I5682iJn5Bxd9BroMugwbP2-Gqg1iQEHyBEyjdDdQW0Nv4qjb9yxtEOchvdGATrA  c) https://lh7-us.googleusercontent.com/h8vHinEBPZ7BXh-fY9H6bAYk4NqEtv23txiuMf_daB2wBotAMS6hL3hamb58NQr3d9QkXBeDPvLaxMvr-4eH6zetmouSN9K6gN9PzwWpMmSQ-kz1fEozWJrNav1_IComzgNQRpVvwPHdnoNWRX7Ghg và https://lh7-us.googleusercontent.com/uLMW8Hgbs8i8PJ2m2TWra6_hnRb3I2hM_4bCxyLcz3EgSeP2tnjwkr0I9waPwzmf1kA5eJFX6_DGfgOaSUrjzYB2EcofGII2M4otRWB0uOYj7khasSvhzXQI8QEZtAgdX6Gyz0VUMrr0ei2d-bsdaw  Lời giải:  **a)** Ta có:  https://lh7-us.googleusercontent.com/pUNEg3Y7W7qRhLO_HTGONAAwOH-JoIaqLIHDVTgp1_96kxHhaX3Z1dcSGKV9uYKYUKLYN0h1TWXkeCJXEtDhlEKSqQtrHI-VGRAmSNb-2foXu8ay9gbo7_HIjdVlale-3vUM5dhRp2caQATSvElQyw. Vậy: https://lh7-us.googleusercontent.com/WkcJ9wBfRoM6pV7Ae2UwXRPTzO2ht9Wrec9KPn1GpzMaJu5FSGSUMKL4AL2Mo6aNj1XgjdVFE7drhxj-VUa7D7zEdiJWMNDnKKzlDz0QCVcgTd7nJcQTEa1Cczc7vnmBUZRunsTqZzqJ_2bHBge8eA  **b)** Ta có:  https://lh7-us.googleusercontent.com/d-7BJY0lMEUUYe_TSlGydU1qvF9kuP0PKZi3hT6WzfbMoCnpX8dTMGAcwz-fCz4NQgWzg4jdyqJEHIg-JpqkqmlBgNfFBq6gwKYt-FP9PlyZkzsGCvFdCRFnBKcO_0wpXQvrakcInD4HfzqE5DKkaw  https://lh7-us.googleusercontent.com/4OpMPF44Gf-5pAkNwXsWNNuCp-d9yMDsR_FX17_L7-_JWPjRf0mzliWdph99wc_pIYDgGMECb8Y0dS7FyqPJTSN3tSPC59UPsbyo_9c5cHonzXG9LXUvP6B2UaYWS0ixckSFnwX1Coh280L5lOLAEA  https://lh7-us.googleusercontent.com/UUtU4c4xhLQVxnrn-JkgTOtiYWGW79wrpZJlPYLTxzLIggmMqGy7xeUslrS1v9ZKr-Xk286qP74iSERRs6bU4lFM-rW3yX9tJ-7jypouy4MYQfnimjxtZOJSoo4sFLA4VdZp1lOPtjkogBfaRtwwSQ  https://lh7-us.googleusercontent.com/DE_62OaxUSx9pr0cR7zS51nBnAK2xjJ5tgkql46ty7xnRSVT4WqVULKTCz33Z2UI4cCTWoE6GlQ4w8DtHUjdLKxMenWZRxkmkT6oLRhDo3JbAvA2UPurkwKPDXzBYAsrTzxB8Sa8oSeK3QHGMGcO7Q  Vậy: https://lh7-us.googleusercontent.com/HmPossImUFckqM-uqT6eXmfrMhFyJyM5zONaYFJhmndZuVZ0clb-nT7R38CMnWI9G4RJyoXnmpFIeYOLOIa0c_gFjit-tqZ67zT5b9EkanyN0zA_Xx7PDLUNo_XRnFrxLSvvZ53_g1w82BvrGvxUNQ  **c)** Ta có:  https://lh7-us.googleusercontent.com/KpEZGUlAeKGJHeCiVbIA4aJplCGJYwn9XpEY59X98ded2Z5gutVUx7FLntZGiUljsAuzdlL0qWwHYgEkvNAwYy5akD3YgccoAl_vrqkvMDbau2qxmKKcBr0Ut1RldoxVGO_0MCwtV276XjpBgh5RaA  Vậy: https://lh7-us.googleusercontent.com/4LD0UNKh6OGDHC7FayclyPqNgjvHM5gU4RMTOJz54TL13Qz8tKnzwvxlNIr2fCU1rpY8ZfLX-0hR63FYu6bm1W0bT7dBXgH0RDLfzqYa5dSVbYTKtV6FonudIDvhk86y4TFQMN4ZO8E4d7GBpA_55Q |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức về số hữu tỉ để giải quyết các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS giải quyết các bài toán “Vận dụng 1, vận dụng 2” sgk trang 6, 9, “bài 7” sgk trang 10.

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải các bài toán vận dụng 1, 2, bài tập 7 sgk trang 6, 9, 10.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Giao nhiệm vụ 1**:

- Hs quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi và làm theo nhóm đôi và viết vào bảng nhóm trong thời gian 1 phút 30 giây.

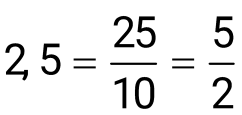
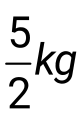
**Vận dụng 1:** Viết số đo các đại lượng sau dưới dạng https://lh7-us.googleusercontent.com/zM3JTrZZzckKCw33fVzhdzbRGWVYowPUSBHSVHySO8wqYpRH_L6BE3xsDcgodChnutGJgmlXdBovR9TxBteEGsYrNOgCNCHwyhb0XSkyCR7guIoguPzDpBbfQMq3x7g5aCwTJ-cyLgUsSW60rtH7OA vớihttps://lh7-us.googleusercontent.com/wNLzdTi0lSmgoNvUTjBDpHXfmqiQS6H2uGHhiSo8LrZPD2z1loXZWgvimLi0Pi07EfuMWVnLoy45crJI2M5FQN7Ug7_3KMY3PJuLj2Z0b3VBcJtdA7kkRlCD88-nDa-1zT_tNO44VXit-oxxXfD_kg,https://lh7-us.googleusercontent.com/rQe1pa2uPrppR4ueDQ5iZLc6VvzOiqTiW9eZNxxssT9oESUdCZalc6GUgOhzEj6OdFVOEzYFU-y3uTiZ8vGv7EqVyMfIT84yqyAPTI4qApr9ZaCQK0jYUsN9wiXIolOhaYrnfrs7nkhuOz6bnn_-Gg.A picture containing text, device

Description automatically generated

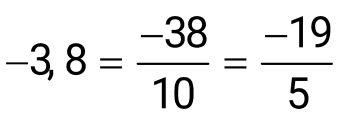
a) https://lh7-us.googleusercontent.com/QR9T3dHkVgE7SXqXjLCpPPx3wonFxfnbeY2Onwf9vzWJmtB1IfUmSytASPXbL4UKAc8GDd-pjgSrEHuLYqntrPKXYiCpHbqOzhwL8POGAiqRzSXd0Fdevzl5hL67dgbaYG-E9Tli25h0AhTx_AkcKA đường

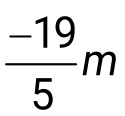
b) https://lh7-us.googleusercontent.com/DPrAnv8FjwXi4rQfeATWw-KFyS0WwuvdR3LVq82BKfUc3MvJArpF6rg9e5Sb1PxH0KMnZ49ArhIG2COdNMkIKh-340gFFm9rEqpJIUiJyP205i22FynkfNKyclVrmD5DBCS-UNYnJMxg0XrPpJdltQ  dưới mực nước biển

**Lời giải**

a) Ta có . Vậy https://lh7-us.googleusercontent.com/n1K4a_CMQ2UIu_XsJx85fl9MjQWzPzFL2WxyCXIULYEfvmVz6zhBjmf_xGUYmyBY4t46b3i3cMYoZtrEkN1SIEToWSWGCtavHh_U2bmpx6H0KALppulYgERFwJ9qC-37X9KDo2lswqiM4CLJGhPuAw đường bằng  đường

b) Vì ta lấy mực nước biển là mốc 0 do đó https://lh7-us.googleusercontent.com/gW52Yjf7vQ9rgfKT6SwMUCKWuHM4QLo-gFAwyZce-L4z3cGyte2BQ_HJPK1tGEpIbXRBwN1z00ea50qnA6JaXX3P6i2L23tTc_hxPbNvqfckA6G6NmUilA9YGONUoRUYDQwCtfxwk7ur3jy9FKjE8Q dưới mực nước biển chính là https://lh7-us.googleusercontent.com/LlZPl-PkTY5xlC3AB1XWKEy4o750abt-v-sQlYPyRqnwX8MNPw5fqX6r0z-9Y3g_goH5D81juEbyLyttzPn9DJsn8vovUMRrM2pIb2hp_3xrbjl0n3XneEgYgsgidpz170PXA7WLyKFBD1GGcZ604g so với mực nước biển.

Ta có .

Vậy: https://lh7-us.googleusercontent.com/RpZW0lhIvvBjP88RrvUmKjvPXoyv-iIxND-PdK818DvkQq2UQdzt3cifdFE0CK4Xlx2WZhse6XDeScKoalX7bxGerXohuWKJswgb_XPNPL4iMzZ64X-kezXMkRmAGcKOZbI9qwgt80w_KL5VJMlVFg dưới mực nước biển chính là 

- GV hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của hs để hiểu rõ nhiệm vụ.

**\*Giao nhiệm vụ 2**:

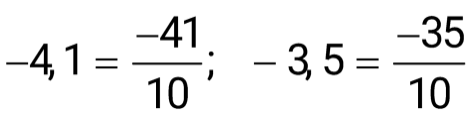
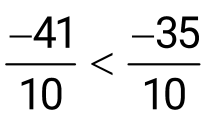
- Hs quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi và làm theo cá nhân và viết vào bảng cá nhân trong thời gian 2 phút 30 giây.

**Vận dụng 2:** Bạn Hồng đã phát biểu: “ https://lh7-us.googleusercontent.com/CFo6yLrWelV2la8UzKsq0oLdiIHuBf3VJQ5A4ccysBI5AlbiXqhebX04tIWkgU_aoEnNDuMQ2WzG7PjKzOD8jOnWnhn6okEyaUiPNzsHzTca_XtAcn6HI-6AhDs-322UxnVur52llJH8vzeEDcsiww lớn hơn https://lh7-us.googleusercontent.com/LF1d4bmvC1m2HIVwHtd87sre9Of5jakv0yv-UKqlbl6aHtYivtArxEunkWImO1_7G2TY8E8iJshpSIK7NrXQh-rYrn4o4w1R_SAmvIHoEojGZrGEbD_ucmPULXFzKE5dCyRvnJMwM7eUUwf0KpJE9Q. Vì thế https://lh7-us.googleusercontent.com/WMvIcuwsipGdAIS65rZHYAMq78L3mmGatZjrA2t5dbOATLlcInabGCGsBmk2yEuf4PoQlz1p-zU885dfWilFK6ceQ3rhYdRUfd9uBwBs_fLClx8PcStGGlvZPA8qDqzIB91yCfrsarQ7rRcJSR86TA cũng lớn hơnhttps://lh7-us.googleusercontent.com/CQWoMS2Z9wU3LPXUAhbd1jotdS0yevPmyL17YELVzkWPufHJ4JVpn8fo9-QMe8U-WQh_r1n-2sitA4Yu9wLhPUFVqy6DhOoeMjmP1s55wjcWiY18UOrZ4Uymz4HUVWYyI_ckunecBfJAIyavNkTKBA”.

Theo em, phát biểu của bạn Hồng có đúng không ?  Tại sao ?

**Lời giải**

Phát biểu của bạn Hồng **không đúng** vì

Ta có . Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/6O8RSPRxhiRK1omQlfXm2LntSEoJPfRn1xmn3P4AM7uBBsLPqGttECnNruNo8SzrO4v46FOAQRSsD2gxadlr_zC7mJFYDHp3c_SRNCar9zFjs4WAsDZMNv68jEQGoTx6xAKQQQkGfm0LySbV9l0AsQ nên .

Vậy https://lh7-us.googleusercontent.com/NxkqHwlgRGlC4Q2OjiI4lmQT8cGK-OnH3UoImdovuEGS7V8lZFZ6BM2XXXEpCTvyDvpwlkqSC1yaWfDP0IBG71mqHT9gNAYSKOyUNNb2-xTcolV_zQ7mHjye2Zu9021dCpOxovhO4pzUeOQmJt9etg.

**\*Giao nhiệm vụ 3**:

- Hs quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi và làm theo nhóm đôi và viết vào bảng nhóm trong thời gian 3 phút 30 giây.

**Bài 7 sgk trang 10:** Bảng dưới đây cho biết độ cao của bốn rãnh đại dương so với mực nước biển.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên rãnh | Rãnh Puerto Rico | Rãnh Romanche | Rãnh Philippine | Rãnh  Peru - Chile |
| Độ cao so với mực nước biển (km) | https://lh7-us.googleusercontent.com/9nchNI1j_50xeJfDQUvRiTCWDIRuZ5Tvn3o2-X9nMjiVMHIixk4YDB94i1ixFrBt-jFFKHpI-cPm5yb64ZoNgrfX4mNFwxd4WOIIfelMBnzi5CrRqIMhd2jSsnw6kNksHFTCFq1o89NdtqMAougzEg | https://lh7-us.googleusercontent.com/RfvADXsat99J8sRQT2BEPcrRcTYl4az93TD2e3X9lWcDYmuuPzwUPpnnWXPwTrHQrADzEIyYPdgoUZYpKnKgHGsOoL9T0FsHfooUIE9dvh6QpWlI41_GNCKbGsHrOdWdjJ-DRtuYtiRh028c9KLY3w | https://lh7-us.googleusercontent.com/OnrsUD1NdTfEw7GWiilf3zjM9CRe5xZlA11mRaVj17F3-h2D8TMjPFBWNjBq8jUV4xmjEadUZ9UisAJxF3ntBAf6ApCtVsIHBuzGXISdKbkvpYNzLR84Ye6XhuXFOINRszq5kcFsJ9STQe5sK0ESng | https://lh7-us.googleusercontent.com/CaciVLi5ONnPUakduFCDG2QSkPYkgKLcUX05GxIqJU3XzLvCuD0yNBIUJOeizsasdYKux3ZYjbxJNYzy_1t0_rk2wbxc4cA7hto4kCJFjA6Mo3XDU4PUGVAx0Vqt9GQj5sFExw7-PVwQeAZe5SQysQ |

a) Những rãnh đại dương nào có độ cao hơn rãnh Puerto Rico? Giải thích.

b) Rãnh đại dương nào có độ cao thấp nhất trong bốn rãnh trên? Giải thích.

**Lời giải**

a) Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/wvHOzGXRH_vLTr_DRZjwsioxwaKa-0Dm4UzaCi6Lks-lwjk_mdb9LanSFwQDsO82V5LB_Vr7GBiKbN46e04ZaMATrNvWZbqePER-BZkMo5xJHooUMq6nOEh0_YJNGqyFvEk91ZDJn5MlARunQdssqQ nên các rãnh Romanche; Peru – Chile có độ cao hơn rãnh Puerto Rico so mới mực nước biển.

b) Vì https://lh7-us.googleusercontent.com/sqs_XCNiUAovY3JG0eWUC2qCdaMY02J-WraJWMSaQCaFXFwnnf9MV2qfOVrVyrnB29HnRuW8hXEbFYWlm60HvG6jVAZmy9JvvMIL4c8p7249628JISC-j27U75S6nO06gdKqs5JKYhOHDlGpf56wwgnên rãnh Philippine có độ cao thấp nhất trong bốn rãnh trên.

**\* Hướng dẫn học sinh về nhà:**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 3 SGK trang 9.

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 2. Các phép tính số hữu tỉ”*

**Tuần 2-3-4**

Ngày soạn: 7/9/2024

Ngày dạy:

**Tiết 3+4+5+6 +7- BÀI 2: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ HỮU TỈ**

Thời gian thực hiện: (4 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Thực hiện được các phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp các số hữu tỉ.

- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp. phân phối của phép nhân đối với phép cộng của các số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẫm, tính nhanh một cách hợp lí).

- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia hai số hữu tỉ.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi, khám phá.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thào luận và làm việc nhóm

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề và sang tạo trong thực hành và vận dụng.

\* Năng lực đặc thù: Vận dụngtoán học vào cuộc sống.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, phiếu câu hỏi (cho hoạt động khởi động)

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS ôn lại kiến thức đã học.

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

- Thông qua trò chơi học sinh được ôn lại kiền thức cũ.

**b) Nội dung:**

HS thực hiện các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV

**c) Sản phẩm:**

HS trả lời được câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu sile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập.**  Cả lớp cùng hát 1 bài hát, chuyền tay nhau 1 phiếu câu hỏi. Hết bài hát bạn nào cầm phiếu trên tay thì sẽ trả lời câu hỏi có trong phiếu: Nêu khái niệm số hữu tỉ? Muốn so sánh hai số hữu tỉ ta làm như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs trả lời câu hỏi  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Hs dưới lớp nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Vậy muốn cộng, trừ, nhân, chia các số hữu tỉ ta làm như thế nào? | Khởi động:  - Số hữu tỉ là số viết được dười dạng phân số  với  - Muốn so sánh hai số hữu tỉ ta viết chúng dười dạng phân số rồi so sánh hai phân số đó. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (37 phút)**

**Hoạt động 2.1: Cộng, trừ hai số hữu tỉ (37 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, trong tập hợp các số hữu tỉ

- Giúp HS có cơ hội trải nghiệm phép cộng, phép trừ hai số hữu tỉ dựa trên phép cộng, phép trừ hai phân số.

**b) Nội dung:**

- HS làm hoạt động khám phá 1, thực hành 1,2 (SGK trang 11)

**c) Sản phẩm:**

- Nắm được cách cộng, trừ hai số hữu tỉ

- Làm thực hành 1, 2

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện ***HĐKP1***  -Từ mặt nước biên, một thiêt bị khảo sát lặn xuống m. Sau đó thiết bị tiếp tục lặn xuống thêm 5,4 m nữa. Hỏi khi đó thiết bị khảo sát ở độ cao bao nhiêu mét so với mực nước biển?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm, thực hiện ***HĐKP1***  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện nhóm trình bày ***HĐKP1,*** các nhóm khác  nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét quá trình hoạt động của các HS. | **1. Cộng, trừ hai số hữu tỉ**  HĐKP1:  Thiết bị khảo sát ở độ cao so với mực nước biển là:    Vậy thiết bị khảo sát ở độ cao so với mực nước biển |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu hs đọc và nghiên cứu ví dụ 1 trong sgk trang 11  - GV cho HS HĐ cặp đôi  **Thực hành 1.** Tính.  a)  b)  **Thực hành 2.**  Nhiệt độ hiện tại trong một kho lạnh là -5.8°C. Do yêu cầu bảo quản hàng hoá, người quản lí kho tiếp tục giảm độ lạnh của kho thêm °C nữa. Hỏi khi đó nhiệt độ trong kho là bao nhiêu độ C?  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận cặp đôi, thực hiện **Thực hành 1,2**  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện nhóm trình bày **Thực hành 1,2.***Các nhóm khác*  nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét quá trình hoạt động của các HS. Kết luận cách làm đúng và sửa bài. | Ví dụ 1 sgk trang 11  Thực hành 1.      Thực hành 2.  Nhiệt độ trong kho khi đó là:    Vậy nhiệt độ trong kho khi đó là |

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân. (2 phút)

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 1a,b,c,d SGK trang 15.

- Chuẩn bị tiết sau: 2. Tính chất của phép cộng số hữu tỉ

**Tiết 2**:

**Hoạt động 2.2: Tính chất của phép cộng số hữu tỉ (43 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS nhận biết các tính chất của phép cộng số hữu tỉ trên cơ sở tính chất của phép cộng phân số

- HS nêu được nhận xét đã thực hiện tính chất nào trong các tính chất cũa phép cộng.

- Áp dụng kiến thức liên môn vận dụng tổng hợp các kĩ năng thông qua việc tính toán.

**b) Nội dung:**

- HS nghiên cứu SGK và thực hiện bài tập HĐKP2 để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- Nắm các tính chất của phép cộng số hữu tỉ và làm các bài tập thực hành 3, vận dụng 1.

**c) Sản phẩm:**

- Các tính chất của phép cộng số hữu tỉ.

- Lời giải bài tập thực hành 3, vận dụng 1.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Yêu cầu HS nêu tính chất của phép cộng số nguyên  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 3, hoàn thành **HĐKP2**.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Các nhóm còn lại quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng.  - Rút ra các tính chất của phép cộng số hữu tỉ. | **2.Tính chất của phép cộng số hữu tỉ**  HĐKP2:  Cho biểu thức M =      \*Ghi nhớ: Các tính chất của phép cộng số hữu tỉ  -Giao hoán  -Kết hợp  -Tính chất cộng với số 0. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:** (13 phút)  Đọc ví dụ 2 trong SGK trang 12  Thực hiện nhóm đôi bài thực hành 3  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài thực hành 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm đôi  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Các nhóm còn lại quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Ví dụ 2 sgk trang 12  Thực hành 3: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Yêu cầu hs thực hiện vận dụng 1 và bài tập 2c sgk trang 15  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện bài vận dụng 1, bài 2c  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS đại diện lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Vận dụng 1:  Lượng cà phê tồn kho trong 6 tuần là:    Bài 2/sgk trang 15  c) |

Hướng dẫn tự học ở nhà (2 phút)

- Học phần kiến thức trọng tâm.

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Làm bài tập 1(a,b,c,d), 2(a,b) SGK/trang 15.

- Xem trước phần 3,4,5 sgk trang 13, 14, 15.

**Tiết 3**:

**Hoạt động 2.3: Nhân hai số hữu tỉ (43 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hs biết nhân hai số hữu tỉ

**b) Nội dung:**

- HS làm hoạt động khám phá 3, các ví dụ về nhân hai số hữu tỉ và bài thực hành 4

**c) Sản phẩm:**

- Nắm được cách nhân hai số hữu tỉ

- Giải các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1: (20 phút)**  - Yêu cầu hs đọc và làm hoạt động khám phá 3  - GV gợi ý cách làm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc và làm hoạt động khám phá 3  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Gọi hs lên phát biểu=>nêu cách nhân hai số hữu tỉ  **\* Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nêu quy tắc nhân hai số hữu tỉ | **3.Nhân hai số hữu tỉ**  HĐKP 3:Nhiệt độ ở Sa Pa buổi chiều hôm đó là:    Quy tắc: Cho x, y là hai số hữu tỉ:  ta có: x.y = |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu hs đọc, giải các ví dụ 3, 4 trong sgk trang 13, làm bài tập thực hành 4  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu 2 hs lên bảng thực hiện thực hành 4  - Hs khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng và sửa bài | Ví dụ 3/sgk trang 13  Ví dụ 4/sgk trang 13  Thực hành 4: Tính  a)  b) |

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân. (2 phút)

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 1e, i, k SGK trang 15.

- Chuẩn bị giờ sau: 4. Tính chất của phép nhân số hữu tỉ

**Tiết 4**

**Hoạt động 2.4: Tính chất của phép nhân số hữu tỉ (43 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được các tính chất của phép nhân số hữu tỉ

- Giải được các bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** Nắm các tính chất và làm các bài tập thực hành 5, vận dụng 2

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Yêu cầu HS nêu tính chất của phép nhân số nguyên  Thực hiện nhóm hoạt động khám phá 4  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng.  -Rút ra các tính chất của phép nhân số hữu tỉ | **4. Tính chất của phép nhân số hữu tỉ**  HĐKP 4:  Cho biểu thức M =  a) M =  =  b) M =  =  \*Ghi nhớ: Các tính chất của phép nhân số hữu tỉ  -Giao hoán  -Kết hợp  -Tính chất nhân với số 1  -Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Đọc, giải các ví dụ 5 trong SGK trang 13 và 14  Thực hiện nhóm đôi bài thực hành 5  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài thực hành 5  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm đôi  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện 2 nhóm lên trình bày TH5 a, b  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | **Ví dụ 5/ sgk trang 13**  **Thực hành 5:** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu hs thực hiện vận dụng 2 và bài tập 4b sgk trang 15  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện bài vận dụng 2, bài 4b  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - HS đại diện lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | **Vận dụng 2:**  Chiều cao của tầng hầm B2 là:    Tổng chiều cao của tầng hầm tòa nhà là:  2,7 +3,6 = 6,3 (m)  Vậy chiều cao của tầng hầm tòa nhà so với mặt đất là -6,3m  **Bài 4/sgk trang 15** |

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học ở nhà theo cá nhân (2 phút)

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 4a,e SGK trang 15.

- Chuẩn bị giờ sau: 5. Phép chia hai số hữu tỉ

**Tiết 5**

**Hoạt động 2.5: Chia hai số hữu tỉ (23 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết cách chia hai số hữu tỉ

**b) Nội dung:**

-HS nắm quy tắc chia hai số hữu tỉ

-Giải các bài tập

**c) Sản phẩm:**

- Phép chia hai số hữu tỉ

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu hs đọc và làm hoạt động khám phá 5  - GV gợi ý cách làm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc và làm hoạt động khám phá 5  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Gọi hs lên phát biểu=>nêu cách chia hai số hữu tỉ  **\* Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nêu quy tắc chia hai số hữu tỉ | **5.Chia hai số hữu tỉ**  HĐKP 5:  Số xe máy cửa hàng đã bán trong tháng 8 là:    **Quy tắc:** cho x, y là hai số hữu tỉ:  ,  ta có: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu hs đọc, giải các ví dụ 6 trong sgk trang 14, làm bài tập thực hành 6  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu hs lên bảng thực hiện.  - Hs khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng và sửa bài | **Ví dụ 6/ sgk trang 14**  Thực hành 6: Tính  a) |

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học ở nhà theo cá nhân (2 phút)

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 4a,e SGK trang 15.

**3. Hoạt động : Luyện tập (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng được các kiến thức đã học giải các bài tập

**b) Nội dung:** Làm các bài tập thực hành 7

**c) Sản phẩm:** Lời giải bài tập thực hành 7

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**  - Yêu cầu hs đọc, giải ví dụ 7 và làm bài tập thực hành 7  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  - Đọc đề và suy nghĩ làm vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu hs lên bảng thực hiện.  - Hs khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng và sửa bài | **Ví dụ 7/ sgk trang 14**  \*Chú ý: (sgk trang 14)  Thực hành 7: Tỉ số giữa chiều dài và chiều rộng của căn phòng là: |

**4. Hoạt động : Vận dụng (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng được các kiến thức đã học giải các bài tập trong thực tiễn

**b) Nội dung:** Làm bài tập vận dụng 3

**c) Sản phẩm:** Lời giải bài tập vận dụng 3

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu hs đọc và làm bài vận dụng 3 theo nhóm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm theo nhóm  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày  -Nhóm khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng và sửa bài | **Vận dụng 3:**  Số gạo đã xuất đi để cứu trợ đồng bào bị lũ là:  (tấn gạo)  Số gạo còn lại trong kho là:    (Tấn gạo) |

**\*Giao nhiệm vụ 2**:

- GV hỏi hs: Sau bài học này các em làm được những gì?

- Hs trả lời:

Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân , chia trong tập hợp số hữu tỉ

Vận dụng các tính chất của phép cộng, phép nhân số hữu tỉ để tính một cách hợp lí

Giải quyết được những vấn để thực tiễn gắn với các phép tính về số hữu tỉ

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học ở nhà theo cá nhân (2 phút)

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 5,8,9,10 SGK trang 15.

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 3. Lũy thừa của một số hữu tỉ”*

Tuần 4

Ngày soạn: 20/9/2024

Ngày dạy:

**Tiết 8+9 - BÀI 3: LŨY THỪA CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Hs mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó.

-HS vận dụng được các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ trong tính toán và giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được định nghĩa lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán : thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập3 một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua trò chơi học sinh hiểu thế nào là lũy thừa với số mũ tự nhiên.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: hs tham gia trò chơi: “Đây là gì ?”

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm về lũy thừa với số mũ tự nhiên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu slile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi: “Đây là gì ? Hãy tính thể tích của vật”  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu đề bài, các học sinh trong lớp viết câu trả lời lên bảng con, sau khi nghe hiệu lệnh của gv thì giơ bảng con lên .  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs thực hiện cá nhân vào bảng con.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Hs dưới lớp nhận bài của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS và chốt đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “*Lũy thừa của một số hữu tỉ”.* | Khởi động: Trò chơi “Đây là gì ?”  Đây là một rubik hình lập phương có thể tích là        5,5 cm |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Lũy thừa với số mũ tự nhiên (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.

**b) Nội dung:**

- Hs đọc SGK khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ(SGK trang 18)

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm về lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV giới thiệu lũy thừa của một số hữu tỉ cũng tương tự như lũy thừa của số mũ tự nhiên và gọi vài học sinh đứng tại chỗ đọc khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.  - Thực hiện vi dụ 1, 2 (SGK trang 18)  - Thực hiện thực hành 1 (SGK trang 18)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  -Hs nhắc lại khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ, thực hiện ví dụ 1, 2 vào vở.  -HS luyện tập cá nhân thực hành 1 (SGK trang 18)  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - 4 hs thực hiện trên bảng, lớp nhận xét, bổ sung.  - 6 hs thực hiện thực hành 1 trên bảng  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV giới thiệu lũy thừa của số hữu tỉ | 1. Lũy thừa với số mũ tự nhiên   Lũy thừa bậc n của một số hữu tỉ x, kí hiệu xn, là tích của n thừa số x    Quy ước    Ví dụ 1 : Viết lũy thừa dưới dạng tích      Ví dụ 2 : Tính      Thực hành 1 : Tính |

**Hoạt động 2.2: Tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số ( 28 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS có cơ hội trải nghiệm xây dựng công thức tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số

**b) Nội dung:**

- Hs đọc SGK và thực hiện bài tập HĐKP1.

- Nắm được công thức nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số.

- Thực hiện ví dụ 3 (SGK trang 19).

- Vận dụng làm bài tập thực hành 2 SGK/trang 19.

**c) Sản phẩm:**

- Viết số thích hợp thay vào dấu “?”.

- Lời giải bài thực hành 2 SGK/trang 19.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Yêu cầu hs hoạt động nhóm HĐKP1 SGK/trang 19.  - Yêu cầu hs dự đoán công thức tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - Hs đọc SGK thực hiện hoạt động nhóm phần HĐKP và dự đoán công thức tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu 1 nhóm hs lên bảng thực hiện HĐKP1, các nhóm khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm của hs và chốt công thức tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số. | 1. **Tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số**       - Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng hai số mũ.    - Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số khác 0, ta giữ nguyên cơ số và lấy số mũ của lũy thừa bị chia trừ đi số mũ của lũy thừa chia. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu hs thực hiện cặp đôi ví dụ 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - Thực hiện cặp đôi ví dụ 3 theo công thức và mẫu.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 2 nhóm cặp đôi trình bày ví dụ 3.  **\* Kết luận, nhận định**  -GV nhận xét bài làm ví dụ 3 và chốt kết quả | Ví dụ 3: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Yêu cầu HS thực hiện cá nhân thực hành 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  -Thực hiện cá nhân thực hành 2, trao đổi bài và nhận xét chéo.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 3 hs trình bày bảng thực hành 2  **\* Kết luận, nhận định**  -GV nhận xét bài làm thực hành 2 SGK trang 19 và chốt kết quả | Thực hành 2 : |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và công thức tích , thương của hai lũy thừa cùng cơ số.

- Làm bài tập 1, 2, 3a SGK/trang 20.

- Xem trước phần 3: Lũy thừa của lũy thừa.

**Tiết 2**

**2. Hoạt động 2.3: Lũy thừa của lũy thừa ( 14 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS có cơ hội trải nghiệm xây dựng công thức tính lũy thừa của một lũy thừa.

**b) Nội dung:**

- Đọc và hiểu công thức tính lũy thừa của một lũy thừa trang 19.

**c) Sản phẩm:**

- Tính được lũy thừa của một lũy thừa.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Yêu cầu hs hoạt động nhóm HĐKP2 SGK/trang 19.  - Yêu cầu hs dự đoán công thức tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - Hs đọc SGK thực hiện hoạt động nhóm phần HĐKP và dự đoán công thức tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu 1 nhóm hs lên bảng thực hiện HĐKP1, các nhóm khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm của hs và chốt công thức tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số. | 1. **Lũy thừa của lũy thừa**     Khi tính lũy thừa của một lũy thừa, ta giữ nguyên cơ số và nhân hai số mũ. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu hs thực hiện cặp đôi ví dụ 4  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - Thực hiện cặp đôi ví dụ 4 theo công thức và mẫu.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 2 nhóm cặp đôi trình bày ví dụ 4.  **\* Kết luận, nhận định**  -GV nhận xét bài làm ví dụ 4 và chốt kết quả | Ví dụ 4: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Yêu cầu HS thực hiện cá nhân thực hành 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  -Thực hiện cá nhân thực hành 3, trao đổi bài và nhận xét chéo.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 3 hs trình bày bảng thực hành 3  **\* Kết luận, nhận định**  -GV nhận xét bài làm thực hành 3 SGK trang 20 và chốt kết quả | Thực hành 3 : |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS áp dụng được các công thức về nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa vào giải toán.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập 1,3,8a SGK trang 20,21.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 1,3,8a SGK trang 20,21.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV chiếu đề bài 1 SGK trang 20  Viết các số sau dưới dạng lũy thừa với số mũ lớn hơn 1  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện 5 cặp đôi lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **3. Luyện tập**  \*Bài 1 SGK trang 20\* |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  **GV** chiếu đề bài bài 3a SGK trang 20  Tìm x biết  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện yêu cầu trên theo nhóm cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện 1 cặp đôi lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs, về nhà thực hiện các câu sau làm tương tự. | \*Bài 3 SGK trang 20\* |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Gv chiếu đề bài bài tập 8a) SGK trang 21  - Yêu cầu hs thảo luận nhóm trong thời gian 2 phút.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs, về nhà thực hiện các câu sau làm tương tự. | \*Bài 8 SGK trang 21\* |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS trải nghiệm sử dụng lũy thừa để viết những số có giá trị lớn.

- HS có cơ hội sử dụng kiến thức vừa học vào thực tế, kiến thức liên môn.

**b) Nội dung:**

Hs giải quyết bài toán vận dụng SGK trang 20 : **Để viết những số có giá trị lớn, người ta thường viết các số ấy dưới dạng tích của lũy thừa cơ số 10 với một số lớn hơn hoặc bằng 1 nhưng nhỏ hơn 10. Chẳng hạn khoảng cách trung bình giữa Mặt trời và Trái đất là 149 600 000 km được viết là 1,496.108 km.**

**Hãy dùng cách viết trên để viết các đại lượng sau :**

1. **Khoảng cách từ Mặt Trời đến Sao Thủy dài khoảng 58 000 000 km.**
2. **Một năm ánh sáng có độ dài khoảng 9 460 000 000 000 km.**

**c) Sản phẩm:** Kết quả dưới dạng tích của lũy thừa cơ số 10 với một số lớn hơn hoặc bằng 1 nhưng nhỏ hơn 10

1. **Khoảng cách từ Mặt Trời đến Sao Thủy dài khoảng 58 000 000 km.**
2. **Một năm ánh sáng có độ dài khoảng 9 460 000 000 000 km.**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập**  **\*Giao nhiệm vụ 1**:  - GV chiếu đề bài yêu cầu HS thực hiện nhóm trong 3 phút.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của hs để hiểu rõ nhiệm vụ.  **\*Giao nhiệm vụ 2**:  - GV hỏi hs: Sau bài học này các em làm được những gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Hs trả lời:  + phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.  + Nhân hai lũy thừa cùng cơ số.  + Chia hai lũy thừa cùng cơ số.  + Tính lũy thừa của lũy thừa.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện 2 nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **4. Vận dụng** |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 3b,c,d; 4; 6; 8b,c,d SGK trang 20,21.

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 4. Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế”*

Ngày soạn: 3/10/2024

Ngày dạy:

**Tiết 10+11 - BÀI 4: QUY TẮC DẤU NGOẶC VÀ QUY TẮC CHUYỂN VẾ**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Hs nắm được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.

- Hs vận dụng được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ để tính toán hợp lí.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, con số có gắn nam châm lá, bìa cứng có các số.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua trò chơi học sinh nắm được quy tắc bỏ dấu ngoặc được thực hiện như thế nào?.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: HS tham gia trò chơi: “Ai nhanh nhất”

**c) Sản phẩm:**

- Quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số hữu tỉ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu sile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi: “Ai nhanh nhất”  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV: chọn 10 học sinh xung phong tham gia trò chơi. Chia đều 2 nhóm, mỗi nhóm 5 học sinh.  - GV: Yêu cầu nhóm học sinh chuẩn bị bảng nhóm cho mỗi đội.  - GV: Yêu cầu cả lớp quan sát, tính toán và nhận xét.  - GV: Tuyên bố luật chơi: các học sinh trong nhóm có kế hoạch phân chia nhiệm vụ từng thành viên hợp lí để tính toán sao cho có kết quả nhanh và chính xác (Nhóm nào làm nhanh và chính xác sẽ là đội thắng cuộc, đội thắng sẽ được nhận một phần quà).  ? Tính rồi so sánh kết quả của :  - Nhóm 1:  và  - Nhóm 2:  và  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs trong nhóm thay phiên nhau tìm ra đáp số thỏa yêu cầu bài toán.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Hs dưới lớp nhận xét bài làm của từng nhóm.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét kết quả bài làm của từng nhóm HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “*Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế”.* | Khởi động: Trò chơi “Ai nhanh nhất”  - Nhóm 1:      Vậy  - Nhóm 2:      Vậy |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Quy tắc dấu ngoặc (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành quy tắc bỏ dấu ngoặc trong tập hợp các số hữu tỉ.

**b) Nội dung:**

- Hs đọc SGK khái niệm tập hợp và trả lời câu hỏi hoạt động khám phá (SGK trang 7)

**c) Sản phẩm:**

- Quy tắc dấu ngoặc.

- Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  Yêu cầu hs dựa vào bài làm nhóm rút ra nhận xét.  - GV gọi vài học sinh đứng tại chỗ trả lời.  a) Quan sát kết quả bài làm nhóm 1 rút ra nhận xét quy tắc bỏ dấu ngoặc nếu trước ngoặc là dấu “+”.  b) Quan sát kết quả bài làm nhóm 2 rút ra nhận xét quy tắc bỏ dấu ngoặc nếu trước ngoặc là dấu “-”.  c) Áp dụng làm ví dụ 1 SGK trang 22 (HS lên bảng trình bày).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs lắng nghe gợi ý của GV và suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Với mỗi câu hỏi GV yêu cầu vài hs nêu dự đoán.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  GV giới thiệu quy tắc dấu ngoặc và như SGK. | 1. Quy tắc dấu ngoặc:   Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:   * Có dấu “+”, thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc.   x + (y + z – t) = x+ y + z – t   * Có dấu “-”, thì phải đổi dấu tất cả các số hạng trong ngoặc.   x – (y + z – t) = x – y – z + t  Ví dụ 1: Tính |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  Yêu cầu HS lên bảng giải bài thực hành 1 SGK.  Cho biểu thức:    Hãy tính giá trị của A bằng cách bỏ dấu ngoặc rồi nhóm các số hạng thích hợp.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lên bảng giải bài thực hành 1 SGK.  - HS thực hành quy tắc dấu ngoặc, nhóm các số hạng thích hợp để thực hiện phép tính hợp lí, chính xác.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV nhận xét kết quả bài làm đúng. | Thực hành 1: Cho biểu thức |

**Hoạt động 2.2: Quy tắc chuyển vế ( 23 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hiểu được quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.

- Vận dụng được quy tắc chuyển vế giải bài toán tìm x.

**b) Nội dung:**

- Hs đọc SGK và thực hiện bài tập HĐKP2.

- Thực hiện theo yêu cầu để giải quyết bài toán ở HĐKP.

- Thực hiện ví dụ 2.

- Vận dụng làm bài tập thực hành 2 SGK trang 23.

**c) Sản phẩm:**

- Quy tắc chuyển vế.

- Lời giải bài thực hành 2 SGK trang 23.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Yêu cầu hs đọc và hiểu nội dung bài tập HDDKP2 SGK trang 23.  - Yêu cầu hs rút ra quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - Hs đọc SGK và thực hiện vào vở theo yêu cầu ở phần HĐKP.  - Rút ra quy tắc chuyển vế.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu hs lên thực hiện theo yêu cầu đã cho ở bài tập HĐKP2.  - Hs khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm của hs và rút ra quy tắc chuyển vế. | 2. Quy tắc chuyển vế:    Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải đổi dấu số hạng đó.  Với mọi x, y, z ∈ Q : x + y = z ⇒ x = z – y. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2: Ví dụ 2 sgk**  - Gv cho 2 hs lên bảng thực hiện ví dụ a, b.  - Hs cả lớp đóng SGK và thực hiện vào vở.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Làm vào vở theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu 2 hs lên bảng thực hiện.  - Hs khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm và khẳng định kết quả đúng. | Ví dụ 2: Tìm x, biết: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Thực hiện theo nhóm đôi bài thực hành 2 SGK trang 23  - Thực hiện quy tắc chuyển vế, giải tìm x.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Hs thảo luận nhóm bài thực hành 2: Giải bài toán tìm x.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Hs nhóm khác dưới lớp nhận xét chéo.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét và khẳng định kết quả đúng. | **Thực hành 2:** Tìm x, biết |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế.

- Làm bài tập 1 ; 4 SGK trang 24 ; 25.

- Xem trước phần 3: thứ tự thực hiện các phép tính.

**Tiết 2**:

**2. Hoạt động 2.3: Thứ tự thực hiện các phép tính ( 20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hs biết chuyển từ thứ tự thực hiện các phép tính trong số nguyên sang thứ tự thực hiện các phép tính trong số hữu tỉ.

- Biết áp dụng thứ tự thực hiện các phép tính để giải các bài toán nhanh, hợp lí, chính xác, rèn luyện kĩ năng theo yêu cầu cần đạt.

**b) Nội dung:**

- Đọc và hiểu nội dung ở SGK trang 24.

**c) Sản phẩm:**

- Thứ tự thực hiện các phép tính trong số hữu tỉ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu hs đọc và hiểu nội dung trong SGK trang 24.  - GV gợi ý chuyển từ thứ tự thực hiện phép tính trong số nguyên sang thứ tự thực hiện các phép tính trong số hữu tỉ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc và hiểu nội dung SGK trang 24  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Gọi vài hs lên phát biểu.  **\* Kết luận, nhận định**  GV kết luận vấn đề về thứ tự thực hiện các phép tính trong số hữu tỉ. | **3. Thứ tự thực hiện các phép tính:**  - Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức đối với biểu thức không có dấu ngoặc:  + Nếu biểu thức chỉ có phép cộng, trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia, ta thực hiện phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.  + Nếu biểu thức có các phép cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện:  Lũy thừa Nhân và chia Cộng và trừ  - Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu hs làm bài tập sau: Tính  a)  b)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu 2 hs lên bảng thực hiện.  - Hs khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng . | Ví dụ 3: Tính: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu hs làm bài tập thực hành 3 SGK trang 24: Tính  a)  b)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu 2 hs lên bảng thực hiện.  - Hs khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng. | Thực hành 3: Tính: |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (24 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng thứ tự thực hiện các phép tính trong số hữu tỉ để giải các bài tập nhanh, hợp lí, chính xác.

- Rèn luyện kĩ năng theo yêu cầu cần đạt.

**b) Nội dung:** Làm bài tập 5; 6 SGK trang 25.

**c) Sản phẩm:** Lời giải bài tập 5; 6 SGK trang 25.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện nhóm đôi bài tập 5 SGK trang 25  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài tập 5  GV phân chia mỗi nhóm làm 1 câu  **Bài 5/25 SGK:** Tìm x, biết:    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **3. Luyện tập**  **Bài 5/25 SGK:** Tìm x, biết : |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện nhóm làm bài tập 6 SGK trang 25  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài tập 6 SGK trang 25.  **Bài 6/25 SGK:** Tính nhanh    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | **Bài 6/25 SGK:** Tính nhanh |

**Hướng dẫn tự học :** Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 3 SGK trang 25; bài tập 1; 2; 5 SGK trang 27.

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm”.*

**Tuần 6-7-8**

Ngày soạn: 5/10/2023

Ngày dạy:

**Tiết 12+13+14+15 - ÔN TẬP CUỐI CHƯƠNG I**

Thời gian thực hiện:(04 tiết)

**I. Mục tiêu cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống lại cho học sinh định nghĩa số hữu tỉ, các phép tính với số hữu tỉ, lũy thừa của một số hữu tỉ, quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế.

- Củng cố cho hs các tính chất của phép cộng và phép chia số hữu tỉ.

- Vận dụng các tính chất của các phép tính số hữu tỉ trong tính toán một cách hợp lý, giải quyết một bài toán hình học và những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính như tính tiền mua sắm, lãi suất ngân hàng,...

- Ôn tập lũy thừa của một số hữu tỉ, quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế, thứ tự thực hiện các phép tính.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: Nêu được khái niệm số hữu tỉ, các tính chất của phép cộng và phép nhân số hữu tỉ, tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế.

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: Sử dụng máy tính cầm tay để kiểm tra kết quả các phép tính.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để giải bài tập một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

-Tích hợp: Toán học và cuộc sống

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng có chia đơn vị, bảng phụ, máy chiếu, phiếu bài tập (các bài tập bổ sung).

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, que kem.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu.** (17 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại các kiến thức trọng tâm của chương I bằng hệ thống các câu hỏi đã yêu cầu HS chuẩn bị trước đó.

**b) Nội dung:** Đọc các câu hỏi sau và trả lời:

**Câu 1**: Phát biểu định nghĩa số hữu tỉ? Cho ví dụ?

**Câu 2:** Phát biểu cách phân biệt số hữu tỉ âm và số hữu tỉ dương? Cho ví dụ? Số 0 là số hữu tỉ âm hay là số hữu tỉ dương?

**Câu 3**: Thế nào là hai số hữu tỉ đối nhau? Cho ví dụ?

**Câu 4:** Phát biểu các tính chất của phép cộng số hữu tỉ?

**Câu 5:** Phát biểu tính chất của phép nhân số hữu tỉ?

**Câu 6:** Cho hai số hữu tỉ: . Hãy thực hiện phép chia x cho y?

**Câu 7:** Hãy phát biểu định nghĩa lũy thừa bậc n của một số hữu tỉ? Cho ví dụ?

**Câu 8:** Phát biểu công thức tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số? Cho ví dụ?

**Câu 9:** Phát biểu công thức khi tính lũy thừa của một lũy thừa? Cho ví dụ?

**Câu 10:** Hãy phát biểu quy tắc dấu ngoặc? Cho ví dụ?

**Câu 11:** Hãy phát biểu quy tắc chuyển vế? Cho ví dụ?

**Câu 12:** Hãy phát biểu thứ tự thức hiện các phép tính nếu biểu thức có các phép cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa? Cho ví dụ? Tương tự, hãy phát biểu thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức có các dấu ngoặc ?

**c) Sản phẩm:** Các câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo sự yêu cầu của GV chuẩn bị trước đó.  - Từ các câu trả lời, GV yêu cầu HS cho biết các nội dung trọng tâm đã học ở chương I.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời các câu hỏi của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi ngẫu nhiên một vài HS trả lời các câu hỏi đã tự chuẩn bị.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chuẩn hóa câu trả lời của HS.  - GV nhận xét, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ của HS. | Câu trả lời của HS |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**

**Hoạt động 2.1: Dạng 1: Các phép tính trong tập hợp số hữu tỉ** (25 phút)

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa.

- HS vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, các phép tính lũy thừa số mũ với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ.

**b) Nội dung:**

- Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời các câu hỏi và kết quả các bài tập 1; 2 SGK/27.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu thảo luận hai bàn (4 HS) đọc và hoàn thành nội dung các bài tập 1; 2 SGK/27.  - GV yêu cầu HS nêu được kiến thức cần áp dụng để giải quyết được bài tập. Từ đó có thể rút ra được phương pháp chung để ứng dụng giải được các bài tập tương tự.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, lắng nghe và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ:**  - Sau khi thảo luận, mỗi nhóm đại diện một HS lên bảng trình bày nội dung bài 1, tương tự cho bài 2 SGK/27.  - Các HS còn lại quan sát, nhận xét kết quả bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa câu kết quả của bài tập 1; 2 SGK/27.  - GV đánh giá, chốt lại kiến thức, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS, lưu ý những sai sót (nếu có) của HS sau mỗi bài tập. | **Bài 1: SGK/27**  **Giải:**    **Bài 2: SGK/27**  **Giải:** |

**Hướng dẫn tự học**:

- Xem lại các bài tập đã sửa, ôn lại các tính chất của các phép tính trong tập hợp số hữu tỉ.

- Chuẩn bị các bài tập 3; 4; 5 SGK/27.

- **Tiết 2**

**Tiếp tục Hoạt động 2.1: Dạng 1: Các phép tính trong tập hợp số hữu tỉ** (40 phút)

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa.

- HS vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, các phép tính lũy thừa số mũ với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ.

**b) Nội dung:**

- Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả các bài tập 3; 4 SGK/27.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu thảo luận hai bàn (4 HS) đọc và hoàn thành nội dung các bài tập 3 SGK/27.  - GV hướng dẫn HS vận dụng các kiến thức để giải quyết bài toán:  + Tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số:  + Lũy thừa của lũy thừa:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS quan sát SGK, lắng nghe và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ 1:**  - GV đại diện 3 HS của ba nhóm lên bảng trình bày nội dụng bài 3 SGK/27 sau khi thảo luận.  - Các HS còn lại quan sát, nhận xét kết quả bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa câu kết quả của bài tập 3 SGK/27.  - GV đánh giá, chốt lại kiến thức, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS, lưu ý những sai sót (nếu có) của HS sau mỗi bài tập. | **Bài 3: SGK/27**  **Giải:** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu thảo luận 2 HS cùng bàn đọc và hoàn thành nội dung các bài tập 4 SGK/27.  - GV yêu cầu HS nêu được kiến thức cần áp dụng để giải quyết được bài tập. Từ đó có thể rút ra được phương pháp chung để ứng dụng giải được các bài tập tương tự.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS quan sát SGK, lắng nghe và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ 2:**  - GV gọi đại diện 2 HS lên bảng trình bày nội dung bài 4 SGK/27.  - Các HS còn lại quan sát, nhận xét kết quả bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa câu kết quả của bài tập 4 SGK/27.  - GV đánh giá, chốt lại kiến thức, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS, lưu ý những sai sót (nếu có) của HS sau mỗi bài tập. | **Bài 4: SGK/27**  **Giải:** |

**Hướng dẫn tự học**:

- Xem và làm lại các bài tập đã sửa, ôn lại quy tắc chuyển vế.

- Chuẩn bị các bài tập 5; 6 SGK/27; bài 7 SGK/28.

**Tiết 3**

**Hoạt động 2.2: Dạng 2: Các dạng toán tìm x** (20 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại một số bài toán tìm x và quy tắc chuyển vế.

**b) Nội dung:**

- Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập 5 SGK/27.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu thảo luận hai bàn (4 HS) đọc và hoàn thành nội dung các bài tập 5 SGK/27.  - GV yêu cầu HS nêu được kiến thức cần áp dụng để giải quyết được bài tập. Từ đó có thể rút ra được phương pháp chung để ứng dụng giải được các bài tập tương tự.  - Riêng câu g), GV sẽ gọi HS khá, giỏi trình bày ý tưởng để giải câu này, từ đó GV hướng dẫn HS cả lớp rút ra được phương pháp để giải các bài tập tương tự.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, lắng nghe và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ:**  - GV gọi đại diện lần lượt 6 HS lên bảng trình bày nội dung bài 5 SGK/27.  - Các HS còn lại quan sát, nhận xét kết quả bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa câu kết quả của bài tập 5 SGK/27.  - GV đánh giá, chốt lại kiến thức, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS, lưu ý những sai sót (nếu có) của HS sau mỗi bài tập. | **Bài 5: SGK/27**  **Giải:**        hoặc |

**Hoạt động 2.3: Dạng 3: Bài tập vận dụng liên quan đến hình học** (12 phút)

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ và ứng dụng để giải các bài toán hình học.

**b) Nội dung:**

- Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập 6 SGK/27.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu thảo luận 2 HS cùng bàn đọc và hoàn thành nội dung các bài tập 6 SGK/27.  - GV yêu cầu HS nêu được kiến thức cần áp dụng để giải quyết được bài tập. Từ đó có thể rút ra được phương pháp chung để ứng dụng giải được các bài tập tương tự.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, lắng nghe và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ:**  - GV gọi đại diện 2 HS lên bảng trình bày nội dung bài 6 SGK/27.  - Các HS còn lại quan sát, nhận xét kết quả bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa câu kết quả của bài tập 6 SGK/27.  - GV đánh giá, chốt lại kiến thức, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS, lưu ý những sai sót (nếu có) của HS sau mỗi bài tập. | **Bài 6: SGK/27**  **Giải:** |

**Hoạt động 2.4: Dạng 4: Tìm số hữu tỉ a** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** Tìm được số hữu tỉ a dựa vào các dữ liệu đã cho trước đó.

**b) Nội dung:**

- Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập 7 SGK/28.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu thảo luận 2 HS cùng bàn đọc và hoàn thành nội dung các bài tập 7 SGK/28.  - GV yêu cầu HS nêu được kiến thức cần áp dụng để giải quyết được bài tập. Từ đó có thể rút ra được phương pháp chung để ứng dụng giải được các bài tập tương tự.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, lắng nghe và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ:**  - GV gọi đại diện 2 HS lên bảng trình bày nội dung bài 7 SGK/28.  - Các HS còn lại quan sát, nhận xét kết quả bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa câu kết quả của bài tập 7 SGK/28.  - GV đánh giá, chốt lại kiến thức, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS, lưu ý những sai sót (nếu có) của HS sau mỗi bài tập. | **Bài 7: SGK/28**  **Giải:**  Ta có:    Suy ra: |

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút)

- Xem và làm lại các bài tập đã sửa.

- Chuẩn bị các bài tập: 8; 9; 10 SGK/28.

**Tiết 4**

**Hoạt động 2.5: Dạng 5: Các bài toán thực tế** (38 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng được các kiến thức trọng tâm của chương I vào giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

**b) Nội dung:**

- Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập 8; 9; 10 SGK/28.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu thảo luận hai bàn (4 HS) đọc và hoàn thành nội dung các bài tập 8; 9; 10 SGK/28.  - GV yêu cầu HS nêu được kiến thức cần áp dụng để giải quyết được bài tập.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát SGK, lắng nghe và thực hiện hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ:**  - Sau khi thảo luận, GV gọi đại diện 2 HS của hai nhóm lên bảng trình bày nội dung bài 8 SGK/28.  - Tương tự cho bài 9; 10 SGK/28.  - Các HS còn lại quan sát, nhận xét kết quả bài làm của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa câu kết quả của bài tập 8; 9; 10 SGK/28.  - GV đánh giá, chốt lại kiến thức, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS, lưu ý những sai sót (nếu có) của HS sau mỗi bài tập. | **Bài 8: SGK/28**  **Giải:**  Nhiệt độ lúc 5 giờ chiều  Nhiệt độ lúc 10 giờ tối:  b) Nhiệt độ giảm  **Bài 9: SGK/28**  **Giải:**  Tiền lãi sau một năm:  321 600 000 – 300 000 000 = 21 600 000 (đồng)  Lãi suất tiền gửi một năm:  21 600 000 : 300 000 000 = 0,072 = 7,2%  **Bài 10: SGK/28**  **Giải:**  Giá tiền món hàng thứ 3 khi đã giảm giá:  692 500 – (125 000.70% + 300 000.85%) = 350 000 (đồng)  Giá tiền món hàng thứ 3 lúc chưa giảm giá:  350 000 : 60% 583 333,3 (đồng) |

**3. Hoạt động 3: Vận dụng** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

- Giao nhiệm vụ tự học cho HS.

**b) Nội dung:**

- Giải quyết bài toán thực tiễn.

- Thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ:**

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 ngoài giờ học giải quyết bài toán thực tiễn: *Bài 11 SGK/28.*

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**Hướng dẫn tự học:**

- Xem và làm lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Chuẩn bị bài mới của chương 2. Số thực: “Bài 1. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học SGK/30”.

**Tuần 8**

Ngày soạn: 12/10/2024

Ngày dạy:

**Tiết 16+17 - ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HKI**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I MÔN TOÁN**

**I. ĐẠI SỐ**

**Dạng 1: Bài 1:** Thực hiện phép tính

|  |  |
| --- | --- |
| 1) | 2) |
| 3) | 4) |
| 5) | 6) |
| 7) | 8) |
| 9) | 10) |
| 11) | 12) |
| 13) | 14) |
| 15) | 16) |
| 17) | 18) |
| 19) |  |

**Dạng 2: Bài 1:** Tìm x biết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1) | | 2) | 3) |
| 4) | | 5) | 6) |
| 7) | | 8) | 9) |
| 10) | | 11) | 12) |
| 13) | | 14) | 15) |
| 16) | 17) | | 18) |

19)  20) 

**Bài 2:** Tìm các số x, y, z biết:

|  |  |
| --- | --- |
| 1)  và x + y =40 | 2)  và 2x - y =34 |
| 3)  và x y =90 | 4)  và x + y + z = 18 |
| 5)  và 5x + 2y - 2z = 20 | 6)  và 2x - 3y + z = 6 |
| 7) 2x = 3y = 5z và x + y - z = 95 | 8)  và x + y + z = 49 |
| 9)  và 2x + 3y - z = 50 | 10)  và xyz = 810 |
| 11) | 12) |
| 13)  và xy + yz + zx = 104 | 14) |

15)  và x + y - z = 20

**Bài 3:** a) Cho x= - 4; - 3; 0; 1; 1,5; 3; 4; - 0,3; . Tính  .

b) Cho x = 16; - 9; ; - 25; 169; . Tính  .

c) Cho . Tính x.

**Dạng 3: Toán đố về tỉ lệ.**

**Bài 1:** Tìm độ dài các cạnh của một hình chữ nhật biết rằng tỉ số giữa hai cạnh là  và chu vi bằng 32cm.

**Bài 2:** Biết các cạnh của tam giác tỉ lệ với 2; 3; 4 và chu vi của nó bằng 45. Tính các cạnh của tam giác đó.

**Bài 3:** Ba lớp 7A, 7B, 7C tham gia lao động trồng cây. Số cây của mỗi lớp tỉ lệ với các số 3; 5; 8 và hai lần số cây lớp 7A cộng với số cây lớp 7B thì hơn số cây lớp 7C là 108 cây. Tìm số cây của mỗi lớp.

**Bài 4:** Ba nhà kinh doanh góp vốn với số tiền là 120000000 đồng theo tỉ lệ 3; 4; 5. Tính số tiền của mỗi nhà

**Bài 5:** Số học sinh của 4 khối 9; 8; 7; 6 của một trường tỉ lệ với các số 6; 7; 8; 9.

a) Tính số học sinh của mỗi khối biết tổng số học sinh của toàn trường là 600 học sinh.

b) Biết rằng số học sinh của khối 8 ít hơn số học sinh của khối 6 là 50 học sinh. Tính số học sinh của toàn trường.

c) Biết rằng số học sinh của khối 9 ít hơn số học sinh của khối 7 là 40 học sinh. Tính số học sinh của khối 6 và khối 8.

**Bài 6:** Một người mang một số tiền vào siêu thị hoa quả và nhẩm tính với số tiền đó có thể mua được 3kg nho hoặc 4kg táo hoặc 5kg mận. Tính giá tiền mỗi loại biết 3kg táo dắt hơn 2kg mận là 210000 đồng.

**Dạng 4: Một số bài tập mở rộng**

**Bài 1:** Cho tỉ lệ thức: . Chứng minh rằng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) | c) | e) |
| b) | d) | f) |

**Bài 2:** Cho 4 số a, b, c, d khác nhau và khác 0 thỏa mãn điều kiện: . Tính giá trị cảu biểu thức: 

**Bài 3:** a) Cho biểu thức: . A có chia hết cho 4, cho 12 không? Tìm số tự nhiên n biết .

b) Tính 

c) Tính 

**Bài 4:** Tìm giá trị nhỏ nhất của các biểu thức sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a) | b) | c) | d) |

**Bài 5:** Tìm giá trị lớn nhất của các biểu thức sau:

a)  b) 

c)  d) 

**Bài 6:** So sánh các biểu thức sau:

|  |  |
| --- | --- |
| a)  và | b)  và B = 1 |
| c)  và | d)  và |

**Bài 7**: Tìm số hữu tỉ x biết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a) | b) | c) | d) |
| e) | f) | g) | h) |

**II. HÌNH HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Cho hình vẽ, biết a//b,  Tính các góc |  |
| **Bài 2:** Cho hình vẽ. Vì sao a//b?  Tính các góc |  |
| **Bài 3:** Cho hình vẽ biết  a) Đường thẳng a có song song với đường thẳng b không? Vì sao?  b) Tính số đo của góc x. Hãy giải thích vì sao tính được như vậy. |  |
| **Bài 4**: Cho hình vẽ biết . Tính |  |
| **Bài 5:** Cho hình vẽ cho biết  a) Ba đường thẳng a, b, c có song song không? Vì sao?  b) Tính |  |
| **Bài 6**: Cho hình vẽ. Tính số đo x của góc O biết a//b; |  |
| **Bài 7:** Cho hình vẽ biết . Hỏi đường thẳng d có vuông góc với đường thẳng a không? Vì sao? |  |
| **Bài 8:** Cho hình vẽ. Biết Ax//By, . Bm là phân giác góc B  Chứng minh rằng: Bm//AC |  |
| **Bài 9**: Cho hình vẽ. Biết  a) Chứng minh rằng: Am//Bn  b) Tìm x, y biết 3x = 5y |  |
|  |  |

**Bài 10:** Cho . Trên tia Ox lấy điểm A, kẻ tia Az nằm trong góc xOy sao cho Az//Oy. Gọi OM, ON theo thứ tự là phân giác góc xOy và góc xAz.

a) Tính số đo góc 

b) Chứng minh OM//AN.

c) Kẻ tia phân giác AH của góc . Chứng minh 

**Bài 11**: Cho tam giác ABC, M là trung điểm cạnh AC, N là trung điểm cạnh AB. Trên tia BM lấy D sao cho . Trên tia CN lấy điểm E sao cho . Chứng tỏ ba điểm A, E, D thẳng hàng.

**Bài 12:** Cho tam giác ABC và điểm D nằm giữa hai điểm B và C. Vẽ đường thẳng đi qua D song song với canh AB, cắt cạnh AC ở E. Vẽ đường thẳng đi qua D song song với cạnh AC, cắt cạnh AB ở G.

a) Tìm các góc đỉnh D bằng các góc của tam giác ABC.

b) Tính tổng số đo các góc của tam giác ABC.

**Tuần 9**

Ngày soạn: 22/10/2024

Ngày dạy:

**Tiết 18 - BÀI 5: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức về số hữu tỉ vào việc tính tiền điện và thuế giá trị gia tăng (GTGT) với các trường hợp đơn giản.

- Biết sử dụng kiến thức và kĩ năng về số hữu tỉ trong thực tiễn.

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

b. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** SGK, giáo án, một vài hóa đơn tiền điện.

**2. Đối với học sinh:** SGK Toán 7 tập 1, giấy, bút, thước, máy tính cầm tay

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS thực hiện được bài toán tính nhanh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập :**  Thực hiện cá nhân làm bài tập sau  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài tập  **Bài :** Tính nhanh    **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, sản** p**hẩm :**  - Đại diện học sinh lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | **Bài :** Tính nhanh |

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động I: Tìm hiểu cách tính hóa đơn tiền điện**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức về số hữu tỉ vào việc tính tiền điện

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV hướng dẫn và chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc hóa đơn thanh toán tiền điện  - GV hướng dẫn HS cách tính một hóa đơn thanh toán tiền điện trong SGK trang 26.  - GV hướng dẫn:  + Công thức tính tiền điện.  + Cách tính và kết quả bậc 1  \* Các bậc còn lại HS trao đổi nhóm 2 bạn cùng bàn thực hiện.  + GV hướng dẫn tính tổng cộng tiền điện nhà bạn Dung phải trả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS các nhóm khác trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới  + Tiêu chí đánh giá:   * Giải quyết hợp lí vấn đề của bài toán * Thuyết trình rõ ràng * Phân công làm việc nhóm hợp lí | Công thức:  Tiền điện = Số kwh tiêu thụ x giá tiền / kwh ( theo bậc)  Tiền điện tính theo bậc là:  Bậc 1: 50 . 1678 = 83900 (đồng)  Số điện còn lại: 154 – 50 = 104 kwh  Bậc 2: 50 . 1734 = 86700 (đồng)  Số điện còn lại: 104 – 50 = 54 kwh  Bậc 3: 54 . 2014 = 108756 (đồng)  Số tiền điện: 83900+86700+108756 = 279356 (đồng)  Thuế GTGT (10%) = 279356 . 10%  = 27936 (đồng)  Tổng cộng tiền điện nhà bạn Dung phải trả là:  279356 + 27936 = 307292 (đồng) |

**Hoạt động 2: Thực hành tính hóa đơn tiền điện**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS có trải nghiệm dùng kiến thức về số hữu tỉ để tính tiền điện mà gia đình mình đã sử dụng hàng tháng.

**b. Nội dung:** Đọc hóa đơn thanh toán tiền điện, nghe GV hướng dẫn, HS thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu mỗi nhóm tính một hóa đơn tiền điện đã chuẩn bị sẳn.  - Các nhóm làm việc từ 4-5 thành viên  - GV gợi ý cho HS thực hiện từng bước như trên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện HS các nhóm lên bảng trình bày.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | Đại diện HS các nhóm lên bảng trình bày. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.

- Chuẩn bị bài tập cuối chương

**Tuần 9**

Ngày soạn: 25/10/2024

Ngày dạy:

**Tiết 19 - BÀI 1: SỐ VÔ TỈ - CĂN BẬC HAI SỐ HỌC**

Thời gian thực hiện: (4 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.

- Nhận biết được số vô tỉ.

- Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.

- Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng MTCT.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn, số vô tỉ, khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn (ở mức độ đơn giản) và đối với các môn học khác (nếu có).

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, MTCT

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, MTCT

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh có cơ hội trải nghiệm. thảo luận để khám phá ra số vô tỉ.

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập, kích thích tư duy, thu hút học sinh vào bài học.

**b) Nội dung:**

Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: Học sinh thực hiện bài tập do GV giao và trả lời câu hỏi vấn đáp của giáo viên

**c) Sản phẩm:**

- Biết được cách khái niệm số hữu tỉ, và ký hiệu số hữu tỉ.

- Biết được các phân số bằng nhau biểu diễn cùng một số hữu tỉ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Giao nhiệm vụ học tập: Hoạt động nhóm  1) Hãy tính: 12 ; 32 ; (-3)2 ;  2) Tìm x để a) x2 = 9, b) x2 = 2  \* ĐVĐ : Có số hữu tỉ nào bình phương bằng 2 không? Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ gùng nhau giải quyết vấn đề đó  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS ở nhóm 1,2 lên thực hiện yêu cầu bài toán (mỗi nhóm 1 câu) nhóm 3,4 thực hiện làm ở tại nhóm để nhận xét bài làm của nhóm 1, 2.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện nhóm 3,4 nhận xét bài của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần thực hiện bài tập của các nhóm được giao.  - GV nhận xét và chốt lại kết quả bài tập của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “S*ố vô tỉ.Căn bậc hai số học”.* | 1)  2) a)    Hoặc  b)  không tìm được |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**+ Hoạt động 2.1: Biểu diễn thập thập phân của số hữu tỉ**

**a) Mục tiêu:**

Giúp HS có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về số thập phân hữu hạn và vô hạn tuần hoàn.

**b) Nội dung:**

HS thực hiện hoạt động KP1 (SGK trang 30)

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải các bài tập ở hoạt động KP1.

- Biết được mỗi số hữu tỉ biểu diễn bởi một số thập phân hữu hạn, vô hạn tuần hoàn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Nhóm 3 thực hiện KP1 câu a, nhóm 4 thực hiện KP1 câu b.  - Nhóm 1, 2 lần lượt làm vào bảng nhóm bài tập HĐKP1 a,b/ SGK trang 30  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện theo nhóm bài tập được phân công.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Nhóm 3, 4 cử đại diện lên bảng trình bày.  - HS 2 nhóm còn lại quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV gợi ý để HS chốt ra nhận xét ở trường hợp 1 và trường hợp 2 như SGK.  - GV gợi ý cho HS chốt lại nội dung kiến thức trọng tâm (nếu được), sau đó GV hoàn thiện phát biểu của HS.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  Bài thực hành 1 và vận dụng 1 mỗi HS tự làm GV nhận 5 bài làm xong đầu tiên của học sinh để chấm và cho điểm HS  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện thực hành 1 và vận dụng 1 được phân công.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Giáo viên gọi 2HS lên bảng trình bày.  - HS còn lại quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận:**  - GV sửa bài nhắc lại cách làm và nhắc lại kiến thức trọng tâm. | **1. Biểu diễn thập thập phân của số hữu tỉ**:  a) Thực hiện phép chia    b) Viết các số sau dưới dạng số thập phân    Mỗi số hữu tỉ được biểu diễn bởi một số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn  Thực hành 1:    Vận dụng 1:  Ta có  Mà  nên |

**Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Đọc lại nội dung đã học.

- Làm bài tập 1 SGK/trang 33.

- Xem trước phần 2: Số vô tỉ.

Ngày soạn: 2/11/2024

Ngày dạy:

**Tiết 20+21+22 - BÀI 1: SỐ VÔ TỈ - CĂN BẬC HAI SỐ HỌC**

Thời gian thực hiện: (4 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.

- Nhận biết được số vô tỉ.

- Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.

- Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng MTCT.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn, số vô tỉ, khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn (ở mức độ đơn giản) và đối với các môn học khác (nếu có).

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, MTCT

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, MTCT

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 2**:

**+ Hoạt động 2.2: Số vô tỉ**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS làm quen với số vô tỉ qua thực tế nhận biết căn bậc hai của 2.

- Học sinh biết được số vô tỉ là gì và ký hiệu của số vô tỉ.

**b) Nội dung:**

Hiểu được mỗi số thập phân vô hạn không tuần hoàn là biểu diễn thập phân của một phân số, số đó được gọi là số vô tỉ.

**c) Sản phẩm:**

- HS thực hành được hoạt động KP2 và thực hành 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu hs đọc và hiểu nội dung hoạt động KP2 trong SGK trang 31.  - GV gợi ý cách làm yêu cầu 3 trong hoạt động KP2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  Đọc và hiểu nội dung hoạt động KP2 trong SGK trang 31.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Gọi vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi  **\* Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt lại kết quả bài làm của HS  **-** Giáoviên giảng giải thêm cho HS biết:  + Trong bài toán ở hoạt đông KP2 nếu ta gọi x (dm) là đọ dài cạnh AB của hình vuông ABCD thì ta có  + Người ta chứng minh được rằng không có số hữu tỉ nào bình phương bằng 2 và đã tính được  + Người ta cũng chứng minh được rằng số là một số thập phân mà ở thập phân của nó không có một chu kỳ nào cả. Đó là một số thập phân vô hạn không tuần hoàn. Ta gọi những số như vậy là số vô tỉ. | **2. Số vô tỉ**  - Diện tích hình vuông ABCD gấp 2 lần diện tích hình vuông AMBN  - Diện tích hình vuông ABCD là: 2(dm2)  - Diện tích hình vuông ABCD theo độ dài cạnh AB là: AB2    - Mỗi số thập phân vô hạn không tuần hoàn là biểu diễn thập phân của một số, số đó gọi là số vô tỉ  - Tập hợp các số vô tỉ được ký hiệu là I |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu hs làm thực hành 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm vào vở nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu HS lên bảng thực hiện.  - Hs khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng | Thực hành 2  a) ….nên a là số hữu tỉ  b)…..nên b là số hữu tỉ  c) π là số vô tỉ  d)… Vậy c là số vô tỉ |

**Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Đọc lại nội dung đã học.

- Làm bài tập 2 SGK/trang 33.

- Xem trước phần 3: Căn bậc hai số học.

**Tiết 3**:

**+ Hoạt động 2.3: Căn bậc hai số học**

**a) Mục tiêu:**

- Hướng dẫn HS xây dựng khái niệm căn bậc hai số học.

- Học sinh biết được mỗi số không âm có đúng một căn bậc hai số học.

**b) Nội dung:**

HS hiểu được và làm được bài toán tìm số x khi biết .

**c) Sản phẩm:**

HS thực hành được hoạt động KP3, thực hành 3 và vận dụng 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS đọc và hiểu nội dung hoạt động KP3 trong SGK trang 32.  - GV nhóm 1,3 làm câu a, nhóm 2,4 làm câu b trong hoạt động KP3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc và hiểu nội dung hoạt động KP3 trong SGK trang 32.  - Các nhóm thực hiện vào bảng nhóm bài tập được phân công.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện nhóm 1,2 lên treo bảng nhóm để các bạn quan sát.  - Nhóm 3 nhận xét bài nhóm 1, nhóm 4 nhận xét bài nhóm 2  **\* Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt lại kết quả bài làm của HS  **-** Giáoviên cho điểm đối với nhóm làm đúng  - GV giảng giải  Vì 2 > 0 và 22 = 4 nên ta nói căn bậc hai số học của 25 là 5. | **3. Căn bậc hai số học**  a)    b)      - Căn bậc hai số học của số a không âm là số x không âm sao cho  - Ta dùng ký hiệu để chỉ căn bậc hai số học của a  - Một số không âm có đúng một căn bậc hai số học.  \* Chú ý:  - Số âm không có căn bậc hai số học  - Ta có với mọi số a không âm.  - Với mọi số không âm a, ta luôn có |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS làm thực hành 3, vận dụng 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm vào vở nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu HS lên bảng thực hiện.  - Hs khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng | Thực hành 3  Căn bậc hai số học của 16 là:  Căn bậc hai số học của 7 là:  Căn bậc hai số học của 10 là:  Căn bậc hai số học của 36 là:  Vận dụng 2  Gọi x (m) là cạnh hình vuông  Ta có  Suy ra (m)  Vậy độ dài cạnh hình vuông là 13m |

**Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Đọc lại nội dung đã học.

- Làm bài tập 3,4,8 SGK/trang 33, 34.

- Xem trước phần 4: Tính căn bậc hai số học bằng MTCT

**Tiết 4**:

**+ Hoạt động 2.4: Tính căn bậc hai số học bằng MTCT**

**a) Mục tiêu:**

Giúp HS nhận biết cách dùng MTCT để tìm căn bậc hai (đúng hoặc gần đúng) của một số không âm.

**b) Nội dung:**

HS dùng MTCT tính các bài toán tính căn bậc hai số học của các số không âm.

**c) Sản phẩm:**

HS thực hành được hoạt động KP4, thực hành 4 và vận dụng 3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS đọc và hiểu nội dung hoạt động KP4.  - GV yêu cầu cả lớp thực hiện hoạt động KP4  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc và hiểu nội dung hoạt động KP4 trong SGK trang 33.  - Các lớp cùng thực hiện hoạt động KP4.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi HS đứng tại chỗ thực hiện và đọc kết quả, giáo viên ghi kết quả lên bảng  **\* Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt lại kết quả bài làm của HS  **-** Giáoviên cho điểm đối với HS làm đúng | **3. Tính căn bậc hai số học bằng MTCT**  a)    b) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS làm thực hành 4, vận dụng 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm vào vở nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu HS lên bảng thực hiện.  - Hs khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng | Thực hành 4  Căn bậc hai số học  Căn bậc hai số học  Căn bậc hai số học  Căn bậc hai số học  Vận dụng 3  a) Độ dài của mảnh đất hình vuông là :    b) Bán kính của hình tròn là:  (cm) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

Biết cách tìm căn bậc hai của một số không âm

**b) Nội dung:** Làm các bài tập 1, 2, 3, 4, 5, 8 SGK trang 33; 34.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 1,2,3,4,5,8 SGK trang 33; 34.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập:**  Thực hiện làm việc theo nhóm các bài tập  Nhóm 1 thực hiện câu 1.  Nhóm 2 thực hiện câu 2, 3.  Nhóm 3 thực hiện câu 4.  Nhóm 4 thực hiện câu 5, 8  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | Bài tập  1) a.    b. Số 4,(4) và 6,(285714 )là số thập phân vô hạn tuần hoàn  2) Các phát biểu a, c, d đúng  3)    4)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 121 | 144 | 169 | 21316 | |  | 11 | 12 | 14 | 146 |   5) a.  b.  c.  d.  8) Các số hữu tỉ là  12;  ; 3,(14) ; 0,123 |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

Vận dụng các kiến thức để giải quyết các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

Giải các bài tập 6; 7 SGK trang 33; 34

**c) Sản phẩm:**

Lời giải các bài tập 6; 7 SGK trang 33; 34

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập:**  Thực hiện làm việc theo nhóm các bài tập  Nhóm 1, 2 thực hiện câu 6.  Nhóm 3, 4 thực hiện câu 7.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương, cộng điểm nhóm làm đúng. | 6) Diện tích cái sân hình vuông là:  10.125.000 : 125.000 = 81(m2)  Độ dài cạnh của cái sân là:  (m)  7) Bán kính hình tròn là  (m) |

**Hướng dẫn tự học**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 2. Số thực. Giá trị tuyệt đối của số thực”*

Ngày soạn: 11/11/2024

Ngày dạy:

**Tiết 23+24+25+26 - BÀI 2. SỐ THỰC. GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI CỦA MỘT SỐ THỰC**

Thời gian thực hiện: (4 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được số thực, tập hợp các số thực.

- Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.

- Nhận biết được số đối của một số thực.

- Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực.

- Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.

**2. Về năng lực:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

**3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, con số có gắn nam châm lá, bìa cứng có các số.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua trò chơi học sinh hiểu thế nào là tập hợp, các phần tử của tập hợp.

**b) Nội dung:** Thực hiện nội dung ví dụ 1.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của nội dung ví dụ 1.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV: Yêu cầu học sinh đọc ví dụ sau, suy nghĩ và trả lời  Ví dụ. Hãy chỉ ra đâu là số hữu tỉ, đâu là số vô tỉ trong các số sau:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs chú ý lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ  - GV quan sát và giúp đỡ HS.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  - Hs chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV: chính xác hóa  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “*Số thực. Giá trị tuyệt đối của một số thực”.* | - Số hữu tỉ là:  - Số vô tỉ là: |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Số thực và tập hợp các số thực**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được số thực, tập hợp các số thực.

**b) Nội dung:** Hs đọc HĐKP1 và nội dung SGK/35

**c) Sản phẩm:**

- Nhận biết được số thực, tập hợp các số thực.

- Lời giải thực hành 1 và bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  GV: Yêu cầu hs làm vào vở nháp bài tập HĐKP1 SGK trang 35  GV gọi vài học sinh đứng tại chỗ trả lời.  - Đâu là số hữu tỉ?  - Đâu là số vô tỉ ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs lắng nghe, suy nghĩ và làm vào vở nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Hs nêu dự đoán.  Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV khẳng định những câu trả lời đúng.  GV giới thiệu Số thực và tập hợp các số thực như SGK/35 | 1. Số thực và tập hợp các số thực   - Số hữu tỉ là:  - Số vô tỉ là:  \* Ta gọi chung số hữu tỉ và số vô tỉ là số thực  \* Kí hiệu: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  GV: Yêu cầu hs làm vào vở thực hành 1 SGK trang 35  GV gọi vài học sinh đứng tại chỗ trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs lắng nghe, suy nghĩ và trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Hs trả lời  Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2.**  GV khẳng định những câu trả lời đúng.  GV giới thiệu chú ý SGK/35 | Thực hành 1 (SGK/35)  Đúng :  Sai :  \* Chú ý: (SGK/35) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  GV cho HS hoạt động cá nhân và yêu cầu hs làm vào vở bài tập 1 SGK trang 38  GV quan sát và giúp đỡ HS  Gv gọi 2HS lên bảng giải (HS1 giải 3 ý đầu, HS2 giải 4 ý sau)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs hoạt động cá nhân và làm vào vở  **\* Báo cáo, thảo luận:**  2 HS lên bảng giải  Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2.**  GV cùng cả lớp sửa bài và GV kết luận | Bài 1/SGK/38 |

**Hướng dẫn tự học**

- Đọc lại nội dung đã học: Số thực và tập hợp số thực; Chú ý cách kí hiệu tập hợp số thực.

- Làm bài tập 3 SGK/trang 38.

- Xem trước phần 2: Thứ tự trong tập hợp các số thực.

**Tiết 2**:

**Hoạt động 2.2: Thứ tự trong tập hợp các số thực ( 43 phút)**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện HĐKP 2/SGK/35;

- Đọc và hiểu nội dung ở SGK trang 36;

**c) Sản phẩm:** Trả lời thực hành 2 và vận dụng 1/SGK/36

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  GV: Yêu cầu hs làm vào vở nháp bài tập HĐKP2 SGK trang 35  GV gọi 3 học sinh đứng tại chỗ trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs lắng nghe, suy nghĩ và trả lời  **\* Báo cáo, thảo luận:**  3Hs đứng tại chỗ trả lời theo cách hiểu  Hs cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV nhận xét những câu trả lời.  GV giới thiệu : Ta có thể so sánh hai số thực bằng cách so sánh hai số thập phân (hữu hạn hoặc vô hạn) biểu diễn chúng. | 1. **Thứ tự trong tập hợp các số thực**   3,14 < 3,14159… < 3,14(15)  \* Với hai số thực x, y bất kì, ta luôn có hoặc x < y hoặc x > y hoặc x = y. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV Yêu cầu đọc ví dụ 2 và ví dụ 3 SGK trang 36 để hiểu hơn về thứ tự trong tập hợp các số thực  Gv yêu cầu Hs trả lời câu hỏi sau:  Với a, b là 2 số thực dương. Hãy so sánh  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  Hs đọc ví dụ và trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận:**  1Hs trả lời tại chỗ  Hs còn lại nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV kết luận và đưa ra nội dung phần chú ý SGK trang 36 | \* Chú ý: (SGK/36)  Nếu a > b thì  (Với a, b là 2 số thực dương) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  GV Yêu cầu tự đọc đề và giải thực hành 2 và vận dụng 1 SGK trang 36 vào vở  Sau đó Gv gọi 2 HS lên bảng giải  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  Hs tự đọc và làm vào vở  **\* Báo cáo, thảo luận:**  2 Hs lên bảng giải  Hs dưới lớp nhận xét bài giải trên bảng  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chốt bài  Hs ghi bài vào vở | Thực hành 2 (SGK/36)  a) 4,(56) > 4,56279  b) – 3,65 < – 3,6491  c) 0,(21) = 0,2(12)  d)  Vận dụng 1 (SGK/36)  Độ dài a của cạnh hình vuông là    Vì b = 2,361 (m) nên b > a |

**Hướng dẫn tự học**

- Đọc lại nội dung đã học: Thứ tự trong tập hợp các số thực; Chú ý cách kí hiệu các tập hợp.

- Làm bài tập 2, 4 SGK/trang 38.

- Xem trước phần 3: Trục số thực.

**Tiết 3**:

**Hoạt động 2.3 Trục số thực (43 phút)**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện HĐKP3/SGK/36;

- Đọc và hiểu nội dung ở SGK trang 36;

**c) Sản phẩm:** Trả lời thực hành 3 và vận dụng 2/SGK/36

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  GV: Yêu cầu Hs thảo luận cặp đôi và làm HĐKP3 SGK trang 36  GV gọi 2 cặp đứng tại chỗ trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs thảo luận, suy nghĩ và trả lời  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện Hs đứng tại chỗ trả lời  Các cặp đôi còn lại nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV nhận xét câu trả lời của 2 cặp đôi  Sau đó GV biểu diễn số  trên trục số lên bảng và dẫn dắt cho Hs nhận thấy: Không phải mỗi điểm trên trúc số đều biểu diễn một số hữu tỉ, nghĩa là các điểm biểu diễn số hữu tỉ không lấp đầy trục số. Từ đó đưa ra nội dung chính. | 1. **Trục số thực**   OA =  (bằng bán kính)  Vì là số vô tỉ nên độ dài OA cũng là số hữu tỉ  \* Người ta chứng minh được rằng:  - Mỗi số thực được biểu diễn bởi một điểm trên trục số.  - Ngược lại, mỗi điểm trên trục số biểu diễn một số thực.  Vì thế, ta còn gọi trúc số là trục số thực. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV Yêu cầu đọc nội dung SGK trang 36 để đưa ra nội dung chú ý; sau đó trả lời câu hỏi:  - Nếu x < y thì trên trục số nằm ngang, điểm x nằm ở đâu so với điểm y?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  Hs đọc SGK/36 và trả lời câu hỏi, rút ra chú ý  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Hs trả lời tại chỗ  Hs còn lại nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV kết luận và đưa ra nội dung phần chú ý SGK trang 36 | \* Chú ý: (SGK/36) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  GV Yêu cầu tự đọc đề và giải thực hành 3 và vận dụng 2 SGK trang 36 vào vở  Sau đó Gv gọi 2 HS lên bảng giải  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  Hs tự đọc và làm vào vở  **\* Báo cáo, thảo luận:**  2 Hs lên bảng giải  Hs dưới lớp nhận xét bài giải trên bảng  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chốt bài  Hs ghi bài vào vở | Thực hành 3 (SGK/36)  Vận dụng 2 (SGK/36)  Vì  thì trên trục số nằm ngang, vị trí theo thứ tự từ trái sang sẽ là |

**Hướng dẫn tự học**

- Đọc lại nội dung đã học: Trục số thực; Chú ý cách biểu diễn số thực trên trục số.

- Tìm một số bài tập về biểu diễn số thực trên trục số để tự rèn luyện.

- Xem trước phần 4, 5 còn lại của bài.

**Tiết 4**:

**Hoạt động 2.4: Số đối của một số thực (15 phút)**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được số đối của một số thực.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện HĐKP4/SGK/37;

- Đọc và hiểu nội dung ở SGK trang 37;

**c) Sản phẩm:** Trả lời thực hành 4 và vận dụng 3/SGK/37

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  GV: Yêu cầu Hs hoạt động cá nhân và làm HĐKP4 SGK trang 37  GV gọi 3 Hs đứng tại chỗ trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs suy nghĩ và trả lời  **\* Báo cáo, thảo luận:**  3Hs đứng tại chỗ trả lời  Hs còn lại nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV nhận xét câu trả lời  GV kết luận như SGK/37 | 1. **Số đối của một số thực**   OA = OA’  \* Kí hiệu: Số đối của số thực x là – x  Ta có x + (– x) = 0 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV Yêu cầu Hs tự đọc nội dung ví dụ 5 SGK trang 37 để hiểu hơn về số đối.  Sau đó GV yêu cầu Hs giải thực hành 4 và vận dụng 3 SGK trang 37 vào vở và gọi 2HS lên bảng giải.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  Hs đọc SGK/37 và thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Hs hoạt động cá nhân làm bài  2Hs lên bảng giải, còn lại Hs dưới lớp nhận xét câu bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV sửa bài và chốt kiến thức | \* Thực hành 4 (SGK/37)  - Số đối của 5,12 là – 5,12  - Số đối của  là  - Số đối của  là  \* Vận dụng 3 (SGK/37)  - Số đối của  và  lần lượt là  và  Nên < |

**Hoạt động 2.5: Giá trị tuyệt đối của một số thực (15 phút)**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện HĐKP5/SGK/37;

- Đọc và hiểu nội dung ở SGK trang 37;

**c) Sản phẩm:** Trả lời thực hành 5 và vận dụng 4 ở SGK trang 37

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  GV: Yêu cầu Hs hoạt động cá nhân và làm HĐKP5 SGK trang 37  GV gọi 2 Hs đứng tại chỗ trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs suy nghĩ và trả lời  **\* Báo cáo, thảo luận:**  2Hs đứng tại chỗ trả lời  Hs còn lại nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV nhận xét câu trả lời  GV kết luận như SGK/37 và đưa ra nhận xét. | 1. **Giá trị tuyệt đối của một số thực**   Khoảng cách từ điểm 0 đến  cũng bằng khoảng cách từ điểm 0 đến  \* Kí hiệu:  \* Nhận xét:  \* |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV Yêu cầu Hs tự đọc nội dung ví dụ 6 SGK trang 37 để hiểu hơn về giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ.  Sau đó GV yêu cầu Hs giải thực hành 5 và vận dụng 4 SGK trang 37 vào vở và gọi 2HS lên bảng giải.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  Hs đọc SGK/37 và thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Hs hoạt động cá nhân làm bài  2Hs lên bảng giải, còn lại Hs dưới lớp nhận xét câu bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV sửa bài và chốt kiến thức | \* Thực hành 5 (SGK/37)    \* Vận dụng 4 (SGK/37)  Có 2 số thực thỏa mãn  ⇒ |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (8 phút)

**a) Mục tiêu:** Giải được các bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập thực hành 5, 6 SGK trang 37.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập thực hành 5, 6 SGK trang 37.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Gv yêu cầuHs hoạt động cá nhân bài tập 5 SGK trang 37 (làm 2 ý đầu)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  HS thực hiện giải bài tập  **\* Báo cáo, thảo luận :**  1Hs trả lời nhanh tại chỗ, 1Hs lên bảng trình bày.  Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **6. Luyện tập**  Bài 5/SGK/38  Số đối của  là  Số đối của 12,(3) là – 12,(3) |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Gv yêu cầuHs hoạt động cá nhân bài tập 6 SGK trang 37 (làm 2 ý đầu)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  HS thực hiện giải bài tập  **\* Báo cáo, thảo luận :**  1Hs trả lời nhanh tại chỗ, 1Hs lên bảng trình bày.  Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **6. Luyện tập**  Bài 6/SGK/38 |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức về số thực để giải quyết các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:** Hs giải bài toán sau:

Bài tập: Có thể sử dụng loại số thích hợp nào để biểu thị trong mỗi tình huống sau?

a) Số học sinh của một trường đi tham quan, dã ngoại;

b) Chiều cao cửa ra/vào của lớp học;

c) Giá tiền của một chiếc xe máy;

d) Số ô tô tối thiểu cần có để chở hết 145 hành khách, biết rằng mỗi xe ô tô chỉ chở được không quá 40 người.

**c) Sản phẩm:**

a) Số tự nhiên;

b) Số thập phân hữu hạn;

c) Số tự nhiên;

d) Số tự nhiên;

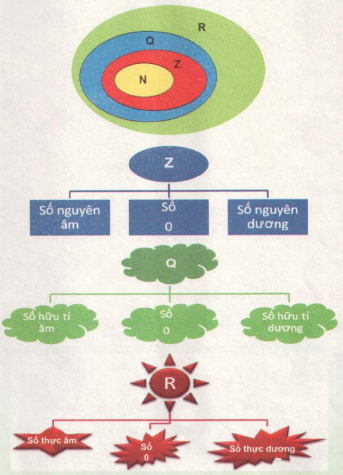
**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Giao nhiệm vụ 1**:

- Hs quan sát bài tập và trả lời câu hỏi, làm theo cặp đôi và viết vào bảng nhóm trong thời gian 2 phút.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của hs để hiểu rõ nhiệm vụ.

**Mở rộng:** GV giới thiệu quan hệ giữa các tập hợp

****

**\*Giao nhiệm vụ 2**:

- GV hỏi hs: Sau bài học này các em làm được những gì?

- Hs trả lời:

+ Nhận biết được số thực, tập hợp các số thực.

+ Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.

+ Nhận biết được số đối của một số thực.

+ Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực.

+ Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**Hướng dẫn tự học**

- Xem lại nội dung đã học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Hoàn thành các bài tập đã sửa vào vở và làm các bài tập còn lại SGK/38

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 3. Làm tròn số và ước lượng kết quả”*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 27+28+29 - BÀI 3 : LÀM TRÒN SỐ VÀ ƯỚC LƯỢNG KẾT QUẢ**

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- HS biết được ý nghĩa của việc ước lượng và làm tròn số

- Biết quy tắc làm tròn số với số thực, làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.

- Biết dùng máy tính cầm tay để làm tròn số và ước lượng kết quả cho trước.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: Học sinh biểu đạt được ngôn ngữ về làm tròn và ước lượng số.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Làm tròn số thập phân để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Năng lực sử dụng công cụ toán học: biết cách dùng các phép tính cộng trừ nhân chia, sử dụng máy tính bỏ túi để làm tròn số trong các tình huống thực tế.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu,

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Ôn tập lại quy tắc làm tròn số thập phân đã học ở lớp 6 để liên hệ làm tròn số thực trong bài mới.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: Làm tròn số thập phân theo các yêu cầu khác nhau.

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm về tập hợp, phần tử của tập hợp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” :  **Tổ chức**: Mỗi tổ cử 6 học sinh tham gia trò chơi thành một đội.  **Luật chơi**: Mỗi thành viên lần lượt lên bảng điền kết quả làm tròn. Đội nào hoàn thành nhanh nhất và chính xác nhất chiến thắng.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS hoàn thành nhiệm vụ  + GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Báo cáo, thảo luận:**  + HS lên viết kết quả lên bảng.  + Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện của HS khi thực hiện nhiệm vụ  GV chốt lại kiến thức.  - GV đặt vấn đề vào bài mới. | Khởi động: Trò chơi “Ai nhanh hơn”  Làm tròn các số: -492,7926 đến :   1. đến hàng phần mười là: 2. đến hàng phần trăm là: 3. đến hàng phần nghìn là: 4. đến hàng đơn vị là: 5. đến hàng chục là: 6. đến hàng trăm là: |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Làm tròn số.**

**a.** **Mục tiêu**: HS biết viết một số thực dưới dạng số thập phân và làm tròn số thập phân đó.

**b.** **Nội dung**: Thực hiện  và rút ra quy tắc làm tròn số.

**c.** **Sản phẩm**: kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  Đọc thông tin trong sgk/39 và thực hiện nhiệm vụ phần  và nêu quy tắc làm tròn số.  **\*Thực hiện nhiệm vụ 1**  + HS hoạt động cặp đôi: đọc thông tin, thảo luận, thực hiện yêu cầu trong hoạt động . Nêu quy tắc làm tròn số.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  + Gv trình chiếu kết quả của một số nhóm, yêu cầu các nhóm thuyết trình.  + HS đứng tại chỗ nêu quy tắc làm tròn số.  + HS cả lớp nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  + GV đánh giá, nhận xét hoạt động của học sinh và kết quả thực hiện nhiệm vụ.  + GV giới thiệu tổng quát cách làm tròn số thập phân. | **1. Làm tròn số**     1. Làm tròn số 3,1415 và số đến hàng phần mười đều là: 3,14. 2. Làm tròn số  đến hàng phần trăm -3,33. 3. Làm tròn số  đến hàng phần nghìn là 1,414. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  **-** Hoạt động nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ.  + Đọc ví dụ 1, ví dụ 2 trong sgk/39 theo cá nhân.  + Thảo luận, thực hiện thực hành 1, vận dụng 1 theo cặp đôi.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  + HS hoạt động cặp đôi để hoàn thành 2 nhiệm vụ trên.  + GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Báo cáo, thảo luận:**  + GV chiếu bài một số nhóm.  + HS cả lớp đánh giá, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chốt lại kiến thức. | **Thực hành 1:**   1. Số  được làm tròn đến hàng trăm là 3100.   Số được làm tròn đến hàng trăm là   1. Số  đượclàm tròn đến hàng phần nghìn là   Số  đượclàm tròn đến hàng phần nghìn là 6,234  **Vận dụng 1:** Chu vi bánh xe có bán kính 65 cm là: |

**Hoạt động 2.2: Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.**

**a.** **Mục tiêu**: Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.

**b.** **Nội dung**: Thực hiện  rút ra KTTT, thảo luận ví dụ 3, áp dụng làm thực hành 2, vận dụng 2, vận dụng 3.

**c.** **Sản phẩm**: kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  Thảo luận thực hiện , rút ra kết luận về làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  + HS hoạt động cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.  + GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  + HS trình bày kết quả.  + HS còn lại theo dõi và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chốt lại kiến thức về làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước, giới thiệu chú ý. | **2. Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.**    a) Số  được làm tròn đến hàng chục là  Vậy    Vậy  b) y là số làm tròn đến hàng phần trăm của  nên . |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  - Yêu cầu cá nhân HS đọc ví dụ 2.  - Thực hiện thực hành 2, vận dụng 2, vận dụng 3 theo nhóm đôi.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  + HS hoạt động cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ.  + GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số nhóm lên bảng báo cáo.  + Các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định:**  - Đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm khi thực hiện nhiệm vụ.  - GV chốt lại cách làm tròn số với độ chính xác cho trước. | **Ví dụ 3 (sgk/42)**  **Thực hành 2:**  a) Làm tròn số  với độ chính xác là  b) Làm tròn số  với độ chính xác là .  **Vận dụng 2:**  Dân số quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tính đến ngày 12/6/2021 là người (nguồn [*https://www.shareheartbeat.com/dan-so-tphcm*](https://www.shareheartbeat.com/dan-so-tphcm)*)*. Làm tròn số dân này với độ chính xác  là .  **Vận dụng 3:**  Độ dài đường chéo của chiếc ti vi 32 inch tính theo đơn vị cm là: (cm).  Làm tròn độ dài đường chéo chiếc ti vi này với độ chính xác là 81,3cm. |

**Hoạt động 2.3: Uớc lượng các phép tính.**

**a.** **Mục tiêu**: Nhận biết được ý nghĩa của việc ước lượng và làm tròn số, biết sử dụng máy tính cầm tay để ước lượng và làm tròn số.

**b.** **Nội dung**: HS thực hiện thực hành 3, vận dụng 4.

**c.** **Sản phẩm**: kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  GV giới thiệu ý nghĩa của việc ước lượng và làm tròn số.  - HS thực hiện thực hành 3, vận dụng 4 theo nhóm (nhóm 4-5 HS)  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  + HS hoạt động nhóm 4-5 HS hoàn thành nhiệm vụ.  + GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  + HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định:**  - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - Gv chốt lại cách áp dụng quy tắc làm tròn số và ước lượng kết quả của phép tính để kiểm tra nhanh kết quả. | **Thực hành 3:**        **Vận dụng:**    Vậy kết quả  là sai. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a.** **Mục tiêu**: HS áp dụng được các kiến thức đã học vào giải quyết một số bài toán.

**b.** **Nội dung**: Hoạt động nhóm làm bài tập tập 1, 2, 3 theo hình thức “Ai nhanh sẽ được thưởng”.

**c.** **Sản phẩm**: Kết quả các bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  - HS thảo luận cặp đôi giải bài tập.  - HS dãy 1: Bài 1 SGK/43  - HS dãy 2: Bài 2 SGK/43  - HS dãy 3: Bài 3 SGK/43  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ.  + GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **- Báo cáo, thảo luận:**  + HS lên trình bày sản phẩm trên bảng.  + Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện của HS khi thực hiện nhiệm vụ.  GV chốt lại kiến thức. | **Bài 1 SGK/43**  Làm tròn đến hàng phần nghìn:      **Bài 2 SGK/43**  được làm tròn đến hàng phần nghìn là  được làm tròn đến hàng trăm là  **Bài 3 SGK/53**  a) Quy tròn số  với độ chính xác là  b) Quy tròn số  với độ chính xác là |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a.** **Mục tiêu**: Vận dụng các kiến thức đã học vào làm các bài tập rèn luyện kĩ năng vẽ trục số và biểu diễn một số trên trục số nguyên.

**b.** **Nội dung**: Hoạt động cá nhân làm bài 4, 5

**c.** **Sản phẩm**: Kết quả bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ :**  - HS thảo luận nhóm giải bài tập (kỹ thuật khăn trải bàn)  + Nhóm 1, 6: Bài 4 SGK/43  + Nhóm 2, 5: Bài 5 SGK/43  + Nhóm 3, 4: Bài 7 SGK/43  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thực hành cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.  + GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **- Báo cáo, thảo luận:**  + HS lên trình bày sản phẩm (đối với sản phẩm nhanh nhất) trên bảng.  + Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện của HS khi thực hiện nhiệm vụ và chốt lại kiến thức.  - Hướng dẫn HS sử dụng máy tính để làm tròn kết quả, kiểm tra lại kết quả một số bài toán. | **Bài 4 SGK/43**  Dân số Việt Nam tính đến ngày 20/01/2021 là người (nguồn [*https://danso.org/viet-nam*](https://danso.org/viet-nam)). Làm tròn số này đến hàng triệu là .  **Bài 5 SGK/43**  Tính chung 9 tháng đầu năm 2019, tổng lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt  lượt khách (nguồn: [*https://vietnamtourism.gov.vn*/](https://vietnamtourism.gov.vn/)). Làm tròn số này đến hàng trăm là  **Bài 7 SGK/43**  Ta có:    Vậy chiếc vali không vượt quá quy định về khối lượng. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS thực hiện bài toán 2 trong mục “có thể em chưa biết” theo nhóm vào bảng nhóm.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thực hiện theo nhóm hoàn thành nhiệm vụ.  + GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm treo bảng nhóm và trình bày trước lớp, các nhóm chấm chéo, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  Đánh giá kết quả thực hiện của HS khi thực hiện nhiệm vụ và chốt lại kiến thức. | **Ước lượng tốc độ xe từ các vụ va chạm.**  Tốc độ của xe khi va chạm:    Vậy người lái xe đã nói sai, ông đã chạy quá tốc độ. |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Đọc lại nội dung bài học.

+ Học thuộc các kiến thức trọng tâm Description: Kiến thức trọng tâm.

+ Xem lại các ví dụ, thực hành và bài tập đã thực hiện trong bài học để nắm vững các yêu cầu cần đạt sau bài học Description: Yêu cầu cần đạt sau bài học.

+ Làm các bài tập trong SBT.

+ Chuẩn bị nội dung bài 4 cho tiết học sau.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 30+31+32+33 – BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG II**

Thời gian thực hiện:(4 tiết)

**I. Mục tiêu cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống lại cho học sinh các khái niệm về số vô tỉ, số thực, căn bậc hai số học, giá trị tuyệt đối của một số thực, số đối, ước lượng và làm tròn số.

- Củng cố các kiến thức về số thập phân hữu hạn, số thập phân vô hạn tuần hoàn, tập hợp số hữu tỉ, số vô tỉ và số thực, thứ tự trong tập số thực.

- Củng cố cho hs cách tìm căn bậc hai số học, mối liên hệ giữa các phần tử và các tập hợp số, tìm giá trị tuyệt đối, số đối,...

- Vận dụng các kiến thức đã được học để giải các bài toán thực tế về làm tròn số, bài toán tìm x.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: Nêu được khái niệm về căn bậc hai số học của một số nguyên dương, quy tắc làm tròn số.

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: Sử dụng máy tính cầm tay giải quyết các bài toán thực hiện phép tính và tìm căn bậc hai số học của một số nguyên dương.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

-Tích hợp: Toán học và cuộc sống

**3. Về phẩm chất:**

**-** Yêu nước, nhân ái: Biết giúp đỡ bạn bè trong học tập.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng có chia đơn vị, bảng phụ, máy chiếu, phiếu bài tập (các bài tập bổ sung), máy tính cầm tay.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, máy tính cầm tay.

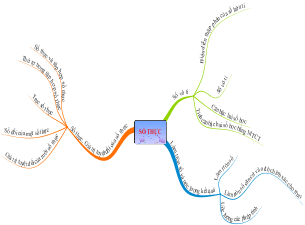
**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu.** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại các kiến thức trọng tâm của chương II.

**b) Nội dung:** Quan sát sơ đồ tư duy chương II và trả lời câu hỏi, nhận xét, đánh giá sơ đồ tư duy của từng nhóm.



**c) Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy của chương II về tập hợp số thực, các phép tính tìm giá trị tuyệt đối, tìm số đối, căn bậc hai số học,…

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Mỗi cá nhân nhớ lại các nội dung đã học.  - GV nêu yêu cầu  Các nội dung đã học của chương II là gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát sơ đồ tư duy ôn tập chương II và trả lời các câu hỏi của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Mỗi hình ảnh GV yêu cầu khoảng 2 HS trả lời miệng.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  - GV treo sơ đồ tư duy mà HS các nhóm chuẩn bị sẵn ở nhà lên bảng để HS nhóm khác nhận xét  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chuẩn hóa câu trả lời của HS.  - GV nhận xét, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ của HS |  |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**

**Hoạt động 2.1: Dạng 1: Các dạng toán về tập hợp** (7 phút)

**a) Mục tiêu:** Hệ thống lại cho học sinh các dạng toán về tập hợp.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện Bài tập 4 trong SGK trang 45 và làm một số bài toán bổ sung.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả Bài tập 4 trong SGK trang 45 và bài toán bổ sung.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV yêu cầu mỗi cá nhân đọc đề và làm bài tập sau  **Bài toán về tập hợp:**  **Bài tập 4:** Các phát biểu sau đúng hay sai? Nếu sai, hãy phát biểu lại cho đúng.    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Cho HS lần lượt lên bảng làm bài tập 4.  - Hướng dẫn, hỗ trợ  - Yêu cầu phát biểu lại câu sai.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ 1:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của bài tập 4.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | **Bài tập 4:**  **Giải:**    Phát biểu lại câu c) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu hai bạn cùng bàn một nhóm đọc bài toán (bảng phụ)  **Bài toán: Điền kí hiệu**  thích hợp vào chỗ trống:    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện bài toán  - Thảo luận nhóm và rút ra câu trả lời.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 2 HS nêu kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét hoạt động của nhóm, chuẩn hóa kết quả nhóm  - GV củng cố lại các cách viết của một tập hợp. |  |

**Hoạt động 2.2: Dạng 2: Tìm giá trị căn bậc hai số học của một số nguyên dương:** (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố các phép tính để tìm căn bậc hai số học của một số nguyên dương

- Sử dụng thành thạo máy tính để tìm căn bậc hai số học.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung bài tập 3 trong SGK trang 45.

- Làm bài tập tự luận 3 trong SGK trang 45 và một số bài tập thêm.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập 3 trong SGK trang 45 và một số bài tập thêm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  **-** Hoạt động nhóm 2 bạn cùng bàn một nhóm.  - Đọc bài tập 3 trong SGK trang 45 và thực hiện  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện đọc bài tập 3 trong SGK trang 45 vào phiếu học tập  **Bài tập 3: Tính**    - Thảo luận nhóm và rút ra câu trả lời.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 2 HS nêu kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét hoạt động nhóm, chuẩn hóa kết quả. |  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  **Bài toán về tìm căn bậc hai số học của một số nguyên dương**  HS thực hiện theo cá nhân.  **Bài toán :** Tìm căn bậc hai số học của các số sau: 36, 81, 9  Giáo viên gọi 3 HS lên bảng làm bài tập  Hỏi: Hãy nêu cách tìm bằng máy tính cầm tay và trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS trả lời câu hỏi GV.  - 3 Hs lên bảng thực hiện bài tập.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS quan sát, nhận xét và tự kiểm tra lại các bài tập trong vở.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét tính chính xác, đánh giá mức độ thực hiện của HS. | - Căn bậc hai số học của 36 là 6  - Căn bậc hai số học của 81 là 9  - Căn bậc hai số học của 9 là 3 |

**Tiết 2**

**Hoạt động 2.3: Dạng 3: Tìm giá trị tuyệt đối, số đối của một số thực:** (10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố các phép tính để tìm giá trị tuyệt đối, số đối của một số thực

**b) Nội dung:**

- Làm một số bài tập thêm.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả một số bài tập thêm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  **-** Hoạt động cá nhân.  - Đọc bài toán và thực hiện  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện  **Bài tập: Tìm giá trị tuyệt đối của các số sau:**    - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 2 HS nêu kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét hoạt động, chuẩn hóa kết quả. |  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  **Bài toán về tìm số đối của các số thực**  HS thực hiện theo cá nhân.  **Bài toán :** Tìm số đối của các số sau    Giáo viên gọi 3 HS lên bảng làm bài tập  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS trả lời câu hỏi GV.  - 3 Hs lên bảng thực hiện bài tập.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS quan sát, nhận xét và tự kiểm tra lại các bài tập trong vở.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét tính chính xác, đánh giá mức độ thực hiện của HS. | - Số đối của – 9 là 9  - Số đối của  - Số đối của 7 là – 7  - Số đối của |

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút):

- Xem lại các bài tập đã sửa, ôn lại các cách viết tập hợp, các tính chất của các phép tính trong tập hợp số tự nhiên.

- Làm bài tập sau: Đọc trước các bài tập còn lại SGK trang 45.

- Chuẩn bị bài mới: Ôn lại các phép tính về số thập phân, làm tròn số và ước lượng.

**Tiết 3**

**Hoạt động 2.4: Dạng 4: Viết các phân số dưới dạng số thập phân, thứ tự trong tập hợp số thực** (20 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố cho học sinh cách viết phân số dưới dạng số thập phân, thứ tự trong tập hợp số thực.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài tập tự luận 1và một số bài tập bổ sung.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập tự luận 1 và một số bài tập bổ sung.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS làm bài tập tự luận 1 sgk/45 (a, b) vào vở.  Giáo viên tổ chức cho HS hoạt động nhóm làm bài tập (nhóm 1, 2, 3 làm câu 1a ; nhóm 4, 5, 6 làm câu 1b)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động nhóm 6.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện chính xác các bài tập.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu đại diện 6 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu các câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  Giáo viên nhận xét và đánh giá.  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  GV chốt lại kiến thức |  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS làm bài tập tự luận GV ra đề vào vở.  Bài tập 1: Sắp xếp các số thực sau theo thứ tự từ nhỏ đến lớn:    Giáo viên tổ chức cho HS hoạt động nhóm làm bài tập (nhóm 1, 2, 3 làm câu a ; nhóm 4, 5, 6 làm câu b)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS hoạt động nhóm 6.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện chính xác các bài tập.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu đại diện 6 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu các câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  Giáo viên nhận xét và đánh giá.  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  GV chốt lại kiến thức |  |

**Hoạt động 2.5: Dạng 5: Áp dụng quy tắc làm tròn số để giải các bài tập liên quan.** (23 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố quy tắc làm tròn số.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài tập tự luận 2,7 sgk/45 và một số bài tập bổ sung.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện bài tập tự luận 2,7 sgk/45 và một số bài tập bổ sung.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV yêu cầu mỗi HSlàm bài tập 2/sgk 45 vào vở  Gọi 1 hs lên bảng trình bày.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  HSlàm bài tập 2/sgk 45 vào vở  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  Hs lên bảng trình bày bài làm, các hs còn lại kiểm tra chéo bài làm của nhau.  GV trình chiếu kết quả đúng trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét tính chính xác bài làm của hs. |  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  GV yêu cầu mỗi HSlàm bài tập 7/sgk 45 vào vở  Gọi 2 hs lên bảng trình bày theo 2 cách.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  HSlàm bài tập 7/sgk 45 vào vở  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  Hs lên bảng trình bày bài làm, các hs còn lại kiểm tra chéo bài làm của nhau.  GV trình chiếu kết quả đúng trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét tính chính xác bài làm của hs. |  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS làm bài tập tự luận vào vở.  - Gọi 4 Hs lên bảng trình bày bài tập bổ sung.  Bài tập 2: Làm tròn các số thập phân sau đến hàng phần trăm:    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - 4 HS lên bảng trình bày bài tập 2 .  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Yêu cầu HS nhận xét trên bảng, kiểm tra chéo bài 2 trong vở của nhau.  - GV chiếu kết quả đúng lên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét tính chính xác của HS. |  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Yêu cầu HS làm bài tập tự luận vào vở.  - Gọi 2 Hs lên bảng trình bày bài tập bổ sung.  Bài tập 3: Hãy ước lượng kết quả phép tính sau:    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - 2 HS lên bảng trình bày bài tập 3 .  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - Yêu cầu HS nhận xét trên bảng, kiểm tra chéo bài 2 trong vở của nhau.  - GV chiếu kết quả đúng lên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV nhận xét tính chính xác của HS. | Nên      Nên |

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ghi nhớ quy tắc làm tròn số.

- Xem lại các bài tập đã giải.

- Tìm hiểu trước nội dung các bài tập 5, 6; 8 SGK trang 45.

**Tiết 4**

**Hoạt động 2.6: Dạng 6: Các bài toán tìm x** (43 phút)

**a) Mục tiêu:** Hs áp dụng kiến thức đã học của chương II để giải bài toán tìm x

**b) Nội dung:** Làm bài tập tự luận 5 sgk/45 và một số bài tập bổ sung

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập tự luận 5 sgk/45 và một số bài tập bổ sung

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS thực hành bài tập tự luận 5 trong SGK trang 45.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS đọc đề tự luận 5 trong SGK trang 45 và suy nghĩ cách thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu khoảng 2 HS nêu cách làm bài, 1 HS lên bảng trình bày.  - HS dưới lớp lắng nghe, quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài tập tự luận 5/SGK/45.**      hoặc  hoặc  Vậy ; |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS thực hành bài tập tự luận bổ sung 1 vào vở.  Bài tập 1: Tìm x biết:    - 3 hs lên bảng trình bày sau khi thực hiện xong trong vở.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS đọc, phân tích đề tự luận bài tập bổ sung và làm vào vở.  - 3 hs lên bảng trình bày bài giải, hs còn lại quan sát, theo dõi.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 3 HS lên bảng viết lời giải.  - HS dưới lớp lắng nghe, quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | hoặc  Vậy  ;    Vậy    hoặc  hoặc  Vậy ; |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm cặp đôi bài tập bổ sung 2 trên phiếu học tập.  Bài tập 2: Tìm x biết:    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS hoạt động nhóm nhóm cặp đôi bài tập bổ sung 2 trên phiếu học tập  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện chính xác các thao tác.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả của hoạt động của bài tập bổ sung 2.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | hoặc  hoặc  Vậy ;    hoặc  hoặc  Vậy |

**Hoạt động 2.7: Dạng 7: Các bài toán thực tế** (37 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng được các kiến thức trọng tâm của chương II vào giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

**b) Nội dung:** Làm bài tập tự luận 6; 8 sgk/ 45 và một số bài tập bổ sung.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập tự luận 6; 8 sgk/ 45 và một số bài tập bổ sung.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS thực hành bài tập tự luận 6 trong SGK trang 45.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS đọc, phân tích đề tự luận 6 trong SGK trang 46 và tìm lời giải.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài  - HS dưới lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | Dân số TP Hồ Chí Minh tính đến tháng 1 năm 2021 được làm tròn đến hàng nghìn là:  (người) |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS thực hành bài tập tự luận 8 trong SGK trang 45.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS đọc, phân tích đề tự luận 8 trong SGK trang 46 và tìm lời giải.  - Hướng dẫn, hỗ trợ:  Tổng điểm kiểm tra thường xuyên của Bích?  Tính điểm trung bình môn Toán của Bích được tính như thế nào?  Làm tròn số đến hàng phần mười?  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu khoảng 2 HS nêu cách làm bài, 1 HS lên bảng viết lời giải.  - HS dưới lớp lắng nghe, quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài tập tự luận 8/SGK/45.**  **Giải**  Tổng điểm kiểm tra thường xuyên của Bích:    Điểm trung bình môn Toán của Bích là:    Điểm trung bình môn Toán của bạn Bích xấp xỉ 8,3 |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS thực hành bài tập bổ sung:  Bài tập: Tính bán kính của một cái bàn tròn có chu vi 26 dm. Kết quả làm tròn đến hàng phần trăm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS đọc, phân tích đề tự luận bài tập bổ sung và tìm lời giải.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu khoảng 2 HS nêu cách làm bài, 1 HS lên bảng viết lời giải.  - HS dưới lớp lắng nghe, quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | Bán kính của cái bàn tròn có chu vi 26 dm là:    Vậy bán kính của cái bàn tròn xấp xỉ 4,14 dm. |

**3. Hoạt động 3: Vận dụng** (6 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

- Giao nhiệm vụ tự học cho HS.

**b) Nội dung:**

- Giải quyết bài toán thực tiễn.

- Thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ 1:**

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 ngoài giờ học giải quyết bài toán thực tiễn: Cho biết chỉ số BMI của một người được tính như sau:  (m là khối lượng cơ thề tính theo kg, h là chiều cao tính theo mét). Hãy tính chỉ số BMI của bạn An biết bạn An cao 163cm và nặng 58kg. Hãy cho biết với chỉ số BMI của bạn An, bạn An có bị thừa cân không?

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**Hướng dẫn tự học**

- Xem lại các bài tập đã làm trong các tiết học.

- Ghi nhớ các dạng bài tập, cách thực hiện.

- Chuẩn bị bài mới.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 34 - BÀI 4: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức về số thập phân và làm tròn số để tính chỉ số 

- HS trải nghiệm tìm chỉ số cho biết thể trạng.

- Có ý thức tự rèn luyện thân thể và bảo vệ sức khỏe.

- Phát triển năng lực tính toán và làm tròn số thực của HS.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đo lường và làm tròn số vào thực tiễn tính chỉ số BMI.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: Vận dụng kiến thức tìm các chỉ số BMI vào bài thực hành.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng được kiến thức về phép chia hai số thập phân, làm tròn số để giải quyết một vấn đề thực tiễn.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, cân điện tử, thước dây, máy tính cầm tay, chia nhóm HS để HS chủ động chuẩn bị bài nhóm.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, máy tính cầm tay, bảng nhóm để ghi bảng thống kê các chỉ số BMI, thông tin về cân nặng, chiều cao của các bạn HS trong nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài học: Để đánh giá thể trạng (gầy, bình thường, thừa cân) của một người, người ta thường dùng chỉ số BMI (BODY MASS INDEX).

- Củng cố lại kiến thức cho HS: Tính tỉ số cụ thể là tỉ số  và cách làm tròn số

**b) Nội dung:**

- Yên cầu HS phát hiện cách tính chỉ số BMI của một người.

- Vận dụng kiến thức mới học về làm tròn số để làm tròn chỉ số BMI (chú ý chỉ số này được làm tròn đến hàng phần mười)

**c) Sản phẩm:**

- HS tìm được công thức  trong đó m là khối lượng cơ thể tính theo kilôgam, h là chiều cao tính theo mét.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu giải thích ý nghĩa của số BMI  - Yêu cầu HS nêu công thức tính BMI?  - Tính mẫu trên vài HS  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân tìm công thức tính BMI  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 1-2 HS lên bảng trình bày, các HS khác bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS và chốt kiến thức.  - ĐVĐ: Ta sẽ tính chỉ số BMI của các bạn trong nhóm sau đó lập bảng thống kê về chỉ số BMI. | - trong đó m là khối lượng cơ thể tính theo kilôgam, h là chiều cao tính theo mét. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới - Luyện tập**

**Hoạt động 1: Tính chỉ số BMI của các bạn HS trong nhóm (30’)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức tính tỉ số và làm tròn số tính được chỉ số BMI của các bạn trong nhóm.

- Lập bảng thống kê theo thể trạng

**b) Nội dung:**

- Thực hiện cân, đo chiều cao, tính chỉ số BMI

- Lập bảng thống kê số bạn theo bốn loại thể trạng

- Chuẩn bị cho các bạn lời khuyên

**c) Sản phẩm:**

- Tính được chỉ số BMI của các bạn trong nhóm

- Bảng thống kê số bạn theo bốn loại thể trạng

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Chia lớp thành các nhóm  - Chuẩn bị cân điện tử, thước dây, máy tính cầm tay  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Nhóm trưởng phân công các bạn cân, đo chiều cao, dùng mấy tính cầm tay để tính BMI của từng bạn trong nhóm.  - Lập bảng thống kê số bạn theo bốn loại thể trạng: gầy, bình thường, có nguy cơ béo phì và béo phì.  (GV dự kiến những khó khăn mà HS có thể gặp phải kèm theo biện pháp hỗ trợ)  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức điều hành; 1 – 2 nhóm HS báo cáo, thảo luận  - HS các nhóm quan sát lắng nghe nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả hoạt động  - GV đánh giá nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kỹ năng diễn đạt trình bày của học sinh, mức độ thực hiện thành thạo thao tác cân, đo chiều cao, sử dụng máy tính cầm tay tính chỉ số, làm tròn số | - HS thực hiện theo các yêu cầu của GV  + Cân, đo chiều cao  + Tính chỉ số  + Lập bản thống kê  - Đại diện nhóm trình bày theo yêu cầu của GV  - Đại diện nhóm nhận xét, phản biện.  - GV phân tích cụ thể về sản phẩm mà HS hoàn thành theo yêu cầu  - Làm rõ những nội dung về kiến thức, kĩ năng để HS ghi nhận, thực hiện |

**Hoạt động 2. Vận dụng (10’)**

- Từ kết quả báo cáo, bảng thống kê hướng dẫn HS xem biểu đồ để tìm chỉ số tiêu biểu của HS trong độ tuổi trong nhóm.

- Qua đó HS sẽ cho các bạn lời khuyên về chế độ ăn uống và tập luyện thể dục thể thao để có thể trạng cân đối.

- Ôn lại các kiến thức đã học trong Chương 2 và chuẩn bị bài 5: “Ôn tập Chương II”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

# **CHƯƠNG 6: CÁC ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ**

## Tiết 35+36+37 - BÀI 1: TỈ LỆ THỨC – DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU (3 tiết)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức.

- Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

- Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán.

- Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến tỉ lệ thức

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT.

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, ôn lại phép nhân, phép chia hai số hữu tỉ, tỉ số giữa hai số hữu tỉ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về bài toán chia lãi theo tỉ lệ góp vốn.

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập, gợi động cơ nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS thực hiện trả lời các câu hỏi dưới sự dẫn dắt, các yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu slide dẫn dắt, đặt vấn đề qua bài toán:

+ “ *Đầu năm, các bác Xuân, Yến, Dũng góp vốn làm ăn với số tiền lần lượt là 300 triệu đồng, 400 triệu đồng và 500 triệu đồng. Tiền lãi thu được sau một năm là 240 triệu đồng. Hãy tìm số tiền lãi mỗi bác được chia, biết rằng tiền lãi được chia tỉ lệ với số vốn đã góp?*”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi giải, dự đoán kết quả bài toán mở đầu trên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để hiểu và giải được chính xác bài toán trên, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay”.

**Bài 1: Tỉ lệ thức – dãy tỉ số bằng nhau.**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tỉ lệ thức**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành khái niệm tỉ lệ thức và biết áp dụng khái niệm tỉ lệ thức vào một bài toán thực tế.

- Khám phá tính chất cơ bản của tỉ lệ thức, biết cách lập tỉ lệ thức từ một đẳng thức cho trước.

- Biết cách tính một thành phần theo ba thành phần còn lại của tỉ lệ thức và thực hành áp dụng để rèn luyện kĩ năng theo yêu cầu.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK , thực hiện theo các yêu cầu của GV để tìm hiểu nội dung kiến thức về tỉ lệ thức và tính chất tỉ lệ thức.

**c) Sản phẩm:** HS ghi nhớ khái niệm tỉ lệ thức, các tính chất tỉ lệ thức, giải được các bài tập **Thực hành 1**, **Thực hành 2**, **Vận dụng 1, Vận dụng 2** và các bài tập liên quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện ***HĐKP1*** vào vở: So sánh tỉ lệ kích thước của hai màn hình laptop.  - GV đặt câu hỏi thêm: “*Em có nhận xét gì về tỉ số giữa chiều rộng và chiều dài của mỗi màn hình.*”  - GV dẫn dắt, giới thiệu khái niệm tỉ lệ thức: “*Đẳng thức của hai tỉ số trên được gọi là* ***tỉ lệ thức****. Vậy* ***tỉ lệ thức*** *là gì*?”  - HS trả lời, cả lớp nhận xét, GV mời 1 vài HS đọc lại khái niệm tỉ lệ thức trong khung kiến thức trọng tâm:  ***Tỉ lệ thức*** *là đẳng thức của hai tỉ số:*  - GV giới thiệu cách viết khác của tỉ lệ thức: Tỉ lệ thức còn được viết là **a: b = c: d**  - GV cho HS đọc *Ví dụ 1* để nhận dạng tỉ lệ thức.  - GV yêu cầu HS thảo luận, trao đổi nhóm 4 giải **Thực hành 1**.  - GV yêu cầu HS tự hoàn thành **Vận dụng 1** vào vở.  - GV yêu cầu HS tìm hiểu mục **Tính chất của tỉ lệ thức**:  + GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi thực hiện **HĐKP2** vào vở.  + GV đặt câu hỏi dẫn dắt để rút ra Tính chất 1: “*Từ kết quả của HĐKP2, em rút ra được nhận xét gì?*”  + GV mời một HS phát biểu ***Tính chất 1*** (khung kiến thức trọng tâm).  + GV yêu cầu HS tự thực hiện **HĐKP3**  sau đó thảo luận cặp đôi, trao đổi kiển thức chốt đáp án đúng.  - GV dẫn dắt, giới thiệu ***Tính chất 2:***  *Nếu**thì ad = bc và a, b, c, d 0 thì ta có tỉ lệ thức:*  *; ; ; .*  - GV yêu cầu HS áp dụng làm **Thực hành 2** vào vở.  - GV cho HS trao đổi cặp đôi hoàn thành **Vận dụng 2** vào vở.  - GV mở rộng đặt câu hỏi thêm:  “*Em hãy phân biệt khái niệm tỉ lệ thức và khái niệm hai phân số bằng nhau*”.  Gv lưu ý cho HS khi xét tỉ số thì a, b là hai số bất kì (b còn khi xét phân số thì a, b là những số nguyên(b  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: giảng, phân tích, trình bày, dẫn dắt, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Hoạt động nhóm đôi: Đại diện giơ tay phát biểu, trình bày miệng. Các nhóm khác chú ý nghe, nhận xét, bổ sung.  - Cá nhân: giơ tay phát biểu trình bày bảng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình học, tiếp thu bài của các HS, cho HS nhắc lại khái niệm tỉ lệ thức và các tính chất tỉ lệ thức. | **1. Tỉ lệ thức**  **HĐKP1:**      =  *Vậy tỉ số giữa chiều rộng và chiều dài của mỗi màn hình bằng nhau.*  Kết luận:  ***Tỉ lệ thức*** *là đẳng thức của hai tỉ số:*  Tỉ lệ thức còn được viết là **a: b = c: d**  **Thực hành 1:**  a. Có.  Vì ;      b. Hai tỉ lệ thức có thể lập được từ bốn số 9; 2; 3; 6 là: ;  **Vận dụng 1:**  Có:  + Tỉ số giữa chiều rộng và chiều dài của màn hình loại 1 là:  + Tỉ số giữa chiều rộng và chiều dài của màn hình loại 2 là:    **Tính chất của tỉ lệ thức**  ***Tính chất 1:***  **HĐKP2:**  a. Ta nhân cả 2 vế với 64.12 thì được 48.12 = 9.64  b. Ta nhân cả 2 vế với bd thì được: ad = bc  Kết luận:  Nếu thì ad = bc  ***Tính chất 2:***  **HĐKP3:**  Chia cả hai vế cho 64 . 12 thì có kết quả  Chia cả 2 vế cho bd ta có: .  Kết luận:  Nếuthì ad = bc và a, b, c, d 0 thì ta có tỉ lệ thức:  ; ; ; .  **Thực hành 2.**    5.9 = 3.x  x =  5 . 9: 3  x = 15    **Vận dụng 2.**  x = 2y |

**Hoạt động 2: Dãy tỉ số bằng nhau**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành khái niệm dãy các tỉ số bằng nhau và biết cách biểu diễn dãy các tỉ số bằng nhau.

- Hình thành và khám phá các tính chất cơ bản của dãy tỉ số bằng nhau và biết vận dụng tính chất dãy hai tỉ số bằng nhau vào bài toán tìm hai số x và y và mở rộng cho nhiều số.

**b) Nội dung:** HS chú ý SGK, thực hiện lần lượt theo yêu cầu của GV tìm hiểu nội dung kiến thức về dãy tỉ số bằng nhau.

**c) Sản phẩm:** HS ghi nhớ các tính chất dãy tỉ số bằng nhau, hoàn thành được các bài **Thực hành 3**, **Thực hành 4**, **Thực hành 5**, **Vận dụng 3**, **Vận dụng 4**, **Vận dụng 5**.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP4**.  - GV dẫn dắt, giới thiệu khái niệm và cách biểu diễn dãy tỉ số bằng nhau:  *“Đẳng thức được gọi là dãy tỉ số bằng nhau. Dãy các tỉ số bằng nhau là gì? Các cách biểu diễn dãy tỉ số bằng nhau?”*  GV mời 1 -2 HS trả lời, kết luận như khung kiến thức trọng tâm:  *- Ta gọi dãy các đẳng thức: là một dãy các tỉ số bằng nhau.*  *- Khi có dãy tỉ số bằng nhau**, ta nói các số a, c, e tỉ lệ với các số b, d, f và có thể ghi là* ***a: c: e = b: d: f***.  - GV yêu cầu HS đọc *Ví dụ 2* để hiểu kiến thức.  - HS áp dụng kiến thức thực hiện **Thực hành 3**.  - GV gợi ý, tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, trao đổi hoàn thành **Vận dụng 3:**  + “ *Gọi m, n, p, q là số quyển vở được chia của bốn bạn Mai, Ngọc, Phú, Quang, thì m, n, p, q cần điều kiện gì*?”  + “ *Số điểm 10 đạt được của bốn bạn lần lượt là: 12, 13, 14, 15 và số quyển vở được chia tỉ lệ với số điểm 10,* ta suy ra được điều gì?”  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi **HĐKP5.**  - GV tổng quát các đẳng thức trong **HĐKP5** và rút ra kết luận như trong khung kiến thức trọng tâm:  (các mẫu số phải khác 0).  - GV cho HS đọc *Ví dụ 3*, *Ví dụ 4*, *Ví dụ 5* và tự áp dụng hoàn thành vở. GV mời 3 bạn lên bảng trình bày.  - GV yêu cầu HS tự làm bài **Thực hành 4** vào vở.  - GV tổ chức chia lớp thành 3 nhóm thực hiện **Vận dụng 4** vào bảng nhóm theo yêu cầu sau:  *+ Nhóm 1: Hoàn thành Vận dụng 4a.*  *+ Nhóm 2: Hoàn thành Vận dụng 4b.*  *+ Nhóm 3: Hoàn thành Vận dụng 4c.*  - GV mở rộng tính chất dãy tỉ số bằng nhau cho 3 tỉ số:  *Từ dãy tỉ số bằng nhau*  *ta viết được:*    *(các mẫu số phải khác 0).*  - GV phân tích gợi mở, giúp HS biết mở rộng tính chất của dãy hai tỉ số bằng nhau sang tính chất của dãy các tỉ số bằng nhau.  - GV cho HS phân tích đề bài *Ví dụ 6*, *Ví dụ 7* , GV hướng dẫn, phân tích, gợi ý cách giải sau đó gọi 2 HS lên bảng trình bày.  - GV cho HS áp dụng kiến thức tự giải **Thực hành 5** vào vở. (Thực hành giải bài toán tìm ba số khi biết tổng và tỉ để rèn luyện kĩ năng theo yêu cầu cần đạt)  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi giải bài toán mở đầu hoàn thành **Vận dụng 5**. GV gợi ý:  + *Nếu gọi số tiền lãi của các bác Xuân, Yến, Dũng lần lượt là: x, y, z thì điều kiện của x, y, z là gì?*  + *Số tiền lãi của các bác lần lượt tỉ lệ với số tiền vốn đã góp,* ta suy ra được điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày.  - HĐ nhóm: Đại diện thành viên trong nhóm trình bày kết quả.  - Lớp chú ý nghe, quan sát bảng và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét quá trình học, hoạt động nhóm tổng quát , gọi một vài HS nhắc lại các tính chất dãy tỉ số bằng nhau và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | **2. Dãy tỉ số bằng nhau**  **HĐKP4:**  Ta có:  Tỉ số giữa số hình dán được thưởng và số bài toán làm được của mỗi bạn bằng nhau.  Kết luận:  *- Ta gọi dãy các đẳng thức: là một dãy các tỉ số bằng nhau.*  *- Khi có dãy tỉ số bằng nhau**, ta nói các số a, c, e tỉ lệ với các số b, d, f và có thể ghi là* ***a: c: e = b: d: f***  **Thực hành 3:**    **Vận dụng 3.**  *Gọi m, n, p, q là số quyển vở được chia của bốn bạn Mai, Ngọc, Phú, Quang* (quyển, m, n, p, q )  Vì số quyển vở được chia lần lượt tỉ lệ với số điểm 10 m: n: p : q = 12: 13: 14: 15  Hay  Dãy tỉ số bằng nhau tương ứng.  ***Tính chất 1:***  **HĐKP5:**  Có:  So sánh:    So sánh:  = .  Kết luận:  (các mẫu số phải khác 0).  **Thực hành 4:**  a) Ta có:    x = 6.2 = 12 và y = 6.3 = 18  b) Ta có:    x = -3.5 = -15 và y = (-3).(-2) = 6  **Vận dụng 4:**  a) Gọi x, y lần lượt là số kg dừa và số kg đường cần tìm (kg, x, y ; x, y <6)  Theo đề ta có: và x + y = 6  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau có:  = = = 2  x = 2 . 2 = 4; y = 2.1 = 2  Vậy 6 kg mứt dừa có 4 kg dừa và 2 kg đường  b) Gọi x là số gam đường cần tìm (g, 0 < x < 600)  Theo đề ta có:  x = 600 . 3: 2 = 400  Vậy hai bạn Dung và Thúy cần mua 400 gam đường.  c) Gọi số quyển vở Chi chia cho An và Bình lần lượt là x, y ( quyển, x,y ; x, y < 10)  Theo đề bài ta có: và x + y = 10  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có:  x = 8: 2 = 4; y = 12: 2 = 6  Vậy Chi cho An 4 quyển vở và chia cho Bình 6 quyển vở.  ***Tính chất 2:***  Kết luận:  *Từ dãy tỉ số bằng nhau*  *ta viết được:*    *(các mẫu số phải khác 0).*  **Thực hành 5.**  x: y: z = 2: 3: 5  = 10  Vậy ta có x = 10.2 = 20; y = 10.3 = 30; z = 10.5 = 50  **Vận dụng 5.**  *Đầu năm, các bác Xuân, Yến, Dũng góp vốn làm ăn với số tiền lần lượt là 300 triệu đồng, 400 triệu đồng và 500 triệu đồng. Tiền lãi thu được sau một năm là 240 triệu đồng. Hãy tìm số tiền lãi mỗi bác được chia, biết rằng tiền lãi được chia tỉ lệ với số vốn đã góp.*  Gọi số tiền lãi của các bác Xuân, Yến, Dũng lần lượt là: x, y, z (x, y, z ) (triệu đồng)  Vì số tiền lãi của các bác lần lượt tỉ lệ với số tiền vốn đã góp nên ta có:    x = 300 . = 60  y = 400. = 80  z = 500 . = 100  Vậy số tiền lãi của các bác Xuân, Yến, Dũng lần lượt là: 60 triệu đồng, 80 triệu đồng, 100 triệu đồng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại khái niệm tỉ lệ thức và các tính chất dãy tỉ số bằng nhau thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học ở trên vận dụng làm các bài tập liên quan đến khái niệm tỉ lệ thức và các tính chất dãy tỉ số bằng nhau theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS giải được các bài tập GV yêu cầu và có thể giải được các bài tập dạng tương tự.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS hoàn thành cá nhân **BT1; BT2; BT3; BT4** (SGK – tr10)**,** sau đó trao đổi, kiểm tra chéo đáp án.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT mời đại diện 2 HS/ bài lên trình bày bảng (BT2+3+4). Các HS khác chú ý nhận xét bài các bạn trên bảng và hoàn thành vở.

**Kết quả:**

**Bài 1:**

Ta có: = 1:2,5, nên ta có tỉ lệ thức: = 1:2,5 hay

+ Có: 7: 21 = , nên có tỉ lệ thức: 7: 21 = , hay  = .

**Bài 2:**

a) ; ; ;

b) ; ; ;

**Bài 3:**

a)

x = 5.4 = 20 và y = 5. 7 = 35.

b)

x = 7. 8 = 56 và y = 7. 3 =21.

**Bài 4.**

a) Ta có: 2a = 5b

Lại có: ;

3a = 2. 15 = 30 a = 10

4b = 2. 8 = 16 b = 4.

b) a: b: c = 2: 4: 5

a = 2. 3 = 6; b = 4. 3 = 12; c = 5. 3 = 15

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải khi thực hiện lập các tỉ lệ thức; áp dụng các tính chất dãy tỉ số bằng nhau tìm các thành phần chưa biết để HS thực hiện bài tập chính xác nhất.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống. HS biết thêm về độ cao của bốn rãnh đại dương so với mực nước biển.

**b) Nội dung:** HS vận dụng kiến thức giải bài tập được giao và giơ tay phát biểu tham gia trò chơi trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS giải đúng bài tập và tích cực hoàn thành trò chơi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV gợi ý cho HS phân tích, tìm hiểu đề sau đó yêu cầu HS tự hoàn thành **BT5 + BT6 + BT7** (SGK – tr10), vào vở cá nhân, sau đó thảo luận cặp đôi kiểm tra chéo đáp án.

- GV gợi ý cho một số HS khá giỏi (đã hoàn thành xong trước các BT được giao ở trên) làm **BT8** (SGK – tr10).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hoàn thành bài, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV mời đại diện các HS lên trình bày bảng. Mỗi bài tập GV mời 1 HS lên trình bày bảng.

**Kết quả:**

**Bài 5.**

Gọi a, b là kích thước của hình chữ nhật. ().

+ Chu vi hình chữ nhật là: 2.(a + b) = 28

a + b = 14.

+ Độ dài hai cạnh tỉ lệ với 3; 4 nên có:

a = 3. 2 = 6; b = 4.2 = 8

Diện tích hình chữ nhật đó là: 8.6 = 48 (cm2).

**Bài 6.**

Gọi số sản phẩm tổ A, B, C làm được trong 1 giờ lần lượt là a, b, c ()

Theo đề bài ta có: và a + b + c = 60

a = 3. 5 = 15; b = 4. 5 = 20; c = 5. 5 = 25.

Vậy tổ  A làm được 15 sản phẩm, tổ B làm được 20 sản phẩm, tổ C làm được 25 sản phẩm.

**Bài 7.**

Gọi số tiền lãi của các chi nhanh A, B lần lượt là: a, b; số tiền lỗ của chi nhánh C là c. (a, b, c > 0)

Theo đề bài ta có: và a + b - c = 500.

a = 3. 100 = 300; b = 4.100 = 400; c = 2.100 = 200.

Vậy chi nhánh A lãi 300 triệu, chi nhánh B lãi 500 triệu, chi nhánh C lỗ 200 triệu.

**Bài 8.**

a)

Vậy .

b)

Vậy .

c)

+Với trường hợp a = c = 0 thì biểu thức luôn đúng (các mẫu số phải khác 0).

+ Với trường hợp  thì ta chứng minh:

Vì nên

Theo tính chất chứng minh ở câu a có:

.

Vậy (các mẫu số phải khác 0).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực, khi tham gia phát biểu, xây dựng bài trong quá trình học.

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Ghi nhớ các kiến thức trong bài.

- Hoàn thành các bài tập chưa hoàn thành trên lớp + làm các bài tập trong SBT

- Chuẩn bị bài mới: “ **BÀI 2. ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN**”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

## Tiết 38+39+40+41 - BÀI 2: ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN (4 tiết)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được các đại lượng tỉ lệ thuận.

- Nhận biết được các tính chất cơ bản của các đại lượng tỉ lệ thuận.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

- Biết cách tìm hệ số tỉ lệ, tìm giá trị của một đại lượng khi biết đại lượng kia và hệ số tỉ lệ đối với hai đại lượng tỉ lệ thuận.

- Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, tìm hiểu về một số đại lượng có quan hệ tỉ lệ thuận trong khoa học và trong đời sống.

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, ôn lại tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS hình thành nhu cầu và có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận.

- Gợi tâm thế, tạo hứng thú học tập.

**b) Nội dung:** HS thực hiện các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu theo ý kiến cá nhân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV dẫn dắt, đặt vấn đề qua bài toán mở đầu:

+ “*Cho biết dây điện có giá 10 nghìn đồng một mét. Gọi y (nghìn đồng) là giá tiền của x (mét) dây điện. Hãy tính y theo x?*”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, nêu ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Trong công thức biểu diễn y theo x ở trên, hai đại lương y và x được gọi là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau. Vậy đại lượng tỉ lệ thuận là gì? Như thế nào gọi là hai đại lượng tỉ lệ thuận? Chúng có đặc điểm gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài hôm nay”.

**BÀI 2: ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN.**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Đại lượng tỉ lệ thuận**

**a) Mục tiêu:**

- Hiểu khái niệm và nhận biết được hai đại lượng tỉ lệ thuận.

- Giúp HS biết cách tìm hệ số tỉ lệ, lập được công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận; tìm giá trị của đại lượng này khi biết đại lượng kia và hệ số tỉ lệ.

**b) Nội dung:**

HS chú ý SGK và thực hiện lần lượt các yêu cầu của GV tìm hiểu nội dung kiến thức về đại lượng tỉ lệ thuận.

**c) Sản phẩm:** HS ghi nhớ khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận, giải được các bài tập **Thực hành 1**; **Vận dụng 1** và các dạng bài tập tương tự liên quan

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc, tìm hiểu đề **HĐKP1,** thảo luận cặp đôi nói cho nhau nghe câu trả lời của **HĐKP1**.  - GV phân tích câu trả lời của **HĐKP1**, sau đó dẫn dắt giới thiệu *Khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận* như trong khung kiến thức trọng tâm:  ***Cho k là hằng số khác 0, ta nói đại lượng y tỉ lệ thuận với đại lượng x theo hệ số tỉ lệ k nếu y liên hệ với x theo công thức y = kx.***  - GV mời một vài HS đọc khung kiến thức trọng tâm.  - GV đặt câu hỏi thêm cho HS:  “*Công thức y = kx cho ta biết y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k. Vậy x có tỉ lệ thuận với y không? Nếu có thì x tỉ lệ thuận với y theo hệ số tỉ lệ nào?*”  GV chốt đáp án và phân tích cho HS:  *“Từ y = kx (k0) y. Vậy nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k thì x cũng tỉ lệ thuận với y theo hệ số tỉ lệ và ta nói hai đại lượng x, y tỉ lệ thuận với nhau.”*  - GV cho HS đọc hiểu *Ví dụ 1* để hiểu rõ về hệ số tỉ lệ.  - GV yêu cầu HS áp dụng tự làm **Thực hành 1** vào vở, sau đó trao đổi cặp đôi kiểm tra chéo đáp án.  - GV phân tích đề bài, phát vấn, gợi mở giúp HS hoàn thành yêu cầu của **Vận dụng 1**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS: theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi (HĐ nhóm đôi) và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: giảng, trình bày, quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay trình bày bảng.  - Lớp hoàn thành vở, chú ý nhận xét.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình tiếp thu, trao đổi của các HS, cho HS nhắc lại khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận. | **1. Đại lượng tỉ lệ thuận**  **HĐKP1:**  a) c = 4h  b) Cả hai công thức đều thể hiện mối quan hệ giữa y với x và mối quan hệ giữa c với h là:  Mỗi giá trị của x cho một giá trị của y, y thì bằng x nhân một hệ số k = 10.  Mỗi giá trị của h cho một giá trị của c, y thì bằng x nhân một hệ số k = 4.  **Kết luận:**  ***Cho k là hằng số khác 0, ta nói đại lượng y tỉ lệ thuận với đại lượng x theo hệ số tỉ lệ k nếu y liên hệ với x theo công thức y = kx.***  **Thực hành 1:**  a. Đại lượng x tỉ lệ thuận với đại lượng f. Hệ số tỉ lệ là 5.  b. P tỉ lệ thuận với m theo hệ số 9,8 nên có: P = 9,8m.  **Vận dụng 1:**  + Đồng: m = 8900V, m tỉ lệ thuận với V theo hệ số tỉ lệ là 8900.  + Vàng: m = 19300V, m tỉ lệ thuận với V theo hệ số tỉ lệ là 19300.  + Bạc: m = 10 500V, m tỉ lệ thuận với V theo hệ số tỉ lệ là 10 500. |

**Hoạt động 2: Tính chất của các đại lượng tỉ lệ thuận**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận.

- Giúp HS áp dụng tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận để giải các bài toán liên quan.

**b) Nội dung:** HS thực hiện tìm hiểu nội dung SGK và thực hiện lần lượt các yêu cầu của GV để tiếp nhận kiến thức về tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận.

**c) Sản phẩm:** HS ghi nhớ được các tính chất và áp dụng giải được **Thực hành 2** và các dạng BT liên quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4, thực hiện hoàn thành **HĐKP2** vào bảng nhóm.  - GV dẫn dắt, giới thiệu hai tính chất cơ bản của đại lượng tỉ lệ thuận:  *Nếu hai đại lượng y và x tỉ lệ thuận với nhau thì:*  *- Tỉ số hai giá trị tương ứng của chúng luôn không đổi.*  *=*  *- Tỉ số hai giá trị tùy ý của đại lượng này bằng tỉ số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia:*  *= =,...*  - GV mời một vài HS phát biểu lại các tính chất trong khung kiến thức trọng tâm.  - HS áp dụng tính chất thực hành nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận thông qua dấu hiệu hoàn thành **Thực hành 2**. GV cho HS trao đổi cặp đôi thảo luận và chốt đáp án.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, thực hiện lần lượt các yêu cầu( HĐ cặp đôi: trao đổi, thảo luận kiểm tra chéo đáp án).  - GV: giảng, phân tích, dẫn dắt, gợi ý, quan sát và hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HĐ nhóm: Đại diện HS trình bày phần trả lời. Các nhóm khác chú ý theo dõi, bổ sung.  - HS giơ tay phát biểu, trình bày câu trả lời. Lớp chú ý nhận xét. GV chữa bài.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình hoạt động của các nhóm HS. GV tổng quát cho HS nêu lại các tính chất và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | **2. Tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận**  **HĐKP2:**  a) Ta có:  Suy ra: Hệ số tỉ lệ của y đối với x là 5.  b)  c) Ta có:  Kết luận:  *Nếu hai đại lượng y và x tỉ lệ thuận với nhau thì:*  *- Tỉ số hai giá trị tương ứng của chúng luôn không đổi.*  *=*  *- Tỉ số hai giá trị tùy ý của đại lượng này bằng tỉ số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia:*  *= =,...*  **Thực hành 2:**  a. Hai đại lượng m và n không tỉ lệ thuận với nhau.  Vì .  b. Hai đại lượng m và n tỉ lệ thuận với nhau.  Vì . |

**Hoạt động 3: Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS biết cách giải những bài toán về tỉ lệ thuận.

- Rèn luyện và củng cố kĩ năng áp dụng tính chất tỉ số hai giá trị tương ứng của các đại lượng tỉ lệ thuận trong giải một bài toán thực tế liên quan.

**b) Nội dung:** HS quan sát nội dung SGK, thực hiện lần lượt các hoạt động và các yêu cầu của GV để tìm hiểu và giải các bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận.

**c) Sản phẩm:** HS biết cách giải các bài toán thực tế về đại lượng tỉ lệ thuận và hiểu các bài tập *Ví dụ* và giải được **Vận dụng 2**, **Vận dụng 3** và các bài tập liên quan.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn cho HS cách nhận biết, kiểm tra xem hai đại lượng có quan hệ tỉ lệ thuận hay không. HS tự đọc *Ví dụ 2,* trao đổi và trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu HS áp dụng tự hoàn thành **Vận dụng 2**.  - GV đưa ra những chỉ dẫn chung cho HS khi giải bài toán về tỉ lệ thuận:  “ *Để giải toán về đại lượng tỉ lệ thuận, ta cần nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận trong bài toán. Từ đó ta có thể lập các tỉ số bằng nhau và dựa vào tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để tìm các yếu tố chưa biết*.”  - GV hướng dẫn, phân tích đề bài, gợi ý cách giải các *Ví dụ 3, Ví dụ 4* sau đó cho HS tự hoàn thành vở. GV mời 2 HS lên bảng trình bày.  - GV yêu cầu HS tự áp dụng kiến thức thực hiện hoàn thành **Vận dụng 3**, sau đó hoạt động cặp đôi kiểm tra chéo đáp án. GV gợi ý, cho HS phân tích đề bài:  + “*Gọi số sách quyên góp của lớp 7A và 7B lần lượt là a và b, điều kiện của a, b là gì?”*  + *“ Số sách tỉ lệ thuận với số học sinh của hai lớp, ta suy ra được điều gì? Lớp 7A quyên góp được ít hơn lớp 7B 8 quyển sách, ta suy ra được điều gì?”*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS nghe giảng, suy nghĩ thực hiện hoàn thành các bài tập được giao.  - HS hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: hướng dẫn, phân tích, quan sát và hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại các lỗi sai HS hay mắc phải khi giải các bài toán thực tế liên quan đến các đại lượng tỉ lệ thuận. | **3. Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận**  **Vận dụng 2:**  Vì m và n tỉ lệ thuận với nhau nên ta có:  a = 4. (-3) = -12; b = (-18): (-3) = 6.  **Vận dụng 3:**  Gọi số sách quyên góp của lớp 7A và 7B lần lượt là a và b ().  Theo đề bài có: và b - a = 8.    a = 32. 2 = 64; b = 36. 2 = 72.  Vậy số sách lớp 7A quyên góp là: 64 quyển, số sách lớp 7B quyên góp là: 72 quyển. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận, cách nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận, các tính chất của các đại lượng tỉ lệ thuận thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS vận dụng khái niệm và các tính chất của các đại lượng tỉ lệ thuận trao đổi và thảo luận nhóm hoàn thành các bài toán thực tế theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm học tập:** HS giải quyết được tất cả các bài tập liên quan đến khái niệm hai đại lượng tỉ lệ thuận và tính chất của các đại lượng tỉ lệ thuận.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổng hợp các kiến thức cần ghi nhớ cho HS: Khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận; Tính chất của các đại lượng tỉ lệ thuận.

- GV tổ chức cho HS hoàn thành cá nhân **BT1; BT2; BT3; BT4; BT5** (SGK – tr14)**.** (Đối với mỗi bài tập, GV hỏi đáp và gọi HS trình bày bảng)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thảo luận nhóm đôi hoàn thành các bài tập GV yêu cầu vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT GV mời đại diện 1-2 HS lên bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

**Kết quả:**

**Bài 1:**

a) Do a tỉ lệ thuận với b theo hệ số tỉ lệ k, nên a = k.b

Suy ra: .

b) Theo a, ta có: 

 b = 9. a = 9. 5 = 45.

**Bài 2:**

a) Hệ số tỉ lệ của y đối với x là: k = 21: 7 = 3.

Vậy ta có: y = 3. x

b) Hệ số tỉ lệ của x đối với y là: .

Vậy ta có: .

**Bài 3.**

Vì n = 1, m = -5, mà m và n là 2 đại lượng tỉ lệ thuận nên ta có: hệ số tỉ lệ của m đối với n là: k = (-5): 1 = -5

Từ đó ta có mối liên hệ: m = -5.n

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| n | -2 | -1 | 0 | 1 | 2 |
| m | 10 | 5 | 0 | -5 | -10 |

**Bài 4.**

a)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **S** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **t** | -3 | -6 | -9 | -12 | -15 |

b) Hệ số tỉ lệ của t đối với S là: k = (-3) : 1 = -3

Vậy ta có: t = (-3).S

**Bài 5.**

a) Ta có:  nên x và y tỉ lệ thuận với nhau.

b) Ta có:  nên x và y không tỉ lệ thuận với nhau.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra kết quả chính xác.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải khi thực hiện bài tập nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận, bài toán tìm hệ số, lập công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận; tìm giá trị của đại lượng này khi biết đại lượng kia và hệ số tỉ lệ.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức về khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận và các tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận; phát triển khả năng suy luận toán học, giải quyết vấn đề của HS.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng kiến thức vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học

**b) Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức về khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận và các tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận thực hiện giải các bài toán thực tế.

**c) Sản phẩm:** HS giải được các bài toán thực tế được giao và có thể giải được các bài toán dạng tương tự.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **BT6** + **BT7** + **BT8** + **BT9** theo sự phân công sau (SGK – tr 15)

+ Nhóm 1 + Nhóm 3: **6 + 7** (SGK-tr15)

+ Nhóm 2 + Nhóm 4: **8 + 9** (SGK-tr15)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV mời đại diện các nhóm trình bày.

**Kết quả:**

**Bài 6.**

Gọi khối lượng 2 chiếc nhẫn lần lượt là a và b. ().

Theo đề bài ta có: khối lượng và thể tích tỉ lệ thuận với nhau nên: , lại có: a + b = 96,5.

 a = 19,3. 3 = 57,9; b = 19,3. 2 = 38,6.

Vậy khối lượng hai chiếc nhẫn lần lượt là: 57,9 g và 38,6 g.

**Bài 7.**

a) Gọi khối lượng cuộn dây thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư lần lượt là: a, b, c, d. (a, b, c, d > 0).

Theo đề bài có: a = b = c = d

 a = 2; b = 2. 2 = 4; c = 2. 4 = 8; d = 2. 6 = 12

Vậy khối lượng các cuộn dây thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư lần lượt là: 2 kg; 4kg; 8 kg và 12 kg.

b) Cuộn dây thứ nhất nặng 2 kg tương ứng dài 100m. Nên một mét dây điện nặng: 2: 100 = 0,02 kg = 20 g.

**Bài 8.**

Gọi độ dài 3 cạnh của tam giác lần lượt là: a, b, c. ().

Theo đề bài có: a + b + c = 60 và .

  .

 a = 5. 3 =15; b = 5.4 = 20; c = 5.5 = 25.

Vậy độ dài ba cạnh của tam giác là: 15 cm, 20 cm, 25 cm.

**Bài 9.**

Gọi số tiền các bạn Tiến, Hùng và Mạnh nhận được lần lượt là: x, y, z (nghìn đồng, x, y, z < 180).

Vì Tiến câu được 12 con, Hùng câu được 8 con và Mạnh câu được 10 con; số tiền chia cho các bạn tỉ lệ với số con cá từng người câu và tổng số tiền bán cá thu được tổng cộng 180 nghìn đồng và x + y + z = 180

Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có:

x = 6.12 = 72 ; y = 6. 8 = 48; z = 6.10 = 60

Vậy số tiền các bạn Tiến, Hùng và Mạnh nhận được lần lượt là: 72 nghìn đồng, 48 nghìn đồng và 60 nghìn đồng.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và lưu ý thái độ tích cực, khi tham gia HĐ nhóm và lưu ý lại một lần nữa các lỗi sai hay mắc phải cho lớp.

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Ghi nhớ kiến thức trong bài: Khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận và các tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận.

- HS tự trình bày lại các bài tập 6, 7, 8, 9 vào vở cá nhân + làm các BT trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới “**BÀI 3: ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ NGHỊCH**”

Ngày soạn: 2/9/2024

Ngày dạy:

**Tiết 1+2 - BÀI 1: HÌNH HỘP CHỮ NHẬT – HÌNH LẬP PHƯƠNG**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Hs được làm quen với khái niệm về hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Mô tả được các yếu tố cơ bản: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được khái niệm hình hộp chữ nhật, hình lập phương; mô tả được các yếu tố cơ bản: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, mô hình hình hộp chữ nhật, hình lập phương

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua trò chơi học sinh nhận biết hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: hs tham gia trò chơi: “nhanh tay, nhanh mắt”

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm về hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu sile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi: “nhanh tay, nhanh mắt”  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát các đồ vật có trong bức tranh trong slide và cho biết những đồ vật nào có các mặt là hình chữ nhật, những đồ vật nào có các mặt là hình vuông.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs trả lời bằng cách giơ tay.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Hs dưới lớp nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “*Hình hộp chữ nhật – Hình lập phương”.* | Khởi động: Trò chơi “nhanh tay, nhanh mắt”  - Hs giơ tay phát biểu |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Hình hộp chữ nhật (19 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành khái niệm, các yếu tố về cạnh, góc, đỉnh và các mặt của hình hộp chữ nhật.

**b) Nội dung:**

- HS đọc SGK khái niệm hình hộp chữ nhật và trả lời câu hỏi hoạt động khám phá (SGK trang 47).

- HS nắm được các yếu tố về cạnh, góc, đỉnh và các mặt của hình hộp chữ nhật.

- HS làm bài thực hành 1 và thực hành 2.

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm hình hộp chữ nhật, các yếu tố về cạnh, góc, đỉnh và các mặt của hình hộp chữ nhật

- Lời giải bài thực hành 1, thực hành 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  Yêu cầu hs quan sát SGK và trả lời câu hỏi:  - Trong hình 1(SGK/tr47) hình nào có 6 mặt là hình chữ nhật?  - Trong hình hộp chữ nhật ABCD.MNPQ (hình 3-SGK/tr47) có: bao nhiêu đỉnh, bao nhiêu cạnh, bao nhiêu góc vuông ở mỗi đỉnh và có bao nhiêu đường chéo. Kể tên.  - GV gọi học sinh đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs suy nghĩ và trả lời.  - Hs làm bài thực hành 1 và thực hành 2 vào vở và 2 HS lên bảng thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu vài hs nêu dự đoán.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV giới thiệu các mặt đáy, mặt bên của hình hộp chữ nhật.  - GV giới thiệu các đỉnh, cạnh, góc vuông, đường chéo của hình hộp chữ nhật. | 1. Hình hộp chữ nhật     - Hình 1b là hình có 6 mặt là hình chữ nhật.    - Hình hộp chữ nhật có 6 mặt là hình chữ nhật: 2 mặt đáy (mặt 1, mặt 2) và 4 mặt bên (mặt 3, mặt 4, mặt 5, mặt 6).  Hình hộp chữ nhật ABCD.MNPQ (hình 3-SGK/tr47) có:  - Tám đỉnh: A, B, C, D, M, N, P, Q.  - Mười hai cạnh: AB, BC, CD, AD, MN, NP, PQ, MQ, AM, BN, CP, DQ.  - Ba góc vuông ở mỗi đỉnh.  VD: ba góc vuông đỉnh A: góc BAD, góc BAM, góc DAM.  - Bốn đường chéo: AP, BQ, CM, DN. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  Yêu cầu hs thực hiện bài thực hành 1 vào vở  và hoạt động nhóm 3p làm bài thực hành 2 (SGK/48).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs làm bài thực hành 1 vào vở.  - Hs làm bài thực hành 2 vào bảng phụ, nhóm xong nhanh nhất sẽ mang lên bảng treo.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng. | \* Thực hành 1:  Hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH có:  - Các góc ở đỉnh F là: góc EFG, góc EFB, góc BFG.  - Các đường chéo được vẽ trong hình là: AG, BH, EC.  - Các đường chéo chưa được vẽ trong hình là: DF.  \* Thực hành 2:  Trong hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH có:  - Mặt đáy ABCD là hình chữ nhật nên AB = CD = 5cm.  - Mặt bên ADEH là hình chữ nhật nên  AE = DH = 6,5 cm.  - Hai mặt bên ABCD và BCGF bằng nhau nên  FG = AD = 8cm |

**Hoạt động 2.2: Hình lập phương (19 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành khái niệm, các yếu tố về cạnh, góc, đỉnh và các mặt của hình lập phương.

**b) Nội dung:**

- HS đọc SGK khái niệm hình lập phương và trả lời câu hỏi hoạt động khám phá (SGK trang 48).

- HS nắm được các yếu tố về cạnh, góc, đỉnh và các mặt của hình lập phương.

- HS làm bài thực hành 3.

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm hình lập phương, các yếu tố về cạnh, góc, đỉnh và các mặt của hình lập phương.

- Lời giải bài thực hành 3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  Yêu cầu hs quan sát SGK và trả lời câu hỏi:  - Trong hình 5(SGK/tr48) hình nào có 6 mặt là hình vuông?  - Trong hình lập phương ABCD.MNPQ (hình 7-SGK/tr48) có: bao nhiêu đỉnh, bao nhiêu cạnh, bao nhiêu góc vuông ở mỗi đỉnh và có bao nhiêu đường chéo. Kể tên.  - GV gọi học sinh đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs suy nghĩ và trả lời.  - 2 HS lên bảng thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu vài hs nêu dự đoán.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV giới thiệu các mặt, đỉnh, cạnh, góc vuông, đường chéo của hình lập phương.  - GV khẳng định hình lập phương khác hình hộp chữ nhật là nó có 12 cạnh bằng nhau. | 2. Hình lập phương.  - Khối rubik là hình có các mặt đều là hình vuông.    - Hình lập phương có 6 mặt là hình vuông.  Hình lập phương ABCD.MNPQ trong hình 7 có:  - Tám đỉnh: A, B, C, D, M, N, P, Q.  - Mười hai cạnh bằng nhau: AB, BC, CD, AD, MN, NP, PQ, MQ, AM, BN, CP, DQ.  - Ba góc vuông ở mỗi đỉnh.  VD: ba góc vuông đỉnh A: góc BAD, góc BAM, góc DAM.  - Bốn đường chéo: AP, BQ, CM, DN. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4**  Yêu cầu hs thực hiện bài thực hành 3 vào vở .  Trả lời phần vận dụng.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs làm bài thực hành 3 vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - 1Hs lên bảng thực hiện.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng. | \* Thực hành 3:  Hình lập phương có các mặt là hình vuông nên:  -  - Các góc ở đỉnh C là: .  - Các đường chéo chưa vẽ là: .  \* Vận dụng:  Tấm bìa ở hình 9a gấp được hình lập phương.  Tấm bìa ở hình 9b gấp được hình hộp chữ nhật. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Hs củng cố lại kiến thức về các yếu tố về cạnh, góc, đỉnh và đường chéo của hình hộp chữ nhật.

**b) Nội dung:**

- HS làm bài tập 1 (sgk/49).

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải bài tập 1 (sgk/49).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5**  Yêu cầu hs làm bài tập 1 (sgk/49) vào vở.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs suy nghĩ và trả lời vào vở  - 1 HS lên bảng thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | Bài 1:  Hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH có  - Các cạnh: AB, BC, CD, AD, EF, FG, GH, HE, AE, BF, CG, DH.  - Đường chéo: AG, BH, DF, CE.  - Góc đỉnh B: .  - Góc đỉnh C: .  - Các cạnh bằng nhau: AB = CD = EF = HG,  AD = BC = FG = EH, AE = BF = CG = DH. |

**Hướng dẫn tự học (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại khái niệm, các yếu tố về cạnh, đỉnh, mặt bên, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

- Làm bài tập 2 ; 3 ; 4 SGK/trang 49-50.

- Xem trước bài 2 : Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

**Tuần 2**

Ngày soạn: 7/9/2024

Ngày dạy:

**Tiết 3+4 - BÀI 2: DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ THỂ TÍCH CỦA**

**HÌNH HỘP CHỮ NHẬT, HÌNH LẬP PHƯƠNG**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Học sinh (HS) nêu được công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- HS giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, mô hình hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (8 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua trò chơi học sinh nhớ lại công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: HS tham gia trò chơi: “Ai nhanh hơn”

**c) Sản phẩm:**

- Công thức tính diện tích xung quanh và thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu sile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi: “Ai nhanh hơn”  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV: Chia lớp thành 6 đội.  - GV: Yêu cầu học sinh chuẩn bị tư thế và đặt tên cho mỗi đội.  - GV: Yêu cầu cả lớp cùng hô, tạo khí thế.  - GV: Tuyên bố luật chơi: các học sinh trong mỗi đội giơ tay giành quyền ưu tiên trả lời. Đội nào giơ tay nhanh hơn sau khi có tính hiệu đọc hết câu hỏi và trả lời chính xác nhiều hơn sẽ là đội thắng cuộc (đội thắng sẽ được nhận một phần quà).    Câu 1: Công thức tính diện tích xung quanh (Sxq) của hình hộp chữ nhật là…………  A. Sxq = 2(a + b).h  B. Sxq = 4a2  C. Sxq = a.b.h  D. Sxq = a3  Câu 2: Công thức tính thể tích (V) của hình hộp chữ nhật là…………  A. V = 2(a + b).h  B. V = 4a2  C. V = a.b.h  D. V = a3  Câu 3: Công thức tính diện tích xung quanh (Sxq) của hình lập phương là…………  A. Sxq = 2(a + b).h  B. Sxq = 4a2  C. Sxq = a.b.h  D. Sxq = a3  Câu 4: Công thức tính thể tích (V) của hình lập phương là…………  A. V = 2(a + b).h  B. V = 4a2  C. V = a.b.h  D. V = a3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hai đội thực hiện trò chơi để tìm ra đáp án đúng.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  HS nhận kết quả thực hiện.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “*Diện tích xung quanh và thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương”.* | Khởi động: Trò chơi “Ai nhanh hơn”  Đáp án:  Câu 1. A  Câu 2. C  Câu 3. B  Câu 4. D |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (35 phút)**

**Hoạt động 2.1: Nhắc lại công thức tính diện tích xung quanh và thể tích (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhắc lại công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**b) Nội dung:**

- Từ hoạt động khởi động giáo viên (GV) liên hệ và nhắc lại công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- GV cho HS thực hiện ví dụ 1: Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật có độ dài hai cạnh đáy là 30m và 20m, chiều cao 50m.

**c) Sản phẩm:**

- Công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Ví dụ minh họa.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu HS:  + Nhắc lại các công thức tính diện tích xung quanh và thể tích hìn hộp chữ nhật, hình lập phương.  + Thực hiện ví dụ 1: Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật có độ dài hai cạnh đáy là 30m và 20m, chiều cao 50m.  - GV gọi vài học sinh đứng tại chỗ trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs lắng nghe gợi ý của GV và suy nghĩ làm vào vở nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS thực hiện ví dụ.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV nhắc lại công thức tính diện tích xung quanh và thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương. | **1. Nhắc lại công thức tính diện tích xung quanh và thể tích**  \* Hình hộp chữ nhật:    Diện tích xung quanh: Sxq = 2(a + b).h  Thể tích: V = a.b.h = Sđáy.h  \* Hình lập phương:  Diện tích xung quanh: Sxq = 4.a2  Thể tích: V = a3  **Ví dụ 1**: Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật có độ dài hai cạnh đáy là 30m và 20m, chiều cao 50m.  **Giải**:  Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:  Sxq = 2.(30 + 20).50 = 5 000 (m2)  Thể tích hình hộp chữ nhật là:  V = 30. 20. 50 = 30 000 (m3) |

**Hoạt động 2.2: Một số bài toán thực tế (25 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện ví dụ 2; 3.

- Vận dụng làm bài tập thực hành SGK/trang 52.

**c) Sản phẩm:**

- Bài giải ví dụ 2; 3.

- Lời giải bài thực hành SGK/trang 52.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Yêu cầu HS đọc ví dụ 2.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau:  + Quan sát cửa lớn, cửa sổ có dạng hình gì?  + Sơn xung quanh là sơn các mặt nào của căn phòng?  + Chi phí tính như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS hoạt động nhóm đôi.  - HS ghi ví dụ 2 vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu lần lượt các HS lên thực hiện.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm của HS và chỉnh sửa nếu có. | **Ví dụ 2**:  Giải:  Diện tích xung quanh của căn phòng:  2. (6 + 4). 3 = 60 (m2)  Diện tích cửa sổ lớn và cửa sổ:  2. 1,5 + 1.1 = 4 (m2)  Diện tích cần phải sơn:  60 – 4 = 56 (m2)  Chi phí cần để sơn:  56 . 30 000 = 1 680 000 (đồng) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS đọc ví dụ 3 và suy nghĩ trả lời:  + Để tính thể tích phần còn lại của khối gỗ ta tính như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện ví dụ 3 vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu lần lượt các HS lên thực hiện.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm của HS và chỉnh sửa nếu có. | **Ví dụ 3**:  Giải:  Thể tích của khối gỗ khi chưa bị cắt là:  12.20.10 = 2 400 (cm3)  Thể tích phần khối gỗ bị cắt đi là:  8.8.8 = 512 (cm3)  Thể tích phần còn lại của khối gỗ là:  2 400 – 512 = 1 888 (cm3) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Yêu cầu HS đọc thực hành SGK trang 52 và suy nghĩ trả lời:  + Phân tích khối bê tông thành hai khối hộp chữ nhật nào?  + Chỉ ra mặt nào không cần sơn?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS lần lượt thực hiện thực hành vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu lần lượt các HS lên thực hiện.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm của HS và chỉnh sửa nếu có. | **Thực hành SGK trang 52**:  Giải:  Diện tích của khối bê tông cần sơn là:  2.(4 + 5). 5 + 2.(10 + 6). 3 +10.6 = 246 (m2)  Chi phí để sơn là:  246 . 25 000 = 6 150 000 (đồng)  Thể tích của khối bê tông là:  4.5.5 + 10.6.3 = 280 (m3) |

**Hướng dẫn tự học (2 phút)**

- Học thuộc các công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Xem lại các bài tập đã giải.

- Làm bài tập 1 SGK/trang 53.

- Xem trước phần vận dụng.

**Tiết 2**:

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (30 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS biết được công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Giải được các bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập thực hành 1, 2, 3 SGK trang 53.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập thực hành 1, 2, 3 SGK trang 53.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện bài 1 SGK/53  Yêu cầu HS đọc đề và thảo luận nhóm 4 học sinh làm bài 1  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thảo luận nhóm thực hiện bài 1.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện 1 nhóm lên bảng thực hiện.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương HS (nếu làm đúng). | **3. Luyện tập**  Bài 1 SGK/53  Giải:  Diện tích của tấm bìa:  6 . 25 = 150 (cm2)  Thể tích con xúc xắc:  53 = 125 (cm3) |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện bài 2 SGK/53  Yêu cầu HS đọc đề và làm bài 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện bài 2.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - 2 HS lần lượt lên bảng thực hiện.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương HS (nếu làm đúng). | Bài 2 SGK/53  Giải:  Diện tích toàn phần của hình hộp:  2.(4 + 2).3 + 2.2.4 = 52 (cm2)  Thể tích của hình hộp:  4.2.3 = 24 (cm3) |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  Thực hiện bài 3 SGK/53  Yêu cầu HS đọc đề và làm bài 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện bài 3.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - 2 HS lần lượt lên bảng thực hiện.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương HS (nếu làm đúng). | Bài 3 SGK/53  Giải:  Thể tích còn lại của chiếc bánh kem là:  30. 20 .15 – 5. 5.5 = 8 875 (cm3) |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- HS quan sát hình 4 SGK trang 52.

- Em hãy giúp bạn Na tính thể tích hòn đá.

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải bài vận dụng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện vận dụng SGK/52.  Yêu cầu HS đọc đề và trả lời câu hỏi:  - Giữa hình 4a và hình 4b có điểm gì khác nhau? Sự chênh lệch đó cho ta biết điều gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện vận dụng.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương HS (nếu làm đúng). | **Vận dụng**  Thể tích hòn đá là:  20. 50 . 25 – 50.20.20 = 5 000 (cm3) |

**\*Giao nhiệm vụ 2**:

- GV hỏi HS: Sau bài học này các em làm được những gì?

- HS trả lời:

+ Biết được công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

+ Tính được diện tích xung quanh và thể tích của một số hình trong thực tiễn có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

\* Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**Hướng dẫn tự học (2 phút)**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- Làm bài tập 1, 2 SBT trang 56.

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 3. Hình lăng trụ đứng tứ giác. Hình lăng trụ đứng tam giác”*

**Tuần 3**

Ngày soạn: 14/9/2024

Ngày dạy:

**Tiết 5+6 - BÀI 3: HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TAM GIÁC**

**HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TỨ GIÁC**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**Tiết 1**

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- HS nêu được (trực quan) các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (đỉnh, cạnh, mặt đáy, mặt bên, chiều cao).

- Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng truh đứng tứ giác.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (đỉnh, cạnh, mặt đáy, mặt bên, chiều cao).

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, mô hình thực tế hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Quan sát các hình ảnh trong thực tế, hình nào có hai mặt đáy song song và các mặt bên là hình chữ nhật từ đó học sinh hiểu khái niệm lăng trụ đứng.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: hs tham gia trò chơi: “nhanh tay, nhanh mắt”

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm về lăng trụ đứng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu sile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi: “nhanh tay, nhanh mắt”  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV: chọn 6 học sinh xung phong tham gia trò chơi. Chia đều 2 nhóm, mỗi nhóm 3 học sinh.  - GV: Yêu cầu nhóm học sinh chuẩn bị tư thế và xếp thành hàng dọc cho mỗi đội  - GV: Yêu cầu cả lớp cùng hô, tạo khí thế.  - GV: Tuyên bố luật chơi: mỗi học sinh trong nhóm thay phiên nhau mỗi học sinh ghi đáp án lần lượt từ hình a đến hình c. Quan sát lăng kính, hộp đèn, và hộp quà ở hình dưới, cho biết các mặt bên của chúng là hình gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs thay phiên nhau để tìm ra hình thỏa yêu cầu bài toán.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Hs dưới lớp theo dõi bài của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS. Các hình trên đều có các mặt bên là hình chữ nhật.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “**Hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác”** | Khởi động: Trò chơi “nhanh tay, nhanh mắt”  Quan sát lăng kính, hộp đèn, và hộp quà ở hình dưới, cho biết các mặt bên của chúng là hình gì? |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tam giác (20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết được các yếu tố của hình lăng trụ đứng (đỉnh, cạnh, mặt đáy, mặt bên), biết gọi tên

**b) Nội dung:**

- HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  Yêu cầu hs làm vào vở bài tập HĐKP SGK trang 55  Hình nào sau đây có  a) Hình nào có các mặt bên là hình chữ nhật và hai mặt đáy là hình tam giác?  b) Hình nào có các mặt bên là hình chữ nhật và hai mặt đáy là hình tứ giác?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - GV gọi vài học sinh đứng tại chỗ trả lời.  - Hs làm vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Với mỗi câu hỏi GV yêu cầu vài hs nêu dự đoán.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng. GV giới thiệu hình lăng trụ đứng ABC .DEF (hình 2)  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  Yêu cầu hs thực hiện hoạt động nhóm bài tập sau: Điền vào chỗ trống  Trong hình 2:  - A, …,…….. gọi là các đỉnh  - Các mặt bên ACFD, ………………………là các hình chữ nhật.  - Các đoạn thẳng AD, ………… bằng nhau và song song với nhau, chúng được gọi là các cạnh bên.  - Mặt ABC và mặt ………………song song với nhau và gọi là hai mặt đáy (gọi tắt là đáy).  - Độ dài cạnh AD gọi là ……………của hình lăng trụ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu các nhóm lên trình bày.  - Hs làm báo cáo  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV giới thiệu  + Hình lăng trụ đứng tam giác ABC.DEF (hình 2);  + Hình lăng trụ đứng tứ giác ABCD. EFGH (hình 3)  + *Chú ý*: Hình hộp chữ nhật, hình lập phương là hình lăng trụ đứng tứ giác | **1. Hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tam giác**  a) Hình có các mặt bên là hình chữ nhật và hai mặt đáy là hình tam giác là hình c.  b) Hình có các mặt bên là hình chữ nhật và hai mặt đáy là hình tứ giác là hình d  Các hình trên đều có 2 mặt đáy song song, tuy nhiên các mặt bên có thể không phải là hình chữ nhật.    Hình lăng trụ đứng tam giác ABC.DEF (hình 2)    Hình lăng trụ đứng tứ giác ABCD. EFGH (hình 3)  *Chú ý*: Hình hộp chữ nhật, hình lập phương là hình lăng trụ đứng tứ giác. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành – Vận dụng (17 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS tìm được các yếu tố của hình lăng trụ đứng (đỉnh, cạnh, mặt đáy, mặt bên), biết gọi tên và vẽ hình lăng trụ đứng.

**b) Nội dung:**

- Hs đọc SGK và thực hiện bài tập vận dụng 1.

**c) Sản phẩm:**

**-** Bài tập vận dụng 1.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu hs đọc và làm bài tập thực hành 1 theo cặp đôi  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Làm vào vở theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu hs lên thực hiện trả lời.  - Hs khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm và khẳng định kết quả đúng. | **Thực hành 1:** Quan sát hình lăng trụ đứng tứ giác trong hình 3    a) Các mặt đáy ABCD, EFGH  - Các mặt bên ABFE, BCGF, ADHE, DHGC  b) Cạnh bên AE bằng các cạnh BF, CG, DH. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu hs đọc và làm bài tập vận dụng 1  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - Hs đọc SGK và thực hiện bài tập vận dụng 1 Hộp kẹo sôcôla (hình 4a) được vẽ lại như hình 4b có dạng hình lăng trụ đứng. Hãy chỉ rõ mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình lăng trụ đó.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu hs lên thực hiện  - Hs khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm của hs và kết luận | **Vận dụng 1**  - Mặt đáy ABC, MNP  - Mặt bên ABNM, BNPC, ACPM  - Các cạnh bên AM, BN, CP. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Thực hiện theo cặp đôi bài 1 SGK/trang 57  - Quan sát 2 hình lăng trụ đứng trong hình 6. Tìm độ dài các cạnh:  a) AA’, CC’, A’B’, A’C’ (Hình 6a)  b) QH, PQ, NP, PQ (Hình 6b)    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Hs thảo luận cặp đôi bài 1  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Hs nhóm khác dưới lớp nhận xét chéo.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét và khẳng định kết quả đúng.  - Kết luận | **Bài 1/SGK trang 57**  a) Ta có: AA’ = BB’ = CC’ mà BB’ = 9 cm  nên AA’ = CC’ = 9 cm.  A’B’ = AB mà AB = 4cm nên A’B’ = 4cm  A’C’ = AC mà AC = 3 cm nên A’C’ = 3 cm  b) Ta có: ME = PG = NF = QH mà ME = 7 cm  nên QH = PG = NF = 7 cm  PQ = HG mà HG = 4 cm nên PQ = 4 cm |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại các yếu tố của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (đỉnh, cạnh, mặt đáy, mặt bên, chiều cao).

- Làm bài tập 2 SGK/trang 57.

- Xem trước phần 2: Tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Chuẩn bị hình có các kích thước như hình 5a sách giáo khoa trang 56.

**Tiết 2**:

**2. Hoạt động 2.3: Tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hs biết tạo lập (có nghĩa là vẽ, cắt, ghép, xếp, dán gấp để tạo nên hình cần lập) hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**b) Nội dung:**

- Thực hành cắt, ghép hình lăng trụ đứng tam giác như hình 5a sách giáo khoa trang 56.

**c) Sản phẩm:**

- Ghép như hình 5b sách giáo khoa trang 56.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu hs đọc và làm thực hành 2 sách giáo khoa trang 56  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện ghép hình  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Gọi vài hs lên đưa sản phẩm hình ghép và cho biết hình ghép gọi là hình lăng trụ đứng tam giác hay tứ giác?  **\* Kết luận, nhận định**  GV kết luận vấn đề: hình ghép gọi là hình lăng trụ đứng tam giác | Thực hành 2: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu hs làm thực hành 3 theo cặp đôi: tạo lập hình lăng trụ đứng có đáy là hình vuông cạnh 3 cm và chiều cao 5 cm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc đề và suy nghĩ làm thực hành 3 theo cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu nhóm lên bảng trình bày.  - Nhóm khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng | Thực hành 3:  Bước 1: Vẽ 4 hình chữ nhật có kích thước 5 cm x 3 cm như hình sau:    Bước 2: Gấp các cạnh BN, CP và DQ sao cho cạnh AM trùng với A”M’, ta được hình lăng trụ đứng ABCD. MNPQ như sau: |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs biết tạo lập (có nghĩa là vẽ, cắt, ghép, xếp, dán gấp để tạo nên hình cần lập) hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập vận dụng 2, 3 SGK trang 56, 57.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập vận dụng 2, 3 SGK trang 56, 57.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện bài vận dụng 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu bài vận dụng 2.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - HS lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **3. Luyện tập**  \*Vận dụng 2:  Bước 1: Vẽ 3 hình chữ nhật có kích thước 4 cm x 3 cm    Bước 2: Gấp các cạnh BN, CP sao cho cạnh AM trùng với A’M’ ta được hình lăng trụ đứng tam giác ABC. MNP |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện nhóm bài 3 sách giáo khoa trang 57  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài 3 sách giáo khoa trang 57  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | **\*Thực hành 3:**  Bước 1: Vẽ 3 hình chữ nhật có kích thước 5 cm x 3 cm    Bước 2: Gấp theo nét đứt ta được hình lăng trụ đứng đáy là hình vuông. |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Gv treo bảng phụ bài tập 3 SGK trang 9  - Yêu cầu hs thực hiện theo nhóm trong thời gian 3 phút.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Bài 3 trang 57  Hình lăng trụ đứng tạo lập được là    - Độ dài hai cạnh góc vuông lần lượt là 10 cm, 15 cm  - Chiều cao của hình lăng trụ là 16 cm |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (8 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Dựa vào hình tạo lập về hình lăng trụ đứng tam giác và lăng trụ đứng tứ giác để tìm chiều cao của hình lăng trụ.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài tập 6 sách giáo khoa trang 58

**c) Sản phẩm:**

- Chiều cao của hình lăng trụ đứng là cạnh không nằm trên đáy.

- Chiều cao của hình lăng trụ đứng là 6 cm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Giao nhiệm vụ 1**:

- Hs quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của hs để hiểu rõ nhiệm vụ.

**Mở rộng:** GV yêu cầu HS đọc mục “Em có biết”.

**\*Giao nhiệm vụ 2**:

- GV hỏi hs: Sau bài học này các em làm được những gì?

- Hs trả lời: Mô tả và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**Hướng dẫn tự học (2 phút)**

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 4, 5 SGK trang 57 -58.

- Chuẩn bị tiết sau: *“Bài 4. Diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác”*

**Tuần 4**

Ngày soạn: 22/9/2024

Ngày dạy:

**Tiết 7+8 - BÀI 4 : DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ THỂ TÍCH CỦA HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TAM GIÁC, CỦA HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG TỨ GIÁC**

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Học sinh biết được công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Học sinh tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Học sinh giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tính thể tích, diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giá.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, mô hình hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (7 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh củng cố kiến thức cũ và cho thấy sự liên hệ với kiến thức mới sắp hình thành.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: học sinh tham gia trò chơi “ô số bí mật”

**c) Sản phẩm:**

- Công thức tính diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật; cách nhận biết hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu sile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi: “ô số bí mật”  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV: chọn lần lượt 3 học sinh tham gia trò chơi  - GV: Yêu cầu học sinh chọn con số mình thì và trả lời câu hỏi tưng ứng với con số đó.  Câu 1: Nêu công thức tính diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật.  Câu 2: Nêu cách xác định hình lăng trụ đứng tam giác.  Câu 3: Nêu cách xác định hình lăng trụ đứng tứ giác.  Câu 4: Nêu công thức tính chu vi tam giác  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh giơ tay tham gia trả lời câu hỏi.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Cả lớp lắng nghe, nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “D*iện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, của hình lăng trụ đứng tứ giác”.* | Khởi động: Trò chơi “Ô số bí mật”  Câu 1: Công thức tính diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật    Câu 2: Nêu cách xác định hình lăng trụ đứng tam giác.   * Hình có 3 mặt bên là hình chữ nhật. * Hai mặt đáy là hình tam giác và song song với nhau   Câu 3: Nêu cách xác định hình lăng trụ đứng tứ giác.   * Hình có 4 mặt bên là hình chữ nhật. * Hai mặt đáy là hình tứ giác và song song với nhau   Câu 4: Nêu công thức tính chu vi tam giác |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng (38 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.

**b) Nội dung:**

- Hs đọc SGK phần “1.*Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng*” và trả lời câu hỏi hoạt động khám phá (SGK trang 59).

- HS làm một số bài tập đơn giản.

**c) Sản phẩm:**

- Công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng

- Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV mở hình ảnh 1, mô phỏng khai triển hình lăng trụ đứng tam giác; sau đó tô màu ba mặt bên của hình lăng trụ đứng  - GV yêu cầu hs quan sát và làm vào vở nháp bài tập HĐKP 1 SGK trang 59  Câu hỏi bổ sung:  ? Hình trong sgk là hình lăng trụ đứng tam giác, em hãy cho biết kết quả thu được ở trên có đúng với hình lăng trụ tứ giác không?  - GV gọi vài học sinh đứng tại chỗ trả lời.    **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs quan sát mô phỏng khai triển hình lăng trụ đứng tam giác và suy nghĩ các câu hỏi; sau đó làm vào vở nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi lần lượt từng học sinh trả lời câu hỏi. Riêng câu a có thể hỏi thêm vài học sinh để kiểm tra việc tính toán.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  GV giới thiệu công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng. | 1. **Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng:**   Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng bằng chu vi đáy nhân với chiều cao.    ( là chu vi đáy,  là chiều cao). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV yêu cầu học sinh nhắc lại công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.  - GV yêu cầu học sinh lên bảng tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác trong HĐKP 1.  - GV yêu cầu hs quan sát và làm vào vở bài tập Thực hành 1 SGK trang 59.      ? nêu cách tính chu vi đáy là hình thang?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs đọc SGK, quan sát hình ảnh và làm bài Thực hành 1.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một học sinh lên bảng thực hiện.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV kiểm tra tính đúng, sai và thống nhất đáp án. | Ví dụ 1: Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác:    **Thực hành 1:**  Chu vi hai đáy của hình lăng trụ:    Diện tích xung quanh của hình lăng trụ có đáy hình thang: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - GV giới thiệu về diện tích toàn phần : diện tích toàn phần là độ lớn của toàn bộ không gian hình.  GV: vậy theo em, diện tích toàn phần của hình lăng trụ tính như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs suy nghĩ, tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một vài học sinh trả lời.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định câu trả lời đúng và giới thiệu công thức tính diện tích toàn phần hình lăng trụ. | Chú ý: Diện tích toàn phần của lăng trụ đứng bằng tổng diện tích xung quanh và diện tích hai đáy. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4**  - GV yêu cầu học sinh nhắc lại công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng.  GV: yêu cầu học sinh làm bài tập 1(SGK trang 82)    ? hãy cho biết độ dài các cạnh mặt đáy.  ? xác định độ dài đường cao.  ? tính diện tích xung quanh của chiếc hộp.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một vài học sinh trả lời.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV kiểm tra tính đúng sai; thống nhất kết quả. | Bài 1/ sgk trang 82  Chu vi đáy của chiếc hộp:    Diện tích xung quanh của chiếc hộp: |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại và học thuộc công thức tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.

- Làm bài tập : Cho hình lăng trụ đứng tam giác có kích thước như hình bên. Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đó.



- Xem trước phần 2: THỂ TÍCH CỦA HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG.

**Tiết 2**:

**2. Hoạt động 2.2: Thể tích của hình lăng trụ đứng (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS hình thành công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng.

- HS áp dụng công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng vào một số bài tập đơn giản.

**b) Nội dung:**

- Hs đọc SGK phần “2..*Thể tích của hình lăng trụ đứng*” và trả lời câu hỏi hoạt động khám phá (SGK trang 60).

- HS làm một số bài tập đơn giản.

**c) Sản phẩm:**

- Công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng

- Lời giải các bài tập..

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV yêu cầu hs quan sát và làm vào vở nháp bài tập HĐKP 2 SGK trang 60.  ? hãy cho biết hình lăng trụ tam giác có đáy là tam giác gì?  ? nêu các tính diện tích mặt đáy là hình tam giác vuông?  - GV gọi vài học sinh đứng tại chỗ trả lời.    **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs đọc sách SGK và suy nghĩ các câu hỏi; sau đó làm vào vở nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi lần lượt từng học sinh trả lời câu hỏi. Riêng câu b có thể hỏi thêm vài học sinh để rút ra kết luận chung.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  GV giới thiệu công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng. | 1. Thể tích của hình lăng trụ đứng:   Thể tích của hình lăng trụ đứng bằng diện tích đáy nhân với đường cao.    ( là diện tích đáy,  là chiều cao). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV yêu cầu học sinh nhắc lại công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng.  ? Muốn tính thể tích của hình lăng trụ cần xác định bao nhiêu đại lượng? Đó là những đại lượng nào?  ? So sánh công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng và công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng?  - GV yêu cầu học sinh áp dụng công thức vừa học tính thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác trong HĐKP 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs suy nghĩ, trả lời câu hỏi của GV  - Hs làm bài vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một vài học sinh trả lời tại chỗ các câu hỏi .  + muốn tính thể tích hình lăng trụ đứng cần xác định được diện tích đát và đường cao của hình lăng trụ đứng.  + ;  Muốn tính diện tích xung quanh thì tìm CHU VI ĐÁY và đường cao.  Muốn tính thể tích thì tìm DIỆN TÍCH ĐÁY và đường cao.  - Gv mời một học sinh lên bảng thực hiện bài tính thể tích.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV kiểm tra tính đúng, sai và thống nhất đáp án. | Ví dụ 2: Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác: |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (34 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng để áp dụng vào một số bài toán đơn giản.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập thực hành 2, 3 SGK trang 60.; một số bài tập GV giao trong phiếu bài tập.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập thực hành 2, 3 SGK trang 60; một số bài tập GV giao trong phiếu bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện nhóm bài thực hành 2  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài thực hành 2:  Tính diện tích xung quanh của một trụ bê tông hình lăng trụ đứng có chiều cao  và đáy là tam giác đều có cạnh  (Hình ).  -? Hãy cho biết mặt đáy của hình trụ đứng là hình gì? Nêu cách tính chu vi đáy?    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - GV gọi đại diện nhóm trình bày nhanh nhất lên bảng trình bày bài.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **3. Luyện tập**  \***Thực hành 2**:  Chu vi đáy của hình trụ đứng:  Diện tích xung quanh của hình trụ đứng là: |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện nhóm bài thực hành 3  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài thực hành 3:  Tính thể tích lăng trụ đứng tứ giác có đáy là hình thang với kích thước cho trong Hình    ? Nêu công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng?  ? Quan sát hình vẽ, xác định hai đáy của hình lăng trụ đứng? Xác định độ dài đường cao?  ? Hãy cho biết mặt đáy là hình gì? Đề bài đã cho biết độ dài cạnh nào của mặt đáy.  ? nêu công thức tính diện tích hình thang?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Gv gọi một vài học sinh trả lời tại chỗ các câu hỏi trên.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày nhanh nhất lên bảng trình bày bài.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | \***Thực hành 3**:  Diện tích đáy của hình trụ đứng:  Thể tích của hình trụ đứng là: |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  **Học sinh đọc đề bài tập 1 làm bài tập.**  Bài 1: Một chiếc lều dựng trại hè có kích thước như hình bên. Em hãy tính thể tích phần không gian bên trong của chiếc lều.    ? Xác định mặt đáy và công thức tính diện tích đáy?  ? xác định chiều cao?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Gv gọi một học sinh lên bảng làm bài.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | \***Bài 1:**  Diện tích đáy của chiếc lều:  Thể tích phần không gian bên trong của chiếc lều là: |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 4:**  **Học sinh đọc đề bài tập 4 làm bài tập.**  Bài 2: Tính thể tích của hình lăng trụ đứng tứ giác có đáy là hình thang vuông có kích thước như hình bên:    ? Xác định mặt đáy và công thức tính diện tích đáy?  ? xác định chiều cao?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Gv gọi một học sinh lên bảng làm bài.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | \***Bài 2:**  Diện tích đáy của hình lăng trụ đứng:  Thể tích của hình lăng trụ đứng là: |

**Hướng dẫn tự học (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại và học thuộc công thức tính diện tích xung quanh; thể tích của hình lăng trụ đứng.

- Làm bài tập : bài tập 2 ; bài tập 3/ sgk trang 62.

- Xem trước phần 3: DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ THỂ TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG TỰ NHIÊN.

Ngày soạn: 2/10/2024

Ngày dạy:

**Tiết 9+10 - ÔN TẬP CUỐI CHƯƠNG III**

Thời gian thực hiện:(2 tiết)

**I. Mục tiêu cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống lại cho học sinh các công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng, hình chóp.

- Vận dụng các công thức một cách linh hoạt vào các bài toán thực tế

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: Nêu được các công thức tính thể tích các hình không gian đã học của chương

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: Sử dụng máy tính cầm tay giải quyết các bài toán thực hiện phép tính và làm tròn kết quả theo đúng yêu cầu

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để giải bài tập một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

-Tích hợp: Toán học và cuộc sống

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng có chia đơn vị, bảng phụ, máy chiếu, phiếu bài tập (các bài tập bổ sung).

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, máy tính bỏ túi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu.** (9 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại các công thức trọng tâm của hình lập phương, hình hộp chữ nhật

**b) Nội dung:** Nhắc lại công thức tính diên tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật

**c) Sản phẩm:** Công thức tính diên tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Chia lớp thành 2 đội thi đua viết các công thức tính diên tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật  Đội nào hoàn thành đúng và nhanh nhất là đội thắng cuộc.  - GV nêu yêu cầu  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS viết công thức tính  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Mỗi học sinh viết các công thức tính.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chuẩn hóa câu trả lời của HS.  - GV nhận xét, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ của HS  - GV tóm tắt lại dưới dạng sơ đồ tư duy |  |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**

**Hoạt động 2.1: Tính thể tích** (24 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng công thức tính thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật vào bài toán thực tế

**b) Nội dung:**

- Bài 1,2, 3 trang 66

**c) Sản phẩm:**

- Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV yêu cầu HS đọc đề và làm bài tập 1  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS lên bảng làm bài tập 1.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ 1:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của bài toán 1.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | **Bài 1:** Một hình khối gồm 14 hình lập phương gắn kết với nhau như hình 1. Mỗi hình lập phương có cạnh 1cm. Hãy tính thể tích của hình khối này    **Giải:**  Thể tích của hình khối:  14 . 13 = 14 cm3 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS đọc bài 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện đọc đề bài 2  - Thảo luận nhóm và rút ra câu trả lời.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu HS nêu kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét hoạt động của nhóm, chuẩn hóa kết quả nhóm | **Bài 2:** Một bể cá hình hộp chữ nhật với các kích thước mặt đáy là 5dm và 12dm, có mực nước là 7dm. Người ta dổ vào đó một lượng cát ( cố dộ thấm nước không đáng kể )thì thấy mực nước dâng lên 1,5dm và ngập cát đổ vào. Tính thể tích của lượng cát  Giải:  Thể tích nước trong bể cá lúc đầu:  12 . 5 . 7 = 420 dm3  Thể tích bể lúc đổ cát vào:  12 . 5 . ( 7 + 1,5) = 510 dm3  Thể tích của lượng cát:  510 – 420 = 90 dm3 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  GV yêu cầu HS đọc đề và làm bài tập 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS lên bảng làm bài tập 3.  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ 3:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả của bài toán 3.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | **Bài 3:**  Một khuôn đúc bê tông có kích thước như hình 2. Bề dày các mặt bên của khuôn là 1,2cm. Bề dày mặt đáy của khuôn là 1,9cm. Thể tích của khối bê tông được khuôn này đúc ra là bao nhiêu xăng-ti-met khối?    Giải:  Thể tích bề ngoài của khuôn đúc:  23. 13 . 11 = 3289 cm3  Thể tích bên trong của khuôn đúc:  ( 23 – 1,2.2) . (13 – 1,2.2) . ( 11 – 1,9) = 1987,076 cm3  Thể tích của khối bê tông được khuôn này đúc ra là:  3289 – 1987,076 = 1301,924 cm3 |

**Hoạt động 2.2: Tính diện tích** (9 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng công thức tính diện tích hình hộp chữ nhật vào bài toán thực tế

- Kĩ năng sử dụng máy tính bỏ túi, làm tròn kết quả thực tế

**b) Nội dung:**

- Bài 4

**c) Sản phẩm:**

- Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  **- HS đọc đề bài 4**  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc đề bài  - Thảo luận nhóm và rút ra câu trả lời.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS nêu cách làm và trình bày.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét hoạt động nhóm, chuẩn hóa kết quả.  - GV củng cố, kết luận | **Bài 4:** Phần bên trong của một cái khuôn làm bánh có dạng hình hộp chữ nhật với đáy hình vuông cạnh 20cm, chiều cao 5cm (Hình 3). Người ta dự định sơn phần bên trong bằng loại sơn không dính. Hỏi với một khối lượng sơn đủ bao phủ 100m2 thì sơn được bao nhiêu cái khuôn?    Giải:  Diện tích phần bên trong khuôn cần sơn:  20.4 . 5 + 202 = 800 cm2 = 0,08 m2  Số lượng khuôn được sơn là:  100 : 0,08 = 1250 cái |

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút):

- Xem lại các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật

- Xem lại các bài tập đã sửa

- Chuẩn bị bài tập tiết 2

**Tiết 2**

**Hoạt động 2.3: Dạng 3: Tính diện tích, thể tích hình thực tế (25 phút)**

**a) Mục tiêu:** Sử dụng kết hợp các công thức tính thể tích các hình không gian đã học vào trong thực tế

**b) Nội dung:**

- Bài 5, 6.

**c) Sản phẩm:**

- Bài làm bài 5, 6

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV cho HS đọc đề, tìm hiểu bài 5.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động nhóm 5.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện chính xác các thao tác.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu đại diện 5 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu các câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  Giáo viên nhận xét và đánh giá.  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  GV chốt lại kiến thức | Bài 5: Một ngôi nhà có kích thước như hình 4:  a/ Tính thể tích của ngôi nhà.  b/ Biết rằng 1l sơn bao phủ 4m2 tường. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu lít sơn để sơn phủ được tường mặt ngoài của ngôi nhà (không sơn cửa). Biết tổng diện tích các cửa là 9m2    Giải:  a/ Thể tích ngôi nhà:  15.20.8 + = 3450 m3  b/  Diện tích tường xung quanh nhà:  2(15 + 20) . 8 + 15.(15 – 8) – 9 = 656 m2  Số lít sơn cần để sơn phủ bên ngoài ngôi nhà:  656 : 4 = 164 lít |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Chia lớp thành 4 nhóm tính các kích thước còn thiếu của mỗi hình  - GV đánh dấu mỗi hình để phân biệt  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện nhiệm vụ  Đại diện 4 nhóm lên bảng làm bài.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Yêu cầu HS nhận xét bài làm trên bảng, kiểm tra chéo bài làm trong vở của nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV đánh giá bài làm và chỉ ra những sai sót (nếu có) | **Bài 6:** Các hình hộp chữ nhật trong hình 5 có cùng thể tích. Em hãy tìm các kích thước còn thiếu.    Thể tích hình hộp chữ nhặt:  2.12.12 = 288 cm3  Các kích thước còn thiếu: |

**Hoạt động 2.4: Dạng 4: Tạo lập hình không gian** (12 phút)

**a) Mục tiêu:** Làm các mô hình hình không gian và biết cách trình bày

**b) Nội dung:**

- Bài 7, 8.

**c) Sản phẩm:**

- Mô hình bài 7

- Bài làm bài 8

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Gv yêu cầu học sinh đọc đề bài và trình bày sản phẩm chuẩn bị theo nhóm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS chuẩn bị sẵn ở nhà.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS trình bày sản phẩm  - HS cả lớp quan sát sản phẩm  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - Gv nhận xét | Bài 7:  **Bước 1:**Vẽ 4 hình chữ nhật với kích thước 3 cm x 2,5 cm  Description: Bài 7  **Bước 2:**Gấp các cạnh BN, CP và DQ sao cho cạnh AM trùng với A’M’ , một góc bằng 60, ta được hình lăng trụ đứng ABCD.MNPQ cần tạo lập  Description: Bài 7 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS đọc bài 8  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS chuẩn bị sẵn ở nhà  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS trình bày sản phẩm  - HS cả lớp quan sát , nhận xét  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét | Bài 8:  **Bước 1:** Vẽ 3 hình chữ nhật với kích thước 15 cm x 5 cm; 15 cm x 12 cm và 15 cm x 13 cm  Description: Bài 8  **Bước 2:** Gấp các cạnh BN và CP sao cho cạnh AM trùng với A’M’, đáy có một góc vuông, ta được hình lăng trụ đứng tam giác ABC.MNP  Description: Bài 8 |

**Hoạt động 2.5: Dạng 4:** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng vào giải các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- Bài 9

**c) Sản phẩm:**

- Bài làm bài 9

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS đọc đề bài 9  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS đọc, phân tích bài 9  - Hướng dẫn, hỗ trợ  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS nêu cách làm bài,  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 9:** Người ta cắt một tấm bìa để tạo lập một lăng trụ đứng có đáy là tam giác đều với kích thước như Hình 7. Hãy cho biết độ dài các cạnh đáy và chiều cao của hình lăng trụ đứng.    Ta thấy đáy của hình lăng trụ là tam giác đều cạnh 3cm  Độ dài các cạnh đáy là 3cm  Chiều cao của hình lăng trụ là 7cm. |

**Hướng dẫn tự học** (3 phút)

- Ôn lại các công thức của chương 3

- Xem lại các bài tập đã sửa

- Chuẩn bị bài chương 4.

**Tuần 6**

Ngày soạn: 7/10/2024

Ngày dạy:

**Tiết 11 - BÀI 5: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**CÁC BÀI TOÁN VỀ ĐO ĐẠC VÀ GẤP HÌNH**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

-Làm quen với việc ước lượng kích thước của một số hình thường gặp.

-Biết cách đo kích thước và áp dụng công thức để tính được diện tích các bề mặt và thể tích của một số hình trong thực tế.

-Biết cách cắt, dán, rồi xếp các chiếc hộp không những đúng mà còn tiện dụng và đẹp.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: Vận dụng kiến thức đã học tìm được các kích thước của hình hộp chữ nhật và tam giác vào bài thực hành.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng được kiến thức tính diện tích các bề mặt và thể tích để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, máy tính bảng hoặc laptop có kết nối internet, chia nhóm HS để HS chủ động chuẩn bị bài nhóm.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, bút màu,giấy A4, tấm bìa .

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (10’)**

1.TÍNH DIỆN TÍCH CÁC BỀ MẶT VÀ THỂ TÍCH MỘT SỐ HÌNH TRONG THỰC TẾ.

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức cho HS: Tìm diện tích bề mặt và thể tích của một số đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật trong thực tế.

- Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài học

**b) Nội dung:**

- HS làm bài tập: Tìm diện tích bề mặt và thể tích của một số đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật trong thực tế như quyển vở, quyển sách, hộp bút, cặp sách. Tìm diện tích xung quanh và thể tích phòng học.

**c) Sản phẩm:**

HS tìm được:

- Diện tích bề mặt và thể tích của một số đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật trong thực tế như quyển vở, quyển sách, hộp bút, cặp sách.

-Diện tích xung quanh và thể tích phòng học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Yêu cầu HS:  -Hoạt động cá nhân tìm diện tích bề mặt và thể tích của một số đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật trong thực tế như quyển vở, quyển sách, hộp bút, cặp sách**.**  -Hoạt động nhóm tìm diện tích xung quanh và thể tích phòng học.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân tìm diện tích bề mặt và thể tích của một số đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật trong thực tế như quyển vở, quyển sách, hộp bút, cặp sách  - HS hoạt động nhóm tìm diện tích xung quanh và thể tích phòng học.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 1-2 HS lên bảng trình bày, các HS khác bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh gía bài làm của HS và chốt kiến thức.  - ĐVĐ: muốn gấp hộp quà hình hộp chữ nhật, hình lắng trụ đứng tam giác thì ta làm như thế nào? | BT 1 : Tìm diện tích bề mặt và thể tích của một số đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật trong thực tế như quyển vở, quyển sách, hộp bút, cặp sách.  -Ghi tên đồ vật  -Ước lượng kích thước các đồ vật.  -Chọn thước phù hợp để đo kích thước của các đồ vật rồi tính diện tích thể tích của các đồ vật đó, ghi kết quả vào phiếu học tập.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Tên đồ vật | Chiều dài | Chiều rộng | Chiều cao | Thể tích | Diện tích | | Ước lượng |  |  |  |  |  |  | | Thực tế |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |   BT2: Tìm diện tích xung quanh và thể tích phòng học.  -Ghi tên phòng học cần đo.  -Ước lượng kích thước phòng học trước khi đo.  - Tính diện tích xung quanh và thể tích từ số đo ước lượng và số đo thực tế.  -Ghi cả hai kết quả vào phiếu học tập.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Tên phòng học | Chiều dài | Chiều rộng | Chiều cao | Thể tích | Diện tích xung quanh | | Ước lượng |  |  |  |  |  |  | | Thực tế |  |  |  |  |  |  |   So sánh rút kinh nghiệm |

**2. Hoạt động 2 - 3: Hình thành kiến thức mới - Luyện tập**

**Hoạt động 2 - 3.1: Gấp hộp quà hình hộp chữ nhật (15’)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức biết xác định chiều dài, chiều rộng, chiều cao để thực hiện được các bước của hoạt động theo yêu cầu

**b) Nội dung:**

- Thực hiện hoạt động 4 trong SGK trang 65

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện hoạt động 4.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Chia lớp thành các nhóm  -Gấp hộp quà hình hộp chữ nhật cho quyển sách toán 7 tập 1chân trời sáng tạo.  .  - Hãy thực hiện theo 3 bước của hoạt động 4.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn để thực hiện hoạt động 4 SGK – 65  - HS xác định: độ dài các kích thước của hình hộp chữ nhật.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Gv quan sát, kiểm tra học sinh thực hiện đúng các thao tác chia tấm bìa giấy hình chữ nhật đã chuẩn bị trước và thực hiện theo 3 bước của hoạt động 4.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát lắng nghe nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả hoạt động 4.  - GV đánh giá nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kỹ năng diễn đạt trình bày của học sinh, mức độ thực hiện thành thạo thao tác vẽ hình, cắt và gấp hộp quà hình hộp chữ nhật. | **1. Gấp hộp quà hình hộp chữ nhật**  Các nhóm đo các kích thướt của quyển sách.  Hộp quà hình hộp chữ nhật có các kích thướt tương ứng lớn hơn kích thướt của quyển sách.  - Sau đó tiến hành kẻ theo hình minh họa.  Description: Gấp hộp quà hình hộp chữ nhật Hoạt động 4 trang 65 Toán lớp 7 Tập 1 |

**Hoạt động 2 - 3.2: Gấp hộp quà hình lăng trụ đứng tam giác(15’)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức biết xác định các kích thước của hình lăng trụ đứng tam giác.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện hoạt động 5 trong SGK trang 65.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả hoạt động 5 trong SGK trang 65.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Chia lớp thành các nhóm  -Gấp hộp quà hình lăng trụ đứng tam giác.  - Hãy thực hiện theo 3 bước của hoạt động 5.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn để thực hiện hoạt động 5 SGK – 65  - HS xác định: độ dài các kích thước của hình lăng trụ đứng tam giác.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Gv quan sát, kiểm tra học sinh thực hiện đúng các thao tác chia tấm bìa giấy hình chữ nhật đã chuẩn bị trước và thực hiện theo 3 bước của hoạt động 5.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát lắng nghe nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết quả hoạt động 5.  - GV đánh giá nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kỹ năng diễn đạt trình bày của học sinh, mức độ thực hiện thành thạo thao tác vẽ hình, cắt và gấp hộp quà hình lăng trụ đứng tam giác | **2. Gấp hộp quà hình lăng trụ đứng tam giác**  Các nhóm đo các kích thướt của vật.  Hộp quà hình lăng trụ đứng tam giác có các kích thướt tương ứng lớn hơn kích thướt của vât.  - Sau đó tiến hành kẻ theo hình minh họa.  Description: Gấp hộp quà hình lăng trụ đứng tam giác | |

**Hoạt động 4. Vận dụng ( 5’)**

- Biết xác định các kích thước của hộp quà hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ tam giác và chú ý các kích thướt đó lớn hơn kích thướt tương ứng của vât.

- Tự tay làm cho mình một hộp quà sau khi học xong bài này.

- Làm bài tập sau: làm một hộp quà hình hộp chữ nhật hoặc hình lăng trụ tam giác tùy ý.

- Ôn lại các kiến thức đã học trong Chương 3 và chuẩn bị bài: “Ôn tập Chương 3”

**Tuần 6**

Ngày soạn: 10/10/2024

Ngày dạy:

**Tiết 12+13 - BÀI 1: CÁC GÓC Ở VỊ TRÍ ĐẶC BIỆT**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được góc kề bù, góc đối đỉnh.

- Vẽ được góc kề bù, góc đối đỉnh bằng dụng cụ học tập.

- Tính được số đo góc nhờ tính chất hai góc đối đỉnh.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được góc kề bù, góc đối đỉnh, vẽ được góc kề bù, góc đối đỉnh và tính được số đo góc nhờ tính chất hai góc đối đỉnh.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: Thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua hình ảnh hai góc kề nhau, học sinh có thể suy nghĩ đến vị trí kề nhau của hai góc từ đó mở rộng về hai góc kề bù.

**b) Nội dung:**

- Em hãy dự đoán vị trí tia  và  để có được góc ** và ** bù nhau.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời dự đoán của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV đưa hình ảnh hai góc kề nhau lên cho học sinh gọi tên dựa vào vị trí 2 góc.  - GV gọi học sinh nhắc lại thế nào là hai góc bù nhau.  - GV: để có được góc và  bù nhau. *Em hãy dự đoán vị trí* tia  và *?*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận theo bàn.  - HS thay phiên nhau để tìm ra vị trí tia  và  **\*Báo cáo, thảo luận:**  - HS xác định vị trí.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia thảo luận. Không kết luận câu trả lời của HS là đúng hay sai.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Vị trí của tia  và  chính là nội dung mà chúng ta tìm hiểu trong hôm nay “hai góc kề bù*”.* | - Hai góc kề nhau .  - Hai goác bù nhau có tổng số đo .  - và  đối nhau. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Hai góc kề bù (13 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành khái niệm hai góc kề bù.

**b) Nội dung:**

- HS tiến hành như mô tả ở khám phá 1.

- HS đọc khái niệm tia phân giác ở SGK trang 69 để giải thích cho ví dụ 1 ở hình 2a và 2b.

**c) Sản phẩm:**

- Hình gấp giấy và câu trả lời của HS.

- Giải thích cho ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Yêu cầu HS thực hiện như khám phá 1.  - Quan sát hình 1,2 SGK/69 và trả lời câu hỏi.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS làm việc cá nhân.  - Trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS trình bày sản phẩm và trả lời câu hỏi.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV giới thiệu 2 góc  và  ở hình 2 là hai góc kề bù.  - GV giới thiệu khái niệm tia phân giác như SGK trang 69. | - Cạnh chung Oy  - Điểm chung O  -Học sinh đo góc và tính tổng    tổng số đo hai góc  và  bằng . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - HS đọc SGK trang 69 (hai góc kề bù và VD)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS đọc thầm cá nhân.  - HS tự giải thích 1 ví dụ.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS giải thích (mỗi HS giải thích 1 VD).  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV chốt kiến thức về hai góc kề nhau, hai góc kề bù và chú ý về hệ thức của điểm nằm trong góc. | 1. Hai góc kề bù  - Hai góc kề nhau là … (trang 69) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - HS quan sát hình 5 trang 69.    - Tìm các góc kề với  - Tìm số đo của góc lề bù với  - Tìm số đo của  - Tìm số đo của góc lề bù với  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Đại diện nhóm trình bày (giải thích khi có HS nhận xét).  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định câu trả lời đúng.  - GV chốt kiến thức. | - Các góc kề với :,,  - Số đo của góc lề bù với  bằng  - Số đo của  bằng  - Số đo của góc lề bù với bằng |

**Hoạt động 2.2: Hai góc đối đỉnh (25 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Biết được thế nào là hai góc đối đỉnh.

- Xác định được các góc đối đỉnh trong hình.

**b) Nội dung:**

- Biết được thế nào là hai góc đối đỉnh.

- Xác định được các góc đối đỉnh trong hình.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời dự đoán của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS đọc khám phá 2 SGK trang 70    - Nêu quan hệ về cạnh và quan hệ về đỉnh của và  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  Trả lời câu hỏi của phần khám phá 2  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - Các góc đối đỉnh trong hình 7.  - Các cách đọc khác nhau.  - Khái niệm hai góc đối đỉnh. | * Cạnh: mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia. * Góc: chung gốc O |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS đọc VD2 SGK trang 70  - Dựa vào đó làm thực hành 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc VD.  - Thảo luận nhóm vẽ vào giấy A0.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét bài làm.  - Chốt lại cách xác định hai góc đối đỉnh. | 2. Hai góc đối đỉnh    a/    Các cặp góc đối đỉnh: và ; và  b/  c/    Các cặp góc:và ; và  không đối đỉnh vì không thỏa mãn mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS thực hiện vận dụng 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - HS nêu đáp án.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét bài làm.  - Chốt lại kiến thức về góc đối đỉnh. | Các cặp góc đối đỉnh: và ; và |

**Hướng dẫn tự học**

- Đọc lại nội dung đã học

- Làm bài tập 1 SGK/trang 72.

- Xem trước phần 3: Tính chất của hai góc đối đỉnh.

**Tiết 2**:

**Hoạt động 2.3: Tính chất của hai góc đối đỉnh (20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Tính chất của hai góc đối đỉnh.

- Tính được số đo góc nhờ tính chất của hai góc đối đỉnh.

**b) Nội dung:**

- Đo góc.

- So sánh góc.

-Tính chất của hai góc đối đỉnh.

- Tính được số đo góc nhờ tính chất của hai góc đối đỉnh.

**c) Sản phẩm:**

- Đo góc.

- So sánh góc.

-Tính chất của hai góc đối đỉnh.

- Tính được số đo góc nhờ tính chất của hai góc đối đỉnh.

- Câu trả lời dự đoán của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS đọc khám phá 3 SGK trang 71      **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đo góc.  - So sánh góc.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét bài làm.  - Chốt lại tính chất của hai góc đối đỉnh. |  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS đọc VD3 SGK trang 71  - Dựa vào đó làm thực hành 3.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc VD.  - Thảo luận nhóm vẽ vào giấy A0.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét bài làm.  - Chốt lại câu trả lời của bài thực hành 3. | 3. Tính chất của hai góc đối đỉnh.      a/ Góc đối đỉnh  là  b/ |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS thực hiện vận dụng 3.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - HS vẽ lên bảng.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét bài làm.  - Chốt lại kiến thức về tính chất hai góc đối đỉnh. | Do  và  là hai góc đối đỉnh  nên    Do  nằm trong  nên        Chú ý: hai đường thẳng vuông góc SGK/71 |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được hai góc kề nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.

- HS vẽ được hai góc kề nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh bằng dụng cụ học tập.

- Tính được số đo góc nhờ vận dụng tính chất hai góc kề nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập 2, 4 SGK trang 72.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 2, 4 SGK trang 72.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1: (9 phút)**  Thực hiện cá nhân bài 2,4 SGK trang 72.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu của bài.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Một HS trình bày và mô tả cách thực hiện.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương HS vẽ chính xác. | **3. Luyện tập**  Bài 2,4 SGK Trang 72 |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: Xem lại cách vẽ hai góc kề nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.

- Làm bài tập 1,3,5 SGK/trang 72.

- Sưu tầm hình ảnh hai góc kề nhau, hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh trong thực tế.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (9 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy được hình ảnh góc đối đỉnh trong thực tế.

**b) Nội dung:**

- HS sưu tầm một số hình ảnh trong thực tế có liên quan đến góc đối đỉnh.



+ Nêu công dụng của những thanh chéo trong giàn giáo sử dụng trong xây dựng.



**c) Sản phẩm:**

- Một số hình ảnh học sinh sưu tầm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS đưa ra các hình ảnh sưu tầm được.

- HS trả lời cho 2 yêu cầu của giáo viên.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện theo nhóm.

- GV hỗ trợ nếu cần.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện nhóm trình bày.

- Cả lớp quan sát và nhận xét.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.

- Tuyên dương HS tính chính xác.

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: Góc kề bù, góc đối đỉnh.

- Làm bài tập 1,3,5 SGK/trang 72.

- Xem lại các kiến thức về cách đo góc,

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 2. Tia phân giác của một góc”.*

**Tuần 8**

Ngày soạn: 22/10/2024

Ngày dạy:

**Tiết 14+15 - BÀI 2: TIA PHÂN GIÁC**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được tia phân giác của một góc.

- Vẽ được tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập.

- Tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được tia phân giác của một góc, vẽ được tia phân giác của một góc và tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: Thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua hình ảnh con diều, học sinh có thể suy nghĩ đến vị trí tia phân giác của một góc.

**b) Nội dung:**

- Em hãy dự đoán vị trí tia so với  làm cho con diều thăng bằng.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời dự đoán của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV đưa mô hình con diều với các kí hiệu như trên hình.  - GV: Con diều thăng bằng khi  là trục đối xứng. *Em hãy dự đoán vị trí của tia  so với ?*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận theo bàn.  - HS thay phiên nhau để tìm ra vị trí tia  **\*Báo cáo, thảo luận:**  - HS xác định vị trí.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia thảo luận. Không kết luận câu trả lời của HS là đúng hay sai.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Vị trí của tia  chính là nội dung mà chúng ta tìm hiểu trong hôm nay “*Tia phân giác”.* | - Nằm giữa góc.  - Chia góc thành 2 góc bằng nhau. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Tia phân giác của một góc**

**a) Mục tiêu:**

- Trải nghiệm thảo luận về cách tạo lập tia chia đôi một góc.

- Hình thành khái niệm tia phân giác của một góc.

**b) Nội dung:**

- HS tiến hành như mô tả ở khám phá 1.

- HS đọc khái niệm tia phân giác ở SGK trang 73 để giải thích cho 2 ví dụ ở hình 2a và 2b.

**c) Sản phẩm:**

- Hình gấp giấy và câu trả lời của HS.

- Giải thích cho ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Yêu cầu HS thực hiện như khám phá 1.  - Hình gấp giấy.  - Tia  đã chia  thành 2 góc như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS gấp giấy cá nhân.  - Nhận xét 2 góc.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS trình bày sản phẩm và trả lời câu hỏi.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV giới thiệu khái niệm tia phân giác như SGK trang 73. | - Hình gấp giấy.  - Tia  đã chia  thành 2 góc bằng nhau: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - HS đọc SGK trang 73 (Tia phân giác và VD)  - Giải thích vì sao  là tia phân giác của  và  là tia phân giác của .  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS đọc thầm cá nhân.  - HS tự giải thích 2 ví dụ.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS giải thích (mỗi HS giải thích 1 VD).  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV chốt kiến thức về tia phân giác và nhấn mạnh chỗ tạo với 2 cạnh hai góc bằng nhau. | 1. Tia phân giác của một góc  - Tia phân giác của một góc là … (trang 73)  - Hình 2a:  là tia phân giác của  vì:  +  qua .  + . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - HS quan sát hình 3 trang 73.    - Tìm tia phân giác của các góc:  và .  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Đại diện nhóm trình bày (giải thích khi có HS nhận xét).  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định câu trả lời đúng.  - GV chốt kiến thức về tia phân giác và nhấn mạnh cách nhận dạng tia phân giác khi quan sát một hình là dựa vào 2 góc bằng nhau (chuẩn bị cho vẽ và tính góc). | * là tia phân giác của * là tia phân giác của |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - HS quan sát hình 4 trang 74.    - Kim ở vị trí nào của  - Tìm trong thực tế hình ảnh của tia phân giác hoặc tìm trong các hình vẽ của SGK.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thảo luận nhóm.  - Trả lời 2 ý:  + Kim ở vị trí nào?  + Một hình ảnh thực tế hoặc hình vẽ SGK.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - Đại diện nhóm trình bày (giải thích khi có HS nhận xét).  - GV hỗ trợ chiếu hình ảnh khi HS báo cáo.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định câu trả lời đúng.  - GV chốt kiến thức về tia phân giác và nhấn mạnh cách nhận dạng tia phân giác khi quan sát một hình là dựa vào 2 góc bằng nhau (chuẩn bị cho vẽ và tính góc). | * là tia phân giác của * là tia phân giác của |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: Xem lại khái niệm tia phân giác của một góc và cách nhận dạng tia phân giác trong một hình vẽ cụ thể.

- Làm bài tập 1 SGK/trang 75.

- Xem trước phần 2: Cách vẽ tia phân giác.

**Tiết 2**:

**2. Hoạt động 2.2: Cách vẽ tia phân giác (35 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc.

- Thông qua đó, khám phá ra cách vẽ một tia phân giác.

- Vẽ được tia phân giác của một góc cho trước.

**b) Nội dung:**

- Tính góc .

- Dự đoán cách vẽ tia phân giác.

- Vẽ tia phân giác.

**c) Sản phẩm:**

- Tính được số đo 

- Câu trả lời dự đoán của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS đọc khám phá 2 SGK trang 74    - Tính số đo  - Nếu biết số đo  thì ta vẽ tia phân giác  như thế nào?    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc và tính số đo  - Thảo luận theo bàn cách vẽ tia .  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - Có 2 trường hợp tính số đo góc thông qua khái niệm tia phân giác.  + Cho góc bằng nhau tính góc lớn.  + Cho góc lớn tính góc bằng nhau.  - Cách vẽ tia phân giác của một góc.  + Tính số đo 2 góc bằng nhau.  + Dùng thước vẽ góc nhỏ. | Do  là tia phân giác của  nên    Suy ra  Vẽ tia  phía trong  sao cho . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS đọc VD2 SGK trang 74  - Dựa vào đó làm thực hành 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc VD.  - Thảo luận nhóm vẽ vào giấy A0.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét bài làm.  - Chốt lại cách vẽ tia phân giác của một góc.  + Tính số đo 2 góc bằng nhau.  + Dùng thước vẽ góc nhỏ. | 2. Cách vẽ tia phân giác |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS thực hiện vận dụng 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS làm cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - HS vẽ lên bảng.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét bài làm.  - Chốt lại kiến thức về tia phân giác của góc bẹt và đường phân giác. | Chú ý: Đường thẳng chứa tia phân giác của 1 góc là đường phân giác của góc đó. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (9 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được tia phân giác của một góc.

- HS vẽ được tia phân giác bằng dụng cụ học tập.

- Tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập 1, 2, 6, 7 SGK trang 75.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 1, 2, 6, 7 SGK trang 75.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1: (9 phút)**  Thực hiện cá nhân bài 2 trang 75.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu của bài.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Một HS trình bày và mô tả cách thực hiện.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương HS vẽ chính xác. | **3. Luyện tập**  Bài 2. Trang 75 |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: Xem lại cách vẽ tia phân giác của một góc.

- Làm bài tập 5 SGK/trang 75.

- Xem lại các kiến thức về 2 góc đối đỉnh, 2 góc kề bù.

- Sưu tầm hình ảnh tia phân giác trong thực tế.

**Tiết 3**:

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (35 phút) tiếp theo**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được tia phân giác của một góc.

- HS vẽ được tia phân giác bằng dụng cụ học tập.

- Tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập 1, 2, 6, 7 SGK trang 75.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 1, 2, 6, 7 SGK trang 75.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Khởi động**  **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Quan sát bài 1 trang 75.    - Thực hiện các yêu cầu:  + Tìm tia phân giác của  + Tính  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện cá nhân các yêu cầu của bài.  - GV hỗ trợ nếu cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS trả lời miệng phần tìm tia phân giác và viết bảng phần tính góc.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương HS tính chính xác.  - Chốt cách tính góc dựa vào tia phân giác của một góc. | **3. Luyện tập**  Bài 2. Trang 75  Bài 1. Trang 75  a)  là tia phân giác của  là tia phân giác của  b)  Do  là tia phân giác của  nên    Do  là tia phân giác của  nên |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Quan sát bài 6 trang 75.  - Thực hiện các yêu cầu:  + Vẽ hình.  + Tính  + Tính  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện cá nhân phần vẽ hình và tính  - Thảo luận nhóm phần tính  - GV hỗ trợ nếu cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - HS trả lời miệng phần vẽ hình và viết bảng phần tính góc  - Đại diện nhóm trình bày phần tính  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương HS tính chính xác.  - Chốt cách tính góc dựa vào tia phân giác của một góc và góc kề bù. | **3. Luyện tập**  Bài 2. Trang 75  Bài 1. Trang 75  Bài 6. Trang 75    Do  là tia phân giác của  nên    Do  là 2 góc kề bù nên    Suy ra:  Do  là tia phân giác của  nên    Do  nằm trong  nên |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (9 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy được hình ảnh tia phân giác trong thực tế.

**b) Nội dung:**

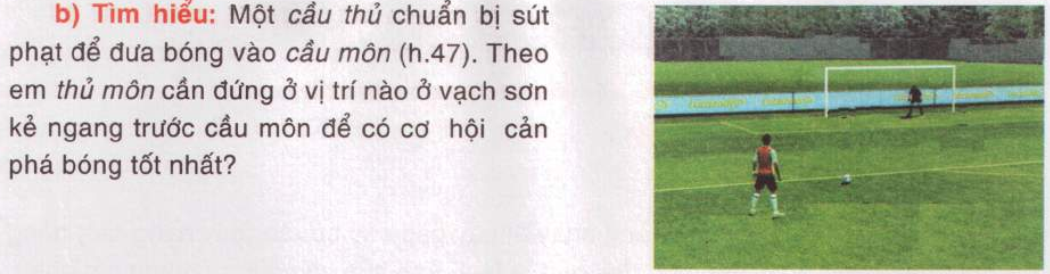
- HS sưu tầm một số hình ảnh trong thực tế có liên quan đến tia phân giác.

- Trả lời 2 yêu cầu sau:

+ Làm sao để chia miếng bánh pisa sau đây thành 2 phần bằng nhau?

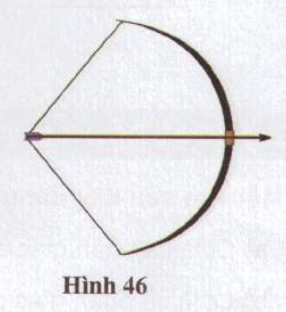
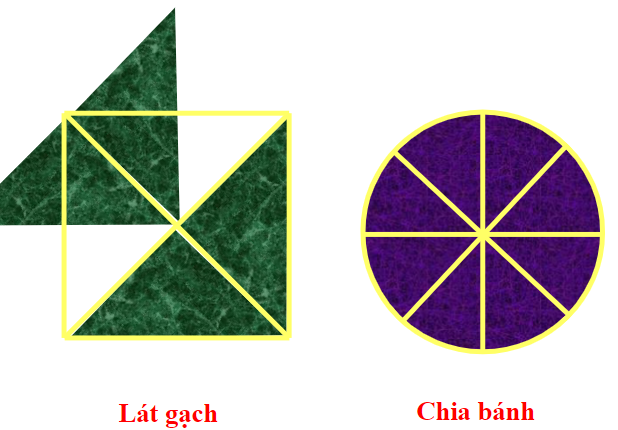


+ Một cầu thủ chuẩn bị sút phạt để đưa bóng vào cầu môn. Theo em thủ môn cần đứng ở vị trí nào trên vạch sơn kẻ ngang trước cầu môn để có cơ hội cản phá bóng tốt nhất?



**c) Sản phẩm:**

- Một số hình ảnh.



- Câu trả lời:

+ Chia theo vị trí là tia phân giác của góc.

+ Thủ môn đứng ở vị trí giao điểm của tia phân giác và vạch kẻ ngang.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS đưa ra các hình ảnh sưu tầm được.

- HS trả lời cho 2 yêu cầu của giáo viên.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện theo nhóm.

- GV hỗ trợ nếu cần.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện nhóm trình bày.

- Cả lớp quan sát và nhận xét.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.

- Tuyên dương HS tính chính xác.

**Hướng dẫn tự học**

- Đọc lại nội dung đã học: Xem lại cách vẽ tia phân giác của một góc.

- Làm bài tập 4, 7 SGK/trang 75.

- Xem lại các kiến thức về 2 góc đối đỉnh, 2 góc kề bù.

- Chuẩn bị giờ sau: *“Bài 3. Hai đường thẳng song song”.*

Ngày soạn: 2/11/2024

Ngày dạy:

**Tiết 16+17+18 - BÀI 3: HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- HS mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.

- Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.

- HS mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nhận biết được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong; nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song..

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, phiếu học tập.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (9 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua trò chơi học sinh ôn lại khái niệm về hai đường thẳng song song đã học ở lớp 6 và có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song qua việc so sánh cặp góc so le trong, đồng vị.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: HS tham gia trò chơi: “Ai nhanh hơn?”

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm góc so le trong, đồng vị.

- Tính chất.

- Cách vẽ hai đường thẳng song song.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu sile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi: “Ai nhanh hơn?”  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV: Chia lớp thành 4 nhóm. Yêu cầu học sinh mỗi nhóm chuẩn bị sẵn sàng cùng tham gia trò chơi bằng hình thức giơ tay.  - GV: Yêu cầu cả lớp cùng hô, tạo khí thế.  - GV: Tuyên bố luật chơi:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Câu 1: C  Câu 2: HS xác định số đo các góc đỉnh A và đỉnh B.  Kết luận:    **\* Báo cáo, thảo luận:**  Hs các nhóm khác nhận xét bài của nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới:  +Nhận biết góc vị trí so le trong, đồng vị.  +Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song. | Khởi động: Trò chơi “Ai nhanh hơn?”  Câu 1: Hai đường thẳng a và b trong hình sau có vị trí:    A. Cắt nhau. B. Trùng nhau.  C. Song song. D. Vuông góc.  Câu 2: Quan sát hình vẽ sau:    - Xác định số đo các góc đỉnh A và các góc đỉnh B.  - Mỗi góc đỉnh A bằng với góc nào ở đỉnh B? |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (15 phút)**

**Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song**

**a) Mục tiêu:**

- Hình thành nhận biết cặp góc vị trí so le trong, cặp góc đồng vị.

- Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.

- Cách vẽ hai đường thẳng song song.

**b) Nội dung:**

- Hs quan sát hình 1 SGK trang 76 hình thành nhận biết về cặp góc vị trí so le trong, cặp góc đồng vị.

- Thực hiện hoạt động khám phá 1.

**c) Sản phẩm:**

- Nhận biết cặp góc vị trí so le trong, cặp góc đồng vị.

- Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song (tính chất).

- Cách vẽ hai đường thẳng song song.

- Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu HS quan sát hình 1 SGK trang 76.  - Yêu cầu HS làm vào vở nháp bài tập HĐKP1 SGK trang 7  - Thực hành 1, thực hành 2.  - Vẽ hai đường thẳng song song.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs lắng nghe gợi ý của GV và suy nghĩ làm vào vở nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Với mỗi câu hỏi GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán.  - Hs cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định những câu trả lời đúng.  - GV giới thiệu dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.  - Nhận xét bài thực hành 1 và 2 của HS.  - Thông qua thực hành 2 HS có cơ hội vận dụng kiến thức vừa học vào thực tế nhận biết mối qua hệ giữa tính song song và vuông góc. Từ đó GV rút ra **chú ý** SGK trang 77.  - GV hướng dẫn HS cách sử dụng thước đo góc hoặc eke để vẽ hai đường thẳng song song bằng cách vận dụng dấu hiệu vừa học. | **1. Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song**  HĐKP 1:  HS dự đoán a//b, m//n.  **Tính chất:** SGK trang 77  **Thực hành 1:**  HS dự đoán a//b thông qua cặp góc so le trong bằng nhau.  HS dự đoán m//n thông qua cặp góc đồng vị bằng nhau.  **Thực hành 2:**  HS chứng minh được a//b thông qua cặp góc đồng vị bằng nhau (vì đều bằng 900).  **\*Chú ý:** (SGK trang 77)  **Cách vẽ hai đường thẳng song song:**  Có 2 cách |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng nhận biết cặp góc vị trí so le trong, cặp góc đồng vị.

- Vận dụng dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.

- Thực hành vẽ hai đường thẳng song song.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài 2 SGK trang 80.

**c) Sản phẩm:**

Bài 2: Vẽ được hình và giải thích câu a và b.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Bài 2: HS hoạt động cặp đôi  - GV hỏi HS với yêu cầu vẽ hình của bài toán em suy ra điều gì về hai đường thẳng đó.  - Yêu cầu HS vẽ hình, đặt tên các yếu tố đường thẳng, điểm, góc.  - Trả lời câu a, b.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  Hs đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 bạn đại diện cho một cặp đôi lên bảng vẽ hình và kí hiệu.  - Yêu cầu các cặp đôi tráo bài cho nhau để kiểm tra.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét bài làm của hs và kết luận  Sau khi học hết mục 3 GV sẽ hướng dẫn HS thêm một cách giải khác nữa. | Bài 2: Hình vẽ    a) HS sử dụng góc kề bù để chứng minh cặp góc so le trong còn lại cũng bằng nhau.      Mà  Nên  Vậy cặp góc so le trong còn lại cũng bằng nhau.  b) HS sử dụng góc kề bù đối đỉnh để chứng minh các cặp góc đồng vị bằng nhau |

**Hướng dẫn tự học**

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại cách nhận biết vị trí cặp góc so le trong, đồng vị. Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song, Cách vẽ hai đường thẳng song song.

- Xem trước phần 2: Tiên đề Euclid về đường thẳng song song.

**Tiết 2**:

**1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ tạo hứng thú học tập.

- Thông qua trò chơi học sinh ôn lại về dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song qua việc so sánh cặp góc so le trong, đồng vị.

**b) Nội dung:**

Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: HS tham gia trò chơi: “Vượt chướng ngại vật” với các câu hỏi và về đích.

**c) Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu sile ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi: “Vượt chướng ngại vật”.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Học sinh cả lớp chuẩn bị sẵn sàng cùng tham gia trò chơi bằng hình thức giơ tay.  - GV: Yêu cầu cả lớp cùng hô, tạo khí thế.  - GV: Tuyên bố luật chơi:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Câu 1: D  Câu 2: C  Câu 3: B  **\* Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời các câu hỏi để vượt chướng ngại vật.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS. | Khởi động: Trò chơi “Vượt chướng ngại vật”  **Câu 1**: Cặp góc so le trong ở hình vẽ sau là  Description: 2021] Hình vẽ sau có bao nhiêu cặp góc so le trong...    A. và . B. và .  C. và . D. và .  **Câu 2**: Cho hình vẽ sau:  Description: Đường thẳng vuông góc. Đường thẳng song song  Vị trí của hai đường thẳng a và b trong hình là  A. Cắt nhau. B. Vuông góc.  C. Song song . D. Trùng nhau  **Câu 3**: Nếu  và  thì  A. . B. . C. . D. . |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Tiên đề Euclid về đường thẳng song song ( 15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hs nắm được nội dung tiên đề Euclid để áp dụng vào bài tập.

- HS biết vận dụng được khi hai đường thẳng cùng song song với đường thẳng thứ ba.

**b) Nội dung:**

- Tiên đề Euclid.

- Chú ý SGK trang 79.

**c) Sản phẩm:**

- Tiên đề Euclid.

- Thực hành 3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| GV trình chiếu yêu cầu bài toán HĐKP kèm hình 8 SGK trang 78.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu hs đọc và hiểu nội dung HĐKP.  - GV gọi một số em trả lời.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc và hiểu nội dung HĐKP, sau đó dự đoán kết quả.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Gọi vài HS lên phát biểu.  (Không yêu cầu HS giải thích).  **\* Kết luận, nhận định**  GV kết luận vấn đề: Chỉ có một đường thẳng b đi qua A và song song với đường thẳng a.  - Thông qua HĐKP 2 GV giới thiệu tiên đề Euclid.  - GV chiếu ví dụ 3, ví dụ 4 và hướng dẫn HS. Thông qua ví dụ 4 GV rút ra “Chú ý”. | **2. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song**  HĐKP 2  Tiên đề Euclid (SGK trang 78)  Ví dụ 3:  Ví dụ 4:  \* Chú ý: (SGK trang 79) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV chia lớp thành các nhóm  - Yêu cầu hs làm bài tập Thực hành 3 SGK trang 79.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Đọc đề và suy nghĩ cá nhân sau đó thảo luận rồi làm vào nháp.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu một vài nhóm nộp sản phẩm và đại diện nhóm trình bày cách làm.  - Hs các nhóm khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng và nhắc lại các cách vẽ đường thẳng đi qua một điểm cho trước và song song với đường thẳng cho trước.  - Nhắc lại tiên đề Euclid để giải thích câu b. | **Thực hành 3:**  a) Cách vẽ:  Dùng eke dựng hai góc bằng nhau vị trí so le trong để có đường thẳng song song.    b) Theo tiên đề Euclid ta có thể vẽ được một đường thẳng a, b duy nhất. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (25 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hs nắm được nội dung tiên đề Euclid để áp dụng vào bài tập.

- HS biết vận dụng được khi hai đường thẳng cùng song song với đường thẳng thứ ba.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập 3,6,7 SGK trang 80; 81.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 3,6,7 SGK trang 80; 81.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện hoạt động nhóm bài 3 SGK trang 80.  Yêu cầu hs đọc đề và nêu các cách kiểm tra hai đường thẳng song song mà em biết.  Sau đó các nhóm thực hành kiểm tra trên các đường thẳng GV đã phát trong phiếu học tập.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **Bài 3:** Để kiểm tra xem hai đường thẳng a và b có song song hay không ta có các cách sau:  - Kiểm tra số đo của một cặp góc so le trong.  - Kiểm tra số đo của một cặp góc đồng vị.  - Kiểm tra tính cùng vuông góc với một đường thẳng thứ 3.  - Kiểm tra tính cùng song song với một đường thẳng thứ 3. |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện hoạt động cá nhân bài 6 SGK trang 81.  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài lần lượt từ câu a đến câu c.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trong bài.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - GV gọi một số HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của HS và cho HS nhận xét:  -Câu a) HS dùng dấu hiệu cùng vuông góc với đường thẳng thứ 3.  -Câu b) HS dùng dấu hiệu cặp góc so le trong bằng nhau.  -Câu c) HS dung dấu hiệu cùng song song với đường thẳng thứ 3. | Bài 6:  a) Ta có    b) Vì  mà 2 góc này ở vị trí so le trong nên  b // c.  c) Ta có: |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  Thực hiện hoạt động cặp đôi bài 7 SGK trang 81.  - Yêu cầu hs thực hiện theo nhóm trong thời gian 3 phút.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo từng cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Bài 7:  a) Vì m và n cùng vuông góc với CD nên m // n.  b) Vì m // n nên  (hai góc vị trí trong cùng phía)  x = 600. |

**Tiết 3**:

**2. Hoạt động 2.3: Tính chất của hai đường thẳng song song**

**a) Mục tiêu:**

- Tính chất của hai đường thẳng song song.

- Vận dụng được kiến thức vào vẽ hai đường thẳng song song.

**b) Nội dung:**

- Học sinh hoạt động nhóm thực hiện khám phá 3.

- Từ khám phá 3 học sinh rút ra tính chất và làm thực hành 4.

- Hs vận dụng kiến thức bài học làm vận dụng 1 ; 2.

**c) Sản phẩm:**

- Tính chất hai đường thẳng song song.

- Câu trả lời thực hành 4 ; vận dụng 1, 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu học sinh thực hiện khám phá 3 trong sgk.  + Vẽ hai đường thẳng a và b song song với nhau.  + Vẽ đường thẳng c cắt các đường thẳng a và b lần lượt tại A và B.  a) Chọn và đo một cặp góc so le trong, so sánh cặp góc này.  b) Chọn và đo một cặp góc đồng vị, so sánh các cặp góc này.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Đọc và hoạt động nhóm thực hiện khám phá 3  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Gv chọn 1 – 2 nhóm báo cáo các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  GV kết luận từ tiên đề Euclid ta có tính chất nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc so le trong bằng nhau; hai góc đồng vị bằng nhau. | Cặp góc so le trong là:  và      Cặp góc đồng vị  và |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu hs từ khám phá 3 rút ra nhận xét về số đo các cặp góc so le trong, các cặp góc đồng vị nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song.  - Chia lớp thành các nhóm yêu cầu học sinh hoạt động nhóm làm thực hành 4  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Rút ra tính chất.  - Đọc và hoạt động nhóm làm thực hành 4.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu 1 -2 nhóm lên bảng báo cáo.  - Các nhóm khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng và hướng dẫn cách tính số đo góc dựa vào tính chất. | Tính chất: SGK trang 79  \*Thực hành 4: Cho m //n và a//b. Tính số đo x, y, z, t của các góc trong hình.    Theo tính chất một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song  + Ta có x = (hai góc đồng vị)  + Ta có y = (hai góc so le trong)    \*1 góc vuông là  Theo tính chất một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song  + Ta có t = ( hai góc so le trong).  \* (hai góc kề bù)    + Ta có (hai góc so le trong) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu hs đọc và hoạt động nhóm đôi làm vận dụng 1, 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Hs hoạt động nhóm đôi hoàn thành vận dụng 1; 2.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Yêu cầu 1 -2 nhóm lên bảng báo cáo.  - Các nhóm khác nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và kết luận cách làm đúng và rút ra chú ý “một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng còn lại”. | \*Vận dụng 1    Vì a//b nên ta có các cặp góc bằng nhau của hai tam giác ABC và DEC là  (hai góc so le trong)  (hai góc so le trong)  (hai góc đối đỉnh)  \*Vận dụng 2.  Ta kí hiệu như hình.    Ta có (hai góc đồng vị)  Nên . |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- HS luyện tập lại kiến thức đã học qua các bài tập.

- Giải được các bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập 1; 4; 5sgk.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập bài tập 1; 4; 5sgk.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện nhóm bài tập 1  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài tập 1  Nhóm 1,3 thực hiện tính số đo các góc đỉnh A.  Nhóm 2,4 thực hiện tính số đo các góc đỉnh B.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **Bài 1.**    Vì a//b ta có  (hai góc đối đỉnh)  (hai góc kề bù)    (hai góc đối đỉnh)  (hai góc so le trong)  (hai góc đối đỉnh)  (hai góc kề bù)    (hai góc đối đỉnh) |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện nhóm đôi bài tập 4  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài tập 4  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | **Bài tập 4/sgk**    a) Góc ở vị trí so le trong với là  Góc ở vị trí đồng vị với là  b) (hai góc so le trong)  (hai góc đồng vị)  (hai góc kề bù)    c) (hai góc đối đỉnh)  (hai góc đồng vị) |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện nhóm đôi bài tập 5  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài tập 5  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | Vì và  nên  Suy ra  Ta có  (hai góc so le trong) |

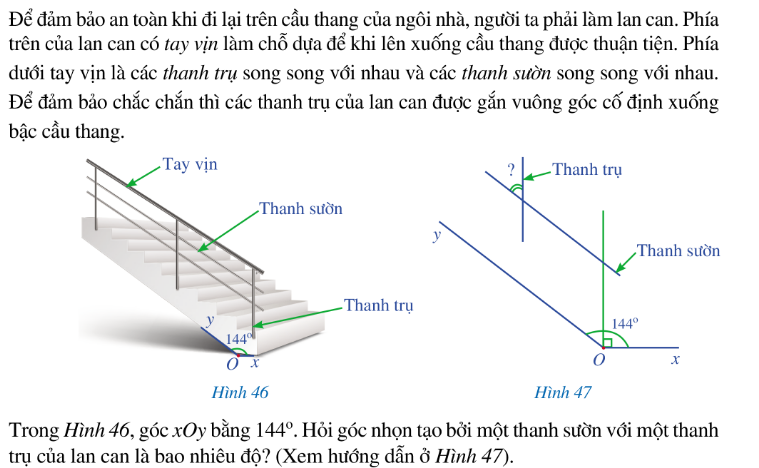
**4. Hoạt động 4: Vận dụng (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

Vận dụng các kiến thức về hai đường thẳng song song để giải quyết các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

Gv yêu cầu học sinh đọc và làm bài tập.



**c) Sản phẩm:**

Bài làm của học sinh

Góc nhọn tạo bởi một thanh sườn với một thanh trụ của lan can là 540.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Giao nhiệm vụ**

- Hs quan sát hình vẽ và thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của hs để hiểu rõ nhiệm vụ.

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

- Ôn lại các kiến thức đã học trong Chương 4 và chuẩn bị bài 4: “ĐỊNH LÍ VÀ CHỨNG MINH MỘT ĐỊNH LÍ”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 19+20+21 - BÀI 4: ĐỊNH LÍ VÀ CHỨNG MINH MỘT ĐỊNH LÍ**

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

**I. Mục tiêu: cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

Sau khi học xong bài này HS

- Biết cấu trúc của một định lí (GT, KL).

- Biết cách chứng minh một định lí.

**2. Về năng lực:**

**- Năng lực riêng:**

**+** Nhận biết được thế nào là một định lí.

+ Phân biệt được phần giả thiết và phần kết luận trong một định lí.

+ Nhận biết được thế nào là chứng minh một định lí.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt

+ Nghiên cứu kĩ bài học, kết nối kiến thức cũ với bài dạy.

+ Đổi mới phương pháp dạy học giúp HS hứng thú bài học, tạo những nhiệm vụ mang tính thực tế.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (6 phút)**

**a) Mục tiêu:**

**-** GV giúp HS làm quen với câu có dạng “Nếu...thì...” thông qua tổ chức trò chơi.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nội dung hoạt động khởi động: hs tham gia trò chơi

**c) Sản phẩm:**

- Cách phát biểu định lí.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV: chiếu slide ghi nội dung và cách thực hiện trò chơi “Nếu…thì…”.  - GV đặt vấn đề qua trò chơi mở đầu: Yêu cầu HS hoạt động nhóm, đối đáp với nhau. Một bạn của nhóm này đọc “Nếu...”, các nhóm khác sẽ điền tiếp vào câu sau “thì...”.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, đối đáp với nhau. Một bạn của nhóm này đọc “Nếu…”, các nhóm khác sẽ điền tiếp vào câu sau “thì…”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs thay phiên nhau để đặt câu “Nếu...thì…”  **\*Báo cáo, thảo luận:**  Hs dưới lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét tinh thần tham gia trò chơi.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: “*Định lí và chứng minh một định lí”.* | Khởi động: Trò chơi “Nếu…thì…”  Ví dụ: “Nếu chuồn chuồn bay thấp thì trời mưa”. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (38 phút)**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về định lí (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hiểu được thế nào là một định lí, biết phát biểu định lí, biết cấu trúc của một định lí.

**b) Nội dung:**

- HS quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm về định lí.

- Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Từ hoạt động khởi động, GV giới thiệu về định lí.  - Câu “Có một và chỉ một đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước” có phải là định lí không?  - Yêu cầu HS lấy ví dụ.  - Từ ví dụ. GV chỉ rõ cho HS thấy cấu trúc của một định lí.  - Yêu cầu HS thực hiện thực hành 1.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lắng nghe và trả lời theo yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS: giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày.  - Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại định lí là gì; cách phát biểu định lí dưới dạng “Nếu…thì”**.** | **1. Định lí là gì?**  Định lí là một khẳng định được suy ra từ những khẳng định được coi là đúng.  Ví dụ: Ta có định lí: “Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau”.  - Một định lí gồm 2 phần:  + Giả thiết (GT) (Nằm giữa chữ “Nếu” và chữ “thì”).  + Kết luận (KL) (Nằm sau chữ “thì”)  **Thực hành 1:**  a) Ta có hình vẽ thể hiện định lí trên:    b) Giả thiết và kết luận của định lí   |  |  | | --- | --- | | GT | Hai đường thẳng xx’ và yy’;  ; | | KL |  | |

**Hoạt động 2.2: Chứng minh định lí (28 phút)**

**a) Mục tiêu:**

**-** Biết cách chứng minh một định lí.

**b) Nội dung:**

- HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải bài ví dụ 2, ví dụ 3, thực hành 2 SGK/trang 83, 84.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - GV giới thiệu khái niệm chứng minh định lí.  - Yêu cầu HS vẽ hình minh họa định lí, ghi GT, KL của định lí ở ví dụ 2 và ví dụ 3.  - GV hướng dẫn HS cách chứng minh.  - GV yêu cầu HS thực hiện thực hành 2.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS quan sát SGK và hoàn thành theo yêu cầu của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS: thảo luận, phát biểu, giơ tay trình bày.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá quá trình học của HS. | **2. Chứng minh định lí**  Chứng minh định lí là dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.  Ví dụ 2:   |  |  | | --- | --- | | GT | là hai góc kề bù  Om là tia phân giác của  On là tia phân giác của | | KL |  |     *Chứng minh:*  Vì Om là tia phân giác của  nên  (1)  Vì On là tia phân giác của  nên  (2)  Từ (1) và (2) ta có:    (vì  và  là hai góc kề bù)  Vậy   |  |  | | --- | --- | | GT | a và b phân biệt | | KL | a // b |   Ví dụ 3:    *Chứng minh*  Ta có suy ra ; và suy ra .  Vậy  Mà hai góc  là hai góc đồng vị.  Suy ra a //b. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Gv cho 2 hs lên thực hiện thực hành 2.  - Chứng minh .  + Góc B bù với góc A thì ta có công thức gì?  + Từ đó suy ra công thức tính góc B?  + Góc C bù với góc A thì ta có công thức gì?  + Từ đó suy ra công thức tính góc C?  + Qua 2 công thức tính góc B và C, ta nhận thấy điều gì đặc biệt?  Hs đóng SGK và thực hiện vào vở  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Làm vào vở theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu 2 hs lên thực hiện.  - Hs khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét bài làm và khẳng định kết quả đúng. Nhắc lại công thức “Tổng hai góc bù nhau bằng 1800”. | **Thực hành 2:**   |  |  | | --- | --- | | GT | và  cùng bù với | | KL |  |   *Chứng minh:*  bù với  nên .  Suy ra  bù với  nên  Suy ra  Từ (1) và (2) suy ra:  Vậy |

**Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Đọc lại nội dung đã học: xem lại cách ghi giả thiết kết luận của một định lí, cách phát biểu định lí dưới dạng “Nếu…thì….”.

- Làm bài tập 1 SGK/trang 84.

- Xem trước phần Bài tập.

**Tiết 2**:

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (30 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng được các kiến thức đã học thông qua một số bài tập:

+ Vẽ hình, viết giả thiết, kết luận của định lí.

+ Phát biểu phần còn thiếu của giả thiết, kết luận trong các định lí.

- Giải được các bài tập chứng minh định lí ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập thực hành 1, 2, 5 SGK trang 84.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập thực hành 1, 2, 5 SGK trang 84.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Thực hiện nhóm đôi bài thực hành 1  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài thực hành 1  - Vẽ hình, viết giả thiết, kết luận của định lí: “Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng còn lại”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | **3. Luyện tập**  **Bài 1 :**  Ta có hình vẽ:    Giả thiết, kết luận của định lí:   |  |  | | --- | --- | | GT | ;  a // b | | KL |  | |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Thực hiện nhóm bài thực hành 2  Yêu cầu hs đọc đề và làm bài thực hành 2  Nhóm 1, 3 thực hiện câu a.  Nhóm 2, 4 thực hiện câu b.  a) Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc so le trong…?  b) Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì...?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **Bài 2:**  a) Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc so le trong **bằng nhau**.  b) Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì ***chúng song song với nhau***. |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Gv treo bảng phụ bài tập 3 SGK trang 84.  - Yêu cầu hs thực hiện theo nhóm trong thời gian 3 phút.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của hs. | **Bài 3: Giải :**  a) Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng sao cho có một cặp góc so le trong ***bằng nhau*** thì hai đường thẳng đó song song.  b) Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng ***vuông góc*** với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau. |

**Tiết 3**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán liên quan.

**b) Nội dung:**

Hs giải quyết bài toán 5/ SGK tr 84.

**c) Sản phẩm:**

Giả thiết, kết luận, chứng minh được định lí “Hai góc cùng phụ một góc thứ ba thì bằng nhau”.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Giao nhiệm vụ 1**:

- Hs suy nghĩ và trả lời câu hỏi và làm theo nhóm đôi và viết vào bảng nhóm trong thời gian 1 phút 30 giây.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của hs để hiểu rõ nhiệm vụ.

**\*Giao nhiệm vụ 2**:

- GV hỏi hs: Sau bài học này các em làm được những gì?

- Hs trả lời:

**+** Nhận biết được thế nào là một định lí.

+ Phân biệt được phần giả thiết và phần kết luận trong một định lí.

+ Nhận biết được thế nào là chứng minh một định lí.

**5. Hoạt động 5: Làm bài tập nhóm** (30 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng được các kiến thức đã học thông qua một số bài tập:

+ Vẽ hình, viết giả thiết, kết luận của định lí.

+ Phát biểu phần còn thiếu của giả thiết, kết luận trong các định lí.

- Giải được các bài tập chứng minh định lí ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** Luyện tập thêm các bài tập về định lí

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  Giáo viên sửa bài tập 4 (SGK trang 84) và nhắc lại kiến thức.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  Học sinh quan sát, lắng nghe và ghi bài vào tập. | **3. Luyện tập**  **Bài 1 :** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  Cả lớp chia làm 2 nhóm.  +Nhóm 1 sẽ thực hiện bài tập:  *Bài 1:* Viết giả thiết, kết luận và chứng minh định lí sau: “Nếu hai góc  cùng bù với góc  thì góc  bằng với góc”.  +Nhóm 2 sẽ thực hiện bài tập:  *Bài 2:* Viết giả thiết, kết luận và chứng minh định lí sau: “Cho Om là tia phân giác, O’m’ là tia phân giác,  nếu  thì ”.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS nhóm 1, nhóm 2 thực hiện bài được phân công theo cặp.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Tuyên dương nhóm làm đúng. | **Bài 1:**   |  |  | | --- | --- | | GT |  | | KL |  |   ***Chứng minh:***    **Bài 2:**   |  |  | | --- | --- | | GT | Om là tia phân giác  O’m’ là tia phân giác | | KL |  |   ***Chứng minh:***  Om là tia phân giác    O’m’ là tia phân giác    Vì  Nên |

**6. Hoạt động 6: Vận dụng (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán liên quan.

**b) Nội dung:**

Hs giải quyết bài toán 1/ SBT tr 86.

**c) Sản phẩm:**

Giả thiết, kết luận, chứng minh được định lí “Hai góc cùng bù một góc thứ ba thì hai góc đó bằng nhau”.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Giao nhiệm vụ 1**:

- Hs suy nghĩ và trả lời câu hỏi và làm theo nhóm đôi và viết vào bảng nhóm trong thời gian 1 phút 30 giây.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của hs để hiểu rõ nhiệm vụ.

**\*Giao nhiệm vụ 2**:

- GV hỏi hs: Sau bài học này các em làm được những gì?

- Hs trả lời:

**+** Nhận biết được thế nào là một định lí.

+ Phân biệt được phần giả thiết và phần kết luận trong một định lí.

+ Nhận biết được thế nào là chứng minh một định lí.

Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**Hướng dẫn tự học**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Học thuộc phần kiến thức trọng tâm.

- Làm bài tập 2 SBt trang 86.

- Chuẩn bị giờ sau: *“Hoạt động thực hành và trải nghiệm : Vẽ hai đường thẳng song song và đo góc bằng phần mềm Geogebra”*

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 22+23 - ÔN TẬP CUỐI CHƯƠNG IV**

Thời gian thực hiện:(2 tiết)

**I. Mục tiêu cdcb26**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống lại cho học sinh các góc ở vị trí đặc biệt, tia phân giác của một góc, hai đường thẳng song song và chứng minh định lí.

- Vận dụng kiến thức đã học vào giải bài toán cụ thể.

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: nhận biết các góc ở vị trí đặc biệt, tia phân giác của 1 góc vận dụng giải bài toán cụ thể..

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: Sử dụng thước thẳng và thước đo góc vẽ hình theo yêu cầu của đề bài..

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để giải bài tập một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

-Tích hợp: Toán học và cuộc sống, tích họp các môn học khác

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng có chia đơn vị, bảng phụ, máy chiếu, phiếu bài tập (các bài tập bổ sung).

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, thước đo góc.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu.** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại các kiến thức trọng tâm của chương I.

**b) Nội dung**

GV: Đưa ra bảng phụ ghi đề bài toán 1: Mỗi hình trong bảng sau cho biết kiến thức gì? HS: Nói rõ kiến thức nào đã học và điền dưới mỗi hình vẽ.

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hai góc đối đỉnh | Tiên đề Ơ-Clit | Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song |

**c) Sản phẩm:** các hình vẽ và nêu đúng, Hai góc đối đỉnh, Tiên đề Ơ-Clit, Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Mỗi cá nhân nhớ lại các nội dung đã học.  - GV nêu yêu cầu  Các nội dung đã học của chương IV là gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát hình vẽ ôn tập chương IV và trả lời các câu hỏi của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Mỗi hình ảnh GV yêu cầu khoảng 2 HS trả lời miệng.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  - GV treo hình vẽ mà HS các nhóm chuẩn bị sẵn ở nhà lên bảng để HS nhóm khác nhận xét  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chuẩn hóa câu trả lời của HS.  - GV nhận xét, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ của HS |  |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**

**Hoạt động 2.1: Dạng 1: Các dạng toán về tia phân giác, các góc bằng nhau, chứng minh song song** (20 phút)

**a) Mục tiêu:** Hệ thống lại cho học sinh các dạng toán về tia phân giác, các góc bằng nhau.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài 1; 2 trong SGK trang 45 và làm một số bài toán bổ sung.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả các bài 1; 2 trong SGK trang 86.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV yêu cầu mỗi cá nhân đọc đề và làm bài tập sau  **Bài toán:**  **Bài 1**  Trong những câu sau, em hãy chọn những câu đúng.Tia Oz là tia phân giác của góc  khi:  a/  b/  c/  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Cho HS chọn câu đúng bài 1.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV gợi ý  Hỏi: Tia Oz là tia phân giác của góc  thỏa mấy điều kiện?  **\* Báo cáo kết quả nhiệm vụ 1:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của bài 1.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động của lớp, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | **Bài 1:**  **Giải:** câu đúng  c/ |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu hai bạn cùng bàn một nhóm đọc bài 2 trong SGK trang 86 làm bài.  **Bài 2**  Quan sát Hình 1, biết d // h. Hãy kể tên một số cặp góc bằng nhau có trong Hình 1  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện đọc bài 2 trong SGK trang 86.  - Thảo luận nhóm và rút ra kết quả.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 2 HS nêu kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nhận xét hoạt động của nhóm, chuẩn hóa kết quả nhóm  - GV củng cố lại các góc đối đỉnh, sole trong, đồng vị. | **Bài 2**  Description: Hình 1  Ta có:   (các góc đối đỉnh)  (các góc đối đỉnh)  (các góc đối đỉnh)  , (các góc đối đỉnh)  Vì d // h nên: , ( (các góc so le trong)    , , (các góc đồng vị) |

**Hoạt động 2.2: Dạng 2: dạng toán vận dụng các góc kề bù, dấu hiệu nhận biết song song:** (12 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng hai góc kề bù và dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.

- Quan sát hình và nhận biết hướng giải.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài 4 trong SGK trang 87.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài 4 trong SGK trang 87.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  **-** Hoạt động nhóm 2 bạn cùng bàn một nhóm.  - Đọc bài 4 trong SGK trang 87 đưa ra kết quả.  **Bài 4**  Quan sát Hình 3  a) Tính B1  b) Chứng minh rằng AC // BD  c) Tính A2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện bài 4 trong SGK trang 87  - Thảo luận nhóm và rút ra kết quả.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 2 HS nêu kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét hoạt động nhóm, chuẩn hóa kết quả.  - GV củng cố lại hai góc kề bù và dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song. | **Bài 4**  Description: Hình 3  **Gợi ý đáp án:**  a) Vì +700+300=1800 (kề bù) nên =800  b) Vì ==800, mà 2 góc này ở vị trí so le trong nên AC // BD (Dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song)  c) Vì AC // BD nên = (2 góc so le trong), mà  =700 =>  =700 |

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút):

- Xem lại các bài tập đã sửa, ôn lại các góc đối đỉnh, soletrong, đồng vị, góc kề bù, dấu hiệu nhận biết đường thẳng song song, làm bài tập 3 sgk trang 87.

- Làm bài tập sau: Đọc trước các bài tập còn lại SGK trang 87.

**Hoạt động 2.3: Dạng 3: Các dạng vận dụng tính chất hai đường thẳng song song** (23 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại một số bài toán tiên tính chất hai đường thẳng song song.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài tập tự luận 6,7 SGK T87 .

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập tự luận 6,7.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Giáo viên tổ chức cho HS hoạt động nhóm làm bài tập.  **Bài 6**  Cho Hình 5 có .  = 1300  Số đo của   là bao nhiêu?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS hoạt động nhóm .  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện chính xác các thao tác.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu đại diện nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu các câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  Giáo viên nhận xét và đánh giá.  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS  GV chốt lại kiến thức | **Bài 6**  Cho Hình 5 có .  = 1300  Số đo của   là bao nhiêu?  Description: Hình 5  Vì a c, b c nên a // b (cùng vuông góc với c)  Ta có:  +  = 1800 (2 góc kề bù) nên  1300+  = 1800 =>  = 1800 - 1300  = 500  Vì a // b nên  =  (2 góc đồng vị) nên  = 500 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS làm bài tập tự luận 7 sgk/87vào vở.  GV gợi ý: Nêu tính chất hai đường thẳng song song  **Bài 7**  Cho Hình 6, biết hai đường thẳng a và b song song với nhau và  = 500  a) Hãy viết tên các cặp góc so le trong và các cặp góc đồng vị.  b) Tính số đo của  c) Kẻ đường thẳng c vuông góc với đường thẳng a tại M. Chứng minh rằng c \bot b.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS vận dụng tính chất hai đường thẳng song song làm bài vào bài tập.  HS lên bảng làm bài.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Yêu cầu HS nhận xét bài làm trên bảng, kiểm tra chéo bài làm trong vở của nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV đánh giá bài làm và chỉ ra những sai sót (nếu có) | **Bài 7**  Description: Hình 6  a) Các cặp góc so le trong  là:  = ,  =  Các cặp góc đồng vị là:  = ,  = ,  = ,  =  b) Vì  =  (2 góc đối đỉnh), mà  = 500 nên  = 500  Vì a // b nên  =  (2 góc đồng vị), mà  = 500 nên  = 500  c) Gọi c cắt b tại D  Vì a // b nên   =  (2 góc so le trong), mà  = 900=> =900  Vậy cb |

**Hoạt động 2.4: Dạng 4: Các dạng vận dụng tiên đề euclid** (12 phút)

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại một số bài toán tiên đề euclid.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài tập tự luận 8sgk/87.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện bài tập tự luận 8sgk/87.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  GV yêu cầu mỗi HSđọc bài tập tự luận 8sgk/87.  Vẽ đường thẳng m song song với đường thẳng n. Vẽ đường thẳng d cắt đường thẳng m tại điểm I.  a) Hỏi nếu d // n thì điều này có trái với tiên đề Euclid không?  b) Sử dụng kết quả của câu a để chứng minh d cắt n  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện bài tập tự luận 8sgk/87  - Thảo luận nhóm và rút ra kết quả.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 2 HS trình bày kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV Củng cố lại một số bài toán tiên đề euclid. | **Bài 8**  Description: Bài 8  a) Nếu d // n thì qua điểm I nằm ngoài đường thẳng n, có 2 đường thẳng là m và d song song với n (Trái với tiên đề Euclid)  b) Vì d không thể song song với n (câu a) và d khác n nên d cắt n |

**Hoạt động 2.5: Dạng 4: Vận dụng góc kề bù, góc đối đỉnh vào giải các bài toán thực tế** (8 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng vào giải các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài tập tự luận 9 sgk/87.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả bài tập tự luận 9 sgk/87.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Yêu cầu HS thực hành bài tập tự luận 9 trong SGK trang 87.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS đọc, phân tích đề tự luận 9 trong SGK trang 87 và tìm lời giải.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu khoảng 2 HS nêu cách làm bài, 1 HS lên bảng viết lời giải.  - HS dưới lớp lắng nghe, quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài tập tự luận 9/SGK/87.**  **Các góc kề bù là**  và , và ,  và , và  **Các góc đối đỉnh là**  và ,  và |

**Hướng dẫn tự học**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Ghi nhớ các góc đối đỉnh, tiên đề euclid, dấu hiệu nhận biết đường thẳng song song, tính chất hai đường thẳng song song.

- Chuẩn bị bài mới: Đọc trước nội dung bài: “Thu thập và phân loại dữ liệu”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 24 - BÀI 5: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG VÀ ĐO GÓC BẰNG PHẦN MỀM GEOGEBRA**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập tính chất về góc của hai đường thẳng song song thông qua đo đạc.

- Sử dụng được các chức năng của Geogebra.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực sử dụng công cụ học toán: Vận dụng được các kiến đã học về Geogebra để vẽ đường thẳng song song và đo góc.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, máy tính bảng hoặc laptop có kết nối internet, chia nhóm HS để HS chủ động chuẩn bị bài nhóm.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, máy tính có cài đặt Geogebra Classic 5.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (10’)**

**a) Mục tiêu:**

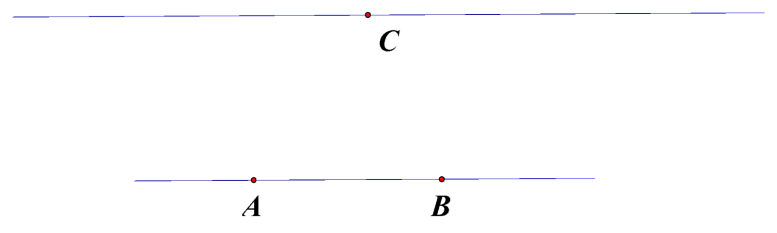
- Củng cố được kiến thức về hai đường thẳng song song.

**b) Nội dung:**

- HS làm bài tập: Cho điểm C nằm ngoài đường thẳng AB em hãy vẽ đường thẳng đi qua C và song song với đường thẳng AB.

**c) Sản phẩm:**

- HS vẽ được



**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  Yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện vẽ đường thẳng đi qua C và song song với đường thẳng AB cho trước.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân thực hiện bài tập  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 1-2 HS lên bảng trình bày, các HS khác bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh gía bài làm của HS và chốt kiến thức.  Gv nhắc lại qua một điểm nằm ngoài một đường thẳng chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng đó. | Hs hoạt động cá nhân vẽ hình.  https://lh7-us.googleusercontent.com/b9CrJTHelsHp10f1pqbXDpSQHk__AEUztLZaVz8hxtxrN0ysYfZSomV2kR750cUMjo1FRk0QvLQVoEhdJfl-i70xo4gPdDNw5VB21xqLu46KItl96xP9hYMIjSwl4u81FyRvFPiiMB-QjsBcejITlQ |

**Hoạt động 2 - 3.1: Tìm hiểu cách sử dụng các chức năng của Geogebra (15’)**

**a) Mục tiêu:**

- Sử dụng được các chức năng của Geogebra.

**b) Nội dung:**

- Các chức năng của Geogebra.

- Cách đo góc trong Geogebra.

**c) Sản phẩm:**

- Bước đầu học sinh vẽ được đường thẳng đi qua một điểm và song song với đường thẳng cho trước.

- Đo được số đo của góc cho trước trên Geogebra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Chia lớp thành các nhóm.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị sẵn từ nhà đọc trước nội dung cách hướng dẫn sử dụng các chức năng Geogebra.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  - HS hoạt động nhóm sử dụng máy tính thực hiện theo hướng dẫn trong sgk.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - GV yêu cầu đại diện mỗi nhóm hoàn thành hình vẽ trên phần mềm Geogebra và nêu cách thực hiện.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - GV kết luận và nhận xét thái độ, tinh thần trách nhiệm các thành viên trong các nhóm | **1. Vẽ đường thẳng đi qua C và song song với đường thẳng AB.**  **-** Vẽ điểm C nằm ngoài đường thẳng AB.  https://lh7-us.googleusercontent.com/eYvr0rOmpAg1yzgQRoXY0ShtlMPETNUREa23nbWAsPOfQCIEZhXnrzUx4j53HSmsluWgnoa5UZlPg_gTeyJabixaXu-zWHrXs3AC80KKrFTT8XZFrxJZo5ehDH7nnnA8MxDERMpGGt2vUHvMcDkoVg  - Dựng đường thẳng qua điểm C song song với đường thẳng AB.  https://lh7-us.googleusercontent.com/iB9aLi4BkNCqd_17osGl_aqS-sX3qiszSiMkTZnUlagD9-lw1XcMGWQhneG3MhQpE2jQk77lZLjN_I2E1WhPUxUMt4y_4bW3tBsfcjSvftpDMchkJMkrGaWRulJNTGXnFUy0HN_Xmjwez_IY7p0fuQ  - Hoàn thành hình vẽ.  - Chọn điểm D thực hiện đo góc DCA.  https://lh7-us.googleusercontent.com/GZdRbBmzEcW0ZmSxsbrVKVzSSNHGjzQMucZvPmJoNV3zGiJRjPuUFG1fqEC4-Ed-y9Mb5bULAMHKNUi7j41bwHaxNOzcHMRd4NddZu_QRmAVWlJ8tHHIC4hrbD8T7IPxvJbFNgtBwS0CE1UN_CNwfA |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV yêu cầu HS đọc va thực hiện hoạt động 2 đo góc DCA.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - HS hoạt động nhóm đọc và thực hiện hoạt động 2 theo hướng dẫn của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV yêu cầu một nhóm đại diện nộp bài và đọc số đo góc đo được trên hình.  - HS các nhóm thảo luận nhận xét bài và các bước thực hiện nhóm bạn.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV kết luận, đánh giá kỹ năng nhạy bén chính xác trong tìm hiểu thông tin của HS. |

**Hoạt động 2 - 3.2: Thực hiện vẽ hình theo yêu cầu bằng phần mềm Geogebra (15’)**

**a) Mục tiêu:**

- Vẽ được hình theo yêu cầu bằng phần mềm Geogebra.

**b) Nội dung:**

- Gv yêu cầu học sinh thực hiện bài tập trên phần mềm Geogebra.

+ Vẽ ba điểm A, B, C.

+ Vẽ đường thẳng a đi qua hai điểm A,B.

+ Vẽ đường thẳng b đi qua điểm C và song song với đường thẳng a.

+ Vẽ điểm D trên đường thẳng b.

+ Vẽ đường thẳng c cắt a tại A và cắt b tại C.

+ Đo và so sánh hai góc so le trong và 

**c) Sản phẩm:**

- Hình vẽ trên geogebra của học sinh gồm

+ Ba điểm A, B, C.

+ Đường thẳng a đi qua hai điểm A,B.

+ Đường thẳng b đi qua điểm C và song song với đường thẳng a.

+ Điểm D trên đường thẳng b.

+ Đường thẳng c cắt a tại A và cắt b tại C.

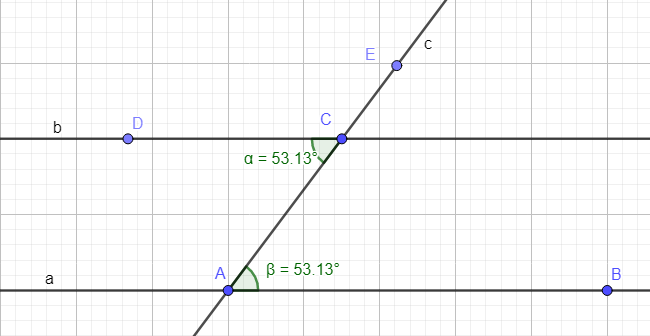
- Đo được số đo của góc và trên Geogebra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập.**  - Chia lớp thành các nhóm.  - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động nhóm hoàn thành bài tập.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động nhóm sử dụng máy tính thực hiện theo yêu cầu của gv.  **\* Báo cáo, thảo luận.**  - GV yêu cầu đại diện mỗi nhóm hoàn thành hình vẽ trên phần mềm Geogebra và nêu cách thực hiện.  **\* Kết luận, nhận định.**  - GV kết luận và nhận xét thái độ, tinh thần trách nhiệm các thành viên trong các nhóm.  Gv chốt lại cách vẽ trên Geogebra và nhấn mạnh lưu ý với học sinh nêu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc so le trong bằng nhau. | + Ba điểm A, B, C.  https://lh7-us.googleusercontent.com/stJ0qWwNsYx8VX9_t5ERgd3fJ9YeZ3j7rP2B_sF685qOznnFNZ5RH5uEpm8YTUDZBBp398q2RD10hV_jgyuyXdP1Df0uLDCl-Ag5uzP4PsizKSPgRieSw5bWOBOODXbkoRVWie8J5l1l_Y9gnluAGA  + Đường thẳng a đi qua hai điểm A,B.  https://lh7-us.googleusercontent.com/cU3kmkhhLIi6LjEdCt1_N5kLAOe2r7JD5NV7nGaubgOEpeCdP4OT5cPMvieZmYNzv0jWvyxf4T28ohKZbHFHWjH24xSpt40p9piRaouZ1uaDgGcFjW3D1oWYE13Hd7WV8b86uNYgNv3nhyoiZg9HSg  + Đường thẳng b đi qua điểm C và song song với đường thẳng a.  https://lh7-us.googleusercontent.com/L_oUqTn1pyY4R4AuSkrpb21oMNce-WWJyRClUcWh2kH7JCJlwMBBrNNMH-VPwMDBPdqsIlGqaOCxZ2binMW4y90F2PfUuwurFED-Wa1sqHeG1LiHwr4MDOTxNYq1spOnCx_25pX77tkfMnD84BzVlg  + Điểm D trên đường thẳng b.  https://lh7-us.googleusercontent.com/pk89zxZdbrRUl7Rgsf6KglnyedAHlSr6jWO9Ts8P4buUOoxyXIX36cSBT3ToDIp1fpeAX6zE0w521VkL9tEhIOYTrnJtSCXHcCMdaX_NjhbsvCsI3peODYjqviQsDLtQtTYqgrgaOD-nuJAssQrDlw  + Đường thẳng c cắt a tại A và cắt b tại C.  https://lh7-us.googleusercontent.com/48uLZiy6Ovc1N2-K6PXw_BMUK9asgxWMyCmm7bkZvCIh8z2NlHkG6MVqyTIKDGAnpYbQp35C4llroK2pbMNnDNssmua1mVghWmEiE2vLAde6MnNwOJf_DepT1VItpDbJEiVgO3-J17X7fUxEmwuq2w  Số đo https://lh7-us.googleusercontent.com/JuxkbHuA8gyz2GCeHJPZIqOyd9pMB22fWrEDUSydOw2LVXAvq7NsPF8_hlvjkAk-CEt_efrfRAPTcwUULKQrqh8Q96kJYjfBu8aGKvjRQmRIvTEK5bhCXj7GvOgIDEGqs6EyjIDZywGY7q_Hn7hzxgvà https://lh7-us.googleusercontent.com/FB-cLFwmh4dKyk8x32XkiEiYFj-vfdouMt1AafcvrykbA-FrVKeCKN_tqZYG2mW1DmBQLLHUsBjxXm1kk97llE6YSwGZWYD4Txx81O_OJM1qTWlMxGg8QJyTXEv8TXJayFa1AtiA_Fs1RR0GDF9ZMA  https://lh7-us.googleusercontent.com/yHkOBT5ZT_QL8s7UHQQKeSEX-Hues-ji2H4byxacJMbSWbyBDIUQ5Lu0WgSHQ4ITwJX1DESWs9kIyIydrW6JSx3dELJoMJD-1g6VUcRCtIYXp6pZIGamXAZHvtDdmDkrpfpmrtrGuTnWYjH3z27bSQ  Nhận xét https://lh7-us.googleusercontent.com/RTUjeXEOiF51Grscs0y_zECMnPC2GhZJEHe07qA-Y4iyRffWJTNdsUELetW2Y6PMGys8x-E55mzJl7zHJDLdl9u-_lOKyU62sACCpkq7sh_dKmdm7DhsbCUn5tP1kgr31_HI3k-7CdV7ZkkBM6tABw= https://lh7-us.googleusercontent.com/Qo4HSPvnOiWZ930jXAbsHgmmqaCsyP_wnO1Jgs7fMkw5Q92bKPpWU-mSoNm6o3_As9aq7jmCUN-vhjN5OqlLkBMrszM9NPXBN8sxto3tpzq7tRUBniFStysCT9oI9ZHeOCb1lS9NiKZXj6unn1bkJA |

**Hoạt động 4. Vận dụng ( 5’)**

- Tiếp tục lấy điểm E trên đường thẳng C em hãy dự đoán số đo 



- Làm bài tập sau: Hình bên là sơ đồ một số đường phố của Thành phố Hồ Chí Minh. Em hãy quan sát sơ đồ và cho biết :

a) Các đường phố song song với nhau.

b) Bạn Mi đang ở điểm A, bạn ấy muốn đi tới điểm B thì có thể đi theo những đường phố nào ?



Sản phẩm dự kiến

a) Các đường phố song song với nhau là :

• Nam Kỳ Khởi Nghĩa song song với Pasteur.

• Lê Duẩn song song với Hàn Thuyên, Nguyễn Du.

b) Bạn Mi đang ở điểm A, bạn ấy muốn đi tới điểm B thì có thể đi bằng cách :

 • Đi thẳng đường Lê Duẩn, sau đó đến ngã tư Lê Duẩn và Nam Kỳ Khởi Nghĩa thì bạn rẽ trái đi theo đường đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa sẽ tới điểm B.

• [Trường hợp bạn đi bộ (vì đường Pasteur là đường một chiều)] : Đi trên vỉa hè từ đường Pasteur, đến ngã tư Pasteur và Hàn Thuyên thì bạn rẽ phải vào đường Hàn Thuyên, sau đó đi thẳng tới ngã tư Hàn Thuyên và Nam Kỳ Khởi Nghĩa rồi rẽ trái thì tới điểm B.

- Ôn lại các kiến thức đã học trong Chương 4 và chuẩn bị bài:

“BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 4”

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TOÁN 7 ( HÌNH HỌC ) - THÁNG 12**

**Tuần 13**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 25: BÀI 1: THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI DỮ LIỆU**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau trong thực tiễn.

- Rèn kĩ năng lập bảng phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Học sinh **c**ó cơ hội phát triển:

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.

- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn

**-** Rèn luyện sự chăm chỉ:Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu

**-** Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

- Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Sử dụng phương pháp trình.

- Phương tiện, học liệu: bài giảng powerpoint, hình ảnh định dạng ,jpg bằng phần mêm paint.

**a) Mục tiêu**: **HS** được giới thiệu về chương học mới, gợi động cơ vào bài.

**b) Nội dung: GV** trình chiếu một số thông tin về dịch Covid hiện nay, giới thiệu kiến thức chương 5: Trong chương này các em sẽ học cách thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước, đọc và mô tả các dữ liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn; biểu đồ đoạn thẳng. Các em cũng tìm hiểu cách lựa chọn, biểu diễn dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp và học cách phân loại biểu đồ.

**c) Sản phẩm:** HS lăng nghe và tiếp thu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS lăng nghe và tiếp thu kiến thức

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV giới thiệu kiến thức chung cho toàn chương để HS nắm được các nội dung chính sẽ học.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Ở lớp 6 các em đã được làm quen với thống kê. Vậy chúng ta thu thập dữ liệu từ những nguồn nào? Cách phân loại dữ liệu ra sao? Các em cùng tìm hiểu qua tiết học hôm nay nhé.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Thu thập dữ liệu.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh nắm được các nguồn để thu thập dữ liệu, biết thống kê dữ liệu đã thu thập vào bảng.

**b) Nội dung:** HS tìm hiểu về thu thập dữ liệu và thực hiện các yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thực hiện HĐKP 1:  Quan sát biểu đồ sau:    + Hãy cho biết tên của biểu đồ trên?  HS: Biểu đồ trên là biểu đồ biểu diễn thông tin về Covid – 19 ở Việt Nam.  + Hãy lập bảng dữ liệu thu thập được từ biểu đồ trên.  - Chúng ta có thể thu thập dữ liệu từ những nguồn nào?  - GV cho HS thực hiện làm thực hành 1:  \* Thực hành 1: Quan sát bảng tin thời tiết tại Thành phố Hồ Chí Minh sau đầy và hoàn tất vào bảng thông kê.    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao (thực hành 1 thảo luận nhóm)  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận định lại kiến thức. | **1. Thu thập dữ liệu.**  \* HĐKP 1:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thông tin về Coivid 19 ở Việt Nam | | | | Ngày | Số ca khỏi bệnh trong ngày | Số ca mắc mới trong ngày | | 3/4 | 10 | 10 | | 4/4 | 5 | 3 | | 5/4 | 1 | 1 | | 6/4 | 4 | 4 | | 7/4 | 27 | 4 | | 8/4 | 4 | 2 | | 9/4 | 2 | 4 | | 10/4 | 16 | 2 | | 11/4 | 0 | 1 | | 12/4 | 0 | 2 |   - Chúng ta có thể thu thập dữ liệu từ các nguồn: văn bản, bảng biểu, hình ảnh trong thực tiễn.  \* Thực hành 1:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thời tiết từ 18/2/2021 đến 24/2/2021  tại Thàn phố Hồ Chí Minh | | | | | Ngày | Nhiệt độ cao nhất (0C) | Nhiệt độ thấp nhất (0C) | Thời tiết | | 18/2 | 30 | 21 | Có mây, không mưa | | 19/2 | 31 | 22 | Có mây, không mưa | | 20/2 | 31 | 21 | Có mây, không mưa | | 21/2 | 30 | 21 | Có mây, không mưa | | 22/2 | 31 | 21 | Có mây, không mưa | | 23/2 | 31 | 22 | Có mây, không mưa | | 24/2 | 32 | 23 | Có mây, không mưa | |

**Hoạt động 2: Phân loại dữ liệu theo các tiêu chí.**

- Phương pháp, kỹ thuật dạy học: Sử dụng phương pháp trình.

- Phương tiện, học liệu số: bài giảng powerpoint, hình ảnh định dạng ,jpg bằng phần mềm paint.

**a) Mục tiêu**: Học sinh nắm được các nguồn để thu thập dữ liệu, biết thống kê dữ liệu đã thu thập vào bảng.

**b) Nội dung:** HS tìm hiểu về thu thập dữ liệu và thực hiện các yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thực hiện HĐKP 2: Hãy ho biết   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tuổi | Giới tính | Sở thích | | 1 | 13 | Nam | Không thích | | 2 | 14 | Nam | Rất thích | | 3 | 14 | Nữ | Không thích | | 4 | 12 | Nữ | Thích | | 5 | 14 | Nam | Rất thích |   a) Các loại mức độ thể hiện sự yêu thích đối với môn bóng đá của 5 HS trên?  b) Có bao nhiêu HS nam và bao nhiêu HS nữ?  c) Độ tuổi trung bình của các bạn được điều tra.  - GV giới thiệu về dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng.  - HS tìm hiểu về dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng qua ví dụ 2 SGK trang 91.  \* Thực hành 2: Bảng thống kê các loại lồng đèn mà các bạn lớp 7A đã làm được.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại lồng đèn | Số lượng | Màu sắc | | 1 | Con cá | 5 | Vàng | | 2 | Thiên nga | 3 | Xanh | | 3 | Con thỏ | 4 | Nâu | | 4 | Ngôi sao | 12 | Đỏ | | 5 | Đèn xếp | 14 | Cam |   a) Hãy phân loại các dữ liệu có trong bảng thống kê trên dựa trên hai tiêu chí định tính và định lượng.  b) Tính tổng số lồng đèn các loại mà các bạn lớp 7A đã làm được.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao (thực hành 2 thảo luận nhóm)  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận đinh và nhấn mạnh: Để thuận tiện trong mô tả xử lí, người ta thường phân loại dữ liệu thành dữ liệu định lượng (biểu diễn bằng số) và dữ liệu định tính (biểu diễn bằng từ, chữ cái, kí hiệu …) | **2. Phân loại dữ liệu theo các tiêu chí.**  \* HĐKP 2:  a) Các loại mức độ thể hiện sự yêu thích đối với môn bóng đá của 5 bạn là: thích, không thích, rất thích.  b) Có 3 học sinh nam và 2 học sinh nữ.  c) độ tuổi trung bình của các bạn được điều tra là: 12; 13; 14 tuổi.  - Dữ liệu định lượng được biểu diễn bằng số thực.  - Dữ liệu định tính được biểu diễn bằng từ, chữ cái, kí hiệu…  \* Thực hành 2:  a) – Các loại lồng đèn: con cá, thiên nga, con thỏ, ngôi sao, đèn xếp là dữ liệu định tính.  - Số lượng: 5; 3; 4; 12; 14 là dữ liệu định lượng.  - Màu sắc: vàng, xanh, nâu, đỏ, cam là dữ liệu định tính.  b) Tổng số đèn các loại mà các bạn lớp 7A đã làm được là:  5 + 3 + 4 + 12 + 14 = 38 (đèn) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu:** HS được luyện tập kiến thức phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ các nguồn khác nhau trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm hoạt động thực hành 3 SGK trang 91:

\* Thực hành 3: Phân loại các dãy dữ liệu sau dựa trên các tiêu chí định tính và định lượng:

a) Dánh sách một số loại trái cây: cam, xoài, mít…

b) Khối lượng trung bình ( tính theo g) của một số loại trái cây: 240; 320; 1200; …

c) Màu sắc khi chín của một số loại trái cây: vàng, cam, đỏ, …

d) Hàm lượng vitamin C trung bình (tính theo mg) có trong một số loại trái cây: 95; 52; 28; …

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

\* Thực hành 3:

a) Dánh sách một số loại trái cây: cam, xoài, mít… là dữ liệu định tính.

b) Khối lượng trung bình ( tính theo g) của một số loại trái cây: 240; 320; 1200; …là dữ liệu định lượng

c) Màu sắc khi chín của một số loại trái cây: vàng, cam, đỏ, …là dữ liệu định tính.

d) Hàm lượng vitamin C trung bình (tính theo mg) có trong một số loại trái cây: 95; 52; 28; …là dữ liệu định lượng.

**d) Tổ chức thực hiện**

- **GV** giao yêu cầu cho HS như mục nội dung.

- **HS** làm bài tập vào vở. **GV** quan sát, nhắc nhở **HS** tập trung làm bài.

- **GV** chữa bài tập, thảo luận và kết luận.

**D. VẬN DỤNG:**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập liên quan đến phân loại dữ liệu theo tiêu chí cho trước.

**b)Nội dung:** HS thực hiện làm hoạt động vận dụng 1 SGK trang 91:

\* Vận dụng 1: Kết quả tìm hiểu về khả năng tự nấu ăn của tất cả học sinh lớp 7B cho bởi bảng thống kê sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khả năng tự nấu ăn | Không đạt | Đạt | Giỏi | Xuất sắc |
| Số bạn tự đánh giá | 20 | 10 | 6 | 4 |

a// Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b// Tính sĩ số lớp 7B.

**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS được trình bày vào vở:

Giải:

a// Phân loại dữ liệu:

- Khả năng tự nấu ăn: Không đạt, đạt, giỏi, xuất sắc là dữ liệu định tính.

- Số bạn tự đánh giá: 20; 10; 6; 4 là dữ liệu định lượng.

b// Sí ố lớp 7B là: 20 +10 + 6 + 4 = 30(học sinh).

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở. GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm bài tập 1; 2; 3 SGK trang 94.

**Hướng dẫn tự học**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Ghi nhớ các góc đối đỉnh, tiên đề euclid, dấu hiệu nhận biết đường thẳng song song, tính chất hai đường thẳng song song.

- Chuẩn bị bài mới

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 26: BÀI 1: THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI DỮ LIỆU (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau trong thực tiễn.

- Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản.

- Rèn kĩ năng lập bảng phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Học sinh **c**ó cơ hội phát triển:

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.

- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn

**-** Rèn luyện sự chăm chỉ:Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu

**-** Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** được kiểm tra kiến thức phan loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước, gợi động cơ vào bài mới.

**b) Nội dung: HS** trả lời câu hỏi ở bài tập 2 SGK trang 94:

Bài tập 2: Phân loại các dữ liệu sau dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

- Thời gian chạy 100m (tính theo giây) của các bạn học sinh lớp 7: 17; 16; 18; …

- Danh sách các môn thi bơi lội: bơi ếch; bơi sải; bơi tự do; …

- Các loại huy chương đã trao: vàng; bạc; đồng; …

- Tổng số huy chương của một số đoàn: 24; 18; 9; …

**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS:

Giải:

- Thời gian chạy 100m (tính theo giây) của các bạn học sinh lớp 7: 17; 16; 18; … là dữ liệu định lượng.

- Danh sách các môn thi bơi lội: bơi ếch; bơi sải; bơi tự do; …là dữ liệu định tính.

- Các loại huy chương đã trao: vàng; bạc; đồng; …là dữ liệu định tính.

- Tổng số huy chương của một số đoàn: 24; 18; 9; … là dữ liệu định lượng.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS đọc đề và trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn, gợi mở kiến thức nếu HS gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề đặt ra.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những HS có câu trả lời đúng.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Tiết trước các em đã biết cách phân loại dữ liệu theo tiêu chí định tính và định lượng. Tuy nhiên sau khi thống kê và phân loại ta cần xem xét tính hợp lí của những dữ liệu đó đặc biệt phải chỉ ra được những dữ liệu không hợp lí. Để tìm hiểu kĩ vấn đề này chúng ta cùng tìm hiểu qua mục qua của bài 1 nhé.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Tính hợp lí của dữ liệu.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh nắm biết chỉ ra được tính không hợp lí của dữ liệu.

**b) Nội dung:** Học sinh tìm hiểu về tính hợp lí của dữ liệu và thực hiện theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thực hiện HĐKP 3: Cho các bảng thống kê sau:  a) Hãy so sánh số HS tham gia chạy việt dã với sĩ số của lớp đó và tìm ra điểm chưa hợp lí.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lớp | Sĩ số | Số HS tham gia chạy việt dã | | 7A1 | 40 | 12 | | 7A2 | 38 | 8 | | 7A3 | 32 | 40 | | 7A4 | 40 | 25 | | 7A5 | 35 | 10 | | Tổng | 185 | 70 |   b) Nêu nhận xét của em về tỉ lệ phần trăm trong bảng thống kê sau:   |  |  | | --- | --- | | Xếp loại kết quả học tập của HS | Tỉ lệ phần trăm | | Tốt | 110% | | Khá | 45% | | Đạt | 35% | | Chưa đạt | 10% | | Tổng | 200% |   c) Dữ liệu dưới đây có đại diện cho sở thích đối với môn bóng đá của tất cả HS lớp 7A hay không?   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Sở thích | Không thích | Không quan tâm | Thích | Rất thích | | Số bạn nam | 2 | 3 | 10 | 5 |   - GV đưa ra nhận xét như SGK:  Để đảm bảo tính hợp lí, dữ liệu cần phải đáp ứng đúng các tiêu chí toán học đơn giản chẳng hạn như:  + Tổng tỉ lệ phần trăm của tất cả thành phần phải là 100%.  + Số lượng của bộ phận phải nhỏ hơn số lượng của toàn thể.  + phải có tính đại diện đối với vấn đề thống kê.  - HS đọc lại nhận xét.  - HS đọc ví dụ 3 SGK trang 93.  - HS thảo luận cặp đôi làm thực hành 4 và vận dụng 2:  \* Thực hành 4: Xét tính hợp lí của dữ liệu trong bảng thống kê sau:   |  |  | | --- | --- | | Tỉ lệ phần trăm các loại sách trong tỉ sách lớp 7A | | | Loại sách | Tỉ lệ phần trăm | | Sách tiểu sử danh nhân | 20% | | Sách truyện tranh | 18% | | Sách tham khảo | 30% | | Sách dạy kĩ năng sống | 12% | | Các loại sách khác | 40% | | Tổng | 120% |   \* Vận dụng 2:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số con vật được nuôi tại trang trại B | | | | Loại con vật được nuôi | Số lượng | Tỉ lệ phần trăm | | Bò | 173 | 20% | | Lợn | 144 | 40% | | Gà | 43 | 13% | | Tổng | 360 | 100% |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao (hoạt động cặp đôi)  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận định lại kiến thức. | **3. Tính hợp lí của dữ liệu.**  \* HĐKP 3:  a) Tính chưa hợp lí: số học sinh tham gia chạy việt dã của lớp 7A2 là 40 bạn trong khi sĩ số lớp chỉ có 32 bạn. (vượt quá sĩ số của lớp)  b) Tính chưa hợp lí:  - Tỉ lệ phần trăm của học sinh xếp loại tốt là 110% đã vượt quá tổng thể là 100%.  - Tổng thể về tỉ lệ phần trăm phải là 100% chứ không phải là 200%.  c) Tính chưa hợp lí: Không thể dùng dữ liệu ở bảng thống kê này đại diện được cho sở thích đối môn bóng đá của tất cả các bạn học sinh lớp 7A được vì còn thiếu dữ liệu về học sinh nữ của lớp.  \* Thực hành 4: Điểm chưa hợp lí là:  - Tỉ lệ phần trăm của tổng thể 120% vượt quá 100%.  \* Vận dụng 2: Tính chưa hợp lí là:  Tỉ lệ phần trăm của con gà so với tổng thể 13% là chưa đúng. Trong khi cả bò và lợn là 88% vậy thì gà phải chếm 12% so với tổng thể. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức về chứng tỏ tính chưa hợp lí của dữ liệu.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm bài tập sau: Xét tính hợp lí của dữ liệu trong bảng thống kê sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số cây được trồng trong nhà vườn C | | |
| Loại cây được trồng | Số lượng | Tỉ lệ phần trăm |
| Sầu riêng | 50 | 15% |
| Măng cụt | 150 | 38% |
| Chôm chôm | 200 | 50% |
| Tổng | 400 | 103% |

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Giải: Tính chưa hợp lí của dữ liệu trong bảng thống kê trên là:

- Tổng các tỉ lệ phần trăm các loại cây phải là 100% chứ không phải là 103%.

- Số lượng sầu riêng là 50 trong khi tổng thể là 400 thì tỉ lệ phần trăm của sầu riêng so với tổng thể là 12,5% chứ không phải là 15%. Tương tự của măng cụt chính xác là 37,5%.

**d) Tổ chức thực hiện**

- **GV** giao yêu cầu cho HS như mục nội dung.

- **HS** làm bài tập vào vở. **GV** quan sát, nhắc nhở **HS** tập trung làm bài.

- **GV** chữa bài tập, thảo luận và kết luận.

**D. VẬN DỤNG:**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập liên quan.

**b)Nội dung:** HS thực hiện làm bài tập 3 SGK trang 94: Kết quả tìm hiểu khả năng tự nấu ăn của các bạn học sinh lớp 7B được cho bởi bảng thống kê sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khả năng tự nấu ăn | Không đạt | Đạt | Giỏi | Xuất sắc |
| Số bạn nữ tự đánh giá | 2 | 10 | 5 | 3 |

a// Hãy phân loại các dữ liệu có trong bảng trên dựa trên tiêu chí đinh tính và định lượng.

b// Dữ liệu trên có đại diện được cho khả năng tự nấu ăn của các bạn học sinh lớp 7B hay không?

**c) Sản phẩm:** Kết quả bài làm của HS được ghi vào vở:

Giải:

a// Phân loại dữ liệu:

- Khả năng tự nấu ăn: Không đạt, đạt, giỏi, xuất sắc là dữ liệu định tính.

- Số bạn nữ tự đánh giá: 2; 10; 5; 3 là dữ liệu định lượng.

b// Dữ liệu trong bảng thống kê trên không thể đại diện được cho khả năng tự nấu ăn của các bạn lớp 7B được bởi còn thiếu thông tin dữ liệu học sinh nữ của lớp 7B

**Hướng dẫn tự học**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Ghi nhớ các góc đối đỉnh, tiên đề euclid, dấu hiệu nhận biết đường thẳng song song, tính chất hai đường thẳng song song.

- Chuẩn bị bài mới: B

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 27: BÀI 2: BIỂU ĐỒ HÌNH QUẠT TRÒN**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Nhận biết được ý nghĩa và công dụng của biểu đồ hình quạt tròn.

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trong biểu đồ hình quạt tròn.

- Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn.

- Rèn kĩ năng đọc biểu đồ hình quạt tròn.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Học sinh **c**ó cơ hội phát triển:

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.

- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn

**-** Rèn luyện sự chăm chỉ:Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu

**-** Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, compa.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng, compa để vẽ biểu đồ tròn

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** trả lời câu hỏi về lựa chọn loại biểu đồ thích hợp, gợi động cơ vào bài mới.

**b) Nội dung: HS** trả lời câu hỏi sau: Trong các loại biểu đồ (biểu đò tranh, biểu đồ cột và biểu đồ hình quạt tròn), loại biểu đồ nào thích hợp để biểu diễn bảng số liệu thống kê dưới đây?

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉ lệ phần trăm xếp loại học lực học sinh lớp 7A | | | | | |
| Loại | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt | Tổng |
| Tỉ lệ | 10% | 55% | 30% | 5% | 100% |

**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS: Loại biểu đồ thích hợp để biểu diễn bảng số liệu thống kê ở trên là biểu đồ hình quạt tròn.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS đọc đề và trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn, gợi mở kiến thức nếu HS gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề đặt ra.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những HS có câu trả lời đúng.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Làm sao để biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn? Chúng ta cùng tìm hiểu qua tiết học hôm nay nhé.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Ôn tập về biểu đồ hình quạt tròn.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh có cơ hội được ôn tập về biểu đồ hình quạt tròn. Nêu được ba đối tượng trên biểu đồ: tên biểu đồ, các đối tượng và tỉ lệ phần trăm của các đối tượng.

**b) Nội dung:** Học sinh tìm hiểu về tính hợp lí của dữ liệu và thực hiện theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thực hiện HĐKP 1: Biểu đồ bên cho ta biết các thông tin gì?    - Gv giới thiệu về biểu đồ hình quạt tròn: Để biểu thị tỉ lệ phần trăm của từng loại số liệu so với toàn thể ta dùng biểu đồ hình quạt tròn. Đó là biểu đồ có dạng hình tròn được chia thành các hình quạt. Tỉ số diện tích của từng hình quạt so với cả hình tròn biểu thị tỉ lệ phần trăm của từng số liệu tương ứng.  - HS đọc cách đọc biểu đồ hình quạt tròn như SGK nêu.  - HS đọc ví dụ SGK trang 96.  - HS thực hiện hoạt động thực hành 1:  \* Thực hành 1: Hãy đọc các thông tin từ biểu đồ bên và lập bảng thống kê tương ứng.    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao (hoạt động cặp đôi)  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận và nhấn manh: Biều đồ hình quạt tròn thường được dùng để biểu thị tỉ lệ phần trăm của từng loại số liệu so với tổng thể, | **1. Ôn tập về biểu đồ hình quạt tròn.**  \* HĐKP 1: Biểu đồ cột hình bên cho ta biết thông tin về “Tỉ lệ phần trăm thành phần của đất tốt cho cây trồng” cụ thể:  - Không khí chiếm 30%  - Nước: 30%  - Chất khoáng: 35%.  - Chất mùn: 5%  \* Để đọc biểu đồ hình quạt tròn ta thực hiện như sau:  - Xác định số đối tượng được biểu thih bằng cách đếm số hình quạt có trong hình tròn đó.  - Đọc ghi chú của biểu đồ để viết tên các đối tượng.  - Xác định tỉ lệ phần trăm của từng đối tượng so với toàn thể bằng cách đọc số ghi trên biểu đồ.  \* Thực hành 1:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tỉ lệ phần trăm học sinh tham gia các môn thể thao khối 7 | | | | | | | Các môn thể thao | Cầu lông | Đá cầu | Bóng đá | Bóng bàn | Bơi lội | | Tỉ lệ | 15% | 25% | 30% | 10% | 20% | |

**Hoạt động 2: Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh nắm nắm được các bước để biểu diễn thông tin từ bảng thống kê vào biểu đồ hình quạt tròn.

**b) Nội dung:** Học sinh tìm hiểu các biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn và thực hiện theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thực hiện HĐKP 2:  Hãy tính tỉ lệ phần trăm học sinh các loại và so sánh kết quả tính được với giá trị tương ứng ghi trên biểu đồ.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Xếp loại học lực HS khối 7 | | | | | | Loại | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt | | Số HS | 36 | 162 | 90 | 72 |     + Qua bài tập trên hãy cho biết các bước để biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn.  - HS nêu các bước biểu diễn thông tin từ bảng thống kê vào biểu đồ hình quạt tròn.  - HS thảo luận cặp đôi tìm hiểu ví dụ 2 SGK trang 97; 98.  - HS thực hiện hoạt dộng thực hành 2: Hãy biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê sau đây vào biểu đồ 1   |  |  | | --- | --- | | Chi phí sinh hoạt một tháng của gia đình bạn A | | | Mục chi tiêu | Chi phí (đồng) | | Ăn uống | 4 000 000 | | Giáo dục | 2 500 000 | | Điện nước | 1 500 000 | | Các khoản khác | 2 000 000 |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao (hoạt động cặp đôi)  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận và nhấn manh: Biều đồ hình quạt tròn thường được dùng để biểu thị tỉ lệ phần trăm của từng loại số liệu so với tổng thể, | **2. Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn.**  \* HĐKP 2:  Tính tỉ lệ phần trăm học sinh các loại:  + Loại tốt: (36 : 360).100% = 10%  + Loại khá: (162:360).100% = 45%  + Loại đạt: (90:360).100% =25%  + Loại chưa đạt: (72:360).100% = 20%  So sánh: Kết quả tính được với giá trị tương ứng trên biểu đồ là giống nhau.  \* Các bước biểu diễn thông tin từ bảng thống kê vào biểu đồ hình quạt tròn:  Bước 1: Xử lí số liệu  - Tính tổng các số liệu.  - Tính tỉ lệ phần trăm của từng so liệu so với toàn thể.  Bước 2: Biểu diễn số liệu  - Ghi tên biểu đồ.  - Ghi chú tên các đối thượng.  - Ghi chú các tỉ lệ phần trăm trên biểu đồ.  \* Thực hành 2:  Bước 1: Xử lí số liệu  - Tổng các chi phí: 4 000 000 + 2 500000 +1500000+2000000 = 10 000 000 (đồng)  - Tỉ lệ phần trăm của từng số liệu so với toàn thể:    Bước 2:  - Ghi tên biểu đồ: Tỉ lẹ phần trăm chi phí sinh hoạt một tháng của gia đình bạn A.  - Ghi chú tên các đối tượng và tỉ lệ phần trăm trên biểu đồ:  Ăn uống: 40%;  Giáo dục: 25%  Điện nước: 15%  Các khoản khác: 20% |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG:**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê vào biểu đồ hình quạt tròn.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu hoạt động vận dụng 1 SGK trang 99: Hãy biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê sau đây vào biểu đồ 2:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thống kê số tiết học các phần của môn Toán 7 | | | | |
| Phần | Số và Đại số | Hình học và đo lường | Một số yếu tố thống kê và xác suất | Hoạt động thực hành và trải nghiệm |
| Số tiết học | 60 | 50 | 20 | 10 |

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Giải:

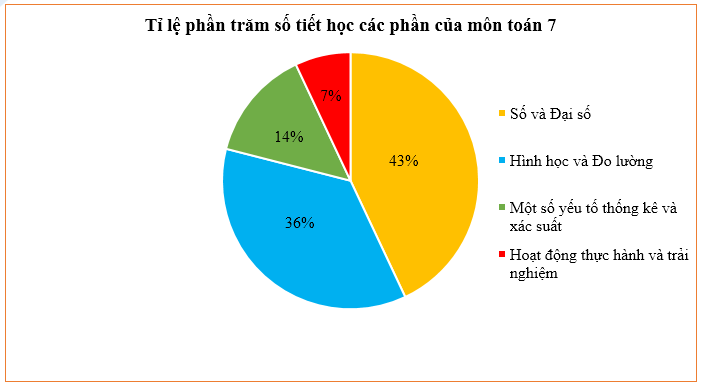
- Tổng số các dữ liệu: 60 + 50 + 20 + 10 = 140

- Tỉ lệ phần trăm của từng số liệu so với tổng thể:



- Đặt tên biểu đồ là: Tỉ lệ phần trăm số tiết học các phần của môn Toán 7.

- Ghi chú: Số và Đại số: 43%, Hình học và đo lường: 36%; Một số yếu tố thống kê và xác suất: 14%; Hoạt động trai nghiệm và thực hành: 7%



**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở. GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm bài tập 1; 2 SGK trang 98; 99 .

**Tuần 15**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 28: BÀI 2: BIỂU ĐỒ HÌNH QUẠT TRÒN (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Nhận biết được ý nghĩa và công dụng của biểu đồ hình quạt tròn.

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trong biểu đồ hình quạt tròn.

- Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn.

- Biết phân tích và xử lí dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Học sinh **c**ó cơ hội phát triển:

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.

- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn

**-** Rèn luyện sự chăm chỉ:Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu

**-** Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, compa.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng, compa để vẽ biểu đồ tròn

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

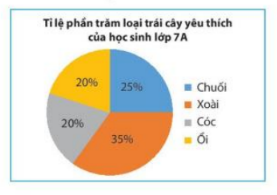
- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** được kiểm tra kiến thức về đọc biểu đồ hình quạt tròn, gợi động cơ vào bài mới.

**b) Nội dung: HS** trả lời câu hỏi sau: Quan sát các thông tin từ biểu đồ sau và trả lời các câu hỏi:



Câu 1: Biểu đồ trên biểu diễn thông tin về vấn đề gì?

Câu 2: Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?

Câu 3: Tỉ lệ phần trăm của mỗi đối tượng so với toàn thể là bao nhiêu?

**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS:

Câu 1: Biểu đồ trên biểu diễn thông tin về “Tỉ lệ phần trăm loại trái cây yêu thích của học sinh lớp 7A”.

Câu 2: Có bốn đỗi tượng được biểu diễn đó là: Chuối, xoài, cóc, ổi.

Câu 3: Tỉ lệ phần trăm của mỗi đối tượng so với toàn thể là:

+ Chuối: 25%

+ Xoài: 35%

+ Cóc: 20%.

+ Ổi: 20%.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS đọc đề và trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn, gợi mở kiến thức nếu HS gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề đặt ra.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những HS có câu trả lời đúng.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Tiết trước các em đã biết biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn. Vậy khi cho một biểu đồ hình quạt tròn ta sẽ phân tích dữ liệu trên biểu đồ đó như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua mục tiếp theo của bài 2 nhé.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Phân tích dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh biết phân tích và xử lí dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn.

**b) Nội dung:** Phân tích dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

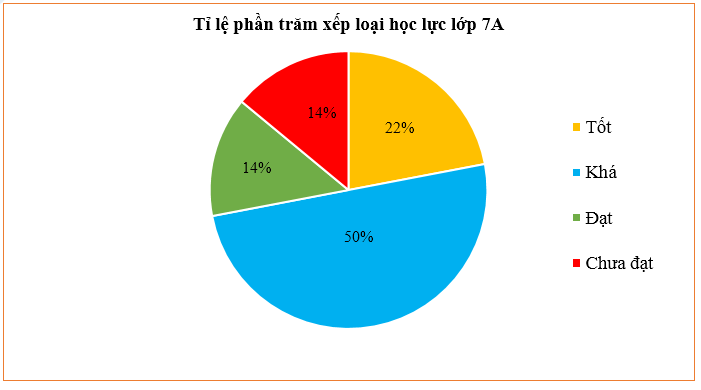
**d) Hình thức tổ chức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu các chú ý khi phân tích dữ liệu được biểu diễn trên biểu đồ hình quạt tròn:  + Biểu đồ biểu diễn thông tin về vấn đề gì?  + Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?  + Đối tượng nào chiếm tỉ lệ phần trăm cao nhất?  + Đối tượng nào chiếm tỉ lệ phần trăm thấp nhất?  + Tương quan về tỉ lệ phần trăm giữa các đối tượng.  - HS đọc ví dụ 3 SGK trang 99:  + Biểu đồ biểu diễn thông tin về vấn đề gì?  + Có mấy thể loại phim được chọn?  + Phim nào có tỉ lệ cao nhất?  + Phim nào có tỉ lệ yêu thích thấp nhất?  \* Thực hành 3: Hãy phân tích dữ liệu được biểu diễn trên biểu đồ sau:    \* Vận dụng 2: Dựa theo sự phân tích biểu đồ trên, trong buổi liên hoan cuối năm lớp 7A nên mua những loại nước uống gì? Loại nào nên mua nhiều nhất?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận định lại kết quả các hoạt động | **3. Phân tích dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn.**  \* Ví dụ 3:    + Biểu đồ trên biểu diễn các thông tin về thể loại phim yêu thích của 80 học sinh khối lớp 7.  + Có 4 thể loại phim được HS chọn: Phim hài; phim hoạt hình; phim phiêu lưu, mạo hiểm; phim hình sự.  + Phim hài có tỉ lệ yêu thích cao nhất.  + Phim hoạt hình có tỉ lệ yêu thích thấp nhất  + Hai thể loại phim phiêu lưu, mạo hiểm và phim hình sự được HS yêu thích tương đương nhau.  \* Thực hành 3:  - Biểu đồ bên biểu diễn thông tin về loại nước yêu thích của học sinh lớp 7A.  - Có 5 loại nước uống được học sinh yêu thích: Nước chanh, nước cam, nước suối, trà sữa, sinh tố.  - Trà sữa có tỉ lệ yêu thích cao nhất.  - Nước chanh và nước cam có tỉ lệ yêu thích thấp nhất.  - Có hai loại nước uống là nước suối và sinh tố được học sinh yêu thích tương đương nhau.  \* Vận dụng 2: Lớp 7A nên mua nước suối, trà sữa và sinh tố. Trà sữa nên mua nhiều nhất. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP :**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để phân tích và xử lí dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm bài tập 3 SGK trang 101: Hãy phân tích dữ liệu được biểu diễn trên sơ đồ sau:



**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Giải:

+ Biểu đồ trên biểu diễn các thông tin về xếp loại học lực lớp 7A.

+ Có 4 loại học lực: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

+ Học lực “khá” có tỉ lệ cao nhất.

+ Hai loại học lực đạt và chưa đạt có tỉ lệ phần trăm thấp nhất và tương đương nhau.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở.

- GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

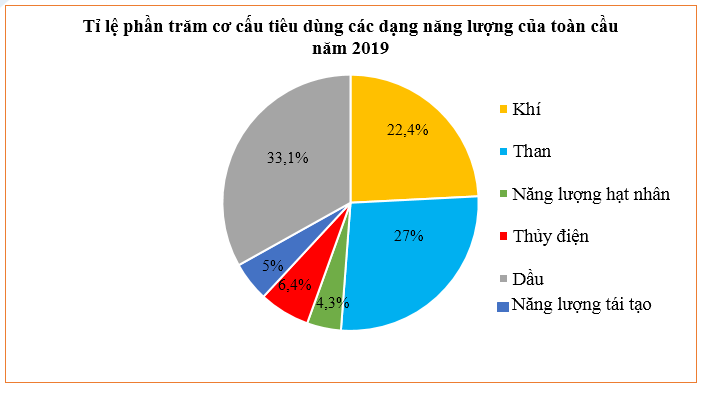
**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để phân tích và xử lí dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn, tích hợp giáo dục kĩ năng sống.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm bài tập sau:

Cho biểu đồ hình quạt tròn như hình dưới:

- Hãy phân tích dữ liệu được biểu diễn trên biểu đồ.

- Hãy nêu hậu quả xấu cho môi trường do việc nhân loại tiếp tục sử dụng năng lượng hóa thạch (bao gồm than, dầu và khí)



**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Giải:

- Phân tích dữ liệu trên biểu đồ:

+ Biểu đồ trên biểu diễn thông tin về cơ cấu tiêu dùng các dạng năng lượng của toàn cầu năm 2019.

+ Có 6 loại năng lượng tiêu dùng: Dầu, khí, than, năng lượng hạt nhân, thủy điện, năng lượng tái tạo.

+ Tỉ lệ sử dụng dầu chiếm cao nhất,

+ Tỉ lệ dùng năng lượng hạt nhân thấp nhất.

+ Khí và than có tỉ lệ sử dụng tương đương nhau.

- Việc nhân loại tiếp tục sử dụng quá nhiều năng lượng hóa thạch đã gây ra ô nhiễm môi trường: chẳng hạn như các nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng đã xả khói bụi vào không khí làm ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở. GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm lại bài tập 2; 3 SGK trang 98; 99 .

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 29+30: BÀI 2: LUYỆN TẬP BIỂU ĐỒ HÌNH QUẠT TRÒN.**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Củng cố các kiến thức về đọc và mô tả thông tin trên biểu đồ hình quạt tròn; biểu diễn được thông từ bảng thống kê vào biểu đồ hình quạt tròn; phân tích dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn.

**2. Về năng lực:**

- Học sinh **c**ó cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết các vấn đề toán học thông qua việc giải quyết vấn đề thực tiễn, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học thông qua việc hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

**3. Về phẩm chất:**

Rèn luyện tính trung thực, chăm chỉ, tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, compa.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng, compa để vẽ biểu đồ tròn

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

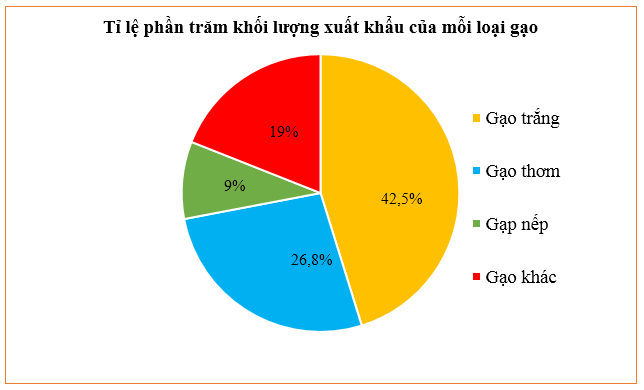
- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** được kiểm tra kiến thức về phân tích dữ liệu trên biều đồ hình quạt tròn.

**b) Nội dung: HS** trả lời câu hỏi sau: Hãy phân tích dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn dưới đây.



**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS được trình bày vào bảng nhóm:

- Biểu đồ trên biểu diễn thông tin về khối lượng xuất khẩu của mỗi loại gạo.

- Có 4 loại gạo xuất khẩu: gạo trắng, gạo thơm, gạo nếp, gạo khác.

- Gạo trắng chiếm tỉ lệ xuất khẩu cao nhất.

-Gạo nếp chiếm tỉ lệ xuất khẩu thấp nhất.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS đọc đề, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi vào bảng nhóm.

GV hướng dẫn, gợi mở kiến thức nếu HS gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề đặt ra.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những nhóm HS có câu trả lời đúng.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Để củng cố các kiến thức về biểu đồ hình tròn. Tiết này chúng ta cùng luyện tập.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG:**

**a) Mục tiêu**: Học sinh củng cố kiến thức về biểu đồ hình quạt tròn.

**b) Nội dung:** Luyện tập

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS thực hiện giải các bài toán sau:  **\* Bài 1/SGK 100:** Quang sát Hình 9,  a) Biểu đồ biểu diễn thông tin về vấn đề gì?  b) Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?  c) Tỉ lệ phần trăm của mỗi đối tượng so với toàn thể là bao nhiêu?    **Bài 2/SGK T101:** Hãy biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê sau đây vào biểu đồ 3:   |  |  | | --- | --- | | **Tỉ lệ ngân sách cấp cho các dự án bảo vệ môi trường của thành phố H** | | | **Dự án** | **Tỉ lệ ngân sách** | | Xử lí chất thải sinh hoạt | 50% | | Xử xí chất thải công nghiệp và nguy hại | 40% | | Phương tiện thu gom và vận chuyển chất thải | 10% |   **Bài tập 3:** Hãy phân tích dữ liệu có trên biểu đồ hình quạt tròn dưới đây:    **Bài tập 4: :** Biểu đồ hình quạt tròn dưới đây biểu diễn kết quả chọn loại quả yêu thích nhât trong năm loại quả: táo, chuối, lê, dưa hấu, cam của 360 học sinh khối 7 một trường THCS.    a) Lập bảng thống kê tỉ lệ học sinh yêu thích mỗi loại.  b) Lập bảng thống kê số học sinh yêu thích mỗi loại.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận định lại kết quả các bài tập đã giao. | **Luyện tập:**  **\* Bài 1/SGK T100:** Giải:  a) Biểu đồ bên biểu diễn thông tin về loại trái cây yêu thích của học sinh lớp 7A.  b) Có 4 loại trái cây được học sinh lớp 7A yêu thích: Chuối, xoài, cóc, ổi  c) Tỉ lệ phần trăm của từng đối tượng so với toàn thể:  - Chuối: 25%.  - Xoài: 35%.  - Cóc: 20%.  - Ổi: 20%.  **\* Bài 2/SGK T101:** Giải:    **Bài tập 3: Giải**  Phân tích dữ liệu:  - Biểu đồ bên biểu diễn thông tin về việc chọn môn thể thao yêu thích của học sinh lớp 7A.  - Có 4 môn thể thao được chọn: cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá.  - Môn bóng đá có tỉ lệ được chọn cao nhất.  - Môn bóng bàn có tỉ lệ chọn thấp nhất.  - Hai môn bóng chuyền và cầu lông có tỉ lệ chọn tương đương nhau.  **Bài 7/SGK T75:**  a) Bảng thống kê tỉ lệ học sinh yêu thích mỗi loại   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Loại quả | Táo | Chuối | Lê | Dưa hấu | Cam | | Tỉ lệ % | 20% | 15% | 10% | 30% | 25% |   b) Ta có:  - Số HS chọn táo là: 20% . 360 = 72 (bạn)  - Số HS chọn chuối là: 15% . 360 = 54 (bạn)  - SỐ HS chọn lê là: 10% . 360 = 36 (HS)  - Số HS chọn dưa hấu là: 30% . 360 = 108 (bạn) và còn lại 90 bạn chọn cam.  Bảng thống kê số học sinh yêu thích mỗi loại:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Loại quả | Táo | Chuối | Lê | Dưa hấu | Cam | | Số HS | 72 | 54 | 36 | 108 | 90 | |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 31: BÀI 3: BIỂU ĐỒ ĐOẠN THẲNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Nhận biết được ý nghĩa và công dụng của biểu đoạn thẳng.

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trong biểu đồ đoạn thẳng.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Học sinh **c**ó cơ hội phát triển:

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.

- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn

**-** Rèn luyện sự chăm chỉ:Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu

**-** Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** có cơ hội được trai nghiệm, thảo luận về vai trò của biểu đồ đoạn thẳng trong việc biểu diễn sự biến thiên của dữ liệu theo thời gian, thu hút học sinh vào bài mới.

**b) Nội dung: HS** trả lời câu hỏi sau: Hãy nêu nhận xét của em về sự tăng hoặc giảm của số liệu theo thời gian trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm toán của bạn Tú trong 5 tuần liên tiếp** | | | | | |
| Tuần | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Điểm | 8 | 6 | 6 | 9 | 10 |

**c) Sản phẩm:** Đây là câu hỏi mở nên tất cả các câu tra lời của học sinh đều được ghi nhận: có thể theo ý như sau: Điểm toán của bạn Tú có giảm vào hai tuần tiếp theo nhưng lại tăng lên ở hai tuần sau.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ GV nêu câu hỏi.

+ HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

+ Gv nhận xét các câu trả lời của HS.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những HS có câu trả lời đúng.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Với các số liệu có trong bảng trên thì chúng ta không nên dùng biểu đồ hình quạt tròn để biểu diễn mà ta nên dùng biểu đồ đoạn thẳng. Các em cùng tìm hiểu qua tiết học hôm nay.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Giới thiệu biểu đồ đoạn thẳng.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh nhận biết được ý nghĩa và công dụng của biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** Giới thiệu về biểu đồ đoạn thẳng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thực hiện HĐKP 1:    + Em hãy cho biết số li bán được lần lượt trong các ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm?  + Số liệu vừa đọc được tăng hay giảm?  - GV giới thiệu biểu đồ trên gọi là biểu đồ đoạn thẳng.  + Biểu đồ trên gồm mấy trục?  Gồm hai trục là trục nằm ngang và trục thẳng đứng.  + Trục ngang biểu diễn đại lượng nào? Trục thẳng đứng biểu diễn cái gì?  Trục ngang biểu diễn các mốc thời gian là các ngày trong tuần, trục thẳng đứng biểu diễn số li bán được theo các ngày.  + Các đoạn thẳng có gì đặc biệt?  Các đoạn thẳng nối nhau tạo thành một đường gấp khúc.  - Biểu đồ đoạn thẳng được sử dụng khi nào?  Biểu đồ đoạn thẳng thường được dùng để biểu diễn sự thay đổi số liệu của một số đối tượng qua thời gian.  - HS đọc và ghi nhận xét SGK trang 102.  - HS xét ví dụ 1: Hãy lập bảng thống kê dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng ở HĐKP 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao. (ví dụ 1 hoạt động cặp đôi)  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận mạnh: Biểu đồ đoạn thẳng thường được sử dụng để biểu diễn sự thay đổi số liệu của một số đối tượng theo thời gian. | **1. Giới thiệu về biểu đồ đoạn thẳng**  \* HĐKP 1:  + Số li bán được trong các ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm là: 35; 20; 35  + Các số liệu vừa đọc giảm rồi lại tăng lên.  \* Nhận xét: Để biểu diễn sự thay đổi số liệu của một đối tượng theo thời gian, người ta thường dùng biểu đồ đoạn thẳng  Biểu đồ đoạn thẳng gồm:  - Hai trục vuông góc: trục ngang biểu diễn các mốc thời gian, trục thẳng đứng biểu diễn độ lớn của dữ liệu.  - Các đoạn thẳng nối nhau tạo thành một đường gấp khúc cho ta thấy sự thay đổi của dữ liệu theo các mốc thời gian.  \* Ví dụ 1:   |  |  | | --- | --- | | Số li trà sữa bán được của tiệm Trân Châu | | | **Ngày** | Số li trà sữa | | Chủ nhật | 50 | | Thứ hai | 42 | | Thứ ba | 35 | | Thứ tư | 20 | | Thứ năm | 35 | | Thứ sáu | 48 | | Thứ bảy | 62 | |

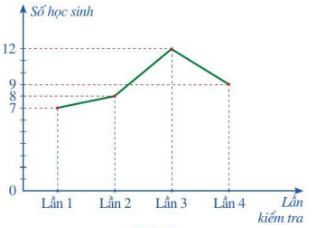
**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP :**

**a) Mục tiêu:** HS được luyện tập kiến thức lập bảng thống kê dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu bài tập sau: Biểu đồ dưới đây biểu diễn số học sinh đạt điểm giỏi trong 4 lần kiểm tra môn Toán của lớp 7A: lần 1, lần 2, lần 3, lần 4. Quan sát và trả lời các câu hỏi sau:

- Biểu đồ bên là biểu đồ gì?

- Lập bảng thống kê số học sinh đạt điểm giỏi trong từng lần kiểm tra môn Toán lớp 7A.



- Số học sinh đạt điểm giỏi của lần hai như thế nào so với lần 3; lần 3 như thế nào so với lần 4?

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Giải:

- Biểu đồ trên là biểu đò đoạn thẳng.

- Bảng thống kê dữ liệu:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số học sinh đạt điểm giỏi trong bốn lần kiểm tra môn toán lớp 7A | | | | |
| Số lần | Lần 1 | Lần 2 | Lần 3 | Lần 4 |
| Số học sinh đạt điểm giỏi | 7 | 8 | 12 | 9 |

- Số học sinh đạt điểm giỏi của lần hai so với lần ba tăng từ 8 học sinh lên 12 học sinh;

- Số học sinh đạt điểm giỏi của lần lần 3 so với lần 4 giảm từ 12 học sinh xuống còn 9 học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

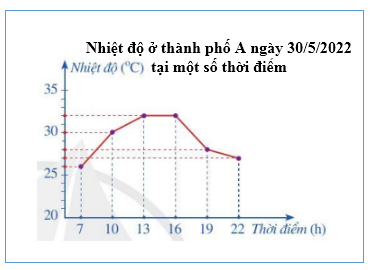
- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở.

- GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học lập bảng thống kê dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu bài tập sau: Em hãy quan sát biểu đồ đoạn thẳng dưới đây và cho biết:



- Nhiệt độ ở thành phố A ngày 30/5/2022 lúc 10 giờ như thế nào so với lúc 13 giờ?

- Nhiệt độ ở thành phố A ngày 30/5/2022 lúc 19 giờ như thế nào so với lúc 22 giờ?

- Nhiệt độ ở thành phố A ngày 30/5/2022 lúc 13 giờ như thế nào so với lúc 16 giờ?

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS**:

Giải:

- Nhiệt độ ở thành phố A ngày 30/5/2022 lúc 10 giờ so với lúc 13 giờ tăng từ 300C đến 320C.

- Nhiệt độ ở thành phố A ngày 30/5/2022 lúc 19 giờ so với lúc 22 giờ giảm từ 280C xuống 270C

- Nhiệt độ ở thành phố A ngày 30/5/2022 lúc 13 giờ đến 16 giờ ngang bằng nhau là 320C.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở. GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm lại bài tập đã cho ở lớp .

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 31: BÀI 3: BIỂU ĐỒ ĐOẠN THẲNG (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Nhận biết được ý nghĩa và công dụng của biểu đoạn thẳng.

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trong biểu đồ đoạn thẳng.

- Học sinh được làm quen với các bước vẽ một biểu đồ đoạn thẳng từ bảng thống kê dữ liệu.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Học sinh **c**ó cơ hội phát triển:

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.

- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn

**-** Rèn luyện sự chăm chỉ:Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu

**-** Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** được kiểm tra kiến thức về công dụng của biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung: HS** trả lời câu hỏi sau: Em hãy nêu ý nghĩa và công dụng của biểu đồ đoạn thẳng. Biểu đồ đoạn thẳng gồm những phần nào?

**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của học sinh:

Biểu đồ đoạn thẳng thường được dung để biểu diễn sự thay đổi số liệu của một đối tượng theo thời gian.

Biểu đồ đoạn thẳng gồm:

- Hai trục vuông góc: trục ngang biểu diễn các mốc thời gian, trục thẳng đứng biểu diễn độ lớn của dữ liệu.

- Các đoạn thẳng nối nhau tạo thành một đường gấp khúc cho ta thấy sự thay đổi của dữ liệu theo các mốc thời gian.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ GV nêu câu hỏi.

+ HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

+ Gv nhận xét các câu trả lời của HS.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những HS có câu trả lời đúng.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Với các thành phần như thế, để vẽ một biểu đồ đoạn thẳng cần thực hiện qua những bước nào? Các em cùng tìm hiểu qua mục 2 của bài học nhé.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh được làm quen với các bước vẽ một biểu đồ đoạn thẳng từ bảng thống kê dữ liệu.

**b) Nội dung:** Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS các bước vẽ biểu đồ đoạn thẳng như SGK trình bày trang 103.  + Bước 1: Vẽ hai trục ngang và thẳng đứng vuông góc với nhau.  Trục ngang: ghi các mốc thời gian.  Trực thẳng đứng: chọn khoảng chia thích hợp với số liệu ở các vạch chia.  + Bước 2:  Tại mỗi mốc thời gian trên trục ngang, đánh dấu một điểm cách điểm mốc thời gian theo chiều thẳng đứng một khoảng bằng số liệu tại thời gian đó, tương ứng với khoảng chia trên trục thẳng đứng.  Vẽ đoạn thẳng nối từng cặp điểm tương ứng với mỗi cặp thời gian liên tiếp để được một đường gấp khúc.  + Bước 3: Ghi tên biểu đồ, ghi chú các số liệu, ghi đơn vị ở hai trục.  - HS thực hiện ví dụ 2 vào vở:  Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu trong bảng thống kê dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | Ngày | Số chai nhựa lớp 7A thu gom được | | Thứ Hai | 62 | | Thứ Ba | 80 | | Thứ Tư | 92 | | Thứ Năm | 70 | | Thứ Sáu | 40 | | Thứ Bảy | 105 | | Chủ Nhật | 168 |   - Trong các đoạn thẳng tạo thành từ đường gấp khúc trong biểu đồ ở ví dụ 2, em hãy cho biết:  a) Đoạn nào dốc lên, đoạn nào dốc xuống?  b) Ngày nào lớp 7A thu gom được trên 100 chai nhựa?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo sản phẩm học tập của mình: biểu đồ đoạn thẳng ở ví dụ 2.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá sản phẩm vẽ biểu đồ của các bạn.  - GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận đinh kiến thức trọng tâm. | **2. Vẽ biểu đồ đoạn thẳng**  \* Vẽ biểu đồ đoạn thẳng ở ví dụ 1:    \* Ví dụ 2:    Trong các đoạn thẳng tạo thành từ đường gấp khúc trong biểu đồ ở trên:  a) Đoạn từ Thứ Hai đến Thứ Tư, Thứ Sáu đến Chủ nhật là dốc lên, đoạn từ Thứ Tư đến Thứ Sáu là dốc xuống.  b) Không có ngày nào lớp 7A thu gom được 100 chai nhựa. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP :**

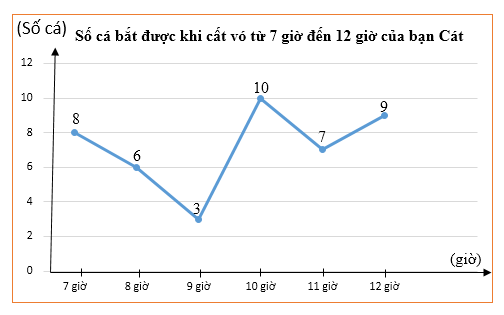
**a) Mục tiêu:** HS được luyện tập kiến thức vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu hoạt động thực hành 1 SGK trang 104: Bảng dữ liệu sau cho biết cá bắt được khi cất vó trong mỗi giờ từ 7 giờ đến 12 giờ của bạn Cát. Em hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn bảng dữ liệu này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Số cá bắt được khi cắt vó từ 7 giờ đến 12 giờ của bạn Cát** | |
| Giờ cắt vó | Số cá (con) |
| 7 giờ | 8 |
| 8 giờ | 6 |
| 9 giờ | 3 |
| 10 giờ | 10 |
| 11 giờ | 7 |
| 12 giờ | 9 |

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Giải:



**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở.

- GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

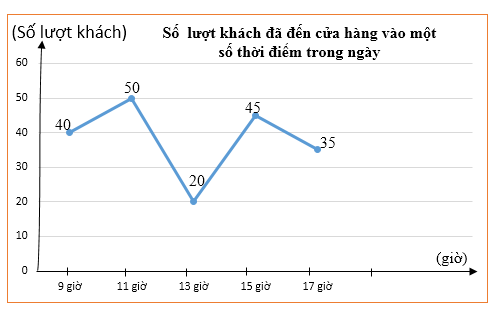
**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học lập giải bài tập liên quan về biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu bài tập sau: Để bố trí nhân viên phục vụ, quản lí của một cửa hàng đã tiến hành đếm số lượt khách đã đến cửa hàng đó vào một số thời điểm trong ngày. Kết quả kiểm đếm được cho trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời điểm (h) | 9 | 11 | 13 | 15 | 17 |
| Số lượt khách | 40 | 50 | 20 | 45 | 35 |

Hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu có trong bảng thống kê trên

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS**:



**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở. GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm lại bài tập 1 SGK trang 106 .

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 32: BÀI 3: BIỂU ĐỒ ĐOẠN THẲNG (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ đoạn thẳng.

- Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ đoạn thẳng.

- Biết phân tích và xử lí dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Học sinh **c**ó cơ hội phát triển:

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.

- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn

**-** Rèn luyện sự chăm chỉ:Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu

**-** Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** được kiểm tra kiến thức về các bước vẽ một biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung: HS** trả lời câu hỏi sau: Hãy nêu các bước để vẽ một biểu đồ đoạn thẳng?

**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của học sinh:

+ Bước 1: Vẽ hai trục ngang và thẳng đứng vuông góc với nhau.

Trục ngang: ghi các mốc thời gian.

Trực thẳng đứng: chọn khoảng chia thích hợp với số liệu ở các vạch chia.

+ Bước 2:

Tại mỗi mốc thời gian trên trục ngang, đánh dấu một điểm cách điểm mốc thời gian theo chiều thẳng đứng một khoảng bằng số liệu tại thời gian đó, tương ứng với khoảng chia trên trục thẳng đứng.

Vẽ đoạn thẳng nối từng cặp điểm tương ứng với mỗi cặp thời gian liên tiếp để được một đường gấp khúc.

+ Bước 3: Ghi tên biểu đồ, ghi chú các số liệu, ghi đơn vị ở hai trục.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ GV nêu câu hỏi.

+ HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

+ Gv nhận xét các câu trả lời của HS.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những HS có câu trả lời đúng.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Tiết trước chúng ta đã tìm hiểu về cách vẽ một biểu đồ đoạn thẳng. Để phân tích dữ liệu trên một biểu đồ đoạn thẳng cần lưu ý những điểm nào, chúng ta cùng nghiên cứu ở mục tiếp theo của bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh thực hànht đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu có trên biểu đồ đoạn thẳng, rèn kĩ năng diễn đạt.

**b) Nội dung:** Đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trình chiếu một số lưu ý khi đọc và phân tích dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng như SGK trình bày, HS đọc và ghi nhận kiến thức.  + Biểu đồ biểu diễn thông tin về vấn đề gì?  + Đơn vị thời gian là gì?  + Thời điểm nào số liệu cao nhất?  + Thời điểm nào số liệu thấp nhất?  + Số liệu tăng trong những khoảng nào?  + Số liệu giảm trong những khoảng nào?  - HS thực hành ví dụ 3/SGK trang 105: Hãy đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ sau:    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo sản phẩm học tập của mình: biểu đồ đoạn thẳng ở ví dụ 2.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá sản phẩm vẽ biểu đồ của các bạn.  - GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận đinh kiến thức trọng tâm. | **3. Đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng**  \* Ví dụ 3:  + Viểu đò biểu diễn thông tin về lượng mưa tại tỉnh Đăk Lawk trong 7 ngày đầu tháng 6 năm 2019.  + Đơn vị thời gian là ngày, đơn vị số liệu là mm.  + Ngày 3/6 lượng mưa cao nhất (12mm).  + Ngày 2/6 lượng mưa thấp nhất (2mm).  + Lượng mưa giảm dần giữa các ngày 1 – 2; 3 – 4; 5 – 6 ; 6 – 7  + Lượng mưa tăng giữa các ngày: 2 – 3; 4 – 5. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP :**

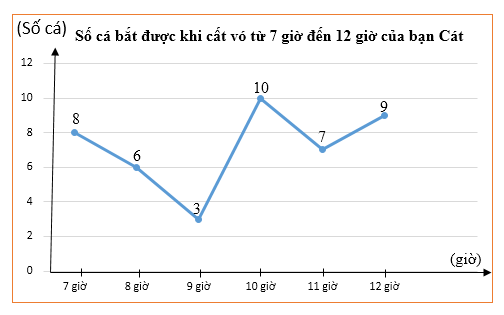
**a) Mục tiêu:** HS được luyện tập kiến thức vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu hoạt động thực hành 1 SGK trang 104: Bảng dữ liệu sau cho biết cá bắt được khi cất vó trong mỗi giờ từ 7 giờ đến 12 giờ của bạn Cát. Em hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn bảng dữ liệu này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Số cá bắt được khi cắt vó từ 7 giờ đến 12 giờ của bạn Cát** | |
| Giờ cắt vó | Số cá (con) |
| 7 giờ | 8 |
| 8 giờ | 6 |
| 9 giờ | 3 |
| 10 giờ | 10 |
| 11 giờ | 7 |
| 12 giờ | 9 |

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Giải:



**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở.

- GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

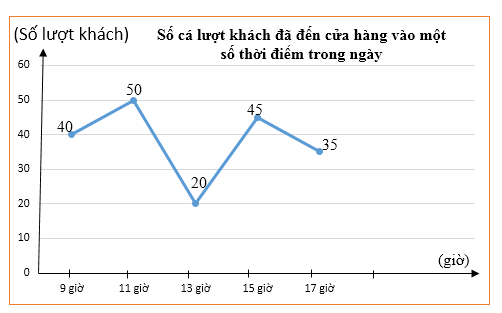
**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học lập giải bài tập liên quan về biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu bài tập sau: Để bố trí nhân viên phục vụ, quản lí của một cửa hàng đã tiến hành đếm số lượt khách đã đến cửa hàng đó vào một số thời điểm trong ngày. Kết quả kiểm đếm được cho trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời điểm (h) | 9 | 11 | 13 | 15 | 17 |
| Số lượt khách | 40 | 50 | 20 | 45 | 35 |

Hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu có trong bảng thống kê trên

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS**:



**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở. GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm lại bài tập 1 SGK trang 106 .

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 33: BÀI 3: BIỂU ĐỒ ĐOẠN THẲNG (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:** Sau tiết học này, các em cần:

- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ đoạn thẳng.

- Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ đoạn thẳng.

- Biết phân tích và xử lí dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Học sinh **c**ó cơ hội phát triển:

+ Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

+Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.

- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn

**-** Rèn luyện sự chăm chỉ:Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu

**-** Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** được kiểm tra kiến thức về các bước vẽ một biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung: HS** trả lời câu hỏi sau: Hãy nêu các bước để vẽ một biểu đồ đoạn thẳng?

**c) Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của học sinh:

+ Bước 1: Vẽ hai trục ngang và thẳng đứng vuông góc với nhau.

Trục ngang: ghi các mốc thời gian.

Trực thẳng đứng: chọn khoảng chia thích hợp với số liệu ở các vạch chia.

+ Bước 2:

Tại mỗi mốc thời gian trên trục ngang, đánh dấu một điểm cách điểm mốc thời gian theo chiều thẳng đứng một khoảng bằng số liệu tại thời gian đó, tương ứng với khoảng chia trên trục thẳng đứng.

Vẽ đoạn thẳng nối từng cặp điểm tương ứng với mỗi cặp thời gian liên tiếp để được một đường gấp khúc.

+ Bước 3: Ghi tên biểu đồ, ghi chú các số liệu, ghi đơn vị ở hai trục.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ GV nêu câu hỏi.

+ HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

+ Gv nhận xét các câu trả lời của HS.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những HS có câu trả lời đúng.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Tiết trước chúng ta đã tìm hiểu về cách vẽ một biểu đồ đoạn thẳng. Để phân tích dữ liệu trên một biểu đồ đoạn thẳng cần lưu ý những điểm nào, chúng ta cùng nghiên cứu ở mục tiếp theo của bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.**

**a) Mục tiêu**: Học sinh thực hành đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu có trên biểu đồ đoạn thẳng, rèn kĩ năng diễn đạt.

**b) Nội dung:** Đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

**d) Hình thức tổ chức:**

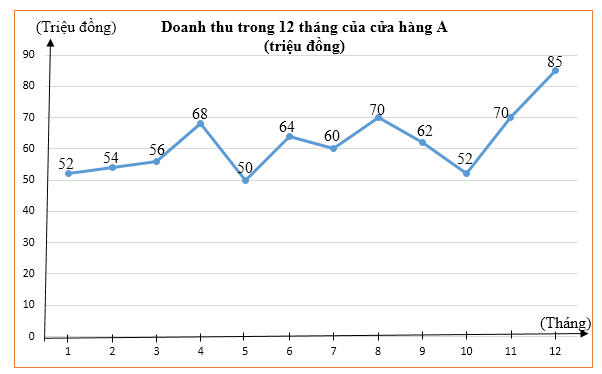
|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trình chiếu một số lưu ý khi đọc và phân tích dữ liệu trên biểu đồ đoạn thẳng như SGK trình bày, HS đọc và ghi nhận kiến thức.  + Biểu đồ biểu diễn thông tin về vấn đề gì?  + Đơn vị thời gian là gì?  + Thời điểm nào số liệu cao nhất?  + Thời điểm nào số liệu thấp nhất?  + Số liệu tăng trong những khoảng nào?  + Số liệu giảm trong những khoảng nào?  - HS thực hành ví dụ 3/SGK trang 105: Hãy đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ sau:    \* HS thực hiện hoạt động thực hành 2: Hãy phân tích biểu đồ đoạn thẳng sau:    \* Vận dụng 2: Nếu quy ước rằng lượng mưa của mỗi tháng trong mùa mưa phải trên 100mm, em hãy cho biết mùa mưa tại Thành phố Hồ Chí Minh thường bắt đầu từ tháng nào và đến tháng nào thì kết thúc?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ được giao, mỗi HS hoạt động cá nhân trả lời từng ý phân tích biểu đồ.  - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV cho HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của các bạn.  - GV đánh giá kết quả bài làm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận, nhận đinh kiến thức trọng tâm. | **3. Đọc và phân tích dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng**  \* Ví dụ 3:  + Viểu đồ biểu diễn thông tin về lượng mưa tại tỉnh Đăk Lắk trong 7 ngày đầu tháng 6 năm 2019.  + Đơn vị thời gian là ngày, đơn vị số liệu là mm.  + Ngày 3/6 lượng mưa cao nhất (12mm).  + Ngày 2/6 lượng mưa thấp nhất (2mm).  + Lượng mưa giảm dần giữa các ngày 1 – 2; 3 – 4; 5 – 6 ; 6 – 7  + Lượng mưa tăng giữa các ngày: 2 – 3; 4 – 5.  \* Thực hành 2:  - Biểu đồ biểu diễn thông tin về lượng mưa trung bình trong các tháng năm 2019 của Thành phố Hồ Chí Minh.  - Đơn vị thời gian là tháng, đơn vị số liệu là mm.  - Tháng 9 lượng mưa cao nhất (342mm)  - Tháng 2 lượng mưa thấp nhất (4mm).  - Lượng mưa tăng dần từ tháng 3 đến tháng 6; từ tháng 8 đến tháng 9.  - Lượng mưa giảm dần từ tháng 6 đến tháng 8; từ tháng 9 đến tháng 12.  \* Vận dụng 2: Nếu quy ước rằng lượng mưa của mỗi tháng trong mùa mưa phải trên 100mm, thi mùa mưa tại Thành phố Hồ Chí Minh thường bắt đầu từ tháng 5nào và đến tháng 11 thì kết thúc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP :**

**a) Mục tiêu:** HS được luyện tập kiến thức phân tích biểu đồ đoạn thẳng

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm bài tập 2 SGK trang 107:

Hãy phân tích biểu đồ đoạn thẳng sau:



**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Giải:

- Biểu đồ trên biểu diễn các thông tin về doanh thu trong 12 tháng của cửa hàng A.

- Đơn thị thời gian là tháng.

- Tháng 12 cửa hàng có doanh thu cao nhất (85 triệu đồng)

- Tháng 5 cửa hàng có doanh thu thấp nhất (50 triệu đồng).

- Doanh thu cửa hàng tăng giữa các tháng 1 – 4; 5 – 6 ; 7 – 8; 10 – 12.

- Doanh thu cửa hàng giảm giữa các tháng 4 – 5; 6 – 7; 8 – 10.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở.

- GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học lập giải bài tập liên quan về biểu đồ đoạn thẳng.

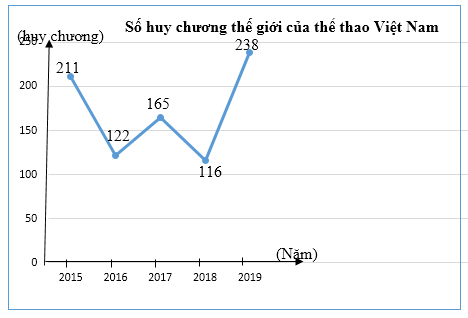
**b) Nội dung:** HS được yêu cầu bài tập sau: Bảng sau thống kê số huy chương thế giới của thể thao Việt Nam

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số huy chương thế giới của thể thao Việt Nam | | | | | |
| Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
| Số huy chương | 211 | 122 | 165 | 116 | 238 |

a// Em hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu có trong bảng trên.

b// Hãy phân tích biểu đồ vừa vẽ.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS**:



b// Phân tích:

- Biểu đồ trên biểu diễn thông tin về số huy chương thế giới của thể thao Việt Nam.

- Đơn vị thời gian là năm.

- Đơn vị số liệu là huy chương.

- Năm 2019 Việt Nam có số huy chương cao nhất.

- Năm 2016 Việt Nam có số huy chương thấp nhất.

**d) Tổ chức thực hiện**

**- GV** giao nhiệm vụ cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- **HS** thực hiện nhiệm vụ, ghi vào vở. GV nhận xét kết quả bài làm của HS.

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm lại bài tập 3 SGK trang 107 .

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 34: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 5**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:**

- Học sinh được ôn tập, hệ thống kiến thức về thu thập và phân loại dữ liệu, cách vẽ biểu đồ hình quạt tròn và biểu đồ đoạn thẳng, cách phân tích biểu đồ hình quạt tròn và biểu đồ doạn thẳng…

- Rèn kĩ năng vẽ biểu đồ dúng, đẹp.

**2. Về năng lực:**

- Học sinh **c**ó cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết các vấn đề toán học thông qua việc giải quyết vấn đề thực tiễn, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học thông qua việc hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện tính trung thực, chăm chỉ, tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, compa

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng, compa.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu**: **HS** hệ thống lí thuyết về biểu đồ hình quạt tròn, biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung: GV** cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau: Em hãy chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Biểu đồ nào sau đây dùng để biểu thị tỉ lệ phần trăm của từng loại số liệu so với toàn thể?

A/ Biểu đồ tranh.

B/ Biểu đồ đoạn thẳng.

C/ Biểu đồ hình chữ nhật.

D/ Biểu đồ hình quạt tròn.

Câu 2: Biểu đồ nào sau đây dùng để biểu thị sự thay đổi của một đối tượng theo thời gian?

A/ Biểu đồ tranh.

B/ Biểu đồ đoạn thẳng.

C/ Biểu đồ hình chữ nhật.

D/ Biểu đồ hình quạt tròn.

**c) Sản phẩm** Câu trả lời của HS:

Câu 1: D

Câu 2: B

**d) Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS** thực hiện nhiệm vụ và trình bày sản phẩm. HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV nhận xét, đánh giá và ghi điểm câu trả lời của học sinh.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên tuyên dương những cá nhân HS làm nhanh và đúng.

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP – LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Học sinh được củng cố ôn tập kiến thức về biểu đồ hình quạt tròn, biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** Thực hiện các bài tập theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm học sinh** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv giao nhiệm vụ cho HS các làm bài tập sau:  **Bài 1/SGK T109:** Bảng thống kê dưới đây biểu diễn dữ liệu về chi tiêu của gia đình bạn Lan. Em hãy phân tích dữ liệu trên theo hai tiêu chí định tính và định lượng.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Mục tiêu chi | Liệt kê chi tiết | Tỉ lệ phần trăm | | Chi tiêu thiết yếu | Ăn, ở đi lại, hóa đơn tiện ích | 50% | | Chi tiêu tài chính | Trả nợ, tiết kiệm dự phòng | 20& | | Chi tiêu cá nhân | Du lịch, giải trí, mua sắm. | 30% |   **Bài 2/SGK T109:** Thống kê điểm kiểm tra môn Toán của 10 HS giỏi Toán lớp 7B, ta được dãy số liệu sau: 8; 8; 8; 8,5; 9; 9; 9; 9,5; 10; 10.  Dữ liệu trên có đại diện cho kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 7B được không?  **Bài 3/SGK T110:** Biểu diễn thông tin từ bảng dữ liệu  - Gạo Japonica thơm, đặc sản : 30%.  - Gạo trắng cấp thấp, trung bình: 20%.  - Gạo có giá trị gia tăng khác: 5%.  - Gạo nếp: 20%.  - Gạo trắng cao cấp: 25%  **Bài 4/SGK T110:** Dựa vào thông tin thu thập từ biểu đồ để trả lời các câu hỏi:    **Bài 5/SGK T110:** Hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn bảng dữ liệu sau:   |  |  | | --- | --- | | Ngày | Số ổ bánh mì bán được tại căng tin | | Thứ hai | 40 | | Thứ ba | 20 | | Thứ tư | 50 | | Thứ năm | 25 | | Thứ sáu | 60 |   **Bài 6/SGK T110:** Hãy phân tích biểu đồ sau:    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện các bài tập trên.  - **GV** quan sát, điều hành lớp  **Bước 3: Báo các, thảo luận**  **GV** cho HS trình bày sản phẩm vào vở, cho HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV nhận định và kết luận kiến thức | **Bài 1/SGK T109:**  Giải:  - Dữ liệu định tính: Mục tiêu chi; liệt kê chi tiết.  - Dữ liệu định lượng: Tỉ lệ phần trăm.  **Bài 2/SGK T109**  Giải  Dữ liệu trên không thể đại diện cho kết quả điểm kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 7B được vì mới chỉ thống kê điểm kiểm tra môn Toán của 10 bạn học sinh giỏi của lớp 7B.  **Bài 3/SGK T110:**  **Bài 4/SGK T110:**  a) Nếu doanh thu của công ty D là 650 tỉ đồng thì doanh thu của công ty B là:  (650 . 26) : 10 = 1 690 (tỉ đồng).  b) Tỉ lệ đóng góp của công ty F nhiều hơn công ty D là:  16 – 10 = 6%  **Bài 5/SGK T110:** Biểu đồ:    **Bài 6/SGK T110**  **-** Đơn vị thời gian là năm.  - Năm 2012 có sản lượng gạo xuất khẩu cao nhất: 7,72 (triệu tấn).  - Năm 2007 có sản lượng gạo xuất khẩu thấp nhất (4,53 triệu tấn)  - Sản lượng gạo xuất khẩu tăng trong khoảng thời gian: 2007 – 2012;2014 – 2015  - Sản lượng gạo xuất khẩu giảm trong khoảng thời gian: 2006 – 2007; 2012 – 2014; 2015 – 2016. |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 35: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG 5 (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:**

- Học sinh được ôn tập, hệ thống kiến thức về thu thập và phân loại dữ liệu, cách vẽ biểu đồ hình quạt tròn và biểu đồ đoạn thẳng, cách phân tích biểu đồ hình quạt tròn và biểu đồ doạn thẳng…

- Rèn kĩ năng vẽ biểu đồ dúng, đẹp.

**2. Về năng lực:**

- Học sinh **c**ó cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết các vấn đề toán học thông qua việc giải quyết vấn đề thực tiễn, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học thông qua việc hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện tính trung thực, chăm chỉ, tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, compa

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng, compa.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tiến trình dạy học**.

**A, B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP – LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Học sinh được củng cố ôn tập kiến thức về biểu đồ hình quạt tròn, biểu đồ đoạn thẳng.

**b) Nội dung:** Thực hiện các bài tập theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm học sinh** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv giao nhiệm vụ cho HS các làm bài tập sau:  **Bài 1/:** Vẽ biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn bảng dữ liệu sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Số lượng con vật nuôi tại nông trại Phong phú | | | | | | Loại con vật | Bò | Lợn | Gà | Thỏ | | Số lượng | 25 | 500 | 100 | 100 |   **Bài 2:** Quan sát biểu đồ sau và trả lời câu hỏi:    **a)** Biểu đồ trên biểu diễn thông tin gì?  b) Đơn vị thời gian là gì?  c) Tháng nào có số liệu cao nhất?  d) Tháng nào có số liệu thấp nhất?  e) Số liệu tăng những khoảng thời gian nào?  f) Số liệu giảm trong khoảng thời gian nào?  **Bài 3:** Biểu diễn thông tin từ bảng dữ liệu  Vẽ biểu đồ biểu diễn dữ liệu trong bảng thống kê sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tổ | Số lượng điểm khá giỏi môn toán của tổ | Tỉ lệ %điểm khá, giỏi của mỗi tổ so với cả lớp | | 1 | 28 | 31 | | 2 | 34 | 38 | | 3 | 28 | 31 | | Tổng | 90 | 100% |   **Bài 4:** Vẽ biểu đồ biểu diễn bẳng số liệu sau:   |  |  | | --- | --- | | Số lượng xe 4 bánh vào bãi đậu xe của chung cư A từ 7 giờ đến 12 giờ | | | 7 giờ | 10 | | 8 giờ | 8 | | 9 giờ | 5 | | 10 giờ | 7 | | 11 giờ | 10 | | 12 giờ | 12 |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện các bài tập trên.  - **GV** quan sát, điều hành lớp  **Bước 3: Báo các, thảo luận**  **GV** cho HS trình bày sản phẩm vào vở, cho HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV nhận định và kết luận kiến thức. | **Bài 1:** Giải:  **Bài 2:** Giải  a) Biểu đồ biểu diễn thông tin về lương mưa trong 12 tháng năm 2021 tại Hà Nội.  b) Đơn vị thời gian là tháng.  c) Tháng 8 có số liệu cao nhất.  d) Tháng 1 có số liệu thấp nhất.  e) số liệu tăng từ tháng 1 đến tháng 8  f) Số liệu giảm từ thắng 8 đến tháng 12.  **Bài 3/SGK T110:**    **Bài 4:** |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 36 : BÀI 5: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**DÙNG BIỂU ĐỒ ĐỂ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TOÁN CỦA LỚP**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức, kĩ năng:**

- Học sinh được thực hành trải nghiệm vận dụng kiến thức thống kê vào việc thu thập, phân loại và biểu diễn dữ liệu trong các tình huống thực tiễn.

- Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn, biểu đồ đoạn thẳng.

**2. Về năng lực:**

- Học sinh **được trải nghiệm và c**ó cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết các vấn đề toán học thông qua việc giải quyết vấn đề thực tiễn, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học thông qua việc hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.

**3. Về phẩm chất:**

**-**  Rèn luyện tính trung thực, chăm chỉ, tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu số:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo, máy latop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng.

**3. Học liệu số:**

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

- Phần mềm vẽ hình Sketchpad.

**III. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** chia lớp thành 6 nhóm nhỏ yêu cầu:  + Mỗi nhóm thông kê số lượng điểm số môn Toán từ 6,5 trở lên của các bạn trong tổ theo từng tháng 9; 10; 11; 12.  + Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn bảng thông kê trên.  - Lớp trưởng thu thập số liệu của các tổ và vẽ biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn tỉ lệ phần trăm số học sinh đạt điểm tốt và khá của từng tổ so với cả lớp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm và trình bày sản phẩm vào phiếu học tập của nhóm  - Lớp trưởng thống kê và trình bày biểu đồ hình quạt tròn lên bảng lớn để thấy tỉ lệ phần trăm của từng nhóm so với cả lớp.  - GV quan sát, hướng dẫn các em trong việc vẽ hình và đo góc.  **Bước 3: Báo các, thảo luận**  - HS trình bày báo cáo sản phẩm của mình trước lớp  - Các nhóm trưởng phân tích biểu đồ báo cáo của nhóm mình.  - Lớp trưởng phân tích biểu đồ báo cáo của lớp  - GV nhận xét, chấm điểm sản phẩm của các em.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV và HS đánh giá và tự đánh giá, nhận xét các hoạt động của cá nhân, của nhóm. | Trình bày trên bảng nhóm: |